

QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM
PHÁP LUẬT
VÀ THỰC THI

PGS. TS. TRẦN VĂN NAM
(Chủ biên)

QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM
PHÁP LUẬT
VÀ THỰC THI

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2014

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Quyển tác giả ở Việt Nam : Pháp luật và thực thi / B.s.: Trần Văn Nam (ch.b.), Trần Văn Hải, Đoàn Đức Lương... - H. : Tư pháp, 2014. - 400tr. ; 21cm

Phụ lục: tr. 323-381. - Thư mục: tr. 382-400

ISBN 9786048102906

1. Pháp luật 2. Quyển tác giả 3. Việt Nam

346.597048 - dc23

TPF0001p-CIP

CHỦ BIÊN

PGS.TS. Trần Văn Nam

CÁC TÁC GIẢ:

1. PGS.TS. Trần Văn Nam

2. PGS.TS. Trần Văn Hải

3. PGS.TS. Đoàn Đức Lương

4. PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

5. TS. Nguyễn Hợp Toàn

6. TS. Phạm Hồng Quát

7. ThS. Nguyễn Anh Tú

8. ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

9. ThS. Trần Thị Hồng Nhung

10. CVC. Tô Văn Long

LỜI GIỚI THIỆU

Khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật và khoa học, đồng thời bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước là chính sách nhất quán của Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã khẳng định “làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả” để phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hiện nay, hầu hết các quan hệ xã hội về quyền tác giả, quyền liên quan đã được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật. Về cơ bản, những quy định này phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, tạo tiền đề cho sự hội nhập. Tuy nhiên, trên thực tế, kết quả của quá trình bảo hộ và thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam chưa được như kỳ vọng. Tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan còn diễn ra ở nhiều lĩnh vực, từ báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, nghệ thuật tạo hình, kiến trúc đến chương trình máy tính. Trong môi trường kỹ thuật số, sản phẩm ghi âm, ghi hình, tín hiệu vệ tinh, chương trình máy tính, xuất bản là các lĩnh vực bị xâm hại nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó

có nguyên nhân về quản lý nhà nước. Do vậy, nghiên cứu pháp luật về quyền tác giả, thực trạng quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả và việc đề xuất một số giải pháp tăng cường thực thi quyền tác giả ở Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Cuốn sách “*Quyền tác giả ở Việt Nam: Pháp luật và thực thi*” do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản được biên soạn bởi tập thể tác giả là các nghiên cứu viên, giảng viên, chuyên gia sở hữu trí tuệ giàu kinh nghiệm đến từ Khoa Luật - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Khoa Luật - Đại học Huế; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Cục Phát triển Doanh nghiệp và Thị trường Khoa học công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hy vọng cuốn sách là một tài liệu tham khảo hữu ích đối với cán bộ, công chức cũng như độc giả từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và sinh viên, học sinh quan tâm đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ và mong nhận được những ý kiến đóng góp để các tác giả tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng cuốn sách này trong lần tái bản.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Hà Nội, tháng 12 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN TÁC GIẢ

1. Khái quát chung về quyền tác giả và pháp luật về quyền tác giả

1.1. Khái niệm quyền tác giả, quyền liên quan

Để làm rõ bản chất việc bảo hộ quyền tác giả, trước tiên cần làm rõ khái niệm về quyền tác giả và một số đặc điểm về quyền tác giả.

Quyền tác giả có thể được tiếp cận theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng. Khoản 2, khoản 3 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung là Luật Sở hữu trí tuệ) quy định: “*Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu; Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu*

vệ tinh mang chương trình được mã hóa”. Trong khuôn khổ cuốn sách này, quyền tác giả được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan.

Về căn cứ phát sinh quyền, quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. Còn quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả.

Về mặt nội dung, quyền tác giả và quyền liên quan luôn bao gồm sự bảo hộ về mặt tài sản (tức là những lợi ích kinh tế do sản phẩm trí tuệ đem lại) và sự bảo hộ về mặt nhân thân tác giả. Ở đây, khi tác giả - người sáng tạo - được bảo hộ thì không có nghĩa là tác giả giấu kín tác phẩm của mình, độc chiếm nó. Bởi về mặt bản chất của các tác phẩm sáng tạo, nếu nó không được khai thác, sử dụng thì nó sẽ chẳng có giá trị và không đem lại lợi ích gì. Việc độc quyền chiếm hữu tài sản trí tuệ sẽ làm cản trở nhu cầu phát triển của xã hội và kìm hãm hoạt động sáng tạo. Nhưng khi khai thác, sử dụng, công khai tác phẩm thì làm phát sinh nhiều vấn đề về mặt lợi ích kinh tế cũng như giá

trị của bản thân tác giả, có thể dẫn đến hạn chế sự sáng tạo. Do đó, khi bảo hộ các quyền tác giả và quyền liên quan phải thực hiện sự bảo hộ trên cả hai mặt là lợi ích kinh tế và giá trị nhân thân, để có thể đạt được mục đích vừa khuyến khích sự sáng tạo, vừa đảm bảo sự phát triển xã hội.

Về mặt giới hạn quyền, cũng xuất phát từ việc phải cân bằng các lợi ích trong xã hội, cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của cộng đồng mà trong quá trình bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, cần phải đặt ra các giới hạn đối với chủ thể của các quyền này. Các giới hạn thường được sử dụng như giới hạn về không gian, giới hạn về thời gian, giới hạn bởi quyền, lợi ích chính đáng của chủ thể khác, giới hạn bởi lợi ích của cộng đồng hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ của chính chủ sở hữu các quyền này phải thực hiện.

Như vậy, *bảo hộ quyền tác giả hiểu một cách chung nhất, là việc Nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập, công nhận và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do họ sáng tạo.*

Bảo hộ quyền tác giả gồm các nội dung:

(i) Xác lập, công nhận quyền tác giả cho các cá nhân, tổ chức;

(ii) Quản lý, sử dụng, khai thác quyền tác giả;

(iii) Bảo vệ quyền tác giả chống lại các hành vi xâm phạm¹.

1.2. Khái quát quá trình hình thành chế định quyền tác giả trên thế giới

Quyền tác giả, quyền liên quan là một trong ba trụ cột của quyền sở hữu trí tuệ. Giống như các lĩnh vực khác của quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả bảo hộ các sản phẩm trí tuệ của con người dưới dạng các tác phẩm văn học và nghệ thuật, bao gồm tác phẩm văn học, âm nhạc, các tác phẩm mỹ thuật như hội họa, điêu khắc, các tác phẩm dựa trên công nghệ như chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu điện tử. Quyền tác giả đã có lịch sử hình thành từ hàng thế kỷ và chính là tiền đề cho sự ra đời và phát triển các quyền liên quan. Quyền liên quan hay còn gọi là quyền kề cận, liên quan mật thiết đến quyền tác giả nhưng không phải là quyền tác giả. Xuất hiện muộn hơn vào cuối những năm 60 của thế kỷ trước do sự phát triển của các công nghệ mới như ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, quyền liên quan tạo ra một số độc quyền giống như quyền tác giả, nhưng không dành cho tác phẩm cụ thể mà mục đích chủ yếu của quyền liên quan là nhằm bảo hộ các lợi ích hợp pháp của những cá nhân và tổ chức có những đóng góp đáng kể về kỹ

¹ *Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2010, tr. 13. Chủ nhiệm đề tài: TS. Vũ Thị Hải Yến.

năng sáng tạo, kỹ thuật và tổ chức trong việc sử dụng, khai thác và đưa tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đến với công chúng. Do đó, quyền tác giả và quyền liên quan chính là động lực thúc đẩy hoạt động lao động sáng tạo của các tổ chức và cá nhân, nhằm cống hiến cho nhân loại các giá trị văn học, nghệ thuật và khoa học đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của con người, đồng thời làm cơ sở cho sự phát triển đời sống văn hóa - kinh tế - xã hội.

Trong lịch sử phát triển của loài người, ngay từ khi xã hội loài người mới phát triển ở trình độ sơ khai nhất, con người đã cho ra đời rất nhiều sáng tạo tinh thần trên mọi lĩnh vực. Thế nhưng mãi đến khoảng thế kỷ thứ XV, hệ thống pháp luật mới bắt đầu ghi nhận những quyền này. Ở thời kỳ cổ đại và trung cổ, pháp luật mới chỉ ghi nhận quyền sở hữu đối với những vật mang (chứa đựng) tác phẩm trí tuệ, ví dụ như pháp luật cấm hành vi trộm cắp một cuốn sách (vật chứa đựng) chứ không cấm việc sao chép nội dung của cuốn sách (là tác phẩm trí tuệ). Vì thế việc tác phẩm của một tác giả, nghệ sỹ nào đó bị sao chép, rồi bị thay đổi là chuyện thường xảy ra, thậm chí có những tác phẩm được đồng thời cho là của nhiều tác giả khác nhau. Những tác giả thực sự chỉ có thể tự bảo vệ tác phẩm - “đưa con tinh thần của mình” - bằng cách gắn “lời nguyện” vào cuốn sách để tránh việc bị sao chép.

Khi phát minh in ra đời (năm 1440) thì các tác phẩm văn học, nghệ thuật ngày càng bị sao chép nhiều hơn. Mặc dù các tác giả được nhà xuất bản trả tiền nhuận bút nhưng họ phải đối mặt với vấn đề tác phẩm bị sao chép nhiều hơn. Các nhà in, nhà xuất bản khác (những người không trả tiền nhuận bút) vẫn in lại tác phẩm này, những bản in lại không kỹ lưỡng, có thể có lỗi và bị sửa đổi, gây ảnh hưởng đến uy tín của tác giả, đồng thời cũng gây ra tổn thất kinh tế cho những nhà xuất bản có trả tiền nhuận bút. Và do đó, các nhà xuất bản (đã trả tiền nhuận bút cho tác giả) đã tác động đến những người đứng đầu chính quyền để “xin đặc quyền” đối với tác phẩm do mình in. Những người đứng đầu chính quyền cũng nhận thức được lợi ích mà họ được hưởng từ việc này nên họ đã đưa ra quy định “cấm việc in lại một tác phẩm trong một thời gian nhất định”. Tuy nhiên, quy định cấm này mới chỉ có ý nghĩa đối với những nhà xuất bản, theo đó thì họ được phép độc quyền kinh doanh khi họ đã trả nhuận bút cho tác giả, còn đối với các tác giả thì họ vẫn chưa được đảm bảo quyền sở hữu đối với tác phẩm trí tuệ của mình.

Đến giữa thế kỷ XVI, với sự phát triển của phong trào phục hưng, các quyền tự do của con người dần dần trở nên quan trọng, vì thế “đặc quyền tác giả” cũng được chính quyền ở nhiều nơi “ban phát” để thưởng cho những người sáng tạo ra tác phẩm. Việc làm này có mục đích là để khuyến khích sự

sáng tạo cá nhân, do đó, các đặc quyền tác giả trong thời kỳ này mới hướng đến bảo vệ quyền nhân thân của tác giả mà chưa mang lại và đảm bảo cho tác giả các quyền tài sản đối với các tác phẩm trí tuệ.

Một bước tiến dài hơn ở đầu thế kỷ XVIII là sự ra đời của Luật Bản quyền hoàn chỉnh ở Anh. Đây là đạo luật lần đầu tiên ghi nhận quyền “độc quyền sao chép của tác giả”, và tác giả có thể nhượng lại quyền này cho nhà in trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận. Tiếp sau đó, một loạt những quy định tương tự như vậy đã được đưa vào trong các đạo luật của các nước như Pháp, Đức, Hoa Kỳ và nhiều nước khác. Cho đến nay, quyền tác giả đã được ghi nhận một cách rộng rãi ở các quốc gia trên khắp thế giới. Tuy nhiên, do ảnh hưởng sự tồn tại của hệ thống luật lục địa và hệ thống thông luật cho nên việc bảo hộ quyền đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật cũng theo hai xu hướng: Pháp luật về quyền tác giả (Author's Rights) của hệ thống luật lục địa (Pháp, Đức...) chú trọng bảo vệ lợi ích của các tác giả và các quyền dành cho các tác giả được đặt ở vị trí trung tâm và pháp luật về bản quyền (Copyright) của hệ thống thông luật (Anh, Hoa Kỳ, Úc...) tập trung bảo vệ các nhà đầu tư, nhà xuất bản đối với độc quyền sao chép. Cùng với xu thế hội nhập quốc tế, các quốc gia đã nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng hệ thống các điều ước quốc tế

nhằm hài hòa hóa sự bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan giữa các nước khác nhau.

1.3. Lịch sử phát triển pháp luật về quyền tác giả tại Việt Nam

Do hoàn cảnh lịch sử, trình độ phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội, cũng như do đặc điểm văn hóa dân tộc, truyền thống lập pháp nên hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hình thành khá muộn so với nhiều nước trên thế giới. Hậu quả của chiến tranh và chính sách kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã khiến những quy định pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong cả một thời kỳ dài đã rất lạc hậu với đặc trưng là tính bảo hộ thấp.

Khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới nền kinh tế, mở cửa hội nhập với thế giới, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung và hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói riêng đã từng bước được hoàn thiện, bắt kịp với những tiến bộ của thế giới.

So với một số quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả được pháp luật Việt Nam ghi nhận muộn hơn. Quyền tác giả lần đầu tiên được ghi nhận vào năm 1986, trong Nghị định số 142/HĐBT ngày 14/11/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về quyền tác giả. Tuy vậy, những quy định về quyền tác giả lúc này chủ yếu thể hiện dưới hình thức chế độ kiểm duyệt mà

không có những quy định bảo vệ quyền của tác giả đối với tác phẩm, cũng như bảo đảm các lợi ích kinh tế cho tác giả.

Đến năm 1994, sau gần mười năm thực hiện chủ trương đổi mới nền kinh tế, đất nước ta đã có những bước phát triển đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt. Cùng với đó, đội ngũ các tác giả, những người hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo, nghệ thuật cũng được “cởi trói”, kéo theo nhu cầu được bảo hộ quyền tác giả. Tất cả những biến đổi đó đã tác động đến hệ thống pháp luật bảo vệ sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ quyền tác giả nói riêng. Đáp ứng những yêu cầu trong tình hình mới, ngày 10/12/1994, Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành. Pháp lệnh này đã đưa ra những quy định chi tiết về các quyền và nghĩa vụ của tác giả và chủ sở hữu tác phẩm. So với Nghị định số 142/HĐBT ngày 14/12/1986 thì Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả năm 1994 là một bước tiến đáng kể.

Tiếp đó, năm 1995, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự, đồng thời với các chế định khác (như chế định về quyền sở hữu, về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, trách nhiệm dân sự, thừa kế...), chế định quyền sở hữu trí tuệ cũng được ghi nhận trong Bộ luật này. Đây là lần đầu tiên thuật ngữ “sở hữu trí tuệ” được sử dụng chính thức trong một văn bản quy phạm pháp

luật có hiệu lực pháp lý cao. Có thể nói quan điểm đối với các kết quả sáng tạo của cá nhân đã được đổi mới và ghi nhận trong các quy định pháp luật. Trong Phần thứ VI của Bộ luật Dân sự năm 1995 đã xác định quyền sở hữu trí tuệ gồm hai bộ phận là quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tiếp sau Bộ luật Dân sự năm 1995, nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ đã được ban hành để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đối với các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, giúp cho những quy định có tính chất nguyên tắc về quyền sở hữu trí tuệ trong Bộ luật Dân sự năm 1995 được thực hiện trong cuộc sống. Đối với lĩnh vực quyền tác giả, ngày 29/11/1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76-CP hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự.

Những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, hệ thống pháp luật quốc tế về sở hữu trí tuệ ngày càng phát triển và mở rộng. Không nằm ngoài xu hướng đó, Nhà nước Việt Nam cũng đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia về sở hữu trí tuệ với quyết tâm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Trước thời điểm năm 2005, hệ thống các quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã được đánh giá là khá đầy đủ và căn bản phù hợp với Hiệp định TRIPS của WTO, tuy nhiên chúng lại được sắp xếp chưa hợp lý, nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật, giá trị hiệu lực pháp lý chưa cao do phần lớn các

văn bản quy định về vấn đề này là văn bản dưới luật, dẫn đến hiệu quả thực thi thấp.

Năm 2005, với sự ra đời của Bộ luật Dân sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006) và Luật Sở hữu trí tuệ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006) đã đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển của hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Sự ra đời của hai văn bản quy phạm pháp luật trên là kết quả tất yếu của những nỗ lực đổi mới, phát triển đất nước, đáp ứng những yêu cầu của quá trình hội nhập. Những quy định về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng trong Bộ luật Dân sự năm 2005 là những quy định có tính nguyên tắc, định hướng, nhằm bảo đảm về mặt pháp lý cho các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện các quyền dân sự bình đẳng với các chủ thể trong các quan hệ dân sự khác. Tiếp đó, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã điều chỉnh thống nhất và toàn diện các quan hệ về sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành một loạt các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ.

Năm 2009, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, những sửa đổi, bổ sung này nhằm làm cho hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ phù hợp hơn với tình hình thực tế, tương thích với nội dung các điều ước quốc tế đa phương, bảo vệ lợi ích của các tổ chức, cá

nhân Việt Nam trong quá trình hội nhập. Ngoài ra, tại Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản văn hoá, Luật Điện ảnh, Luật Hải quan, Luật Quảng cáo... cũng có một số điều, khoản quy định về quyền tác giả, nhằm tăng cường quản lý ở các lĩnh vực đặc biệt quan trọng này.

Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của tất cả các quốc gia. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ đã tạo ra cơ sở pháp lý chung cho các quốc gia, góp phần đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ chặt chẽ quyền sở hữu trí tuệ. Việt Nam cũng đã ký kết nhiều điều ước quốc tế song phương để thiết lập quan hệ, bảo vệ quyền tác giả trong đó phải kể đến như là Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (có hiệu lực thi hành tại Việt Nam từ ngày 10/12/2001), Hiệp định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam và Liên bang Thụy Sĩ (có hiệu lực thi hành tại Việt Nam từ năm 2000)...

Bên cạnh đó, Việt Nam đã là thành viên của nhiều điều ước quốc tế khác. Đầu tiên phải kể đến Công ước về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật được ký tại Berne (Thụy Sĩ) năm 1886 (thường gọi là Công ước Berne) lần đầu tiên thiết lập và bảo vệ quyền tác giả giữa các quốc gia có chủ quyền (ngày 26/7/2004, Việt Nam gia nhập Công ước Berne và ngày 26/10/2004, Công ước chính thức có

hiệu lực đối với Việt Nam); Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng năm 1961 (Việt Nam gia nhập năm 2007); Công ước Brussels liên quan đến việc phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình truyền qua vệ tinh năm 1974 (Việt Nam gia nhập năm 2006); Công ước Geneve về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm, chống sao chép không được phép bản ghi âm của họ năm 1971 (Việt Nam gia nhập năm 2005); Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) năm 1994 (Việt Nam gia nhập năm 2007). Hiệp định TRIPS đã quy định nguồn thống nhất về các nghĩa vụ tối thiểu của các quốc gia đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Bên cạnh các quy định chung đối với các quyền sở hữu trí tuệ tại Phần I, Hiệp định TRIPS đưa ra các quy định về bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan tại Phần II (từ Điều 9 đến Điều 14). Việc bảo hộ dựa trên Công ước Berne, song một số nội dung cụ thể được bổ sung tại các điều như bảo hộ chương trình máy tính và sưu tập dữ liệu; quyền cho thuê; thời hạn bảo hộ; hạn chế và ngoại lệ...

Như vậy, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và về quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng của Việt Nam đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển không ngừng. Từ chỗ lạc hậu, tính bảo hộ thấp ở giai đoạn

đầu khi ra đời, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ đã dần từng bước hoàn thiện và trở nên phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng đòi hỏi tất yếu của đời sống xã hội Việt Nam, góp phần thiết thực và hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền tác giả

2.1. Tác phẩm

Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ, thì “*tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào*”. Quy định này hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 2 Công ước Berne: “*Thuật ngữ “Các tác phẩm văn học và nghệ thuật” bao gồm tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, tập in nhỏ và các bản viết khác, các bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm cùng loại;...*”

Tác phẩm - với tư cách là đối tượng của quyền tác giả - thì việc chỉ ra các đặc điểm để nó được bảo hộ là cần thiết.

Trước tiên, tác phẩm phải là sự sáng tạo trực tiếp của con người, bởi vậy tác phẩm phải mang dấu ấn cá nhân của con người/từng con người cụ thể. Chủ thể của hoạt động

sáng tạo là các tác giả (con người cụ thể) thông qua quá trình hoạt động của trí não, kinh nghiệm của bản thân và các yếu tố hỗ trợ khác tạo ra thành quả chính là tác phẩm. Sự lao động sáng tạo trong lĩnh vực khoa học có những khám phá mới về đời sống xã hội, khám phá về cuộc sống, con người, phát hiện những chủ đề mới, nhân vật mới hay vấn đề mới thể hiện tính sáng tạo, tính độc đáo trong quan niệm, phương thức biểu hiện tư tưởng hay tình cảm. Vì vậy, tác phẩm hết sức đa dạng và phong phú, chứa đựng những giá trị tinh thần. Thời gian sáng tạo ra tác phẩm có thể dài, ngắn, phụ thuộc vào hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh của bản thân tác giả. Tác phẩm làm cho công chúng tiếp nhận được những nội dung tư tưởng, tình cảm nhất định hay nói cách khác là thể hiện dấu ấn của cá nhân. Tuy nhiên, ngoài những giá trị tinh thần thì tác phẩm còn có khả năng mang lại những giá trị kinh tế - thương mại nên cần thiết phải có sự bảo hộ đặc biệt.

Tác phẩm âm nhạc, bài hát “Tình ca” của nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác vào năm 1957 trong hoàn cảnh rất đặc biệt lúc đó, nhạc sỹ là người con miền Nam tập kết ra miền Bắc và đang sống ở thủ đô Hà Nội. Trong một lần nhận được thư của người vợ yêu quý ở miền Nam ruột thịt, ông thật bất ngờ lá thư từ người vợ gửi khi đến được tay ông phải qua một thời gian dài, vượt qua hàng trăm ngàn cây số. Thư gửi từ quê ông

đến Sài Gòn, chuyển qua Băng Cốc (Thái Lan), rồi được chuyển sang Pari (Pháp), cuối cùng mới chuyển về Hà Nội và đến tay nhạc sỹ Hoàng Việt.

Bản “Tình ca” được sáng tác trong hoàn cảnh đó, cho dù hiện nay công chúng không phải ai cũng biết hoàn cảnh ra đời, nhưng “Tình ca” để lại trong lòng người yêu nhạc những tình cảm tốt đẹp như một lời nhắn nhủ, cảm xúc bồi hồi xao xuyến, chung thủy đợi chờ của những lứa đôi yêu nhau xa cách trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ.

Thứ hai, tác phẩm phải là sản phẩm trí tuệ do con người sáng tạo chứ không chỉ đơn thuần là các dạng sản phẩm chỉ được hình thành bằng kết quả lao động của con người mà không chứa đựng một hàm lượng chất xám nhất định.

Thứ ba, tác phẩm là sản phẩm trí tuệ nguyên gốc mang đặc trưng riêng biệt của người sáng tạo.

Công ước Berne, Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ quy định tác phẩm bảo hộ phải là tác phẩm gốc. Tác phẩm gốc là tác phẩm có xuất xứ trực tiếp từ quá trình lao động của tác giả mà không phải sao chép từ một tác phẩm đã có. Việc xác định tác phẩm “gốc” trong từng lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật dựa trên các căn cứ thể hiện quá trình lao động sáng tạo của tác giả, những điểm riêng thể hiện “chất riêng” do tác giả sáng tạo ra. Thực tế,

có những trường hợp sao chép mà tác phẩm gốc và tác phẩm sao chép tương tự như nhau hoặc giống nhau dẫn đến việc người bình thường không thể nhận thấy (lĩnh vực nghệ thuật). Để xác định tác phẩm gốc thì chính tác giả hoặc người có chuyên môn sâu về lĩnh vực đó mới thực hiện được.

Tiêu chí để xác định một tác phẩm gốc dựa trên cơ sở:

(i) nếu tác phẩm chứa đựng sự sao chép từ một hoặc một số tác phẩm có trước mà dấu ấn cá nhân hoặc tính cách riêng của tác giả không còn thể hiện trong tác phẩm nữa thì tác phẩm không coi là tác phẩm gốc; (ii) nếu toàn bộ hoặc một phần quan trọng của một tác phẩm có trước và đang được bảo hộ bị chiếm đoạt để sử dụng trong một tác phẩm khác, tức là bị sao chép sang một tác phẩm khác thì trong trường hợp này có sự xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm trước đó. Trong cuộc sống có thể tồn tại một đối tượng, một chủ đề nhưng mỗi người phản ánh đối tượng đó, chủ đề đó bằng cách riêng mang đặc trưng riêng biệt của mình, hay nói cách khác tác phẩm phải mang dấu ấn cá nhân của người sáng tạo ra nó chứ không phải là sản phẩm sao chép của người khác. Ví dụ, với chủ đề “*hình tượng người chiến sỹ an ninh trong thời kỳ đổi mới*” có thể có nhiều tác phẩm âm nhạc khác biệt nhau, nhiều tiểu thuyết khác biệt nhau... phản ánh chủ đề đó.

Do vậy, xem xét tính nguyên gốc để phân biệt với bản gốc của tác phẩm (bản thảo viết tay hoặc tranh) hoặc để phân biệt bản gốc với những tác phẩm phái sinh. Hiện nay, sự sao chép tác phẩm diễn ra hết sức tinh vi nhằm mục đích lấy tên tuổi để kinh doanh thu lợi nhuận diễn ra khá phổ biến và công khai. Nhiều tạp chí, sách báo, tài liệu sử dụng toàn văn các tác phẩm của người khác với mục đích kinh doanh mà không trích dẫn nguồn, không xin phép và không trả nhuận bút. Việc vi phạm bản quyền do tác phẩm bị sao chép đa dạng, phức tạp xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó một phần do các tác giả ít quan tâm đến việc đăng ký bảo hộ bản quyền nhất là các tác giả nổi tiếng, có nhiều tác phẩm có giá trị; mặt khác vì mục đích lợi nhuận, các cá nhân, tổ chức cố tình vi phạm dù biết rằng có bị kiện cũng không thể giải quyết và xử lý dứt điểm ngay mà qua nhiều cấp giải quyết.

Mặc dù đã có các tiêu chí xác định tác phẩm mang tính nguyên gốc nhưng khi có tranh chấp, tác giả phải chứng minh tác phẩm được sáng tạo độc lập hoặc nếu có sử dụng tác phẩm của người khác thì phải chỉ rõ phần sử dụng này để có thể xác định tính nguyên gốc của tác phẩm của mình và đảm bảo quyền của tác giả khác.

Trong thực tế các nhà khoa học, các văn nghệ sỹ... chỉ quan tâm đến thành quả lao động cuối cùng là tác phẩm khoa học, văn học, nghệ thuật mà ít quan tâm đến các căn cứ,

chứng cứ chứng minh tính nguyên gốc trong quá trình sáng tạo tác phẩm (bản thảo, bản nháp, xác nhận, ghi nhận ý tưởng sáng tạo...) nên nhiều trường hợp khi bị sao chép hoặc bị đăng ký bảo hộ trước nhưng hoàn toàn không có các căn cứ chứng minh đó là tác phẩm gốc của mình.

Ví dụ về trường hợp sao chép tinh vi các tác phẩm trong lĩnh vực mỹ thuật:

Hãng đấu giá Sotheby's (Anh) dự định bán đấu giá tại Hồng Kông 05 bức tranh nổi tiếng của danh họa Bùi Xuân Phái gồm: Phác thảo, Chèo, Phố, Cảnh phố và Mèo đỏ. Tuy nhiên họa sỹ Bùi Thanh Phương (con trai của cố họa sỹ Bùi Xuân Phái) chỉ công nhận bức Mèo đỏ vẽ nhân dịp Tết Đinh Mão (1987) là tranh gốc còn lại bốn bức là sao chép.

Ông Phương nêu ra những đặc trưng tranh của họa sỹ Bùi Xuân Phái mà bức tranh giả không thể bắt chước. Cụ thể, để diễn đạt cảm xúc mãnh liệt đồng thời thể hiện kỹ thuật điêu luyện, họa sỹ Bùi Xuân Phái dùng bay hoặc dao chử ít khi dùng cọ. Vì vậy, bề mặt tranh của ông thường gồ ghề chứ không nhẵn. Vẽ Phố hay vẽ Chèo, họa sỹ không sa vào miêu tả, ông thường lược bỏ những chi tiết vụn vặt để tạo ấn tượng cho tổng thể.

Thứ tư, tác phẩm mang đặc tính vô hình, nên việc chiếm hữu tác phẩm (kể cả chiếm hữu bản gốc của tác phẩm) cũng

không thể là một trong các yếu tố xác nhận quyền sở hữu của người chiếm hữu tác phẩm.

Thứ năm, tác phẩm được thể hiện thông qua một dạng vật chất nhất định, hay nói cách khác tác phẩm phải được định hình trong một “phương tiện thể hiện” cụ thể. Theo khoản 1 Điều 739 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ thì quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký.

Dạng vật chất nhất định mà tác phẩm định hình được hiểu là thông qua đó công chúng biết đến sự tồn tại của tác phẩm. Thuật ngữ “công chúng” vừa nêu là con người, nhưng con người này khác biệt với người sáng tạo nên tác phẩm, trong một nghĩa nào đó còn khác biệt với người thân của người sáng tạo nên tác phẩm. Do đó, công chúng không thể là tác giả, vợ (chồng), con, bố, mẹ... của tác giả. Dạng vật chất nhất định mà tác phẩm được định hình có thể là chữ viết/các ký hiệu khác chữ viết, màu sắc... trên giấy/các chất liệu khác giấy, có thể là hình khối trên các chất liệu khác nhau, có thể là âm thanh, hình ảnh trên các chất liệu khác nhau. Khó có thể liệt kê tất cả dạng vật chất mà tác phẩm được định hình.

Cần phải phân tích sâu thêm dạng vật chất nhất định mà tác phẩm định hình, được hiểu là thông qua đó công chúng biết đến sự tồn tại của tác phẩm. Việc công chúng nhận biết sự tồn tại của tác phẩm được hiểu là trực tiếp nhận biết và gián tiếp nhận biết. Trực tiếp nhận biết thông qua các giác quan: đọc bài thơ, nhìn bức tranh, nghe bản nhạc/bài thơ, sờ bức tượng... Nhưng bản nhạc được định hình trên đĩa CD thì công chúng không thể trực tiếp nhận biết sự tồn tại của tác phẩm mà phải gián tiếp thông qua thiết bị trung gian.

Ngoài ra, tác phẩm phải là duy nhất và khác biệt với các tác phẩm khác, thậm chí là khác biệt so với tác phẩm của chính người sáng tạo nên tác phẩm đang xem xét. Kết quả sáng tạo của tác giả dưới hình thức nhất định tạo nên sự phong phú, đa dạng của tác phẩm được bảo hộ. Việc sao chép rập khuôn theo lối mòn không được bảo hộ. Kết quả sáng tạo của tác phẩm trong từng lĩnh vực xác định dựa trên cơ sở đánh giá của các nhà chuyên môn gắn với “sự sáng tạo của tác giả”. Xác định tính “mới” tùy thuộc vào từng yêu cầu của tác phẩm hay lĩnh vực nhất định, có những trường hợp chỉ là sự sắp đặt, tuyển chọn lại những tác phẩm đang tồn tại và được bảo hộ (tuyển tập truyện ngắn, tuyển tập thơ, nghệ thuật sắp đặt...). Tác phẩm được bảo hộ mà không phụ thuộc vào mục đích, ý nghĩa, nội dung, giá trị của tác phẩm.

Từ các phân tích trên đây, có thể định nghĩa tác phẩm như sau:

Tác phẩm là các sản phẩm trí tuệ do cá nhân/những cá nhân trực tiếp sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học được thể hiện bằng bất kỳ phương thức hay hình thức nào thông qua một dạng vật chất nhất định.

2.2. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ

Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm:

- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác (chữ nổi cho người khiếm thị, ký hiệu tốc ký và các ký hiệu tương tự khác mà các đối tượng tiếp cận có thể sao chép được bằng nhiều hình thức khác nhau).

- Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác là loại hình tác phẩm thể hiện bằng ngôn ngữ nói và phải được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định.

- Tác phẩm báo chí bao gồm các thể loại như phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc phương tiện khác.

- Tác phẩm âm nhạc là tác phẩm được thể hiện dưới dạng nốt trong bản nhạc hoặc các ký tự âm nhạc khác có hoặc không có lời, không phụ thuộc vào việc trình diễn hay không trình diễn.

- Tác phẩm sân khấu là tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật biểu diễn bao gồm kịch (kịch nói, nhạc vũ kịch, ca kịch, kịch câm), xiếc, múa, múa rối và các loại hình tác phẩm sân khấu khác.

- Tác phẩm điện ảnh là những tác phẩm được hợp thành bằng hàng loạt hình ảnh liên tiếp tạo nên hiệu ứng chuyển động kèm theo hoặc không kèm theo âm thanh, được thể hiện trên một chất liệu nhất định và có thể phân phối, truyền đạt tới công chúng bằng các thiết bị kỹ thuật, công nghệ, bao gồm loại hình phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và các loại hình tương tự khác.

- Tác phẩm tạo hình là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục như: hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện tương tự, tồn tại dưới dạng độc bản. Riêng đối với loại hình đồ họa, có thể được thể hiện tới phiên bản thứ 50, được đánh số thứ tự có chữ ký của tác giả.

- Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục với tính

năng hữu ích có thể gắn liền với một đồ vật hữu ích, được sản xuất hàng loạt bằng tay hoặc bằng máy như: biểu tượng, hàng thủ công mỹ nghệ, hình thức thể hiện trên sản phẩm, bao bì sản phẩm.

- Tác phẩm nhiếp ảnh là tác phẩm thể hiện hình ảnh của thế giới khách quan trên vật liệu bắt sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra hay có thể được tạo ra bằng bất cứ phương pháp kỹ thuật nào (hóa học, điện tử hoặc phương pháp khác).

- Tác phẩm kiến trúc là các bản vẽ thiết kế dưới bất kỳ hình thức nào thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình xây dựng, quy hoạch không gian (quy hoạch xây dựng) đã hoặc chưa xây dựng. Tác phẩm kiến trúc bao gồm các bản vẽ thiết kế về mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn. Đối với mô hình, sa bàn về ngôi nhà, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian được coi là tác phẩm kiến trúc độc lập.

- Bản họa đồ, sơ đồ, bản vẽ bao gồm họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ có liên quan đến địa hình, các loại công trình khoa học và kiến trúc.

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là các sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá - xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng các mô phỏng hoặc bằng cách khác. Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian bao gồm truyện, thơ, câu đối, điệu hát, làn điệu âm nhạc, điệu múa, vở diễn, nghi lễ và các trò chơi; sản phẩm nghệ thuật đồ họa, hội họa, điêu khắc, nhạc cụ, hình mẫu kiến trúc và các loại hình nghệ thuật khác được thể hiện dưới bất kỳ hình thức vật chất nào.

Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hiểu là sự bao hàm các sản phẩm chứa đựng các yếu tố đặc thù của di sản nghệ thuật, được duy trì và phát triển bởi một cộng đồng trong nước, hoặc bởi các cá nhân phản ánh các tác phẩm văn học, nghệ thuật truyền thống của một cộng đồng. Có thể hình dung các đối tượng này ở bốn nhóm cơ bản hay nói theo cách khác là bốn hình thức của “hình thức” thể hiện văn học, nghệ thuật dân gian là:

+ Loại hình thức thể hiện bằng ngôn ngữ (lời nói) bao gồm truyện, thơ, câu đối dân gian;

+ Loại hình được thể hiện bằng âm nhạc (nhạc) gồm bài hát và nhạc cụ dân gian;

+ Loại hình được thể hiện bằng hành động (qua ngôn ngữ

hành động) bao gồm các điệu múa, vở kịch và nghi lễ nghệ thuật dân gian;

+ Loại biểu đạt lồng trong một vật thể, có thể nhận thấy qua xúc giác bởi lẽ nó tồn tại dưới dạng hữu hình, bao gồm các bức tranh vẽ, tượng, tác phẩm điêu khắc, đồ gốm, khảm; mộc, tác phẩm kim loại, đá quý, dệt, thảm, trang phục, nhạc cụ và các hình mẫu kiến trúc dân gian. Đối với loại hình này, tác phẩm vật thể nên nhất thiết phải được thể hiện bằng một chất liệu tồn tại hữu hình².

Đối với ba loại hình đầu nêu trên không nhất thiết đưa về dưới dạng vật chất, ngôn từ không cần phải viết ra, âm nhạc không cần phải tồn tại dưới dạng nốt nhạc, ký âm. Các hình thức thể hiện bằng hình thể (như múa) cũng không mô tả bằng văn bản, viết ra dưới dạng ký tự múa.

Tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và đảm bảo giữ gìn các giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. Sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là việc nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. Tuy nhiên, người sử dụng phải dẫn chiếu xuất xứ của tác phẩm

² Vũ Mạnh Chu, *Sáng tạo văn học nghệ thuật và quyền tác giả ở Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.21.

thông qua việc chỉ ra địa danh của cộng đồng dân cư nơi tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hình thành. Đây là một việc khá khó khăn vì nhiều tác phẩm văn học, dân gian được định hình từ nhiều địa phương, vùng, miền khác nhau và đặc biệt là thường có các dị bản ở các địa phương khác nhau.

Pháp luật cũng quy định người sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian phải thỏa thuận trả thù lao cho người lưu giữ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian và được hưởng quyền tác giả đối với phần nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu của mình. Sự phân biệt bản gốc và bản sao chép đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn, đồng thời sự thỏa thuận thù lao dựa trên cơ sở giá trị của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian và mục đích sử dụng của người sưu tầm, giới thiệu. Trong trường hợp sưu tầm để kinh doanh, xuất bản vì mục đích kinh doanh hoặc theo các đề tài nghiên cứu thì người nghiên cứu, sưu tầm có kinh phí trả thù lao theo quy định. Tuy nhiên, có những trường hợp việc sưu tầm, nghiên cứu chỉ mang tính chất học thuật nên rất khó khăn để thực hiện quy định này. Ví dụ, trường hợp sinh viên và giáo viên khoa Ngữ văn của một trường đại học, cao đẳng sư phạm đi thực tập sưu tầm, giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu trong nhà trường. Vì vậy, trong những trường hợp để phục vụ cho hoạt động giáo dục, minh hoạ

trong các công trình nghiên cứu... người cung cấp không được hưởng thù lao nhưng người sưu tầm, nghiên cứu không được cắt xén làm biến đổi tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.

- Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện nào mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể. Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm văn học dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy. Mã nguồn được hiểu trong tin học là một dãy các câu lệnh được viết bằng một ngôn ngữ lập trình. Mã nguồn thường được lưu trong một hoặc một vài tệp văn bản hoặc có thể được in trong sách. Thuật ngữ này thường được dùng trong ngữ cảnh của một phần mềm máy tính. Mã nguồn của một chương trình máy tính là một tập các tệp có thể chuyển đổi được từ dạng con người có thể đọc sang dạng máy có thể thực hiện. Mã nguồn được dịch sang dạng tệp mã máy tương ứng với một kiến trúc máy tính cụ thể bởi một trình biên dịch, hoặc được thực hiện thẳng với sự trợ giúp của một trình thông dịch.

Những nội dung này tương tự với những quy định tại Điều 4 Chương II - Quyền sở hữu trí tuệ của Hiệp định

Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và khoản 1 Điều 10 của Hiệp định TRIPS: “Các chương trình máy tính, dù dưới dạng mã nguồn hay mã máy, đều phải được bảo hộ như tác phẩm văn học theo Công ước Berne (1971)”.

- Suu tập dữ liệu là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở sự tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác, ví dụ: Cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam... Việc bảo hộ quyền tác giả đối với suu tập dữ liệu không bao hàm chính các tư liệu đó, không gây phương hại đến quyền tác giả của chính tư liệu đó. Phù hợp với khoản 2 Điều 10 của Hiệp định TRIPS, các suu tập dữ liệu được bảo hộ về hình thức thể hiện, không bảo hộ về bản thân các dữ liệu. Trong trường hợp các dữ liệu được bảo hộ quyền tác giả thì người làm suu tập dữ liệu phải có nghĩa vụ đối với tác giả tác phẩm gốc trước khi thực hiện các suu tập.

Việc kế thừa các tác phẩm đã tồn tại, các nghiên cứu đi trước trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học là một trong các yếu tố thúc đẩy sự phát triển của tài sản trí tuệ. Tác phẩm phái sinh là một trong các dạng tác phẩm thực hiện việc kế thừa vừa nêu, đồng thời tác phẩm phái sinh cũng là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả. Khoản 3 Điều 2 Công ước Berne đã quy định về tác phẩm phái sinh: “Các tác phẩm dịch, mô phỏng, chuyển nhạc và các chuyển

thể khác từ một tác phẩm văn học nghệ thuật đều được bảo hộ như các tác phẩm gốc, miễn không phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc”. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được hình thành trên cơ sở một/những tác phẩm đã tồn tại. Để đảm bảo tính nguyên gốc của tác phẩm phái sinh thì nhất thiết tác phẩm phái sinh không phải là bản sao của tác phẩm gốc.

Tác phẩm phái sinh thường được thể hiện dưới các dạng sau đây:

- Tác phẩm dịch;
- Tác phẩm chuyển thể là tác phẩm được hình thành từ tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu hoặc điện ảnh, từ sân khấu thành điện ảnh hoặc ngược lại;
- Tác phẩm suu tập;
- Tác phẩm tuyển chọn;
- Tác phẩm hợp tuyển;
- Tác phẩm cải biên;
- Tác phẩm biên soạn, chú giải;
- Tác phẩm phóng tác;...

Tóm lại, pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh khi chúng đảm bảo những điều kiện sau đây:

- Trước hết, tác phẩm phái sinh chỉ được hình thành trên cơ sở một/những tác phẩm đã tồn tại. Tác phẩm đã tồn tại có thể còn thời hạn hoặc hết thời hạn bảo hộ quyền tác giả. Tác phẩm gốc phải là tác phẩm mà người sáng tạo tác phẩm phái sinh dựa trên nền của nó để sáng tạo tác phẩm của mình, do đó tác phẩm hỗ trợ tác giả trong quá trình sáng tạo tác phẩm phái sinh thì không được coi là tác phẩm gốc. Ví dụ, không coi từ điển là tác phẩm gốc khi tác giả tác phẩm phái sinh tra cứu từ điển trong quá trình dịch tác phẩm gốc. Như vậy, việc bảo hộ tác phẩm phái sinh có liên quan đến việc bảo hộ tác phẩm gốc, để một tác phẩm phái sinh được bảo hộ quyền tác giả thì điều kiện tiên quyết là không phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

- Tác phẩm phái sinh phải đảm bảo tính nguyên gốc. Nguyên tắc này được thể hiện tác giả phải tự mình sáng tạo nên tác phẩm mà không sao chép từ tác phẩm/những tác phẩm khác. Thuật ngữ “tác phẩm khác” được hiểu là kể cả tác phẩm của chính tác giả đó. Tác phẩm phái sinh không phải là đối tượng loại trừ của nguyên tắc này, do đó để một tác phẩm phái sinh được bảo hộ thì nó phải mang dấu ấn sáng tạo của tác giả.

Khoản 1 Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ quy định “*Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa*

học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá”. Như vậy theo quy định của pháp luật hiện hành, đối tượng của quyền tác giả là các tác phẩm. Tuy nhiên, ngay tại lời nói đầu Công ước Berne đã nhấn mạnh đối tượng bảo hộ của quyền tác giả, đó là “*xuất phát từ lòng mong muốn bảo hộ theo một phương thức hữu hiệu và nhất quán các quyền lợi của các tác giả đối với tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ*”; hay tại Điều 1 Công ước cũng khẳng định “*Các nước áp dụng Công ước này hợp thành một liên hiệp để bảo hộ các quyền của tác giả đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ*”. Do vậy, về bản chất đối tượng bảo hộ của quyền tác giả không phải là tác phẩm mà chính là các quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ, tác phẩm được bảo hộ chỉ là khách thể của quyền tác giả. Có nhận thức một cách đúng đắn như vậy thì quyền lợi của các tác giả mới được đảm bảo, muốn khuyến khích họ tạo ra các tác phẩm mới thì pháp luật phải chú trọng bảo đảm quyền của các tác giả đối với tác phẩm.

2.3. Các đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả

Đối tượng không được bảo hộ quyền tác giả là tin tức thời sự thuần túy đưa tin, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản

hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó; quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu (Điều 15 Luật Sở hữu trí tuệ).

Đối với các tin tức thời sự chỉ thuần túy việc đưa tin không được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả. Những tin tức thời sự cần được tuyên truyền đến công chúng nhanh nhất như các tin về dịch bệnh, bão, thảm họa, tai nạn giao thông nghiêm trọng... Nếu những tin tức thời sự mà được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả thì phải thông qua những thủ tục nhất định nên khó khăn cho việc tiếp cận và mất đi tính thời sự. Tuy nhiên, nếu việc đưa tin thời sự có kèm theo những nhận định, bình luận của tác giả như phóng sự, sự kiện và bình luận... đã thể hiện sự sáng tạo của tác giả thì được bảo hộ theo quy định của pháp luật:

Tin lâm tặc đánh cán bộ kiểm lâm ở huyện A (tin tức thời sự thuần túy).

Tin lâm tặc đánh cán bộ kiểm lâm ở huyện A, trong đó kèm theo bình luận về nguyên nhân của tình trạng phá rừng, sự buông lỏng quản lý của chính quyền địa phương và những kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đã thể hiện ý kiến, quan điểm của tác giả (tin được bảo hộ quyền tác giả).

Các văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban

hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Bất cứ nhà nước nào cũng ban hành pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Các văn bản pháp luật và những bản dịch của văn bản đó được phổ biến rộng rãi, tuyên truyền đến mọi chủ thể qua nhiều kênh thông tin khác nhau nên không bảo hộ quyền tác giả. Thực tế, có nhiều những tài liệu dưới dạng “Tìm hiểu” một văn bản pháp luật như Tìm hiểu Bộ luật Hình sự, Tìm hiểu Bộ luật Dân sự... nhưng đăng toàn văn của văn bản đó thì thực chất cũng chỉ là những văn bản pháp luật. Trường hợp các văn bản pháp luật được tác giả sắp xếp, hệ thống (theo lĩnh vực, theo năm ban hành, theo hiệu lực của văn bản) một cách khoa học để thuận tiện cho người sử dụng, nghĩa là đã có sự sáng tạo của tác giả nên được bảo hộ hình thức thể hiện. Trong một tài liệu giảng dạy đã có nhận định “chúng ta thấy rằng bản thân văn bản thì không được bảo hộ nhưng toàn bộ tuyển tập, cách sắp xếp của chúng dưới dạng một tổng thể cũng là thành quả của sức lao động và óc suy xét vì thế cũng được bảo hộ quyền tác giả”³.

2.4. Chủ thể quyền tác giả

2.4.1. Tác giả

Hiện nay, việc coi pháp nhân có thể là tác giả hay không,

³ Lê Nét, *Bài giảng quyền sở hữu trí tuệ*, NXB. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

không những có giá trị về mặt lý luận mà nó còn là cơ sở trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả trong thực tế thực thi quyền tác giả, nhất là đối với các tác phẩm được hình thành thông qua giao kết hợp đồng.

Công ước Berne không quy định pháp nhân có thể là tác giả hay không mà dành quyền cho các quốc gia: *“Luật pháp quốc gia nơi sự bảo hộ được áp dụng có thẩm quyền quy định những ai là người hưởng quyền tác giả đối với các tác phẩm điện ảnh”* (Điều 14.b.2.a). Như vậy, có thể nói Công ước Berne cho phép các quốc gia có thể coi pháp nhân là tác giả. Và thực tế thì, Điều 201(b) Luật Quyền tác giả của Hoa Kỳ quy định, pháp nhân có thể là tác giả trong trường hợp tác phẩm được hình thành thông qua hợp đồng giao kết nếu không có thỏa thuận khác. Điều 5 Luật Quyền tác giả của Anh quy định, quyền tác giả được tự động phát sinh kể từ thời điểm cá nhân hay pháp nhân sáng tạo nên tác phẩm. Khi coi pháp nhân có thể là tác giả, pháp luật quyền tác giả các quốc gia này đã nhấn mạnh đến bảo hộ yếu tố kinh tế của tác phẩm, mà ít quan tâm đến quyền tinh thần của tác giả (với nghĩa người trực tiếp sáng tạo nên tác phẩm) đối với tác phẩm. Ngược lại với quan điểm trên, pháp luật của một số quốc gia lại nhấn mạnh đến quyền tinh thần hay quyền nhân thân của tác giả, điển hình trong số này là pháp luật của Pháp về quyền tác giả. Trường phái này không coi pháp nhân là

tác giả mà chỉ coi cá nhân mới là tác giả. Do tác phẩm phải mang “dấu ấn” cá nhân, điểm tạo nên sự khác biệt của cá nhân này với cá nhân khác, đặc biệt “dấu ấn” của mỗi cá nhân có thể thể hiện khác nhau trong những tác phẩm khác nhau và như vậy cũng tạo nên sự khác biệt giữa tác phẩm này với tác phẩm khác (kể cả các tác phẩm của cùng một tác giả). “Dấu ấn” này tồn tại vĩnh viễn, nó thuộc nhóm quyền nhân thân của mỗi cá nhân. Pháp luật quyền tác giả trong trường hợp chỉ coi cá nhân mới là tác giả quy định thời hạn bảo hộ quyền nhân thân là vĩnh viễn.

Pháp luật về quyền tác giả hiện hành của Việt Nam quy định chỉ có cá nhân mới có thể là tác giả. Điều 8 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP⁴ đã chỉ rõ:

“1. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học bao gồm:

a) Cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả;

b) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;

⁴ Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ.

c) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;

d) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.”

Hệ quả pháp lý của quy định này được thể hiện: Quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên đối với tác phẩm, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm là không thể chuyển giao và tồn tại vĩnh viễn. Tác giả chỉ có thể từ chối tư cách là chủ sở hữu tác phẩm mà không thể hủy bỏ tác phẩm khi tác phẩm đã được công bố, nói một cách chính xác: Tác giả không thể hủy bỏ quyền nhân thân (không thể chuyển giao) của mình đối với tác phẩm khi nó đã được công bố, ngay cả trong trường hợp bản gốc của tác phẩm (bản định hình lần đầu của tác phẩm) không còn tồn tại.

Pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ cũng không định nghĩa thuật ngữ “đồng tác giả” mà mặc nhiên quan niệm trong trường hợp có từ hai tác giả trở lên cùng sáng tạo nên một tác phẩm thì họ là các đồng tác giả của tác phẩm đó. Quan niệm này chỉ điều chỉnh được mối quan hệ về quyền tài sản đối với tác phẩm giữa các đồng tác giả đối với trường hợp:

- Tác phẩm được coi là đồng sở hữu chung duy nhất;

- Tác phẩm được coi là đồng sở hữu chung theo phần, trường hợp này được điều chỉnh bởi khoản 2 Điều 38 Luật Sở hữu trí tuệ: các đồng tác giả sáng tạo ra tác phẩm, nếu có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác thì có các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với phần riêng biệt đó.

Quy định như trên là không phổ quát, bởi lẽ nó không thể điều chỉnh được quyền nhân thân đối với tác phẩm mà các ví dụ sau đây là minh chứng:

- Một bài thơ được công bố, sau đó một nhạc sỹ phổ nhạc cho bài thơ thành bài hát, giả định rằng tác giả bài thơ chỉ biết đến bài hát khi nó được công bố. Nếu coi bài hát (bao gồm phần nhạc và phần lời) là một tác phẩm đồng tác giả thì pháp luật không thể điều chỉnh được khi xảy ra tranh chấp về quyền nhân thân giữa các đồng tác giả, bởi lẽ ngoài việc mỗi đồng tác giả có các quyền nhân thân đối với phần riêng biệt của mình thì họ còn có quyền nhân thân chung đối với toàn bộ tác phẩm đồng tác giả;

- Tác giả của một bản nhạc không lời đã chết, một người viết thêm lời vào bản nhạc thành bài hát, nếu quan niệm như trên thì phải coi bài hát là một tác phẩm đồng tác giả vì đã có hai tác giả cùng sáng tạo nên một tác phẩm.

Tham khảo quy định về tác phẩm đồng tác giả trong Luật Quyền tác giả của Hoa Kỳ: “*Tác phẩm đồng tác giả là tác phẩm được sáng tạo bởi hai hoặc nhiều tác giả với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành các phần không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau trong một tổng thể hoàn chỉnh*”, trong đó nhất thiết các đồng tác giả phải chủ ý cùng sáng tạo nên một tác phẩm chung.

2.4.2. Chủ sở hữu quyền tác giả

Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản⁵, quyền công bố tác phẩm⁶. Chủ sở hữu quyền tác giả nguyên thủy là tác giả, người chiếm hữu quyền tác giả theo luật dựa trên cơ sở sáng tạo ra tác phẩm, tuy nhiên chủ sở hữu quyền tác giả có thể đồng thời là tác giả hoặc không đồng thời là tác giả.

Với cách tiếp cận về quyền năng chủ thể, pháp luật Việt Nam quy định: “*Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ*”⁷. Theo đó, chủ sở hữu quyền tác giả là chủ thể quyền tác giả hoặc tổ chức, cá nhân được chủ thể này chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, quyền công bố tác phẩm.

⁵ Điều 36 Luật Sở hữu trí tuệ.

⁶ Khoản 1 Điều 45 Luật Sở hữu trí tuệ.

⁷ Khoản 6 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ.

Trên cơ sở đó, chủ thể là chủ sở hữu quyền tác giả được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005 tại Điều 740, Luật Sở hữu trí tuệ tại các điều từ Điều 36 đến Điều 42 được phân thành các đối tượng chủ thể sau:

i) Tác giả (đồng tác giả): là chủ thể sở hữu quyền tác giả trong trường hợp sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm.

Trong trường hợp đồng tác giả, nếu có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác thì có các quyền đối với phần riêng biệt đó.

ii) Tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả: Tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm có thể do nhiệm vụ hoặc theo sự giao kết hợp đồng với các chủ thể khác. Theo quy định tại Điều 39 Luật Sở hữu trí tuệ thì tổ chức giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo ra tác phẩm là chủ sở hữu tác phẩm có các quyền tài sản và quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này không phải là dựa trên cơ sở chiếm hữu nguyên thủy quyền tác giả mà dựa trên cơ sở luật định.

Lý do pháp luật dành cho các đối tượng chủ thể này tư cách chủ sở hữu quyền là để khuyến khích sự đầu tư tài chính và tạo điều kiện vật chất khác cho hoạt động sáng tạo. Lao động sáng tạo trực tiếp của tác giả kết tinh trên tác phẩm đã được các cá nhân, tổ chức này bù đắp vật chất trước, trong và kể cả sau khi kết thúc quá trình sáng tạo. Vì vậy cũng là hợp lý nếu để các đối tượng chủ thể này nắm các quyền khai thác sử dụng về mặt kinh tế đối với tác phẩm sau khi hoàn thành nhằm thu hồi lại vốn đầu tư trước đó. Đối với tổ chức giao nhiệm vụ cho một người hoặc một nhóm người thực hiện thì tổ chức đó là chủ sở hữu tác phẩm có các quyền tài sản và quyền công bố, cho người khác công bố tác phẩm. Các quyền liên quan đến nhân thân của tác giả vẫn thuộc về tác giả và được tôn trọng trong suốt quá trình khai thác, sử dụng tác phẩm. Trong thực tế, đối với những tác phẩm được tạo ra thông qua các nhóm tác giả nghiên cứu khoa học thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, các tác phẩm theo đơn đặt hàng của tổ chức hoặc cá nhân chủ yếu để phục vụ nhiệm vụ chính trị hoặc để khai thác giá trị kinh tế của tài sản trí tuệ. Xu thế phát triển của xã hội, các tổ chức là chủ sở hữu tác phẩm đánh giá được giá trị kinh tế, khai thác giá trị kinh tế (còn gọi là thương mại hoá tài sản trí tuệ) thông qua các hợp đồng có ý nghĩa hết sức quan trọng hiện nay. Không ít những kết quả nghiên cứu là sản phẩm

của một tác giả hay nhóm tác giả nhưng do nhiều tổ chức, cơ quan giao nhiệm vụ theo hợp đồng hay theo đơn đặt hàng. Thực tế, một kết quả nghiên cứu có thể là sự kế thừa nhiều công trình nghiên cứu trong một thời gian dài, vì vậy rất khó khăn trong việc phân định từng phần mà cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ. Ví dụ, nhóm tác giả nghiên cứu “Các loài nấm linh chi” do trường Đại học X giao nhiệm vụ. Khi tác giả có kết quả bước đầu và có bài báo công bố, tỉnh A lại giao cho tác giả thực hiện nhóm tác giả cấp tỉnh (tỉnh A cấp kinh phí và được nghiệm thu), sau đó tác giả phát triển rộng hơn thành nhóm tác giả cấp Bộ trọng điểm (kinh phí từ ngân sách nhà nước do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý). Khi xem xét tính khả thi của nhóm tác giả nghiên cứu, Hội đồng tư vấn thường căn cứ vào kết quả nghiên cứu khoảng năm năm cận đăng ký. Trong trường hợp tỉnh A chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho một đơn vị sản xuất nắm, dẫn đến tranh chấp giữa các cơ quan giao nhiệm vụ. Vì vậy, nếu không có sự phân định rõ ràng, cụ thể giữa tác giả với tổ chức, cơ quan giao nhiệm vụ vào thời điểm đó sẽ gây ra nhiều khó khăn trong việc xác định chủ sở hữu tác phẩm.

Cá nhân thỏa thuận cho người khác tạo ra tác phẩm để đáp ứng nhu cầu vật chất hay tinh thần của mình. Trong cả hai trường hợp tổ chức giao nhiệm vụ hoặc cá nhân xác lập hợp

đồng để tạo ra tài sản trí tuệ thì trong hợp đồng hai bên cần thỏa thuận rõ phạm vi quyền của bên giao nhiệm vụ đối với tác phẩm, ví dụ như chỉ nắm quyền sử dụng đối với tác phẩm...

Chẳng hạn: Doanh nghiệp tư nhân A ký hợp đồng thuê nhà nhiếp ảnh B chụp các sản phẩm của mình làm catalogue quảng cáo sản phẩm. Sau khi nhận các tác phẩm nghệ thuật theo như thỏa thuận trong hợp đồng, Doanh nghiệp tư nhân A làm catalogue quảng cáo sản phẩm cho doanh nghiệp mình, ngoài ra doanh nghiệp còn bán cho một số đơn vị khác sử dụng, quảng cáo lên ti vi...

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Doanh nghiệp tư nhân A độc quyền khai thác các tác phẩm nghệ thuật với tư cách là chủ sở hữu, nếu các bên không có thỏa thuận khác. Doanh nghiệp này chỉ vi phạm nếu trong hợp đồng có hạn chế quyền của Doanh nghiệp này được hưởng như việc xác định phạm vi, mục đích sử dụng tác phẩm nghệ thuật. Vì vậy, thỏa thuận trong hợp đồng nếu càng cụ thể sẽ hạn chế thấp nhất những tranh chấp có thể xảy ra.

iii) Tổ chức, cá nhân được thừa kế: Theo quy định tại Điều 40 Luật Sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền tác giả theo quy định của pháp luật về thừa kế là chủ sở hữu có các quyền tài sản, quyền công bố hoặc cho phép công bố tác phẩm.

iv) Tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của các đối tượng chủ thể này là dựa trên cơ sở pháp luật về chuyển nhượng quyền sở hữu quyền tác giả. Quyền tác giả có thể được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thông qua hình thức chuyển nhượng và chuyển quyền sử dụng. Chuyển nhượng quyền tác giả được hiểu là việc chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu các quyền của mình theo quy định của pháp luật. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả được hiểu là việc chủ sở hữu quyền tác giả cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Chủ sở hữu quyền tác giả là người được hưởng quyền có một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản và nhân thân trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng (Điều 41 Luật Sở hữu trí tuệ).

v) Nhà nước: Căn cứ phát sinh quyền sở hữu quyền tác giả của Nhà nước là dựa trên cơ sở pháp luật trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, đối với tác phẩm khuyết danh thuộc sở hữu nhà nước. Theo khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2011/NĐ-CP) thì trường hợp tác phẩm khuyết danh

do các tổ chức, cá nhân đang quản lý thì tổ chức, cá nhân đó được phép chuyển nhượng quyền đối với tác phẩm khuyết danh cho tổ chức, cá nhân khác và được hưởng thù lao từ việc chuyển nhượng quyền đó và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền được hưởng quyền của chủ sở hữu đến khi danh tính của tác giả được xác định.

Thứ hai, tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả chết không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản.

Thứ ba, tác phẩm được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước. Khi cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước ở trường hợp này có nghĩa vụ xin phép sử dụng; thanh toán tiền nhuận bút, thù lao, các quyền, lợi ích vật chất khác; nộp một bản sao tác phẩm trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày phổ biến, lưu hành. Cá nhân, tổ chức thực hiện các nghĩa vụ trên tại Cục Bản quyền tác giả.

vi) Tác phẩm thuộc về công chúng

Do đặc thù đối với các quyền tác giả là tác phẩm, là sản phẩm mang tính sáng tạo của con người nên có giá trị chung. Sau một thời hạn bảo hộ theo quy định của pháp luật, tác phẩm sẽ thuộc về công chúng. Điều 43 Luật Sở hữu trí tuệ quy định:

“1. Tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ theo quy định tại Điều 27 của Luật Sở hữu trí tuệ thì thuộc về công chúng.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này nhưng phải tôn trọng các quyền nhân thân của tác giả quy định tại Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ”.

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về công chúng có các quyền nhân thân theo khoản 1, 2 và 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ. Đối với quyền tài sản, chủ sở hữu quyền tác giả không còn độc quyền nên các cá nhân, tổ chức có toàn quyền khai thác phục vụ mục đích mà pháp luật không cấm như nghiên cứu, kinh doanh... mà không bị coi là xâm phạm quyền tác giả. Trường hợp việc sử dụng tác phẩm đã hết thời hạn bảo hộ mà xâm phạm các quyền nhân thân không thể chuyển giao thì cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ có liên quan yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại; đồng thời có quyền khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm của quyền tác giả cũng như những đặc thù của tác phẩm, có thể thấy rằng bất kỳ các sản phẩm trí tuệ trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa

học được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định đều là đối tượng được bảo hộ của quyền tác giả. Tuy nhiên, để được bảo hộ, các tác phẩm đó cũng phải tuân theo những nguyên tắc bảo hộ nhất định.

2.5. Nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả

2.5.1. Nguyên tắc bảo hộ đương nhiên

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ, thì *“quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký”*.

Trên bình diện quốc tế, nguyên tắc bảo hộ đương nhiên còn được hiểu là tại thời điểm một tác phẩm được công bố tại một quốc gia thành viên của Công ước Berne thì nó cũng được các quốc gia thành viên còn lại của Công ước Berne bảo hộ. Nguyên tắc này thông qua nguyên tắc đối xử quốc gia do Công ước Berne quy định, là nguyên tắc đặt ra cho các quốc gia thành viên thực hiện bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên khác tương tự như sự bảo hộ tác phẩm của công dân quốc gia mình. Sự bảo hộ đó không kém thuận lợi, không thấp hơn sự bảo hộ đối với công dân thuộc quốc gia mình. Nguyên tắc này đặt ra sự bình đẳng trong đối xử với công dân của các quốc gia thành viên. Công ước Berne cũng

quy định nguyên tắc bảo hộ đương nhiên là sự bảo hộ không lệ thuộc vào bất kỳ thủ tục, hình thức nào như là thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận, việc nộp lưu chiểu, hoặc các thủ tục tương tự khác.

Tuy nhiên, phạm vi bảo hộ phải tuân theo quy định của mỗi quốc gia thành viên. Công ước Berne quy định các quốc gia thành viên việc bảo hộ để công dân và các pháp nhân được hưởng và thực thi các quyền được cấp theo Công ước là độc lập với những gì được hưởng tại nước xuất xứ của tác phẩm. Ví dụ, Luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam quy định thời hạn bảo hộ quyền tài sản đối với tác phẩm và quyền công bố tác phẩm là suốt cuộc đời tác giả cộng với 50 năm sau khi tác giả chết, nhưng Luật Quyền tác giả của Hoa Kỳ quy định thời hạn bảo hộ quyền tài sản đối với tác phẩm và quyền công bố tác phẩm là suốt cuộc đời tác giả cộng với 70 năm sau khi tác giả chết.

2.5.2. Nguyên tắc “tính nguyên gốc của tác phẩm”

Nguyên tắc này được thể hiện, tác giả phải trực tiếp tự mình sáng tạo nên tác phẩm mà không sao chép từ tác phẩm/những tác phẩm khác (kể cả các tác phẩm của cùng một tác giả). Trong thực tế có thể tồn tại hai bản gốc của hai tác phẩm độc lập nhưng lại giống hệt nhau, ví dụ hai nhiếp ảnh gia có thể độc lập sáng tạo nên hai bức ảnh giống hệt nhau,

hai thí sinh cũng có thể độc lập tạo nên hai bài thi giống hệt nhau trên cơ sở cùng một đề thi. Như vậy, thuật ngữ “gốc” ở đây không tồn tại dưới dạng hữu hình mà lại tồn tại dưới dạng vô hình. Khi xảy ra tranh chấp quyền tác giả trong trường hợp này người ta không truy tìm bản gốc của tác phẩm theo nghĩa vật chất (hữu hình), bởi vì thực tế đã tồn tại hai bản gốc nên không thể chứng minh được bản này là bản sao của bản kia, mà phải chứng minh tính nguyên gốc của tác phẩm - một yếu tố vô hình.

2.5.3. Nguyên tắc bảo hộ hình thức thể hiện của ý tưởng

Nguyên tắc này được thể hiện, pháp luật quyền tác giả không bảo hộ ý tưởng mà chỉ bảo hộ hình thức thể hiện của ý tưởng, hay nói cách khác, pháp luật quyền tác giả không bảo hộ nội dung của tác phẩm. Nguyên tắc này được thể hiện qua việc không công nhận người cung cấp tư liệu cho tác giả sáng tạo nên tác phẩm là tác giả của tác phẩm. Nguyên tắc này dùng để giải quyết tranh chấp quyền tác giả, nhất là đối với các tác phẩm khoa học, người được phỏng vấn, cho ý kiến giải pháp về một vấn đề khoa học... không được coi là tác giả của công trình khoa học (tác phẩm khoa học). Mặt khác, nguyên tắc không bảo hộ nội dung tác phẩm còn có ý nghĩa khoa học, ý nghĩa kinh tế - xã hội. Pháp luật quyền tác giả không cho phép tác giả, chủ sở

hữu tác phẩm quyền ngăn cấm chủ thể khác làm theo nội dung tác phẩm.

2.6. Nội dung quyền tác giả

Pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành của Việt Nam quy định quyền tác giả đối với tác phẩm bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

2.6.1. Nhóm quyền nhân thân thuộc quyền tác giả⁸

a) Quyền đặt tên cho tác phẩm

Việc đặt tên tác phẩm trước hết có ý nghĩa trong việc cá biệt hóa tác phẩm. Bên cạnh đó, tên tác phẩm thường phản ánh nội dung, ý tưởng của tác giả trong tác phẩm, giúp cho công chúng có thể tiếp cận dễ dàng hơn với “ý đồ” của tác giả. Tuy nhiên, việc đặt tên cho tác phẩm không có ý nghĩa pháp lý đối với việc bảo hộ quyền tác giả vì tác phẩm có thể được bảo hộ thậm chí khi nó là tác phẩm vô đề. Quyền đặt tên cho tác phẩm là quyền nhân thân chỉ thuộc về tác giả của tác phẩm, kể cả khi tác giả sáng tạo ra tác phẩm theo nhiệm vụ được giao hay theo hợp đồng thì quyền đặt tên vẫn thuộc về tác giả. Quyền đặt tên không áp dụng trong trường hợp tác giả dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.

⁸ Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng

Đề kháng định tác phẩm là kết quả hoạt động sáng tạo của mình, tác giả thường đứng tên trên tác phẩm (có thể sử dụng tên thật hoặc bút danh). Việc ghi tên trên tác phẩm được công bố có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định chủ thể được hưởng các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm. Kể cả trong trường hợp tác giả không đề tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm đã được công bố (tác phẩm khuyết danh) thì quyền này vẫn thuộc về tác giả và tác giả có thể chứng minh tư cách chủ thể của mình bất cứ thời điểm nào. Tác giả cũng có quyền yêu cầu được nêu tên hoặc bút danh khi tác phẩm được sử dụng dưới các hình thức khác nhau như: biểu diễn, ghi âm, ghi hình, phát thanh, truyền hình, xuất bản, trích dẫn tác phẩm... Cho nên, bất kỳ khi nào tác phẩm được công bố, sử dụng, tổ chức, cá nhân sử dụng phải nêu tên thật hoặc bút danh của tác giả⁹.

c) Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, đây là quyền nhân thân duy nhất gắn với các quyền tài sản và có thể chuyển

⁹ Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tLdd, tr. 34.

giao, về thời hạn bảo hộ tương đương với thời hạn bảo hộ quyền tài sản.

Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc¹⁰. Vì các hành vi này là các hành vi mang tính chất phổ biến, truyền đạt tác phẩm không kèm theo bản sao tác phẩm. Quyền công bố theo nghĩa này bao hàm cả quyền sao chép và quyền phân phối với số lượng bản sao hợp lý đủ để đáp ứng nhu cầu của công chúng¹¹.

d) Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả

¹⁰ Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

¹¹ Quân Tuấn An, *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn cao học, Đại học Luật Hà Nội, 2009.

Trong các quyền nhân thân không thể chuyển giao thì quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm được coi là quan trọng nhất và trong thực tiễn nó cũng thường bị xâm phạm.

Tác phẩm là một thể thống nhất thể hiện nội dung, tư tưởng, ý đồ nghệ thuật của tác giả. Vì vậy, việc sửa chữa, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào có thể làm ảnh hưởng đến giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm, làm sai lệch, thậm chí bóp méo tư tưởng, chủ đề mà tác giả muốn thể hiện trong tác phẩm của họ. Vì vậy, không có chủ thể nào khác ngoài tác giả có quyền thay đổi nội dung của tác phẩm kể cả trong trường hợp việc thay đổi nhằm làm tăng giá trị nghệ thuật, giá trị thực tiễn của tác phẩm, trừ trường hợp được tác giả cho phép. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý một số ngoại lệ của quyền này: (i) trường hợp trích dẫn hợp lý tác phẩm vì mục đích giảng dạy, nghiên cứu không bị coi là xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm; (ii) trường hợp sau khi tác phẩm được công bố, những người khác làm tác phẩm phái sinh, có những thay đổi, sáng tạo mới về nội dung, hình thức thể hiện hay truyền đạt so với tác phẩm ban đầu cũng không bị coi làm xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm¹².

¹² *Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, tldđ, tr. 35.

Cụm từ “gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả” có thể làm cho quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm được hiểu là nếu một người thực hiện hành vi sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm của người khác nhưng lại chứng minh được là hành vi đó không gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả hoặc chứng minh là hành vi đó đã làm cho tác phẩm “hay” hơn thì không vi phạm khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ.

Để tránh việc hiểu như vừa phân tích, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã quy định: “*Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả*”. Ngoài ra, điểm d khoản 2 Điều 738 Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng quy định quyền nhân thân này như sau: “*Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm*”.

2.6.2. Nhóm quyền tài sản thuộc quyền tác giả¹³

a) Quyền làm tác phẩm phái sinh

Chủ sở hữu quyền tác giả có quyền tạo ra tác phẩm phái

¹³ Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.

sinh trên cơ sở tác phẩm gốc nhưng với hình thức, cách thức trình bày mới so với tác phẩm gốc như: dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn... tác phẩm. Người không phải là chủ sở hữu quyền tác giả khi làm tác phẩm phái sinh phải trả tiền nhuận bút, thù lao... cho chủ sở hữu tác phẩm gốc.

b) Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng

Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ do chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện biểu diễn tác phẩm một cách trực tiếp hoặc thông qua các chương trình ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Biểu diễn tác phẩm trước công chúng bao gồm việc biểu diễn tác phẩm tại bất cứ nơi nào ngoại trừ tại gia đình¹⁴.

c) Quyền sao chép tác phẩm

Trong Luật Sở hữu trí tuệ, quyền sao chép tác phẩm lần đầu tiên được chính thức ghi nhận. Khoản 10 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ giải thích về hành vi sao chép “là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao

¹⁴ Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

dưới hình thức điện tử”. Quyền sao chép thuộc quyền tác giả một lần nữa được hướng dẫn tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP, theo đó “quyền sao chép tác phẩm là một trong các quyền tài sản độc quyền thuộc quyền tác giả, do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử”. Nếu như trước đây, sao chép tác phẩm thường được hiểu là việc làm các bản sao dưới các hình thức vật chất hữu hình như văn bản, băng, đĩa... thì quy định này đã mở rộng phạm vi quyền sao chép đến cả các hình thức điện tử. Quy định này hoàn toàn phù hợp với khái niệm sao chép trong Điều 9 Công ước Berne “tác giả được hưởng độc quyền cho phép sao in các tác phẩm đó dưới bất kỳ phương thức hay hình thức nào”.

Quyền sao chép có một số đặc điểm như sau:

Thứ nhất, quyền sao chép theo đúng nghĩa là việc làm bản sao tác phẩm ở bất kỳ hình thức vật chất nào, không phụ thuộc vào việc hành vi đó được thực hiện ở đâu, khi nào; những bản sao sẽ được đưa ra công chúng hay không. Bên cạnh đó hành vi sao chép không đòi hỏi phải có một số lượng bản sao nhất định để đáp ứng được nhu cầu hợp lý của công chúng. Sao chép có thể là hành vi chỉ làm một bản sao tác phẩm.

Như vậy, sao chép khác với công bố tác phẩm. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp hai quyền năng này được thực thi đồng thời với nhau bởi những người nắm giữ quyền. Trong hoạt động xuất bản, thông thường quyền công bố tác phẩm được thực hiện đồng thời với quyền sao chép.

Thứ hai, pháp luật về quyền tác giả không quy định cụ thể những phương thức sao chép tác phẩm mà thừa nhận sao chép tác phẩm là bất cứ hình thức tái tạo lại tác phẩm trên những vật thể nhất định, trong đó có thể là hình thức bản in hoặc thông qua truyền thông kỹ thuật số như CD-ROM, ghi chép dữ liệu vào máy tính, tạo ra tác phẩm trên không gian 2 chiều, không gian 3 chiều...

Thứ ba, sao chép tác phẩm không chỉ là việc tái tạo ra một lần nữa tác phẩm ở dạng hình thức mà nó đã được tạo ra lần đầu tiên mà còn có thể là việc tái tạo ra tác phẩm ở những dạng hình thức khác. Ví dụ: nếu tác phẩm âm nhạc lần đầu tiên được thể hiện ở dạng bản nốt nhạc, thì việc ghi tác phẩm đó trên băng, đĩa... cũng được coi là hành vi sao chép tác phẩm. Pháp luật sở hữu trí tuệ chỉ đặt ra một số ngoại lệ đối với quyền sao chép (Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ) như tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy của cá nhân hay sao chép một bản để lưu trữ trong thư viện (việc sao chép này cũng không áp dụng đối

với tác phẩm kiến trúc, tạo hình, chương trình máy tính). Như vậy, hành vi sao chép ngoài những trường hợp nêu trên dù thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào (có thể là bản in, sao chép lên băng đĩa, thông qua các phương tiện kỹ thuật số, ghi chép vào dữ liệu máy tính...), thực hiện ở đâu, các bản sao có được phát hành đến công chúng hay không... đều có thể bị xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Các quyền tài sản liên quan đến biểu diễn, truyền đạt tác phẩm không có liên quan đến việc sao chép lại vật chất cụ thể thể hiện tác phẩm, do vậy những hành vi này được xem xét như là những quyền năng độc lập khác của chủ sở hữu quyền tác giả, chúng không thuộc phạm vi quyền sao chép được đề cập ở đây.

d) Quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm

Quyền phân phối tác phẩm được coi là một trong những phương thức sử dụng tác phẩm một cách độc lập. Phân phối tác phẩm là việc đưa những vật thể thể hiện hoặc sao chép tác phẩm vào giao lưu dân sự thông qua các hợp đồng như mua bán, trao đổi, tặng cho... Đối tượng phân phối có thể là bản gốc hoặc bản sao của tác phẩm. Theo khoản 3 Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, “*Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 của*

Luật Sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm”.

Tương tự như quyền sao chép, khái niệm quyền phân phối cũng được mở rộng để phù hợp với sự phát triển của môi trường kỹ thuật số. Phân phối tác phẩm có thể thực hiện bằng bất kỳ hình thức hay phương tiện kỹ thuật nào, ví dụ việc bán bản sao tác phẩm có thể được thực hiện trên internet...

Quyền nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm cho phép chủ sở hữu quyền tác giả có thể kiểm soát được việc nhập khẩu những bản gốc hoặc bản sao tác phẩm vào vùng lãnh thổ mà quyền tác giả đang có hiệu lực. Đây được coi là một phương tiện hữu hiệu để ngăn chặn việc nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả theo lãnh thổ đang dần bị suy giảm. Quyền nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm có liên quan mật thiết đến quyền phân phối tác phẩm và có thể được xem là một trường hợp cụ thể của quyền phân phối tác phẩm. Quyền kiểm soát việc nhập khẩu tác phẩm tạo cho tác giả khả năng thực hiện một cách hiệu quả hơn quyền phân phối tác phẩm của mình. Với độc quyền nhập khẩu tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả có thể ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền phân

phối tác phẩm ngay từ giai đoạn chuẩn bị. Cũng cần lưu ý là nếu việc nhập khẩu tác phẩm không có mục đích tiếp theo là phân phối tác phẩm tới những người khác thì chủ sở hữu quyền tác giả không có quyền ngăn chặn việc nhập khẩu này (ví dụ: nhập khẩu vì mục đích sử dụng riêng).

đ) Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác

Với sự thay đổi nhanh chóng trong cách thức thể hiện tác phẩm, trong thời đại hiện nay, các phương tiện truyền tải tác phẩm cũng ngày càng phong phú, đa dạng hơn, cho phép việc chuyển tải tác phẩm đến công chúng với phạm vi không bị hạn chế trong thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất. Chủ sở hữu quyền tác giả có độc quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện nào mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn. Đây cũng là quy định thể hiện sự tiếp cận mới của pháp luật Việt Nam đối với việc bảo hộ quyền tác giả trong kỷ nguyên kỹ thuật số, khi mà internet trở thành một phương tiện truyền tải tác phẩm phổ biến với những đặc thù: truyền đạt tác phẩm không bị hạn chế về phạm vi lãnh thổ; công chúng có thể tiếp cận tại bất kỳ đâu, bất kỳ thời điểm nào do họ lựa chọn.

e) Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính

Đây là quyền năng do chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để sử dụng có thời hạn. Quyền cho thuê không áp dụng đối với chương trình máy tính, khi bản thân chương trình đó không phải là đối tượng chủ yếu để cho thuê như chương trình máy tính gắn với việc vận hành bình thường các loại phương tiện giao thông cũng như các máy móc, thiết bị kỹ thuật khác¹⁵. Cũng không áp dụng quyền cho thuê đối với các tác phẩm điện ảnh, khi việc cho thuê thương mại dẫn đến việc sao chép tràn lan, ảnh hưởng đến quyền độc quyền sao chép và khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm.

Với các quyền trên, chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu tự mình thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện trong trường hợp khi người khác thực hiện quyền họ có thể được hưởng tiền nhuận bút, thù lao, các lợi ích khác theo thỏa thuận.

Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả, là người được chuyển giao quyền có các quyền tài sản và quyền công

¹⁵ *Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, ttdđ, tr. 37.

bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Nếu không có thỏa thuận khác, người làm công việc đạo diễn, biên kịch, biên đạo múa, quay phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, mỹ thuật trường quay, mỹ thuật sân khấu, thiết kế đạo cụ, kỹ xảo và các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu có các quyền nhân thân trừ quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.

Mặc dù pháp luật đã quy định cụ thể các quyền nhân thân và quyền tài sản nhưng trong thực tế việc xâm phạm vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ về trường hợp xâm phạm bản quyền kịch bản “Lá Sầu Riêng” của tác giả Kim Cương:

Tác phẩm “Duyên Kiếp Lỡ Làng” được nghệ sỹ Kim Cương viết vào năm 1963, sau đó lấy tên là Lá Sầu Riêng và hùn vốn với Hãng phim Lý Huỳnh sản xuất phim Lá Sầu Riêng. Khoảng đầu những năm 1970, nghệ sỹ Kim Cương cho phép soạn giả Hà Triều chuyển thể Lá Sầu Riêng thành cải lương cho nghệ sỹ Thanh Nga đóng chính ở Đoàn cải lương Thanh Nga. Năm 1975, Đoàn kịch nói Kim Cương diễn lại Lá Sầu Riêng suốt hơn 20 năm trong cả nước. Năm 1977, Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh

thu hình và phát phổ biến vở *Lá Sầu Riêng*. Như vậy, nghệ sỹ Kim Cương vừa là tác giả vừa là chủ sở hữu tác phẩm *Lá Sầu Riêng*.

Trung tâm băng đĩa nhạc Thúy Nga Paris đã phát hành đĩa DVD dựng lại vở cải lương *Lá Sầu Riêng* (do Nghệ sỹ H.Li đóng vai chính) và phát hành tại Mỹ và một số nước khác vì mục đích thương mại nhưng không được sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

Tác phẩm *Lá Sầu Riêng* của nghệ sỹ Kim Cương vẫn đang đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại Mỹ. Theo luật của Mỹ, đối với tác phẩm sân khấu, bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào muốn sử dụng tác phẩm sân khấu (dù tác phẩm đó đã công bố hay chưa) đều phải xin phép chủ sở hữu tác phẩm.

Trung tâm Thúy Nga Paris đã có hành vi vi phạm quyền tác giả: không xin phép, không đứng tên đúng tác giả của tác phẩm, tự ý chỉnh sửa hoặc cắt xén một phần trong tác phẩm (quyền nhân thân), khai thác thương mại, dựng lại tác phẩm không xin phép (quyền tài sản).

(Nguồn: Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 và 12/9/2008).

2.7. Các ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả

Pháp luật về quyền tác giả ghi nhận những đóng góp về

văn học, nghệ thuật và khoa học của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả bằng cách dành cho họ những độc quyền khai thác, sử dụng những thành quả sáng tạo, đầu tư của họ. Tuy nhiên những độc quyền đó cũng có khả năng ngăn cản sự tiếp cận với văn học, nghệ thuật và khoa học của đông đảo công chúng, và vô hình chung kìm hãm các giao lưu dân sự liên quan tới loại quyền tài sản đặc biệt này. Nhằm hài hòa hóa lợi ích của chủ thể quyền tác giả và lợi ích cộng đồng trong việc tiếp cận, sử dụng tác phẩm, pháp luật quyền tác giả quy định các ngoại lệ của độc quyền hay còn gọi là các hạn chế của quyền tác giả đối với một số hành vi sử dụng, khai thác quyền tác giả (còn gọi là “fair use”). Việc giới hạn thể hiện ở chỗ pháp luật quy định trong những trường hợp nhất định thì cá nhân, tổ chức khác có quyền sử dụng tác phẩm được công bố mà không xin phép, không phải trả tiền bản quyền (nhuận bút, thù lao) cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, sử dụng tác phẩm được công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao (Điều 25 và Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ). Tuy nhiên, việc sử dụng quyền này phải tuân theo những điều kiện và cách thức hợp lý do Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản khác liên quan quy định.

Thứ nhất, các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, trả tiền thù lao theo quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

- Sao chép tác phẩm: Tự sao chép nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân hoặc sao chép để lưu trữ trong thư viện. Việc sao chép này là sao chép không quá một bản và không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình và chương trình máy tính. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng kể cả bản sao kỹ thuật số. Tuy nhiên, nếu người mượn sách của thư viện sau đó tự sao chép một bản để phục vụ việc nghiên cứu, giảng dạy được xác định là hợp pháp.

Quy định này nhằm mục đích phổ biến tác phẩm đến công chúng thông qua hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sử dụng có hiệu quả các tài sản trí tuệ của nhân loại, song việc khai thác không nhằm mục đích thương mại (phi lợi nhuận).

Việc xác định thế nào là “mục đích thương mại” còn mơ hồ vì có thể sao chép hoặc sao chụp (photocopy) bán lại để thu lợi nhuận trực tiếp (bán giá thấp hơn giá bìa thì người sao chụp lẫn người sử dụng đều có lợi). Về lợi nhuận, có thể thu lợi nhuận gián tiếp như cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục đã thu toàn bộ tiền của người học, có nghĩa vụ phải cung cấp tài liệu cho người học nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền quyền tác giả hoặc tài liệu xuất bản mà lại sao chụp sách cho người học hoặc đánh máy lại in để sao chụp cho

người học sử dụng nhằm giảm chi phí. Trường hợp này cũng được xác định là có mục đích lợi nhuận mang tính chất gián tiếp.

Trường hợp sau đây có phải sao chép phục vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy hay không?

Hai bộ giáo trình TOEFL iBT và TOEIC (gồm 20 đầu sách có kèm đĩa) do Công ty TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt mua bản quyền từ Công ty Compass (Mỹ) đã bị hệ thống trường ngoại ngữ Đ và trường ngoại ngữ A (thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M) sao chụp làm giáo trình chính thức cho học viên. Đội kiểm tra đã phát hiện tám đầu sách được phô tô sẵn với số lượng trên 350 cuốn.

Theo bản tường trình của trường “Một số thầy, cô trong trường thấy giáo trình hay nên mua về nghiên cứu và giới thiệu cho học viên. Học viên thích và nhà trường phô tô để phổ biến nội bộ chứ không đủ tiền để mua sách ngoài”.

Theo phản ánh của học viên và biên nhận chúng tôi có trong tay (Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh) nhiều học viên đã phải mua sách phô tô từ hệ thống hai trường ngoại ngữ này với giá đắt hơn sách gốc do Nhà xuất bản Trẻ và Công ty TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt phát hành.

(Nguồn: Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/10/2008).

Trong thực tế, nhiều trường hợp sao chụp bán cho người học thấp hơn giá in trên bìa hoặc phát miễn phí cho người học là xâm phạm quyền tác giả, có mục đích thương mại (trực tiếp hoặc gián tiếp). Quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định hướng dẫn “tự sao chép” nghĩa là người cần nghiên cứu, giảng dạy sao chép một bản phục vụ cho chính mình.

- Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình; trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo; dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu; trích dẫn để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại. Việc trích dẫn tác phẩm phải thoả mãn hai điều kiện sau¹⁶: (i) Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm của mình; (ii) Số lượng và thực chất của phần trích dẫn từ tác phẩm được sử dụng để trích dẫn không gây phương hại tới quyền tác giả đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để trích dẫn.

Trong “trích dẫn hợp lý” tác giả thể hiện ý kiến cá nhân của mình, còn trường hợp sưu tầm tác phẩm đã công bố của người khác để làm tuyển tập, hợp tuyển, sắp xếp theo một chủ

¹⁶ Điều 24 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

đề nhất định có tính sáng tạo thì hoàn toàn không thể hiện ý kiến, quan điểm của tác giả. Pháp luật công nhận và bảo hộ quyền tác giả đối với tuyển tập, hợp tuyển không làm ảnh hưởng đến tác phẩm gốc.

Do pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể, trong thực tiễn còn có những quan điểm khác nhau khi giải quyết vụ tranh chấp¹⁷ sau đây:

Năm 2001, ông Nguyễn Quảng Tuân phát hiện cuốn sách “Văn bản Truyện Kiều - Nghiên cứu và thảo luận” (Nhà xuất bản Hội Nhà văn năm 2001) của ông Đào Thái Tôn sử dụng bốn bài báo của mình mà không xin phép. Bốn bài báo này đã từng được đăng tại các tạp chí như Tạp chí Văn nghệ, Báo Văn nghệ và Tạp chí Văn học bao gồm: “Về bài Hoàng Xuân Hãn và việc khôi phục nguyên tác Truyện Kiều”, “Hãy trở lại đúng vấn đề nhận xét việc nghiên cứu Truyện Kiều”, “Một vài nhận xét về nghiên cứu Truyện Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn”,...

Tranh chấp về quyền tác giả tại Tòa án về việc tác giả cuốn sách xâm phạm bản quyền tác phẩm văn học nghệ thuật.

Phiên tòa sơ thẩm (Bản án số 68/2006/DSST ngày 26/12/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội) đã xác định có hành vi xâm phạm quyền tác giả khi “trích” nguyên

¹⁷ Trần Văn Nam, Tham luận tại Hội thảo quốc tế về Việt Nam học ICVN lần thứ IV từ ngày 26-28/11/2012 tại Hà Nội; Tiểu ban số 7: Pháp luật Việt Nam trong thời đại pháp quyền vì mục tiêu phát triển bền vững.

ven bốn bài báo của ông Nguyễn Quảng Tuân đã được đăng tải trên các báo, tạp chí, tuyên phạt ông Đào Thái Tôn 25.000.000 đồng tiền bản quyền, trả ông Nguyễn Quảng Tuân tiền nhuận bút 1.040.400 đồng.

Bản án sơ thẩm bị kháng cáo vì cho rằng không có sự xâm phạm bản quyền. Đây là sự trích dẫn nhằm “bình chú, phê phán, thảo luận” như tiêu đề của tác phẩm chứ không lấy tác phẩm vì mục đích thương mại.

Phiên toà phúc thẩm ngày 14/6/2007 có quan điểm ngược lại, bài của ông Nguyễn Quảng Tuân khi đưa vào cuốn sách không bị cắt xén, sửa chữa, xuyên tạc và có đề tên tác giả (Nguyễn Quảng Tuân), “trích dẫn” nguồn rõ ràng không nhằm mục đích kinh doanh. Cuốn sách là một tác phẩm sáng tạo toàn diện của ông Tôn. Việc trích dẫn bốn bài viết trong cuốn sách của mình là không xâm phạm quyền tác giả của ông Nguyễn Quảng Tuân.

Các trường hợp trích dẫn nêu trên phải đảm bảo không trở thành phần chính của tác phẩm mới, phần trích dẫn chỉ giới hạn trong phạm vi giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề trong tác phẩm của mình và phải ghi rõ tên tác giả, nguồn gốc tác phẩm được trích dẫn.

- Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào.

- Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy.

- Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó.

- Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.

- Nhập khẩu một bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ, những ngoại lệ trong các trường hợp cụ thể nêu trên, phải đáp ứng 3 điều kiện sau: (i) không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, (ii) không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; (iii) phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Việc sử dụng tác phẩm như vậy không áp dụng với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.

Thứ hai, những trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả. Trường hợp tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để thực hiện chương trình phát

sóng. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm phải theo quy định chặt chẽ, không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Việc sử dụng như vậy không áp dụng đối với tác phẩm điện ảnh (Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ).

Xung quanh việc bản quyền âm nhạc trên sóng phát thanh và truyền hình, ngay từ năm 2008 đã có 371 nhạc sỹ và người được hưởng quyền lợi hợp pháp của các nhạc sỹ cùng ký vào đơn kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền, kiến nghị xâm hại bản quyền¹⁸. Ở nước ta chưa thu tiền sử dụng các kênh thông thường của các đài truyền hình, phát thanh và truyền hình (trừ truyền hình cáp). Cơ sở phát thanh và truyền hình đã sử dụng tác phẩm phải trả nhuận bút, thù lao cho tác giả.

Tại các văn bản pháp luật đã có quy định rõ về quyền tác giả (trong đó có quyền của các nhạc sỹ), quyền của các tổ chức phát sóng (bao gồm các đài phát thanh, truyền hình)... Trong lĩnh vực phát sóng, tại thời điểm năm 2008 đã có 41 đài phát thanh, truyền hình ở trung ương và địa phương có thỏa thuận

¹⁸ Bảo Phượng, *Gần 400 nhạc sỹ đòi công bằng tác quyền*, Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/6/2008.

trả tiền sử dụng tác phẩm của các nhạc sỹ thông qua Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc thuộc Hội Nhạc sỹ Việt Nam¹⁹.

2.8. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả

Khác với quyền sở hữu tài sản khác, quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng chỉ được bảo hộ trong một khoảng thời gian nhất định do pháp luật quy định. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả được hiểu là thời hạn các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm được pháp luật bảo hộ. Giới hạn thời gian bảo hộ quyền tác giả có tác động đến giá trị các quyền, nhất là các quyền khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ. Trong thời hạn bảo hộ, tác giả, chủ sở hữu tác phẩm có quyền hưởng nhuận bút, thù lao hoặc lợi ích vật chất khi cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình. Sau khi hết thời hạn bảo hộ, các chủ thể được tự do sử dụng tác phẩm nên tác giả chỉ còn một số quyền nhân thân không thể chuyển giao mà không thể chi phối việc sử dụng nó hoặc yêu cầu bất cứ lợi ích vật chất nào từ việc sử dụng tác phẩm nữa (quyền tài sản). Các quyền tác giả đối với các tác phẩm có thời gian bảo hộ khác nhau, có một số quyền tác giả được bảo hộ vô thời hạn, một số quyền chỉ được bảo hộ trong một thời gian

¹⁹ *Xung quanh vụ bản quyền âm nhạc trên sóng phát thanh và truyền hình*, Báo Giáo dục và Thời đại, số 83(2008).

xác định. Theo Công ước Berne, quyền tác giả được bảo hộ ít nhất trong suốt cuộc đời của tác giả cộng với 50 năm sau khi tác giả chết. Đối với các tác phẩm khuyết danh thì thời hạn bảo hộ là 50 năm kể từ khi tác phẩm được phổ cập đến công chúng một cách hợp pháp (Điều 7).

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong Hiệp định TRIPS cũng quy định giống như trong Công ước Berne là tối thiểu 50 năm kể từ khi công bố hợp pháp, tối thiểu 50 năm kể từ ngày tác phẩm được sáng tác. Trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ quy định thời hạn bảo hộ tối thiểu 75 năm kể từ ngày công bố hợp pháp, tối thiểu 100 năm kể từ ngày tác phẩm được sáng tác (áp dụng đối với tác phẩm không tính theo đời người).

Để đảm bảo lợi ích của chủ thể được bảo hộ, khuyến khích hoạt động sáng tạo và trên cơ sở các hiệp định, điều ước quốc tế, Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ quy định thời hạn bảo hộ quyền tác giả như sau:

- Các quyền được bảo hộ vô thời hạn là các quyền nhân thân gắn liền với tác giả, không thể chuyển giao cho người khác. Đó là quyền đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc tên bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc tên bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác

sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả, kể cả trường hợp tác giả không là chủ sở hữu tác phẩm hoặc tác phẩm đã được chuyển giao cho chủ thể khác. Riêng quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm là quyền nhân thân, tuy nhiên có thể chuyển giao cho người khác nên thời hạn bảo hộ theo thời hạn bảo hộ quyền tài sản.

- Các quyền được bảo hộ trong thời hạn bao gồm quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản quy định tại Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ, cụ thể:

+ Đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình. Trong trường hợp tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ là suốt đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết, nếu tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Việc kéo dài thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là vì những nguyên nhân khác nhau, do có những trường hợp tác giả, chủ sở hữu tác phẩm không công bố tác phẩm trong thời hạn hai mươi lăm năm kể từ khi tác phẩm được định hình. Trong trường hợp này, việc quy định thời hạn bảo hộ tối đa là một trăm năm kể từ khi tác phẩm được định hình là nhằm khuyến khích tác giả, chủ sở hữu tác phẩm sớm công bố và tránh trường hợp lợi dụng để kéo dài thời hạn được bảo hộ.

+ Các tác phẩm khác có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết, trong trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Thời hạn bảo hộ trong các trường hợp nêu trên chấm dứt vào thời điểm 24h ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ quyền tác giả.

Quy định thời hạn bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam phù hợp với Công ước Berne và Hiệp định TRIPS, tạo nên sự thống nhất áp dụng khi Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) như hiện nay.

3. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền liên quan

3.1. Bảo hộ quyền liên quan theo các quy định hiện hành

Bảo hộ quyền liên quan thực hiện theo Hiệp định Thương

mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định TRIPS, song điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực quyền liên quan là Công ước về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng được ký kết tại Rome vào ngày 26/10/1961 (gọi tắt là Công ước Rome).

Theo Điều 3 Công ước Rome, một số khái niệm quyền liên quan được hiểu như sau:

Bản ghi âm: là bất kỳ một bản định hình thuần túy về âm thanh của các âm thanh của buổi biểu diễn hoặc của các âm thanh khác.

Nhà sản xuất bản ghi âm: là một cá nhân hoặc pháp nhân đầu tiên định hình âm thanh của buổi biểu diễn hoặc của các âm thanh khác.

Công bố: là cung cấp các bản sao của một bản ghi âm tới công chúng với số lượng hợp lý.

Sao chép: là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của một bản ghi âm.

Phát sóng: là việc truyền bằng phương tiện vô tuyến những âm thanh hoặc những hình ảnh và âm thanh để công chúng thu.

Tái phát sóng: là sự phát sóng đồng thời bởi một tổ chức phát sóng một buổi phát sóng của một tổ chức phát sóng khác.

Theo khoản 3 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ thì quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá. Quyền liên quan được bảo hộ cho những cá nhân, tổ chức hoạt động trong quá trình đưa tác phẩm đến công chúng. Đây là sự khác biệt giữa quyền tác giả và quyền liên quan do vậy, bảo hộ quyền này là bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của những tổ chức, cá nhân đối với những sản phẩm mà họ thực hiện mà sản phẩm của họ không phải là tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được bảo hộ với danh nghĩa là quyền tác giả.

Theo Điều 16 Luật Sở hữu trí tuệ, các tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan bao gồm:

- Người biểu diễn gồm diễn viên, ca sỹ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật. Quy định này phù hợp với điểm a Điều 3 Công ước Rome.

- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu cuộc biểu diễn sử dụng thời gian, đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để thực hiện cuộc biểu diễn đó, trừ trường hợp có thoả thuận khác với bên liên quan.

- Tổ chức, cá nhân định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh

của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác (sau đây gọi chung là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình).

- Tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng (sau đây gọi chung là tổ chức phát sóng).

Xuất phát từ đặc thù của quyền liên quan, pháp luật quy định cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá chỉ được bảo hộ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 Luật Sở hữu trí tuệ với điều kiện không gây phương hại đến quyền tác giả.

3.2. Nội dung bảo hộ và giới hạn quyền liên quan

3.2.1. Nội dung bảo hộ quyền liên quan

a) Bảo hộ quyền của người biểu diễn

Người biểu diễn là người thực hiện các hoạt động sáng tạo trong việc thể hiện các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học của các tác giả. Người biểu diễn bao gồm các diễn viên, ca sỹ, vũ công, nhạc công và những người khác đóng vai diễn, đọc, ngâm, trình bày hoặc các thể hiện khác tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học.

Chủ thể biểu diễn là những người thực hiện các hoạt động biểu diễn. Trong trường hợp người biểu diễn đồng thời là chủ đầu tư thì có các quyền nhân thân và các quyền

tài sản đối với cuộc biểu diễn. Nếu người biểu diễn không đồng thời là chủ đầu tư thì người biểu diễn có các quyền nhân thân và chủ đầu tư có các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn.

Các khách thể quyền biểu diễn là các cuộc biểu diễn tác phẩm của tác giả do người biểu diễn thực hiện tại lãnh thổ quốc gia và nước ngoài. Khi đề cập tới việc xâm hại quyền của người biểu diễn, chúng ta hiểu rằng các khách thể quyền biểu diễn bị khai thác, sử dụng bất hợp pháp. Trường hợp cuộc biểu diễn được định hình trên bản ghi âm, ghi hình thì nó được bảo hộ quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Nếu người biểu diễn đầu tư tài chính và các điều kiện vật chất khác cho việc định hình bản ghi âm, ghi hình thì họ đồng thời là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình.

Đối tượng bảo hộ quyền biểu diễn chính là các quyền nhân thân và quyền tài sản của người biểu diễn đối với cuộc biểu diễn. Quyền nhân thân của người biểu diễn bao gồm quyền được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn; quyền bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại tới danh dự, uy tín của người biểu diễn. Người biểu diễn có các quyền độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác

thực hiện các quyền tài sản sau: định hình cuộc biểu diễn trực tiếp của mình trên bản ghi âm, ghi hình; sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình (sao chép trực tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình là việc tạo ra các bản sao khác từ chính bản ghi âm, ghi hình đó; sao chép gián tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình là việc tạo ra các bản sao khác không từ chính bản ghi âm, ghi hình đó, như việc sao chép từ mạng thông tin điện tử, chương trình phát sóng, dịch vụ mạng bưu chính viễn thông liên quan và các hình thức tương tự khác); phát sóng hoặc truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn của mình chưa được định hình mà công chúng có thể tiếp cận được, trừ trường hợp cuộc biểu diễn đó nhằm mục đích phát sóng (truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn chưa định hình là việc phổ biến nó đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào trừ phát sóng); phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao cuộc biểu diễn của mình thông qua hình thức bán, cho thuê hoặc phân phối bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Trong trường hợp nhiều người tham gia biểu diễn thì có thể chọn người đại diện thực hiện các quyền nêu trên.

Quyền nhân thân và quyền tài sản nêu trên chỉ thuộc người biểu diễn khi họ không gây phương hại tới quyền tác

giả. Những tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các quyền tài sản phải trả thù lao cho người biểu diễn theo quy định pháp luật và theo thỏa thuận.

Thời hạn bảo hộ quyền của người biểu diễn: quyền của người biểu diễn được bảo hộ 50 năm tính từ năm tiếp theo năm cuộc biểu diễn được định hình và kết thúc vào lúc 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ. Thời hạn này được quy định tại Công ước Rome là 20 năm, kể từ khi cuộc biểu diễn định hình hoặc thực hiện.

b) Bảo hộ quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình

Nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình là tổ chức thực hiện các hoạt động sáng tạo của những người liên quan, đồng thời áp dụng những công nghệ phù hợp để chuyển tải tác phẩm thuộc quyền tác giả đến công chúng thông qua việc sản xuất ra bản ghi âm.

Nhà sản xuất bản ghi âm là một cá nhân hoặc một pháp nhân đầu tiên định hình âm thanh của các âm thanh của cuộc biểu diễn hoặc các ghi âm khác.

Bản ghi âm là bất kỳ một bản định hình nào về các âm thanh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh khác dành riêng cho cơ quan thính giác.

Âm thanh các cuộc biểu diễn và các hình ảnh cùng được

định hình, vì vậy một số quốc gia trong đó có Việt Nam gọi là “Bản ghi âm, ghi hình”. Tuy nhiên, bản ghi âm, ghi hình này không bao gồm tác phẩm điện ảnh, hoặc tác phẩm được tạo ra tương tự như tác phẩm điện ảnh.

Chủ thể quyền đối với bản ghi âm là những cá nhân, tổ chức đầu tư tài chính và các điều kiện vật chất khác quyết định việc hình thành bản ghi âm. Họ là chủ sở hữu đối với bản ghi âm, được hưởng các quyền tài sản đối với bản ghi âm.

Khách thể quyền của nhà sản xuất bản ghi âm là các bản ghi âm. Tại Việt Nam, nó có thể bao gồm cả ghi hình nên được gọi bản ghi âm, ghi hình. Theo Công ước Rome, quốc tịch là tiêu chí để xác định bản ghi âm của một nước thành viên. Tương tự như vậy, định hình lần đầu cũng là tiêu chí để các quốc gia thành viên dành sự bảo hộ cho bản ghi âm, ghi hình của các nước thành viên khác.

Nội dung quyền đối với bản ghi âm, ghi hình chính là độc quyền hoặc cho phép người khác thực hiện của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, bao gồm các quyền: sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình của mình; nhập khẩu, phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao bản ghi âm, ghi hình của mình thông qua hình thức bán, cho thuê hoặc phân phối bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được, chẳng hạn phân phối trên mạng thông tin điện tử.

Sao chép trực tiếp bản ghi âm, ghi hình là việc tạo ra các bản sao khác từ chính bản ghi âm, ghi hình đó. Sao chép gián tiếp bản ghi âm, ghi hình là việc tạo ra các bản sao khác không từ chính bản ghi âm, ghi hình đó như việc sao chép từ mạng thông tin điện tử, chương trình phát sóng, dịch vụ mạng buro chính viễn thông hoặc các hình thức tương tự khác.

Trường hợp sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích hoạt động thương mại, để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ. Tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã công bố trong hoạt động kinh doanh, thương mại không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao theo thỏa thuận cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng kể từ khi sử dụng. Trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc khởi kiện ra tòa.

Thời hạn bảo hộ quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình theo pháp luật Việt Nam là 50 năm tính từ năm tiếp theo

năm công bố hoặc 50 năm kể từ năm tiếp theo năm bản ghi âm, ghi hình được định hình, nếu bản ghi âm, ghi hình chưa được công bố. Công ước Geneve và Công ước Rome quy định thời hạn bảo hộ tối thiểu không ít hơn 20 năm, kể từ khi kết thúc năm mà bản ghi âm được định hình lần đầu, hoặc của năm mà bản ghi âm được công bố lần đầu.

c) Bảo hộ quyền của tổ chức phát sóng

Tổ chức phát sóng là chủ sở hữu đối với chương trình phát sóng do mình thực hiện. Tổ chức phát sóng bao gồm các đài phát thanh, đài truyền hình.

Khách thể quyền phát sóng: nếu tổ chức phát sóng là chủ thể quyền đối với chương trình phát sóng, thì các khách thể quyền phát sóng là các chương trình phát sóng. Khi đề cập tới việc xâm hại quyền của tổ chức phát sóng là việc sử dụng bất hợp pháp các khách thể này.

Nội dung quyền của tổ chức phát sóng là độc quyền do tổ chức phát sóng tự thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện. Các quyền này bao gồm: quyền phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng của mình; quyền phân phối đến công chúng chương trình phát sóng của mình; quyền định hình chương trình phát sóng của mình; quyền sao chép bản định hình chương trình phát sóng của mình.

Phát sóng là việc truyền bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến âm thanh hoặc những hình ảnh và âm thanh để công chúng có thể tiếp nhận được.

Tái phát sóng là việc phát sóng đồng thời bởi một tổ chức phát sóng một chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác. Tiếp sóng cũng được hiểu là tái phát sóng.

Tổ chức phát sóng được hưởng quyền lợi vật chất khi cho phép các tổ chức, cá nhân sử dụng quyền tài sản của mình để được ghi âm, ghi hình, phân phối đến công chúng.

Thời hạn bảo hộ quyền của tổ chức phát sóng là 50 năm, tính từ năm tiếp theo năm chương trình phát sóng được thực hiện và kết thúc vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ.

Theo Công ước Rome, thời hạn bảo hộ quyền của tổ chức phát sóng đối với chương trình phát sóng được kéo dài ít nhất cho đến khi kết thúc thời hạn 20 năm, kể từ cuối năm phát sóng đối với các chương trình phát sóng.

3.2.2. Giới hạn quyền liên quan

Cũng như quyền tác giả, quyền liên quan cũng chịu những giới hạn nhất định. Những giới hạn này hạn chế độ quyền của chủ sở hữu quyền liên quan ở mức độ hợp lý vì mục đích bảo vệ lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội sử

dụng trong một số trường hợp. Đó là các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao.

Thứ nhất, đối với các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả nhuận bút, thù lao theo Điều 32 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

Một là, tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học của cá nhân.

Pháp luật quy định sao chép nhằm: (i) Mục đích nghiên cứu khoa học được hiểu là phục vụ việc thực hiện các công trình khoa học được giao mà không phải các mục đích khác như giải trí, tặng cho, lưu niệm... (ii) Nghiên cứu khoa học của cá nhân. Xác định thế nào là mục đích của cá nhân, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, việc sao chép để phục vụ cho chính người đó, nhóm người đó thực hiện nhiệm vụ được giao về lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc sao chép để sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học của cá nhân là một ngoại lệ, chứ không phải là một quyền dành cho người sử dụng. Ví dụ, trường hợp đĩa gốc đã cài một số biện pháp kỹ thuật chống sao chép (TPM), có thể ghi trên vỏ đĩa hoặc không ghi trên vỏ đĩa thì người sử dụng không có quyền khiếu nại về quyền sao chép cá nhân của họ bị cản trở.

Thực tiễn áp dụng pháp luật của các nước, vấn đề “mục đích cá nhân” còn nhiều quan điểm khác nhau nhất là trong điều kiện kỹ thuật số phát triển như hiện nay, việc sao chép các tác phẩm diễn ra khá phổ biến.

Ở Pháp: Một sinh viên tải từ mạng Internet một số tác phẩm, sau đó ghi vào đĩa CD-ROM. Sinh viên này viện dẫn quyền được sao chép để sử dụng vào mục đích cá nhân (đã tìm thấy 448 đĩa CD-ROM tại nơi ở của đương sự).

Khi giải quyết còn nhiều quan điểm khác nhau: Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng RODEZ tuyên bố trắng án, Tòa án phúc thẩm MONTPELLIER giữ nguyên bản án sơ thẩm với lập luận: “Bị cáo khai nhận đã tiến hành sao chép chỉ để sử dụng vào mục đích cá nhân. Không có bằng chứng nào cho thấy bị cáo đã phổ biến bản sao chép đến nhiều người”. Tòa phúc thẩm AIX EN PROVINCE đã nhận định sinh viên đó đã cho bạn bè mượn mười bảy đĩa CD-ROM là việc chia sẻ với bạn bè nên vượt ra khỏi khuôn khổ mục đích cá nhân²⁰.

Hai là, tự sao chép một bản nhằm mục đích giảng dạy, trừ trường hợp các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được công bố để giảng dạy.

²⁰ Phạm Thanh Tùng, *Hoàn thiện pháp luật về quản lý tập thể quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn cao học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2011.

Ba là, trích dẫn hợp lý nhằm mục đích cung cấp thông tin.

Trích dẫn hợp lý là việc sử dụng các đoạn nhằm mục đích thuần túy đưa tin, phải phù hợp với các điều kiện sau: Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề trong việc cung cấp thông tin; số lượng và thực chất của phần trích dẫn từ cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, quyền của tổ chức phát sóng đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sử dụng để trích dẫn (Điều 33 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP).

Chẳng hạn, trong một số tiết mục múa có trích đoạn một số phim tài liệu để minh họa và làm sống động thêm tiết mục biểu diễn.

Bốn là, tổ chức phát sóng tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng. Bản sao tạm thời được hiểu là bản định hình có thời hạn, do tổ chức phát sóng thực hiện bằng các phương tiện thiết bị của mình, nhằm phục vụ cho buổi phát sóng ngay sau đó của chính tổ chức phát sóng.

Tổ chức, cá nhân sử dụng ngoại lệ thuộc bốn trường hợp trên không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình

thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

Thứ hai, đối với các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao theo thoả thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng, bao gồm:

Một là, trường hợp sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại để thực hiện chương trình phát sóng dưới bất kỳ hình thức nào. Sử dụng trực tiếp được hiểu là dùng đúng bản ghi âm, ghi hình để phát sóng bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, môi trường kỹ thuật số để công chúng có thể tiếp nhận tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn. Sử dụng gián tiếp được hiểu là việc tiếp sóng, phát lại chương trình đã phát sóng, chuyển chương trình trong môi trường kỹ thuật số lên sóng.

Trong thực tế, nhiều chủ sở hữu quyền liên quan đã được hưởng nhuận bút và thù lao từ việc sử dụng nêu trên. Cụ thể, Đài truyền hình Việt Nam và Đài phát thanh và truyền hình của nhiều tỉnh, thành phố đã thanh toán tiền cho chủ sở hữu khi sử dụng các tác phẩm và bản ghi âm, ghi hình vì mục đích

thực hiện các quảng cáo. Hãng hàng không Việt Nam đã mua bản quyền các bản ghi âm, ghi hình để phát trên các tuyến hàng không.

Hai là, trường hợp sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã được công bố trong hoạt động kinh doanh thương mại. Đó là việc cá nhân, tổ chức sử dụng cả trực tiếp và gián tiếp trong các hoạt động như sử dụng tại nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, siêu thị; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ bưu chính viễn thông, môi trường kỹ thuật số trong các hoạt động du lịch, hàng không, giao thông công cộng khác.

Mặc dù đã có quy định của pháp luật nhưng thực tế nhóm các đơn vị sử dụng tác phẩm với số lượng lớn, thời lượng nhiều như nhà hàng, khách sạn, quán bar, cơ sở kinh doanh karaoke, chủ sở hữu một số trang web... thường xuyên sử dụng không trả tiền các tác phẩm đã công bố. Các tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm không thể kiểm soát được tác phẩm của mình được sử dụng ở mức độ nào, ai sử dụng mà thường uỷ thác cho tổ chức đại diện quản lý tập thể của mình như Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC). Với chức năng của mình VCPMC chỉ gửi văn bản yêu cầu, thương thuyết, ký hợp đồng với những đơn vị có thiện chí nên dẫn đến thực trạng pháp luật không được thực thi triệt để, thiếu công bằng đối với các đơn vị cùng sử dụng tác phẩm. Vì vậy,

ngày 31/12/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan trong cả nước. Để tạo “văn hoá sở hữu trí tuệ” phải sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp nhưng trước hết phải sử dụng các biện pháp hành chính mạnh mới tạo ra sự nhận thức và thực hiện triệt để các quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân sử dụng những quyền trong các trường hợp nêu trên không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

4. Quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan

Quyền tác giả là một quyền tài sản có thể là đối tượng trong các giao dịch dân sự, cho nên các tác giả phải biết quản lý, khai thác khía cạnh kinh tế của nó để tái đầu tư phục vụ hoạt động sáng tạo của mình. Trên thực tế, các tác giả có thể tự mình quản lý quyền này nhưng trước nhu cầu nhanh chóng được sử dụng tác phẩm của nhiều người, ở nhiều nơi khác nhau dưới các hình thức khác nhau thì vấn đề quản lý nhà

nước về quyền tác giả được thực hiện tập thể thông qua một tổ chức đại diện cho các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả cần phải đặt ra.

“Trong cơ cấu của một hệ thống quản lý tập thể, chủ sở hữu quyền tác giả uỷ quyền cho tổ chức quản lý tập thể giám sát việc sử dụng tác phẩm của họ, thương lượng với những người sử dụng, cấp phép cho họ với mức nhuận bút, thù lao hợp lý dựa trên một hệ thống biểu giá và theo những điều kiện thích hợp, thu tiền nhuận bút, thù lao và phân phối lại khoản tiền ấy cho các chủ sở hữu quyền tác giả. Các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả trên thế giới thường là các tổ chức phi lợi nhuận, được thành lập dưới dạng hội, tổ chức phi Chính phủ hoặc tổ chức xã hội dân sự. Mức độ “tập thể hoá” của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả có thể khác nhau: Tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả “đầy đủ” sẽ thực hiện hoạt động cấp phép chung, thu và phân phối tiền nhuận bút, thù lao cho các chủ sở hữu quyền theo những nguyên tắc nhất định (thường được áp dụng với các tổ chức quản lý tập thể quyền biểu diễn tác phẩm âm nhạc). Tuy nhiên, có tổ chức chỉ đóng vai trò đại diện tập thể, còn việc cấp phép là do các chủ sở hữu quyền trực tiếp thực hiện và họ sẽ trực tiếp thu và hưởng tiền nhuận bút, thù lao (thường được áp dụng trong trường hợp quản lý tập thể quyền tác giả đối với tác phẩm kịch); có tổ chức thực hiện hoạt động cấp phép chung nhưng lại không

trực tiếp phân phối tiền nhuận bút, thù lao cho các chủ sở hữu quyền tác giả riêng lẻ mà phân phối cho các tổ chức khác đại diện cho các nhóm chủ sở hữu quyền tác giả, ví dụ như trong trường hợp quản lý tập thể các quyền sao chép bằng hình thức sao chụp”²¹.

Hiện nay ở nước ta, vấn đề quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan còn khá mới mẻ nhưng ở các quốc gia phát triển, vấn đề này lại rất được quan tâm. Từ các quốc gia đơn lẻ, năm 1926, mười sáu hiệp hội tổ chức quyền biểu diễn đã thành lập Hiệp hội các Nhà soạn nhạc và lời quốc tế (CISAC) với mục tiêu cơ bản là quản lý tập thể quyền tác giả. Hiện nay có các tổ chức quốc tế về quản lý tập thể quyền tác giả gồm: Hiệp hội Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI), Hiệp hội các Nhà soạn nhạc và lời quốc tế (CISAC), Hiệp hội Quản lý các tác phẩm nghe nhìn quốc tế (AGICOA) và Liên hiệp Quốc tế các tổ chức quyền sao chép (IFRRO). Việt Nam cũng đã là thành viên của hai tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả quốc tế là CISAC và IFRRO. Các quốc gia đều khuyến khích các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ra đời để tạo ra tiếng nói chung, nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả, quyền liên quan. Lợi ích của các tổ chức này đem lại là tạo ra sự

²¹ Phạm Thanh Tùng, tldd, tr. 14.

đồng thuận cao, hạn chế sự xâm phạm đối với các tác phẩm, thiết lập các hợp đồng đối với những người sử dụng tác phẩm và thu tiền thù lao để tái sản xuất cho các chủ thể sáng tạo thông qua các hợp đồng độc quyền khai thác.

Theo quy định tại Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ thì tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan được gọi là “tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan” là tổ chức phi lợi nhuận do các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thỏa thuận thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan. Tuy nhiên, như phân tích ở trên thì đại diện tập thể mới chỉ là một hình thức đơn giản của quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan. Vì vậy, cụm từ này phải được hiểu là “tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả” thì mới thể hiện đầy đủ ý nghĩa, vai trò của nó²².

Ở Việt Nam, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

- Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) thuộc Hội Nhạc sỹ Việt Nam.

- Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam (VLCC) thuộc Hội Nhà văn Việt Nam.

²² Phạm Thanh Tùng, tldd, tr. 16.

- Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV).
- Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO)

Theo uỷ quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện các hoạt động sau đây:

“a) Thực hiện việc quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; đàm phán cấp phép, thu và phân chia tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác từ việc cho phép khai thác các quyền được uỷ quyền;

b) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên; tổ chức hòa giải khi có tranh chấp”²³.

Trong thực tế, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đang có tại Việt Nam chủ yếu thực hiện hoạt động thứ nhất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ, tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có các quyền và nhiệm vụ sau:

“a) Thực hiện các hoạt động khuyến khích sáng tạo và các hoạt động xã hội khác;

b) Hợp tác với các tổ chức tương ứng của tổ chức quốc tế

²³ Khoản 2 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ.

và của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Báo cáo theo định kỳ và đột xuất về hoạt động đại diện tập thể cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 11 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã quy định cụ thể những điều kiện mà một tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải bảo đảm khi tiến hành các hoạt động, như sau:

“1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ khi hoạt động phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan uỷ quyền.

b) Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải có hợp đồng uỷ quyền bằng văn bản với các chủ thể quyền về việc quản lý một quyền, một nhóm quyền cụ thể.

c) Việc thu, phân phối tiền nhuận bút, thù lao và các

quyền lợi vật chất được phát sinh từ việc khai thác quyền, nhóm quyền quy định tại Điều lệ hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và hợp đồng ủy quyền.

2. Trong trường hợp tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều tổ chức đại diện tập thể được ủy quyền đại diện cho các quyền, nhóm quyền khác nhau, các bên có thể thỏa thuận để một tổ chức thay mặt đàm phán cấp phép sử dụng, thu và phân chia tiền, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi thực hiện.

3. Việc quản lý, thu và phân phối tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định sau:

a) Việc thu, phân phối tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch;

b) Tổ chức đại diện tập thể được giữ lại một khoản tiền phù hợp trên tổng số tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất thu được để chi phí cho việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chức trên cơ sở thỏa thuận với người ủy quyền. Mức tiền giữ lại được điều chỉnh phù hợp với hiệu quả của hoạt động đại diện tập thể trên cơ sở thỏa thuận với người ủy quyền

và có thể được xác định bằng tỷ lệ phần trăm trên tổng số tiền thu được;

c) Việc thu và phân phối tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất từ các tổ chức tương ứng của nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối.

4. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện chế độ báo cáo 6 tháng, một năm hoặc đột xuất theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

a) Báo cáo gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính bao gồm các nội dung: sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế hoạt động; thay đổi nhân sự lãnh đạo; tham gia các tổ chức quốc tế; các hoạt động đối ngoại khác; biểu giá, phương thức thanh toán nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất; chương trình kế hoạch dài hạn và hàng năm; tình hình hoạt động, ký hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cấp phép sử dụng; hoạt động thu, mức thu, phương thức phân phối, cách thức thực hiện việc phân phối tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất; các hoạt động liên quan khác;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.”

Như vậy, tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan khác với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thông thường khác như Hội Nhạc sỹ Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam... Các hiệp hội này tuy cũng đại diện cho quyền lợi của hội viên nhưng không chính thức là người đại diện theo ủy quyền trong các giao dịch và cũng không có chức năng thu tiền bản quyền thay cho hội viên.

Thông qua các tổ chức quản lý tập thể, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan có thể ủy quyền cho tổ chức quản lý tập thể giám sát việc sử dụng tác phẩm, thương lượng với người sử dụng, cấp phép, thỏa thuận mức thù lao và phân bổ thù lao nhận được cho chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan. Quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan mang lại nhiều lợi ích:

Thứ nhất, đơn giản hóa các thủ tục, theo đó người sử dụng tiếp cận các tác phẩm một cách đơn giản nhất chỉ thông qua một đầu mối mà không phải thông qua nhiều chủ thể, nhiều lần thương lượng. Vì vậy thời gian đàm phán giảm và chi phí giao dịch thấp. Chẳng hạn, một Đài phát thanh - truyền hình địa phương muốn sử dụng mười tác phẩm âm nhạc thì chỉ cần thông qua Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam thay vì phải đàm phán và ký hợp đồng với mười nhạc sỹ.

Thứ hai, đảm bảo sự kiểm soát khi có nhiều cá nhân, tổ chức sử dụng ở nhiều nơi, nhiều thời điểm khác nhau. Việc sử dụng tác phẩm được giám sát bởi tổ chức được ủy quyền và thu phí để phân phối lại cho chủ sở hữu tác phẩm vừa khai thác có hiệu quả giá trị kinh tế của tác phẩm vừa khuyến khích vật chất, sự chuyên tâm sáng tạo ra các tác phẩm có giá trị cho xã hội.

Việc ủy quyền của chủ sở hữu tác phẩm cho các tổ chức quản lý tập thể thông qua các hợp đồng, nội dung của hợp đồng thể hiện phạm vi ủy quyền. Thông qua các hợp đồng cho thấy việc ủy quyền (thường gọi ủy thác) thông thường được thể hiện qua hình thức ủy quyền toàn bộ từ việc cấp phép khai thác, giám sát thực hiện, thương lượng mức thù lao, nhận thù lao và phân phối lại cho chủ sở hữu tác phẩm... Cũng có những trường hợp chủ sở hữu tác phẩm chỉ ủy quyền một phần, theo đó chủ sở hữu tác phẩm ký hợp đồng trực tiếp với cá nhân, tổ chức sử dụng nhưng tổ chức quản lý tập thể thực hiện giám sát và thu tiền thù lao.

Hiện nay, Việt Nam đã có một hệ thống các quy định của pháp luật khá đầy đủ về bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan nhưng vấn đề xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan vẫn xảy ra khá phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì vậy, vai trò của các tổ chức quản lý tập thể càng có ý nghĩa quan trọng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ

quyền tác giả và quyền liên quan. Vai trò của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta trong thời gian qua đã được khẳng định không chỉ dừng lại ở việc thu và phân phối tiền bản quyền mà còn thúc đẩy các lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần cho các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm. Tuy nhiên, quá trình quản lý tập thể còn nhiều mới mẻ, tính chuyên nghiệp hóa chưa cao nên vẫn còn nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn cần hoàn thiện về quy định, về cơ chế thực hiện, về nhận thức...

Chẳng hạn, trường hợp tranh chấp²⁴ giữa Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV) cho rằng Tập đoàn Nokia và Tập đoàn FPT (gồm dịch vụ truyền hình qua Internet - IPTV của Công ty cổ phần viễn thông FPT, trang web nhacso.net thuộc Công ty cổ phần dịch vụ trực tuyến FPT) đã xâm phạm bản quyền các tác giả âm nhạc thuộc sở hữu của các thành viên RIAV. Theo Quyết định số 31/2003/QĐ-BNV ngày 16/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập RIAV quy định rõ mục đích hoạt động của Hiệp hội là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà sản xuất đối với các chương trình băng đĩa ghi âm. RIAV là đơn vị duy nhất được ủy thác quyền từ các hãng băng ghi âm nên có quyền đại diện sở hữu của trên 32.000 tác phẩm của các trung tâm, các hãng sản xuất thành viên. Khi

²⁴ Xem thêm: www.phapluatngaynay.vn: Website nhạc số bị kiện bản quyền: Vì sao? (truy cập 03/9/2013).

mua một máy Nokia 53, người mua được tặng thẻ khuyến mãi (thẻ gate) trong đó có mã số (code) để truy cập vào kho nhạc chứa 10.000 bài hát ở trang web mp3.nhacso.net/nokia. RIAV khẳng định rằng, Hiệp hội chưa hề bán bất cứ một tác phẩm ghi âm, ghi hình cho hai đơn vị trên.

Theo Điều 33 Luật Sở hữu trí tuệ, khi một cá nhân, tổ chức sử dụng bản ghi âm, ghi hình vào mục đích thương mại không phải xin phép nhưng có nghĩa vụ trả tiền cho các chủ sở hữu quyền (trong đó có nhà sản xuất ghi âm, ghi hình). Các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm vào mục đích kinh doanh (phim trực tuyến, nhạc chờ, nhạc chuông...) phải trả hai khoản: tiền bản quyền (quyền tác giả) và bản quyền ghi âm cho nhà sản xuất. Để ghi âm một tác phẩm ngoài việc trả tiền cho chủ sở hữu tác phẩm còn có các chi phí khác như: biên tập, hòa âm, phối khí... nên chi phí thường rất cao. Thực tế khi sử dụng, một số cá nhân, tổ chức trả bản quyền tác giả nhưng lại “lờ đi” việc trả tiền ghi âm cho đơn vị sản xuất dẫn đến sự vi phạm và xảy ra tranh chấp. Trong thời gian qua, RIAV đã cấp phép sử dụng bản ghi cho các tổ chức trên các trang web: yeuamnhac.com, nhac.vui.vn, socbay.com, pops.vn... Song trên thực tế, một số đơn vị sử dụng đã đàm phán trực tiếp với các đơn vị sản xuất băng đĩa, sau đó mua vài chục tác phẩm nhưng lại đương nhiên sử dụng không xin phép tất cả các tác phẩm của đơn vị sản xuất. Nếu không có sự minh

bach, rõ ràng sẽ rất khó khăn cho tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đàm phán và giám sát do thiếu thông tin, thời hạn sử dụng và mức độ sử dụng. Để hạn chế tối đa việc xâm phạm thì giữa các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải có sự thống nhất cao thông qua hợp đồng ủy quyền, trong đó thể hiện rõ phạm vi ủy quyền toàn bộ hay ủy quyền một phần để xác định rõ quyền và nghĩa vụ của đơn vị sản xuất băng đĩa cũng như trách nhiệm của RIAV.

Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) đã nhận ủy thác của hơn ba ngàn tác giả, nhạc sỹ. VCPMC được Hội nhạc sỹ Việt Nam thành lập theo Quyết định số 19/2002/QĐ-NS ngày 19/4/2002 của Tổng Thư ký Hội Nhạc sỹ Việt Nam để quản lý tập thể đối với các quyền tác giả âm nhạc được ủy thác và khai thác, bảo vệ các quyền tác giả đối với các tác phẩm âm nhạc được pháp luật công nhận bảo hộ trên cơ sở hợp đồng ủy thác quyền tác giả. Tuy nhiên một số đài truyền hình, đài tiếng nói vừa qua cho rằng tự chi trả tiền bản quyền cho các nhạc sỹ mà không qua VCPMC với lý do bị mất 25% phí cho trung tâm. Như vậy, việc làm trên là chưa phù hợp bởi lẽ chức năng của VCPMC đã được khẳng định tại Điều lệ của VCPMC. Hơn nữa, giữa các tác giả và VCPMC đã có hợp đồng ủy thác trong đó có quy định rằng, “trong suốt thời hạn hợp đồng này, bên A (tác

giả) không ký hợp đồng chuyển giao, chuyển nhượng hay cho phép công bố, phổ biến, sử dụng tác phẩm ủy quyền hoặc trực tiếp nhận tiền sử dụng tác phẩm cho/từ bất cứ một bên nào khác, trừ trường hợp bên A được bảo lưu các quyền “Quyền khai thác và phổ biến tác phẩm trong vòng một năm kể từ ngày được công bố; các quyền và thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng tác phẩm mà bên A đã ký kết với bất kỳ một bên thứ ba trước khi ký hợp đồng này. Các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm đã có hợp đồng ủy thác cho VCPMC thì không được trực tiếp nhận tiền bản quyền từ đài truyền hình, đài tiếng nói hay bất kỳ bên thứ ba nào”. Đây là sự cam kết thỏa thuận giữa VCPMC với các tác giả hay chủ sở hữu tác phẩm thông qua hợp đồng hợp pháp. Trường hợp tác giả hay chủ sở hữu tác phẩm đã ủy thác hoàn toàn cho VCPMC nhưng sau đó lại nhận tiền trực tiếp từ cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm là vi phạm hợp đồng, dẫn đến tình trạng rất khó kiểm soát các tác phẩm âm nhạc được sử dụng.

Vấn đề thực thi quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, quản lý tập thể quyền tác giả còn mới mẻ, do đó, vai trò của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả cần được nhận thức một cách đúng đắn góp phần đảm bảo quản lý một cách hữu hiệu và bảo vệ thiết thực quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm (nhất là trong lĩnh vực âm nhạc).

5. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan là việc tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nộp đơn và hồ sơ kèm theo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (khoản 1 Điều 49 Luật Sở hữu trí tuệ). Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới không coi việc đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan là yếu tố bắt buộc để bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, bởi các quyền này được bảo hộ một cách tự động khi tác phẩm được hình thành và định hình dưới một hình thức vật chất nhất định. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ, thì quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký; quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả.

Tuy nhiên, do việc thực thi quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trong thời gian qua chưa hiệu quả, có rất nhiều

trường hợp các tác phẩm bị chiếm đoạt, khó khăn trong việc xác định tác giả thực sự nên việc đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan hiện nay được coi là một cơ chế hỗ trợ không bắt buộc để bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan. Theo khoản 2 Điều 49 Luật Sở hữu trí tuệ: “*Việc nộp đơn để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật này*”.

Cơ chế hỗ trợ không bắt buộc nghĩa là tác giả có thể lựa chọn việc đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan hoặc không đăng ký, và điều này không ảnh hưởng đến quyền được bảo hộ của tác giả. Việc đăng ký ở đây chỉ mang ý nghĩa xác nhận quyền đối với tác phẩm, chứ không có ý nghĩa chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan thuộc về người đăng ký, người đứng tên trong Giấy chứng nhận, vì nếu có cá nhân, tổ chức khác có bằng chứng chứng minh được việc người đã đăng ký, đứng tên không phải là tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan thì người đăng ký, đứng tên đó cũng không được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm. Việc đăng ký không phải nhằm mục đích xác lập quyền mà có những lợi ích sau đây:

Một là, trường hợp các chủ thể quyền thực hiện việc đăng ký các quyền của mình tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

thì không phải thực hiện nghĩa vụ chứng minh khi có tranh chấp, trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại.

Hai là, thông tin liên quan đến đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan được ghi nhận và công bố công khai trên “Niên giám đăng ký quyền tác giả Việt Nam” hàng năm; và được đưa lên website của Cục Bản quyền tác giả. Thông tin về quyền tác giả, quyền liên quan được công bố công khai rất thuận tiện cho việc tra cứu, liên hệ để khai thác, sử dụng tác phẩm, tránh được những đầu tư sáng tạo trùng lặp tốn thời gian, tiền bạc, công sức hoặc phát hiện các hành vi khai báo gian dối. Qua thông tin đăng ký, công chúng còn được tiếp cận với kho tài sản trí tuệ của nhân loại, phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, cung cấp nguồn tư liệu về hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội...

Ba là, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được coi là một trong những căn cứ ban đầu về quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng, tạo thuận tiện trong việc khai thác, sử dụng tác phẩm, chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu²⁵. Thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền

²⁵ Vũ Ngọc Hoan, *Bản quyền tác giả - Quy trình và thủ tục đăng ký quyền tác giả và đăng ký quyền liên quan*, Hội thảo tập huấn hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, ngày 14/11/2008, tr.4.

liên quan rất đơn giản do thủ tục này không đòi hỏi phải có quá trình thẩm định về mặt nội dung. Nguyên nhân sâu xa là do quyền tác giả, quyền liên quan được bảo hộ khi tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ. Việc đăng ký chỉ đòi hỏi người đăng ký hoàn thành hồ sơ yêu cầu đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

(i) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan (theo mẫu trên trang web của Cục Bản quyền tác giả - www.cov.gov.vn). Tờ khai được làm bằng tiếng Việt, được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan (hoặc người được ủy quyền hợp pháp nộp đơn) ký tên và ghi đủ thông tin về người nộp đơn và các nội dung khác theo mẫu quy định.

(ii) Hai (02) bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc hai bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan.

Những tác phẩm có đặc thù riêng như tượng, tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng gắn với công trình kiến trúc, tác phẩm có kích thước quá lớn, công kênh thì bản sao tác phẩm đăng ký được thay thế bằng ảnh chụp không gian ba chiều.

(iii) Giấy ủy quyền nếu người nộp đơn là người được ủy quyền.

(iv) Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa.

(v) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả.

(vi) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung.

Các tài liệu trên (trừ tờ khai đăng ký) nếu làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và có công chứng/chứng thực.

Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan tại bộ phận đăng ký, Phòng Thông tin quyền tác giả, Cục Bản quyền tác giả hoặc Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng hoặc nộp đơn tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan cư trú hoặc có trụ sở. Sau đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục Bản quyền tác giả xem xét, giải quyết chấp nhận hay từ chối đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan (theo quy định tại Điều 57 Luật Sở hữu trí tuệ) có quyền đại

diện cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan tiến hành nộp đơn theo yêu cầu.

Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan là mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

Khi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thì Cục Bản quyền tác giả tiến hành cấp lại, đổi Giấy chứng nhận.

Khi người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã đăng ký không thuộc đối tượng bảo hộ thì Cục Bản quyền tác giả có quyền hủy bỏ hiệu lực các giấy chứng nhận đã cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam (Điều 53 Luật Sở hữu trí tuệ).

Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Quản lý nhà nước về quyền tác giả

6.1. Khái niệm chung về quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước, sử dụng pháp luật của Nhà nước để điều chỉnh hành vi của con người trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, do các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của con người, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội. Quản lý nhà nước là chức năng quan trọng nhất, vận hành thường xuyên bằng bộ máy nhà nước, bảo đảm mọi hoạt động của xã hội cũng như trên từng lĩnh vực đời sống xã hội vận động theo một hướng, đường lối nhất định do Nhà nước định ra. Quá trình quản lý nhà nước bắt đầu từ việc xác định mục tiêu đến khi đạt được hiệu quả thực tế, tạo thành một chu kỳ quản lý, liên tục nối tiếp nhau.

Chủ thể quản lý nhà nước là cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện quản lý. Đối tượng quản lý nhà nước là các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong một quốc gia, là sinh hoạt,

đời sống của xã hội diễn ra trên từng lĩnh vực. Quản lý nhà nước được giới hạn trong phạm vi lãnh thổ quốc gia và được phân biệt với quản lý mang tính chất nội bộ một tổ chức xã hội, đoàn thể, đơn vị, xí nghiệp, một cộng đồng dân cư mang tính tự quản. Nhà nước quản lý xã hội thông qua nhiều công cụ khác nhau, trong đó pháp luật là công cụ chủ yếu để quản lý nhà nước.

Hiện có các quan niệm về quản lý nhà nước có thể khác nhau về cách diễn đạt nhưng đều thống nhất cho rằng quản lý nhà nước là sự tác động mang tính quyền lực nhà nước của chủ thể quản lý lên các đối tượng quản lý nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Việc tác động ở đây là sự tác động của các chủ thể được Nhà nước trao quyền, sự tác động đó phải bằng phương tiện pháp luật lên các đối tượng chịu sự quản lý của Nhà nước nhằm thực hiện một cách tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, bao gồm:

- Hoạt động của cơ quan lập pháp, như xây dựng ban hành pháp luật, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp để thực hiện những mục tiêu nhất định.
- Hoạt động của cơ quan hành pháp, như điều chỉnh các quy trình quản lý hành chính hay những hoạt động cụ thể về

quản lý hành chính nhà nước trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

- Hoạt động của các cơ quan tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nhằm giữ vững an ninh chính trị và ổn định trật tự xã hội.

Trong hoạt động quản lý nhà nước các chủ thể quản lý phải căn cứ vào pháp luật. Quản lý nhà nước được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước bao gồm hệ thống các cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp và giữa các cơ quan này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong mỗi cơ quan lại có hệ thống dọc từ trung ương tới địa phương. Hoạt động quản lý nhà nước là hoạt động điều chỉnh, các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều tác động vào đối tượng quản lý ở một mức độ nhất định theo sự phân cấp để thực hiện các mục tiêu chung.

Quản lý nhà nước là toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tác động, điều chỉnh các quy trình quản lý hành chính nhà nước, các quy trình xã hội, các hoạt động của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các hành vi của các công dân và giữ gìn an ninh trật tự xã hội nhằm thực hiện các mục tiêu về xây dựng phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và các mục tiêu khác mà Nhà nước đã đề ra²⁶.

²⁶ Trần Văn Nam, *Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* (sách chuyên khảo), NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 2005.

6.2. Quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả²⁷

Hiến pháp năm 2013 của nước ta khẳng định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật...” (khoản 1 Điều 8). Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và nhu cầu tồn tại của xã hội, được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước. Pháp luật là công cụ để Nhà nước quản lý hiệu quả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Pháp luật được sử dụng để phối hợp, quy tụ những hoạt động của các cá nhân riêng rẽ trong xã hội nhằm đạt được những mục đích mong muốn, duy trì đời sống cộng đồng xã hội.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật là một phương thức quản lý của Nhà nước, thông qua việc sử dụng công cụ pháp luật tác động vào các đối tượng quản lý để định hướng và điều chỉnh các hành vi xã hội nhằm đạt được mục tiêu quản lý của Nhà nước.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật được thực hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống. Trong mỗi một lĩnh vực quản lý,

²⁷ Phạm Kim Oanh, *Quản lý nhà nước về quyền tác giả ở Việt Nam*, Luận văn cao học Luật, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2009, tr 15, 16, 17, 19, 20, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 31, 32.

Nhà nước tác động vào những nhóm quan hệ xã hội cơ bản bằng hệ thống pháp luật tương ứng.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả là một dạng của quản lý nhà nước, là phương thức mà bằng pháp luật, Nhà nước tác động vào đối tượng quản lý để định hướng cho hoạt động bảo hộ quyền tác giả vận động, phát triển đạt mục tiêu nhất định. Mục tiêu nhất định ở đây là khuyến khích sáng tạo, tạo môi trường pháp lý an toàn cho các chủ sở hữu tác phẩm, đồng thời cân bằng lợi ích giữa các chủ thể quyền, người sử dụng và công chúng hưởng thụ.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước dựa trên cơ sở pháp luật và pháp luật về quyền tác giả để điều chỉnh mọi hoạt động trong lĩnh vực quyền tác giả, bảo đảm cho hoạt động bảo hộ quyền tác giả phát triển đúng định hướng và có hiệu quả. Đối với cơ quan quyền lực: Quốc hội ban hành các văn bản pháp luật về quyền tác giả, như: Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ. Đối với cơ quan hành chính: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quyền tác giả trong phạm vi cả nước. Để quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả, Chính phủ đã ban hành các văn bản như: Nghị định, Chỉ thị về quyền tác giả. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về quyền tác giả; các Bộ, cơ quan ngang

Bộ phối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả theo thẩm quyền; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ. Đối với cơ quan tư pháp: Viện kiểm sát nhân dân tham gia quản lý nhà nước về quyền tác giả thông qua hoạt động điều tra để xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả gây hậu quả nghiêm trọng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tòa án nhân dân xét xử các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và các tranh chấp về quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

6.3. Nội dung của quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả

Theo quy định của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, thì hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành pháp có liên quan đến các nhóm nội dung cơ bản sau: xây dựng, ban hành pháp luật về quyền tác giả; tổ chức thực hiện pháp luật về quyền tác giả; thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả; thực hiện hợp tác quốc tế về quyền tác giả; quản lý hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả.

- Hoạt động xây dựng, ban hành pháp luật về quyền tác giả

Hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quyền tác giả phải thể chế hóa được các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, phải phù hợp với thực tiễn, phản ánh được xu thế vận động của các quy luật khách quan, bảo đảm tính đồng bộ trong nội tại hệ thống quy định của pháp luật về quyền tác giả, tính thống nhất với cả hệ thống pháp luật của Nhà nước; bảo đảm điều chỉnh toàn diện, đầy đủ các quan hệ cơ bản trong hoạt động bảo hộ quyền tác giả; hệ thống các quy định phải cụ thể; ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, chính xác, đồng thời hệ thống quy định cũng phải bảo đảm tính tương đối ổn định; các văn bản pháp quy phải kịp thời điều chỉnh những quan hệ xã hội mới phát sinh trong lĩnh vực quyền tác giả.

- Hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật về quyền tác giả

Nhà nước, thông qua hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các công chức, viên chức làm cho pháp luật đi vào đời sống. Pháp luật chỉ phát huy hiệu quả khi nó có cơ hội được thực hiện trên thực tế, lúc đó, pháp luật mới là công cụ có hiệu lực nhất để Nhà nước quản lý hoạt động bảo hộ quyền tác giả; nếu không, nó chỉ là những quy định trên giấy tờ. Vì vậy, việc tổ chức để đưa pháp luật đi vào đời sống cũng chính là chức năng vốn có của quản lý nhà nước về quyền tác giả, là nội dung quan trọng của quản lý

nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả. Cụ thể, các nội dung đó bao gồm:

+ Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật để cho các chủ thể quyền, những người khai thác, sử dụng tác phẩm và công chúng nói chung biết và thi hành, góp phần nâng cao ý thức pháp luật về quyền tác giả.

+ Đảm bảo sự tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật đúng đắn.

Tuân thủ pháp luật là tự kiểm chế, không thực hiện những hành vi pháp luật cấm; thi hành pháp luật là thực hiện đầy đủ, đúng đắn các nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật đã quy định; sử dụng pháp luật là thực hiện các quyền mà pháp luật cho phép; còn áp dụng pháp luật là đặc quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà chức trách được pháp luật giao quyền.

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, phẩm chất chính trị và khả năng công tác trong việc thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về quyền tác giả. Nâng cao trách nhiệm cá nhân, bản lĩnh chuyên môn trong việc thực thi pháp luật và giải quyết các yêu cầu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả.

+ Kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác

giả từ trung ương đến địa phương. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của các cơ quan này để tránh chông chéo trong thực hiện pháp luật. Cải tiến các phương pháp chỉ đạo và thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về quyền tác giả, đồng thời tạo điều kiện vật chất cần thiết đảm bảo cho hoạt động thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật, rút kinh nghiệm kịp thời trong từng thời kỳ để thấy rõ những thiếu sót, nhược điểm trong công tác tổ chức thực hiện pháp luật để đề ra những biện pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác thực hiện pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước về quyền tác giả.

- *Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả*

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm là một nội dung quan trọng của quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả. Đây là hoạt động nhằm đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh trên thực tế.

Hoạt động này được thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể sau:

+ Các chủ thể quản lý phải thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về quyền tác giả cũng như của chính

các chủ thể quản lý nhà nước để kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quyền tác giả bao gồm:

Thanh tra chuyên ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch từ trung ương đến địa phương có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quyền tác giả, giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả. Các cơ quan quản lý thị trường thuộc ngành thương mại là cơ quan kiểm soát hàng hoá liên quan đến quyền tác giả lưu thông trên thị trường. Cảnh sát kinh tế, Cảnh sát an ninh cũng tham gia vào hoạt động bảo hộ quyền tác giả theo thẩm quyền của mình. Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển là lực lượng giám sát tại cửa khẩu, biên giới về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá liên quan đến quyền tác giả.

+ Xử lý nghiêm minh các vi phạm đã được phát hiện, bắt cứ cá nhân, tổ chức nào có hành vi vi phạm cũng đều phải bị xử lý theo pháp luật, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

- *Hoạt động hợp tác quốc tế về quyền tác giả*

Việt Nam cần tiếp thu có chọn lọc các giá trị chuẩn mực quốc tế trong việc xây dựng pháp luật cũng như thực hiện

pháp luật, học tập những kinh nghiệm của các nước, để làm cho hệ thống pháp luật của Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả hình thành đồng bộ, tương thích với pháp luật quốc tế, tạo hành lang pháp lý an toàn, khuyến khích tiềm năng sáng tạo, bảo vệ tài sản trí tuệ của công dân, bảo đảm quyền lợi cho các nhà đầu tư, đáp ứng các yêu cầu của hội nhập khu vực và quốc tế. Việc chuẩn bị về mọi mặt để thực thi đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, cũng như chuẩn bị tham gia các điều ước quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số đang được coi là nhiệm vụ quan trọng, có quy mô quốc gia, trong đó vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả có tầm quan trọng đặc biệt.

- Quản lý hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả

Nhà nước quản lý hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể qua việc ban hành các quy định pháp luật tạo khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách để các tổ chức quản lý tập thể hoạt động, tạo điều kiện và theo dõi quá trình hoạt động của các tổ chức này để có hướng dẫn kịp thời. Các tổ chức quản lý tập thể là các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, thay mặt chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện việc cấp phép sử dụng tác phẩm, thu tiền bản quyền, phân phối tiền bản quyền cho các

chủ sở hữu quyền tác giả. Bên cạnh đó, tổ chức quản lý tập thể còn góp phần thúc đẩy các hoạt động sáng tạo ra tác phẩm. Từ nhiệm vụ của mình, tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả giúp các cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng tác phẩm của các tác giả, chủ sở hữu một cách thuận lợi.

Như vậy, quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả là nhu cầu tất yếu, khách quan, là nhiệm vụ cơ bản của Nhà nước ta. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Nhà nước cần phải thiết lập một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng thời hệ thống pháp luật ấy phải được đảm bảo thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan nhà nước có đầy đủ thẩm quyền và năng lực thực thi các nghĩa vụ của mình. Đồng thời, việc tìm hiểu, tham khảo kinh nghiệm quản lý của các quốc gia khác nhất là các quốc gia trong khu vực về pháp luật về quyền tác giả là rất cần thiết nhằm rút ra những kinh nghiệm để tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam.

7. Kinh nghiệm của một số quốc gia về quản lý nhà nước về quyền tác giả

7.1. Quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Thái Lan

Thái Lan có văn bản luật bảo hộ bản quyền từ năm 1892, khi Vua Rama 5 tuyên bố Ủy ban Thư viện Hoàng gia có độc quyền sao chép, cải biên và công bố Nghị định Hoàng gia.

Tuyên bố này được coi như văn bản luật bảo hộ bản quyền đầu tiên của Thái Lan do chứa đựng nguyên tắc “độc quyền” đối với các tác phẩm văn học.

Tuy nhiên, Tuyên bố trên chưa bảo hộ tất cả các tác phẩm viết mà chỉ nhằm bảo hộ văn bản của Hoàng gia. Do vậy, nhu cầu đặt ra là cần mở rộng phạm vi bảo hộ đối với tất cả các tác phẩm văn học. Đến năm 1901, Thái Lan đã ban hành Luật về quyền sở hữu của các chủ sở hữu tác phẩm, văn bản luật này chịu ảnh hưởng của Luật Bản quyền của Nữ Hoàng Anne của Vương quốc Anh. Mặc dù luật này bảo hộ tất cả các tác phẩm viết, hệ thống đăng ký bản quyền cũng như quy định về ngoại lệ đối với tác phẩm được bảo hộ bản quyền, tuy nhiên văn bản luật này không bao quát hết các đối tượng của bản quyền mà chỉ dành cho các tác phẩm văn học mà thôi.

Năm 1931, Thái Lan đã ban hành đạo luật về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật B.E. 2474, lần đầu tiên từ “bản quyền” được định nghĩa, đã mở rộng tới các tác phẩm nghệ thuật, khoa học và tác phẩm nước ngoài.

Luật Bản quyền của Thái Lan được coi là phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế khi Thái Lan tham gia Công ước Berne vào năm 1932. Luật Bản quyền sau đó được sửa đổi theo quy định của Công ước Berne về nguyên tắc đối xử quốc gia, nguyên tắc bảo hộ không cần thủ tục đăng ký, yêu cầu nội dung bảo

hộ tối thiểu cũng như các biện pháp chế tài dân sự và hình sự đã được đưa vào Luật Bản quyền của Thái Lan. Văn bản luật này được gọi là Luật Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1931.

Luật Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1931 sau này đã được thay thế bằng Luật Bản quyền số 2521 năm 1983. Tiếp theo, khi Thái Lan tham gia WTO và có nghĩa vụ thi hành Hiệp định TRIPS, Thái Lan đã ban hành Luật Bản quyền số 2537 ngày 09/12/1994 (sau đây gọi là Luật Bản quyền năm 1994) thay thế Luật Bản quyền năm 1983.

Luật Bản quyền năm 1994 hiện đang có hiệu lực thi hành tại Thái Lan, chia thành 8 chương với 78 điều. So sánh với các luật trước đó, Luật Bản quyền năm 1994 được coi là có phạm vi các tác phẩm được bảo hộ rộng nhất bao gồm: tác phẩm văn học, tác phẩm sân khấu (kịch), tác phẩm mỹ thuật, âm nhạc, tác phẩm điện ảnh, bản ghi âm, chương trình phát thanh, truyền hình hoặc bất kỳ tác phẩm nào thuộc về lĩnh vực văn học, khoa học, nghệ thuật dưới bất kỳ hình thức thể hiện nào.

7.1.1. Một số nội dung của Luật Bản quyền năm 1994 của Thái Lan

a) Định nghĩa bản quyền và chủ thể quyền tác giả

Luật Bản quyền năm 1994 đã định nghĩa “bản quyền” là

quyền độc quyền để thực hiện các hành vi theo quy định đối với tác phẩm được tạo ra hoặc được thực hiện bởi tác giả.

Đạo luật cũng định nghĩa “tác giả” là một người làm hoặc tạo ra tác phẩm. Theo quy định của Luật Bản quyền năm 1994 thì tác giả được ghi nhận là chủ sở hữu quyền tác giả phải đáp ứng điều kiện sau:

(1) Đối với tác phẩm chưa công bố, tác giả phải là công dân Thái Lan hoặc cư trú tại Thái Lan hoặc là công dân hoặc cư trú tại nước là thành viên của Công ước về bảo hộ bản quyền mà Thái Lan là thành viên, với điều kiện thời gian cư trú phải chiếm toàn bộ hoặc hầu hết thời gian sáng tác ra tác phẩm;

(2) Đối với tác phẩm công bố, việc công bố lần đầu phải được thực hiện ở Thái Lan hoặc tại nước là thành viên của Công ước về bảo hộ bản quyền mà Thái Lan là thành viên, hoặc trong trường hợp việc công bố lần đầu được thực hiện ở ngoài Thái Lan hoặc ở nước không phải là thành viên của Công ước về bảo hộ bản quyền mà Thái Lan là thành viên, nếu việc công bố tác phẩm đó được thực hiện tiếp theo tại Thái Lan hoặc tại nước là thành viên Công ước về bảo hộ bản quyền mà Thái Lan là thành viên trong phạm vi ba mươi ngày kể từ ngày công bố lần đầu tiên, hoặc tác giả đáp ứng điều kiện quy định tại điểm (1) tại thời điểm công bố lần đầu tiên.

Trường hợp tác giả phải là công dân Thái Lan, nếu tác giả là một pháp nhân thì pháp nhân đó phải được thành lập theo luật pháp của Thái Lan.

Ngoài tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu tác phẩm cũng được ghi tên để bảo hộ bản quyền. Chủ sở hữu quyền đối với một tác phẩm có thể là một trong những trường hợp dưới đây:

(i) Tác giả hoặc đồng tác giả tác phẩm;

(ii) Người thừa kế của các tác giả;

(iii) Quyền tác giả đối với tác phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc thuộc về tác giả;

(iv) Bản quyền đối với tác phẩm được tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc về tổ chức;

(v) Người thực hiện việc cải biên một tác phẩm có bản quyền với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, và không làm phương hại đến chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm ban đầu;

(vi) Người thực hiện việc sưu tập hoặc tuyển chọn một tác phẩm bản quyền với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền, và không làm phương hại đến chủ thể quyền tác giả tác phẩm được tạo ra ban đầu;

(vii) Các Bộ, Cục hoặc cơ quan Chính phủ hoặc các cơ

quan địa phương là chủ sở hữu bản quyền đối với tác phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc, chỉ thị hoặc kiểm tra;

- (viii) Người được phép thực hiện quyền;
- (ix) Người nhận chuyển nhượng quyền; và
- (x) Nhà nước, trong một số trường hợp.

Thái Lan đã là thành viên của Công ước Berne từ năm 1931 và Hiệp định TRIPS từ ngày 01/01/1995. Do vậy, tác phẩm được bảo hộ bản quyền của tác giả từ nước thành viên của cả hai điều ước quốc tế này sẽ được hưởng chế độ bảo hộ theo Luật Bản quyền năm 1994. Luật Bản quyền năm 1994 cũng bảo hộ các quyền của người biểu diễn của các nước thành viên Hiệp định TRIPS.

b) Các tác phẩm được bảo hộ

Theo Luật Bản quyền năm 1994, các tác phẩm được bảo hộ bản quyền bao gồm:

(i) Tác phẩm văn học, bao gồm các loại như sách, bài luận, bài giảng, các bài viết, ấn phẩm, bài thuyết trình, bài phát biểu, diễn thuyết, bao gồm cả chương trình máy tính.

Chương trình máy tính bao gồm hướng dẫn, các tệp hướng dẫn hoặc bất kỳ điều gì được sử dụng cho máy tính, để máy tính làm việc hoặc tạo ra kết quả, không kể vấn đề ngôn ngữ máy tính là gì;

(ii) Tác phẩm sân khấu là tác phẩm về vũ đạo/biên đạo múa, khiêu vũ, bao gồm cả kịch câm;

(iii) Tác phẩm mỹ thuật là một tác phẩm bao gồm một hoặc nhiều đặc điểm dưới đây:

- Tác phẩm vẽ hoặc sơn là một sự tạo hình bao gồm đường nét, ánh sáng, màu sắc hoặc bất kỳ điều gì khác hoặc sự pha trộn với một hoặc nhiều chất liệu.

- Tác phẩm điêu khắc là một sự tạo hình với các hình khối rõ rệt.

- Tác phẩm in thạch bản (lito) là một sự sáng tạo một hình ảnh theo một quy trình, bao gồm một khuôn hoặc một bản khắc được sử dụng trong việc in ấn.

- Tác phẩm kiến trúc là một thiết kế tòa nhà hoặc công trình xây dựng, một thiết kế trang trí nội, ngoại thất cũng như thiết kế khung cảnh hoặc sáng tạo mô hình tòa nhà hoặc công trình xây dựng.

- Tác phẩm nhiếp ảnh là sự sáng tạo hình ảnh với việc sử dụng thiết bị ghi lại hình ảnh, cho phép ánh sáng đi qua ống kính để tới cuộn phim hoặc kính và được rửa với hóa chất lỏng theo công thức riêng hoặc theo bất kỳ quy trình nào để tạo ra một hình ảnh hoặc ghi lại hình ảnh với các thiết bị hoặc phương pháp cụ thể.

- Tác phẩm liên quan đến các hình minh họa, bản đồ, sơ đồ, ký họa hoặc tác phẩm không gian ba chiều về địa lý, địa hình hoặc khoa học.

- Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng.

(iv) Tác phẩm âm nhạc bao gồm bài hát được hát, biểu diễn cùng với phần giai điệu và lời hoặc chỉ có giai điệu, bao gồm các nốt nhạc đã được biên soạn hoặc ghi lại hoặc các bản nhạc;

(v) Tác phẩm nghe nhìn bao gồm các cảnh được ghi lại trên một chất liệu và có khả năng được phát lại cùng với một thiết bị cần thiết cho loại chất liệu đó, trong đó phần âm thanh cũng được coi như là tác phẩm;

(vi) Tác phẩm điện ảnh là tác phẩm nghe nhìn gồm có các cảnh chuyển động có thể tiếp tục trình diễn hoặc có thể được ghi lại trên thiết bị khác để có thể tiếp tục trình chiếu, bao gồm cả âm thanh của tác phẩm điện ảnh;

(vii) Bản ghi âm bao gồm một bản nhạc, âm thanh của một buổi biểu diễn hoặc âm thanh bất kỳ được ghi lại trên loại thiết bị bất kỳ nào và có khả năng phát lại, trừ nhạc phim hoặc tác phẩm nghe nhìn khác;

(viii) Tác phẩm phát thanh truyền hình là tác phẩm được truyền thông tới công chúng bằng phát thanh, âm thanh của truyền hình trên ti vi hoặc hình thức khác tương tự;

(ix) Các tác phẩm khác trong lĩnh vực văn học, khoa học hoặc nghệ thuật.

Bên cạnh đó, Luật Bản quyền năm 1994 của Thái Lan cũng quy định các đối tượng sau đây không được bảo hộ bản quyền (*các trường hợp loại trừ*):

- Các tin tức hàng ngày và sự kiện, tin tức đơn thuần;

- Hiến pháp và các luật;

- Thông báo, chỉ thị và các quy chế của các Bộ, Cục, Vụ hoặc các cơ quan nhà nước khác hoặc của chính quyền địa phương;

- Bản án, lệnh, quyết định và các báo cáo chính thức;

- Bản dịch hoặc tuyển tập các đối tượng kể trên do các cơ quan Chính phủ hoặc địa phương thực hiện.

c) Nội dung của quyền tác giả

Luật Bản quyền năm 1994 quy định chủ sở hữu quyền tác giả có các quyền độc quyền sau:

- Xuất bản hoặc cải biên;

- Công bố tác phẩm cho công chúng;

- Cho thuê hoặc cho phép sao chép chương trình máy tính, tác phẩm nghe nhìn, tác phẩm điện ảnh hoặc bản ghi âm;

- Nhận khoản lợi ích từ việc cho sử dụng bản quyền ở một người khác;

- Chuyển giao quyền (có điều kiện hoặc không), quy định các điều kiện không hạn chế cạnh tranh không lành mạnh. Nếu chủ sở hữu quyền tác giả cho phép một người khác được thực hiện quyền, điều này cho thấy sự cho phép đó không hạn chế việc chủ thể quyền cũng cho phép người khác được sử dụng quyền quyền tác giả, ngoại trừ có các hạn chế riêng được viết bằng văn bản. Chủ thể quyền có thể chuyển giao một phần hoặc toàn bộ hoặc có thể chuyển giao trong một thời gian nhất định hoặc toàn bộ khoảng thời gian bảo hộ;

Tác giả của tác phẩm bản quyền được đề tên tác giả, và ngăn cấm người nhận chuyển giao hoặc bất kỳ người nào xuyên tạc, cải biên... hoặc làm bất cứ điều gì đối với tác phẩm gây phương hại đến danh tiếng hoặc giá trị của tác giả. Khi tác giả chết, người thừa kế tác giả được thực hiện trách nhiệm pháp lý trong việc thực thi quyền tác giả theo thời hạn bảo hộ bản quyền.

Bên cạnh đó, về vấn đề sử dụng hợp lý, Luật Bản quyền năm 1994 quy định cá nhân hoặc tổ chức có thể sử dụng tác phẩm đã được công bố cho “mục đích phi thương mại” mà không cần sự cho phép của tác giả và không phải trả tiền bản quyền, với điều kiện việc sử dụng đó không ảnh hưởng

một cách có hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm và không gây ra bất kỳ cản trở nào đối với khả năng được hưởng sự bảo hộ bản quyền của tác giả. Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp sử dụng với mục đích phi thương mại đó vẫn phải nêu rõ tên tác giả và chỉ dẫn nguồn tác phẩm. Những hành vi sau đây được coi là sử dụng với mục đích phi thương mại:

(i) Nghiên cứu hoặc học tập không vì mục đích lợi nhuận;

(ii) Sử dụng cho lợi ích cá nhân, hoặc cho lợi ích bản thân và thành viên của gia đình hoặc bạn bè thân thích;

(iii) Bình luận, phê bình hoặc giới thiệu tác phẩm, với sự ghi nhận về quyền sở hữu bản quyền đối với tác phẩm;

(iv) Báo cáo tin tức thông qua phương tiện thông tin đại chúng với sự ghi nhận về quyền sở hữu bản quyền đối với tác phẩm;

(v) Tái bản, chuyển thể, trưng bày hoặc thể hiện phục vụ thủ tục xét xử hoặc thủ tục hành chính bởi các công chức có thẩm quyền, hoặc cho mục đích báo cáo kết quả trong thực hiện các thủ tục đó;

(vi) Tái bản, chuyển thể, trưng bày hoặc thể hiện bởi giáo viên phục vụ việc dạy học của mình, với điều kiện hành vi đó không vì mục tiêu lợi nhuận;

(vii) Tái bản, chuyển thể từng phần tác phẩm, tóm lược hoặc tóm tắt bởi giáo viên hoặc cơ sở giáo dục để có thể phân phối hoặc bán cho sinh viên tại lớp học hoặc tại trường học, với điều kiện hoạt động đó không vì mục tiêu lợi nhuận;

(viii) Sử dụng tác phẩm như một phần của bộ câu hỏi hoặc trả lời trong kỳ thi.

d) Thời hạn bảo hộ

Theo quy định của Luật Bản quyền năm 1994, quyền tác giả được bảo hộ suốt cuộc đời tác giả, cộng thêm 50 năm sau khi tác giả chết. Trong trường hợp một tác phẩm có nhiều đồng tác giả, quyền tác giả sẽ bảo hộ chung cho các tác giả và tiếp tục bảo hộ sau 50 năm kể từ khi đồng tác giả cuối cùng qua đời.

Nếu tác giả hoặc tất cả các tác giả chết trước khi công bố tác phẩm, quyền tác giả tiếp tục tồn tại sau 50 năm kể từ khi tác phẩm lần đầu được xuất bản.

Tác phẩm bản quyền được tạo ra theo bút danh hoặc tác giả khuyết danh tồn tại 50 năm, nếu tác phẩm được xuất bản trong thời gian đó, quyền tác giả sẽ được bảo hộ trong vòng 50 năm kể từ khi tác phẩm xuất bản lần đầu tiên.

Quyền tác giả đối với tác phẩm nhiếp ảnh, điện ảnh, bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ trong 50 năm kể từ khi có quyền

tác giả, do đó nếu tác phẩm được xuất bản trong thời điểm đó, quyền tác giả sẽ tồn tại trong 50 năm, kể từ khi xuất bản lần đầu tiên.

Quyền tác giả đối với tác phẩm ứng dụng nghệ thuật tồn tại 50 năm kể từ khi có quyền tác giả, nếu tác phẩm được xuất bản trong thời điểm đó, quyền tác giả tồn tại trong 50 năm kể từ lần xuất bản đầu tiên.

Bản quyền đối với tác phẩm được tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tồn tại 50 năm kể từ khi có quyền tác giả, nếu tác phẩm được xuất bản trong thời điểm đó, quyền tác giả tồn tại 50 năm kể từ lần xuất bản đầu tiên.

đ) Đăng ký quyền tác giả

Theo Luật Bản quyền năm 1994 của Thái Lan, các tác phẩm đủ điều kiện để bảo hộ bản quyền không cần phải đăng ký. Trong khi không có yêu cầu pháp lý cho việc đăng ký bản quyền tác phẩm, nhưng chủ sở hữu bản quyền vẫn được khuyến cáo nên gửi tác phẩm và thông tin có liên quan tới Cục Sở hữu trí tuệ (thuộc Bộ Thương mại Thái Lan). Đây là thủ tục có giá trị đặc biệt, cho phép chủ thể quyền ngay lập tức chứng minh được quyền sở hữu để chuyển nhượng hoặc chuyển quyền sử dụng (li-xăng), cũng như trong trường hợp ra tòa, thì việc ghi nhận này sẽ là chứng cứ quan trọng để chứng minh quyền chủ sở hữu.

Việc đăng ký nộp đơn ghi nhận quyền tác giả bắt buộc có Giấy ủy quyền hợp lệ, Thư chứng minh chủ sở hữu (được công chứng) và một tập hợp tác phẩm bảo hộ. Trong trường hợp có thể tác phẩm nguyên gốc không được đệ trình, thì có một bản sao tác phẩm có thể được sử dụng cho đăng ký.

Phí cho việc ghi nhận bản quyền hiện tại là không bắt buộc. Thời hạn trung bình để được cấp Giấy chứng nhận bản quyền khoảng từ một đến hai tháng kể từ ngày đăng ký.

e) Việc chuyển nhượng và li-xăng quyền tác giả

Bản quyền tác giả có thể được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần trong một thời gian nhất định hoặc trong toàn bộ thời gian được bảo hộ. Việc chuyển nhượng phải được thực hiện bằng văn bản và không cần phải đăng ký chuyển nhượng với Văn phòng Bản quyền. Nếu hợp đồng chuyển nhượng không quy định thời gian cụ thể, thì sẽ được hiểu rằng hợp đồng chuyển nhượng đó thực hiện (có thời hạn) trong 10 năm.

Các quyền của người biểu diễn có thể được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần và có thể được chuyển nhượng trong thời gian được chỉ định hoặc trong khoảng thời hạn bảo hộ. Trong trường hợp có nhiều người biểu diễn, mỗi người biểu diễn chỉ được chuyển nhượng phần

quyền của mình. Việc chuyển nhượng quyền của người biểu diễn phải được thực hiện bằng văn bản và không cần phải đăng ký với Văn phòng Bản quyền. Hợp đồng chuyển nhượng không quy định thời gian cụ thể, thì sẽ được hiểu rằng Hợp đồng chuyển nhượng đó được thực hiện (có thời hạn) trong 3 năm.

Ngoài ra, chủ sở hữu có thể cấp phép (li-xăng) cho người khác sử dụng bản quyền của mình để tái bản, chuyển thể, phổ biến tới công chúng, hoặc cho thuê bản gốc hoặc bản sao chương trình máy tính, tác phẩm nghe nhìn, tác phẩm điện ảnh, bản ghi âm, có hoặc không có các điều kiện kèm theo, tuy nhiên, bất kỳ điều kiện nào được đưa ra sẽ không được làm hạn chế việc cạnh tranh lành mạnh.

Điều kiện hạn chế cạnh tranh lành mạnh được quy định trong thông tư cấp bộ hướng dẫn thi hành Luật Bản quyền năm 1994, gồm một số trường hợp điển hình như:

(i) Quy định bắt buộc phải tiếp nhận vật liệu sử dụng để sản xuất bản sao tác phẩm từ chủ bản quyền, trừ trường hợp việc đó là cần thiết để có thể tạo ra được bản sao tác phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do chủ bản quyền đặt ra;

(ii) Quy định điều kiện hoặc hạn chế quyền của người được cấp li-xăng, liên quan đến thuê người khác sản xuất bản sao tác phẩm, trừ khi cần thiết phải làm như vậy mới tạo ra

được bản sao tác phẩm đáp ứng tiêu chuẩn do chủ bản quyền đặt ra;

(iii) Quy định tỷ lệ tiền bản quyền cho việc cấp li-xăng ở mức bất hợp lý khi so sánh với tỷ lệ quy định do chủ bản quyền đưa ra cho các đối tác khác cho cùng đối tượng và cùng thời hạn;

(iv) Quy định điều kiện hoặc hạn chế quyền của người được cấp li-xăng trong nghiên cứu hoặc học tập tác phẩm được bảo hộ bản quyền đã được cấp li-xăng;

(v) Quy định điều kiện cho phép người chuyển giao có quyền chấm dứt li-xăng đơn phương hoặc không có lý do hợp lý...

g) Các hành vi xâm phạm bản quyền

Luật Bản quyền năm 1994 cũng có những quy định cụ thể về các hành vi xâm phạm bản quyền, theo đó Luật này thừa nhận khái niệm xâm phạm trực tiếp và xâm phạm gián tiếp, nhằm xử lý hành vi cố ý xâm phạm đối với toàn bộ hoặc một phần tác phẩm của người khác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Hành vi xâm phạm trực tiếp bao gồm việc sao chép, mô phỏng, tái bản, chuyển thể, phổ biến công khai, cho thuê bản gốc hoặc bản sao (tác phẩm nghe nhìn, phim ảnh, ghi âm, chương trình máy tính) hoặc công bố bởi người không phải là chủ sở hữu bản quyền hoặc người được cấp li-xăng bản quyền tác phẩm. Hành

vi xâm phạm quyền đối với chương trình máy tính gồm việc tái bản, chuyển thể, phổ biến tới công chúng hoặc cho thuê trái phép chương trình máy tính. Hành vi xâm phạm gián tiếp gồm việc bán, tàng trữ để bán hoặc chào hàng để cho thuê hoặc thuê - mua, phổ biến công khai, phân phối bằng bất kỳ cách nào gây phương hại đến quyền của chủ sở hữu bản quyền, hoặc nhập khẩu hoặc đặt hàng nhập khẩu vào Thái Lan bởi bất kỳ người nào biết hoặc phải biết rằng vật phẩm liên quan là xâm phạm tác phẩm được bảo hộ bản quyền nhằm mục đích thu lợi nhuận cũng bị coi là cấu thành hành vi xâm phạm.

Thời hiệu để tiến hành hành vi pháp lý (khởi kiện dân sự) đối với hành vi xâm phạm bản quyền là ba năm kể từ ngày chủ sở hữu nhận biết được hành vi xâm phạm và không quá mười năm kể từ ngày xâm phạm.

Hành vi sử dụng trực tiếp vật liệu tạo ra vật phẩm nghe nhìn, phim ảnh hoặc bản ghi âm trái phép, bất kể nó có chứa âm thanh hay hình ảnh hay không, đều bị coi là hành vi xâm phạm.

Ngoài ra, Luật Bản quyền năm 1994 cũng quy định một số ngoại lệ không bị coi là hành vi xâm phạm với điều kiện hành vi đó không ảnh hưởng tới việc khai thác bình thường tác phẩm và không ảnh hưởng một cách bất hợp lý tới các quyền hợp pháp của chủ sở hữu bản quyền:

- Sử dụng chương trình máy tính cho nghiên cứu, học tập hoặc phục vụ việc tái bản chương trình máy tính của chủ sở hữu; cho mục đích bình luận, báo cáo sự kiện thời sự qua phương tiện thông tin đại chúng với sự ghi nhận chủ sở hữu bản quyền chương trình máy tính; cho các thủ tục hoặc xem xét của công chức Chính phủ; cho việc chuyển thể chương trình máy tính trong trường hợp cần thiết cho việc sử dụng; hoặc cho việc làm bản sao để tham khảo hoặc nghiên cứu công và không cho mục đích thu lợi nhuận;

- Phổ biến một cách hợp lý tới công chúng các tác phẩm nhạc kịch hoặc âm nhạc bởi các hội, hiệp hội, tổ chức nhân đạo khi thực hiện không vì mục tiêu lợi nhuận;

- Sao chép tác phẩm được bảo hộ trong việc thực hiện công vụ của cơ quan Chính phủ hoặc cán bộ Chính phủ trong phạm vi thẩm quyền theo quy định pháp luật hoặc được quyết định bởi người có thẩm quyền nếu tác phẩm đó được trưng dụng chính thức;

Hay một số trường hợp sử dụng sau đây cũng không bị coi là xâm phạm bản quyền:

- Sử dụng để vẽ, sơn, xây dựng, điêu khắc, chạm, khắc, in đá, chụp ảnh, quay phim, truyền hình, hoặc bất kỳ hành vi nào tương tự đối với tác phẩm nghệ thuật được trình diễn ở nơi công cộng (ngoại trừ công trình kiến trúc);

- Sử dụng cho các hoạt động nêu trên (trừ công trình kiến trúc xây dựng) được thực hiện có liên quan đến tác phẩm kiến trúc;

- Khôi phục công trình là tác phẩm kiến trúc được bảo hộ bản quyền trở về trạng thái ban đầu.

7.1.2. Thực thi pháp luật về quyền tác giả tại Thái Lan

Để đáp ứng các tiêu chuẩn của Hiệp định TRIPS, tháng 10 năm 1997, Quốc hội Thái Lan thông qua Luật về thành lập Tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế (Intellectual Property and International Trade Court - IP&ITC) (sau đây gọi tắt là Luật về thành lập IP&ITC) nhằm mục tiêu nâng cao năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Thái Lan. Đây là loại Tòa chuyên biệt với thẩm quyền xét xử các vụ án liên quan đến sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế. Hệ thống Tòa án này có các Thẩm phán được đào tạo đặc biệt, với những quy tắc Tòa án và các quy định về thủ tục xét xử riêng như bồi thường công bằng hoặc các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Theo quy định tại Điều 8 Luật về thành lập IP&ITC thì IP&ITC là Tòa án duy nhất có thẩm quyền xét xử đối với các vụ án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế. Điều 8 Luật về thành lập IP&ITC quy định: “*Khi có vụ án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế, ngoài IP&ITC, không có Tòa án nào khác có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với các vụ án này*”.

Tại Điều 35 và Điều 36 của Luật này còn quy định: trong trường hợp một vụ án có người phạm tội thực hiện một hành vi nhưng phạm nhiều tội khác nhau trong đó có cả tội về sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế và tội khác thì IP&ITC cũng có thẩm quyền xét xử đối với cả những tội khác đó.

Ở Thái Lan, trước khi thành lập IP&ITC, các vụ án về sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế được xét xử bởi các Thẩm phán không chuyên nghiệp nên có thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu chính xác. Để giải quyết đúng đắn các vụ án về sở hữu trí tuệ, IP&ITC thực hiện chế độ hai loại Thẩm phán cùng xét xử. Thứ nhất là Thẩm phán chuyên nghiệp, đây là các Thẩm phán có trình độ chuyên môn về sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế. Họ thường là đối tượng được đào tạo về luật thông lệ của Mỹ hoặc của Anh. Bên cạnh đó, Tòa án còn sử dụng loại hình Thẩm phán thứ hai tham gia xét xử, đó là Phó Thẩm phán. Phó Thẩm phán là người được bổ nhiệm theo quy định của Bộ Tư pháp Thái Lan, có nhiệm kỳ là 5 năm. Thông thường, Phó Thẩm phán cũng phải là người có trình độ chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế, đã tốt nghiệp đại học về ngành luật tại các nước theo truyền thống luật thông lệ như Mỹ, Anh. Nhằm mục tiêu chuyên môn hóa, các vụ án về sở hữu trí tuệ được xét xử tại IP&ITC thường do hai Thẩm phán chuyên nghiệp và một Phó Thẩm phán tiến hành xét

xử (Điều 21 Luật về thành lập IP&ITC). Tuy nhiên, còn có chế độ Tòa án này sử dụng các Thẩm phán của Tòa án khác để kiểm tra, đánh giá khách quan chứng cứ theo ủy quyền, thậm chí có thể sử dụng cả chuyên gia bên ngoài (Điều 31 Luật về thành lập IP&ITC).

Một điểm đáng chú ý là quy định về thẩm quyền của Chánh tòa IP&ITC, theo quy định tại Điều 30 Luật về thành lập IP&ITC thì Chánh tòa IP&ITC có thẩm quyền đặc biệt trong việc ban hành các quy tắc Tòa án, bao gồm cả các quy định có liên quan đến việc thu nhận và kiểm tra chứng cứ. Điểm giới hạn duy nhất đối với thẩm quyền đặc biệt này là không được “làm xấu” thêm tình trạng của bị cáo trong các vụ án hình sự. Tuy nhiên, Điều 26 Luật này cũng quy định trường hợp quy tắc Tòa án không quy định thì áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự hay Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc quy định cho phép Chánh tòa IP&ITC có thẩm quyền ban hành quy tắc Tòa án với sự đồng ý phê chuẩn của Chánh án Tòa án tối cao đã khiến cho quy trình tố tụng tại Tòa đặc biệt này được thực hiện nhanh hơn, đáp ứng các yêu cầu cần thiết nảy sinh trong quá trình giải quyết các vụ án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế vốn rất phức tạp. Ở khía cạnh này, phải thừa nhận rằng về mặt lý thuyết, trong khi Thái Lan không thừa nhận việc áp dụng thông luật thì việc áp dụng tương tự các quy tắc xét xử của Tòa án nói trên sẽ là một cơ

chép hữu hiệu để thực hiện việc tăng, giảm thời hạn xét xử mà vấn đề này không được quy định trong bất kỳ luật thành văn nào. Điều này cho phép cơ quan tư pháp tích cực, chủ động giải quyết về thời hạn xét xử, đáp ứng một cách cơ bản các tiêu chuẩn đề ra trong Hiệp định TRIPS.

Một điểm đáng chú ý nữa là quy định về việc xét xử rút gọn nhằm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 41 của Hiệp định TRIPS, theo đó đòi hỏi việc xét xử các vụ án sở hữu trí tuệ phải được thực hiện nhanh chóng, không chậm trễ kéo dài và các quyết định xét xử phải được công khai đối với các bên. Để đáp ứng yêu cầu này, Điều 27 Luật về thành lập IP&ITC đã quy định cho phép việc ra bản án một cách nhanh chóng đối với các vụ án cụ thể và việc xét xử liên tục. Điều này khác với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Thái Lan, theo đó mỗi vụ án chỉ được xét xử một ngày trong một tháng. Về vấn đề áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Luật về thành lập IP&ITC đã mở rộng quyền của chủ sở hữu tài sản sở hữu trí tuệ trong việc thu thập chứng cứ nhằm đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định TRIPS. Điều 28 quy định, trong các vụ án dân sự và hình sự, khi chứng cứ thật sự cần thiết cho việc chứng minh việc xâm phạm sở hữu trí tuệ và việc xét xử có thể gặp khó khăn khi không có các chứng cứ này, xét thấy cần thiết, IP&ITC có thể cấp cho

nguyên đơn lệnh khám xét. Điều luật này cũng quy định yêu cầu IP&ITC phải thông báo cho bên kia và dành cho bên đó cơ hội được trình bày trước khi ban hành lệnh khám xét. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, xét thấy cần thiết, Tòa án có thể ra và cấp lệnh khám xét cho nguyên đơn mà không cần thực hiện việc thông báo cho phía bên kia.

Quyền cung cấp thông tin về tên, địa chỉ khách hàng hay nhà phân phối liên quan đến xâm phạm sở hữu trí tuệ, mặc dù có được quy định tại Điều 47 của Hiệp định TRIPS nhưng pháp luật Thái Lan không quy định nội dung này vì cho rằng quy định như vậy có thể đi ngược lại với nguyên tắc “người bị tình nghi không có nghĩa vụ phải tự chứng minh có tội”.

Nhìn chung ở Thái Lan hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (gồm cả hành vi xâm phạm bản quyền) có thể bị xử lý theo thủ tục tố tụng dân sự, hình sự hoặc tố tụng cạnh tranh, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi. Trong thực tế, trước khi tiến hành biện pháp pháp lý dưới dạng dân sự hay hình sự chống lại hành vi xâm phạm, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trước tiên phải gửi thư yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm cho người bị cho là xâm phạm, yêu cầu người đó dừng việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình. Tuy nhiên, nếu hành vi xâm phạm không thể được giải quyết theo

thỏa thuận thì chủ sở hữu bản quyền có thể tiến hành bất kỳ biện pháp pháp lý nào dưới đây đối với người xâm phạm để cưỡng chế chấm dứt hành vi xâm phạm²⁸. Cụ thể:

Biện pháp dân sự: Trước hoặc trong quá trình xét xử, bên khởi kiện có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định sơ bộ (tạm thời) để dừng hành vi vi phạm, điều này áp dụng cho tất cả các đối tượng của sở hữu trí tuệ (bản quyền, sáng chế, nhãn hiệu). Tuy nhiên điều này cũng thật sự khó bởi lẽ Tòa án sẽ cần đủ lý do để kết luận rằng quyết định của Tòa là phù hợp và nó cũng phụ thuộc vào mức độ thiệt hại mà cả hai bên có thể phải bồi thường.

Biện pháp hình sự: Thực thi bởi cảnh sát hoàng gia Thái Lan, cảnh sát chống tội phạm kinh tế và công nghệ, cảnh sát thành phố, cảnh sát các tỉnh, cơ quan điều tra (hỗ trợ). Cảnh sát thực hiện việc thu giữ hàng hóa xâm phạm bản quyền, đây là biện pháp phổ biến nhất và hiệu quả, tốn ít thời gian để thực hiện. Các chế tài hình sự được phép áp dụng là phạt tù hoặc phạt tiền, tịch thu và tiêu hủy hàng vi phạm.

Biện pháp hải quan: Cục Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát biên giới, chủ thể quyền có thể yêu cầu các cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp sau đây:

²⁸ <http://www.aseanipa.org/>: IP Protection - Thailand.

- Thanh tra, giám sát việc xuất nhập khẩu đối với hàng hóa đang vi phạm bản quyền;

- Tạm đình chỉ làm thủ tục hải quan theo yêu cầu của chủ thể quyền trong vòng 10 ngày làm việc. Tuy nhiên trong thực tiễn, các nhân viên hải quan thường yêu cầu sự hỗ trợ của chủ thể quyền xác nhận hàng hóa vi phạm trong vòng 48 giờ sau khi có yêu cầu tạm đình chỉ.

Để đề nghị cơ quan hải quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp kiểm soát biên giới, chủ thể quyền phải có nghĩa vụ sau:

- Chứng minh họ đúng là chủ thể quyền;

- Cung cấp đầy đủ thông tin để khẳng định/phát hiện các hàng hóa bị cáo buộc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Sau khi cơ quan hải quan thu giữ hàng hóa và các tài liệu, chứng từ có liên quan, vụ việc sẽ được chuyển về Tòa IP&ITC để xét xử.

7.2. Quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Trung Quốc

Khi các nhà sáng chế tạo ra công nghệ in ấn, Trung Quốc bắt đầu chính thức bảo hộ quyền tác giả vào năm 1068 khi Hoàng Đế Bắc Tống ban hành lệnh cấm tái bản trái phép “Chín Sách”. Guo Zi Jian là nhà xuất bản quốc gia đời nhà Đường, đã công bố các cuốn sách này vào năm 932.

Các nhà xuất bản đời nhà Tống là những người đầu tiên nhận thức được vấn đề bảo hộ bản quyền. Ví dụ, một người tên là Cheng thuộc Nhà xuất bản Meishan ở Sichuan, đã in cuốn sách “Lịch sử Đông Kinh”, ở “trang bản quyền” đề rằng “[sách này] được in bởi Cheng ở Nhà xuất bản Meishan, người được thừa hưởng bảo hộ từ bậc tiền bối, nghiêm cấm mọi hình thức tái bản”. Sau đó, các điều ước quốc tế giữa Trung Quốc và các nước khác trong thời kỳ nhà Thanh cũng quy định về vấn đề bảo hộ bản quyền. Tuy vậy, không có văn bản pháp luật chính thức nào hay thủ tục hành chính nào về vấn đề bảo hộ bản quyền cho đến giữa thế kỷ XX, Trung Quốc đã dần dần thực hiện việc bảo hộ bản quyền cùng với sự cải cách thể chế chính trị cởi mở hơn. Do nhận thức về tầm quan trọng của bảo hộ bản quyền ngày càng sâu sắc hơn, luật pháp về vấn đề bản quyền cũng được cải thiện và Trung Quốc đã thiết lập và thực thi được một hệ thống pháp luật cơ bản về bảo hộ bản quyền.

Trong những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc đã thông qua quy chế cấp tỉnh về bảo hộ bản quyền đối với sách và tạp chí. Luật pháp về bảo hộ bản quyền ở Trung Quốc đã được tăng cường mạnh mẽ. Luật Bản quyền của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có hiệu lực từ ngày 01/6/1991 và được sửa đổi, bổ sung năm 2001 (sau đây gọi là Luật Bản quyền Trung Quốc). Chính phủ Trung Quốc sau đó đã ban hành một

loạt văn bản hướng dẫn luật kèm theo để điều chỉnh trong lĩnh vực này như: Quy chế bảo hộ phần mềm máy tính (tháng 01/2002), Quy chế quản lý về sản phẩm Audio và Video (tháng 02/2002), Quy chế quản lý xuất bản (tháng 02/2002), Quy chế thi hành Luật Bản quyền (tháng 9/2002), Quy chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại hải quan (tháng 3/2004), Các biện pháp thi hành Quy chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại hải quan (tháng 7/2004), Quy chế quản lý tập thể quyền tác giả (tháng 5/2005).

7.2.1. Một số nội dung chủ yếu của Luật Bản quyền Trung Quốc

Luật Bản quyền Trung Quốc hiện nay có 6 chương với 60 điều, ngay từ những điều khoản đầu tiên đã ghi nhận: “*Luật Bản quyền là để nhằm mục đích bảo vệ quyền tác giả đối với các phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học và các quyền và lợi ích liên quan đến quyền tác giả, khuyến khích sự sáng tạo và phổ biến các tác phẩm để đóng góp nhằm xây dựng xã hội văn minh, thúc đẩy sự phát triển và sự thành công của văn hóa, xã hội và khoa học*”. Luật Bản quyền Trung Quốc được xây dựng dựa trên các nguyên tắc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả; nguyên tắc điều hòa, cân bằng lợi ích của tác giả và lợi ích của công chúng và nguyên tắc tôn trọng các tiêu chuẩn quốc tế cơ bản trong việc bảo hộ bản quyền.

Theo Luật Bản quyền Trung Quốc thì các tác phẩm được bảo hộ bản quyền là các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, xây dựng và công nghệ được thể hiện dưới các hình thức: viết, miệng, tác phẩm âm nhạc, sân khấu, biên đạo múa, tác phẩm kiến trúc và mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự với việc sản xuất phim, bản vẽ, các thiết kế xây dựng và thiết kế sản phẩm, bản đồ, bản phác họa, các tác phẩm địa lý khác và tác phẩm mẫu, phần mềm máy tính, các tác phẩm khác được quy định trong các luật và các văn bản hành chính khác.

Những đối tượng không được bảo hộ bản quyền theo Luật Bản quyền Trung Quốc bao gồm: luật, quy chế, nghị quyết, quyết định và các chỉ thị của cơ quan nhà nước; các văn bản lập pháp, hành pháp và tư pháp và các bản dịch chính thức; các tin tức hàng ngày; lịch, bảng số, các biểu mẫu sử dụng chung và các công thức.

Về việc quản lý bản quyền, các cơ quan quản lý bản quyền ở tất cả các cấp chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý quyền tác giả; các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan thực hiện theo ủy quyền của các tác giả.

Chủ sở hữu bản quyền bao gồm: tác giả và các công dân,

pháp nhân và các tổ chức khác thụ hưởng quyền tác giả phù hợp với quy định của pháp luật.

Nội dung quyền tác giả bao gồm các quyền tinh thần và quyền tài sản. Theo đó, các quyền tinh thần gồm: (i) quyền công bố; (ii) quyền đề tên, ghi nhận công lao; (iii) quyền sửa chữa hoặc viết lại; (iv) quyền được bảo đảm tính toàn vẹn của tác phẩm. Các quyền tài sản gồm có: (i) quyền xuất bản; (ii) quyền phân phối; (iii) quyền cho thuê; (iv) quyền triển lãm; (v) quyền trưng bày; (vi) quyền thông tin và truyền thông trên mạng; (vii) quyền biểu diễn; (viii) quyền sản xuất tác phẩm điện ảnh; (ix) quyền cải biên; (x) quyền dịch tác phẩm sang một ngôn ngữ khác; (xi) quyền biên soạn; và (xii) các quyền khác mà chủ sở hữu bản quyền được hưởng.

Theo Luật Bản quyền Trung Quốc thì bản quyền thuộc sở hữu của các chủ thể sau đây: tác giả tác phẩm, bản quyền đối với tác phẩm được làm ra theo hợp đồng thuê mướn thuộc về pháp nhân hoặc tổ chức thuê người lao động tạo ra tác phẩm; bản quyền đối với tác phẩm cải biên, dịch, chú giải hoặc tuyển tập thuộc về người cải biên, chú giải hoặc tuyển tập; bản quyền đối với tác phẩm chung thuộc về đồng tác giả; bản quyền đối với tác phẩm được biên soạn thuộc về người biên soạn.

Bản quyền đối với tác phẩm điện ảnh thuộc về nhà sản

xuất, nhưng những người viết kịch bản, đạo diễn, quay phim, soạn lời, soạn nhạc cho bài hát trong phim và các tác giả khác có quyền được ghi tên và nhận thù lao. Cơ quan/đơn vị hoặc người sử dụng lao động có quyền ưu tiên để khai thác tác phẩm trong phạm vi hoạt động chuyên môn, trong vòng hai năm sau khi hoàn thành tác phẩm, tác giả không có sự đồng ý của pháp nhân hoặc tổ chức khác thì không được cho phép bên thứ ba khai thác tác phẩm theo cách tương tự như cơ quan/đơn vị đó làm. Các trường hợp sau đây thì tác giả chỉ có quyền tinh thần, trong khi cơ quan/đơn vị có tất cả các quyền khác: (i) bản vẽ kỹ thuật và thiết kế sản phẩm và sơ đồ, phần mềm máy tính và các tác phẩm khác được tạo ra trong quá trình làm việc với các vật liệu, công nghệ của pháp nhân hoặc tổ chức và theo chức năng của pháp nhân hoặc tổ chức này; và (ii) các tác phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc mà theo quy định của luật, quy chế hành chính hoặc các hợp đồng thì pháp nhân hoặc tổ chức được hưởng quyền tác giả; quyền tác giả đối với tác phẩm được ủy thác thuộc về bên được ủy thác, nhưng bên được ủy thác có thể chuyển giao bản quyền cho bên ủy thác theo một hợp đồng; quyền triển lãm bản chính của tác phẩm thuộc về chủ sở hữu.

Về thời hạn bảo hộ quyền tác giả: (i) các quyền tinh thần như đặt tên tác phẩm, đứng tên là tác giả, quyền được bảo đảm tính toàn vẹn tác phẩm của tác giả thì không hạn chế thời

gian bảo hộ; (ii) các quyền tài sản như quyền công bố và các quyền được tham chiếu trong khoản 5 tới khoản 17 Điều 10 Luật Bản quyền Trung Quốc tồn tại trong suốt cuộc đời tác giả và kéo dài 50 năm sau khi tác giả chết. Trong trường hợp tác phẩm của cơ quan, đơn vị, bản quyền tồn tại trong khoảng thời gian là 50 năm.

Về vấn đề sử dụng hợp lý hay các giới hạn của quyền tác giả: Luật Bản quyền Trung Quốc quy định một số trường hợp tác phẩm được khai thác mà không cần phải trả tiền, không cần sự cho phép của tác giả, chủ sở hữu bản quyền và không xâm phạm tới các quyền tinh thần của tác giả:

- Sử dụng tác phẩm đã công bố nhằm mục đích học tập, nghiên cứu của cá nhân hoặc để tự giải trí;

- Trích dẫn để trong ngoặc kép một tác phẩm đã công bố của một chủ sở hữu nhằm mục đích giới thiệu hoặc bình luận liên quan đến một tác phẩm hoặc chứng minh một luận điểm;

- Sử dụng lại hoặc trích dẫn vì những lý do không thể tránh được đối với tác phẩm đã công bố trên các báo, tạp chí xuất bản định kỳ, đài phát thanh, truyền hình hoặc trên phương tiện truyền thông khác với mục đích ghi lại các sự kiện hiện tại;

- In lại các tạp chí, tờ báo hoặc phát lại chương trình phát thanh, truyền hình hoặc các phương tiện trên truyền

thông khác các bài báo về các vấn đề hiện tại liên quan đến kinh tế, chính trị, tôn giáo đã được công bố ở các tờ báo, tạp chí, kênh truyền hình, truyền thanh hoặc kênh truyền thông khác trừ khi tác giả đã tuyên bố việc in lại và phát lại là không được phép;

- Công bố trên các báo, tạp chí hoặc trên đài phát thanh, truyền hình hoặc các phương tiện thông tin truyền thông khác bài phát biểu đã đọc tại nơi công cộng, trừ khi tác giả đã tuyên bố không được phép công bố hoặc đưa lên đài phát thanh, truyền hình;

- Dịch hoặc sao chép với số lượng nhỏ những bản sao tác phẩm đã xuất bản để giáo viên, nhà nghiên cứu giảng dạy trong lớp hoặc nghiên cứu khoa học với điều kiện việc dịch hoặc sao chép đó không được công bố và phân phát;

- Sử dụng tác phẩm đã công bố của tổ chức, cơ quan nhà nước trong phạm vi riêng với mục đích thực hiện chức trách của mình;

- Tái bản tác phẩm để sưu tầm sử dụng cho việc lưu trữ, thư viện, bảo tàng, phòng trưng bày nghệ thuật nhằm mục đích trưng bày hoặc bảo quản bản sao của tác phẩm;

- Trình diễn trực tiếp miễn phí tác phẩm (không thu phí hoặc nhận bất cứ khoản tiền thù lao cho buổi biểu diễn);

- Sao chép, vẽ, chụp ảnh hoặc ghi hình tác phẩm nghệ thuật được trưng bày ở bên ngoài nơi công cộng;

- Dịch tác phẩm của công dân Trung Quốc, pháp nhân hoặc tổ chức từ ngôn ngữ Hán sang bất kỳ ngôn ngữ dân tộc thiểu số để công bố hoặc phân phối ở vùng đó;

- Chuyển một tác phẩm đã công bố sang chữ nổi (Braille) và xuất bản tác phẩm phiên âm đó.

Những giới hạn các quyền kể trên cũng sẽ áp dụng đối với các nhà xuất bản, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát thanh, truyền hình.

Về vấn đề li-xăng và chuyển nhượng bản quyền, theo Luật Bản quyền Trung Quốc thì bất cứ ai khai thác một tác phẩm do người khác tạo ra thì phải có trách nhiệm ký hợp đồng, hoặc nếu không thì phải có sự cho phép từ chủ sở hữu bản quyền và được thể hiện dưới hình thức một hợp đồng li-xăng hoặc hợp đồng chuyển nhượng.

Một hợp đồng li-xăng thường có các điều khoản sau:

- Loại quyền được li-xăng để khai thác tác phẩm;
- Quyền độc quyền hoặc không độc quyền khai thác tác phẩm trong li-xăng;
- Khu vực địa lý và thời hạn li-xăng;

- Mức thù lao và phương thức thanh toán;
- Trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm hợp đồng; và
- Các vấn đề mà các bên trong hợp đồng thấy cần thiết.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 đến khoản 17 Điều 10 Luật Bản quyền Trung Quốc, trong trường hợp chuyển nhượng quyền tác giả, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện một hợp đồng chuyển nhượng bằng văn bản. Nội dung hợp đồng có các điều khoản sau:

- Tên tác phẩm được chuyển nhượng;
- Loại và khu vực địa lý của quyền được chuyển nhượng;
- Giá chuyển nhượng;
- Ngày và cách thức thanh toán tiền chuyển nhượng;
- Trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm hợp đồng; và
- Các vấn đề mà các bên trong hợp đồng thấy cần thiết.

Tiền bản quyền sẽ được trả theo các tỷ lệ đã được các bên xác định hoặc theo các tỷ lệ do cơ quan quản lý bản quyền xây dựng.

Về trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm bản quyền:

(i) Người nào thực hiện hành vi xâm phạm bản quyền dưới đây thì phải chịu trách nhiệm dân sự như bị buộc chấm dứt hành vi vi phạm, ngăn chặn hậu quả của hành vi xâm phạm, xin lỗi công khai hoặc bồi thường thiệt hại.

Các hành vi xâm phạm bản quyền theo quy định của Luật Bản quyền Trung Quốc bao gồm:

- Xuất bản tác phẩm mà không được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền;
- Xuất bản một tác phẩm của đồng tác giả mà không được sự cho phép của tất cả các tác giả;
- Đề tên vào một tác phẩm của người khác nhằm đạt lợi ích và nổi tiếng cá nhân mà không tham gia vào việc tạo ra tác phẩm;
- Xuyên tạc, bóp méo hoặc làm giả mạo tác phẩm của người khác;
- Ăn cắp/đạo tác phẩm của người khác;
- Khai thác, triển lãm, sản xuất phim hoặc các biện pháp tương tự trong việc sản xuất phim, cải biên, phụ chú hoặc bằng những cách khác mà không được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền, trừ khi luật có quy định khác;
- Sử dụng tác phẩm của người khác mà không trả tiền thù lao theo quy định;

- Thay đổi tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình mà không được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền tác phẩm điện ảnh, tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự như sản xuất phim, chương trình máy tính, bản ghi âm, ghi hình hoặc chủ sở hữu quyền liên quan trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Khai thác, in ấn sách, tạp chí mà không được sự cho phép của nhà sản xuất;

- Phát thanh trực tiếp buổi biểu diễn hoặc thông tin trực tiếp buổi biểu diễn hoặc ghi lại buổi biểu diễn phát cho công chúng mà không được sự cho phép của người biểu diễn; hoặc

- Có bất kỳ các hành động xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp khác của các chủ thể quyền.

(ii) Người nào có các hành vi xâm phạm bản quyền dưới đây thì phải chịu trách nhiệm dân sự như chấm dứt các hành vi xâm phạm, loại bỏ những hậu quả của hành vi xâm phạm, xin lỗi hoặc trả tiền bồi thường.

- Sản xuất, phân phối, biểu diễn, trưng bày, phát thanh, biên dịch hoặc công bố cho công chúng trên mạng thông tin tác phẩm của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền, trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Xuất bản tác phẩm trong khi quyền độc quyền xuất bản thuộc về người khác;

- Sản xuất, phân phối bản ghi âm, ghi hình buổi biểu diễn hoặc công bố trên mạng thông tin mà không được sự đồng ý của người biểu diễn, trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Sản xuất và phân phối hoặc công bố trên các mạng thông tin bản ghi âm, ghi hình do người khác sản xuất mà không được sự cho phép của người sản xuất, trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Phát thanh hoặc sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình của các đài phát thanh, truyền hình mà không được sự cho phép của đài phát thanh, truyền hình, trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Cố tình phá hủy hoặc tiêu hủy các biện pháp công nghệ trong việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan của chủ thể quyền đối với tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình mà không được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền và quyền liên quan, trừ khi pháp luật có quy định khác;

- Cố tình xóa bỏ hoặc sửa đổi thông tin quyền quản lý thông tin điện tử của tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc quyền liên quan, trừ khi pháp luật hoặc quy định hành chính có quy định khác; hoặc

- Sản xuất hoặc kinh doanh tác phẩm giả mạo chữ ký của người khác.

Ngoài ra, người xâm phạm phải chịu hình thức xử phạt hành chính như buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, sung công những thu nhập và lợi nhuận bất hợp pháp; sung công và tiêu hủy những sản phẩm xâm phạm và bị phạt tiền; trong trường hợp nghiêm trọng thì các vật liệu, phương tiện, dụng cụ chính dùng để thực hiện hành vi xâm phạm sẽ bị tịch thu sung công, và nếu hành vi có dấu hiệu tội phạm thì sẽ bị khởi tố truy cứu trách nhiệm hình sự.

(iii) Bồi thường thiệt hại

Người thực hiện hành vi xâm phạm bản quyền phải bồi thường về những thiệt hại thực tế cho chủ thể quyền;

Trong trường hợp khó xác định thiệt hại thực tế thì việc bồi thường được căn cứ/dựa trên thu nhập bất hợp pháp của người xâm phạm. Khoản tiền bồi thường thiệt hại bao gồm cả những chi phí hợp lý mà chủ thể quyền phải bỏ ra để chấm dứt hành vi xâm phạm.

Trong trường hợp thiệt hại thực tế của chủ thể quyền hoặc những thu nhập bất hợp pháp của người xâm phạm không thể xác định, thì tiền bồi thường thiệt hại phải trả cho chủ thể quyền không lớn hơn 500.000 nhân dân tệ.

Chủ sở hữu bản quyền hoặc chủ sở hữu quyền liên quan cùng với các chứng cứ có thể nộp đơn đề nghị Tòa án áp dụng

các biện pháp khẩn cấp tạm thời như buộc chấm dứt các hành vi xâm phạm liên quan nhằm bảo quản các tài sản trước khi chủ thể quyền thực hiện các thủ tục khởi kiện.

Tòa án nhân dân có thể yêu cầu người nộp đơn nộp một khoản tiền bảo đảm và có thể bác yêu cầu nếu người nộp đơn không thực hiện nghĩa vụ này.

7.2.2. Thực thi pháp luật về quyền tác giả tại Trung Quốc

Trung Quốc có hai hệ thống cơ quan để bảo vệ bản quyền, một là theo cơ quan hành chính và hai là tại Tòa án.

a) Thực thi pháp luật về quyền tác giả bằng biện pháp hành chính

Cục Quản lý bản quyền nhà nước thực hiện, căn cứ theo các quy định của Luật Bản quyền, việc đăng ký bản quyền tác giả tại Cục Quản lý bản quyền có thể được thực hiện hoặc không, đặc biệt là đối với các chương trình máy tính. Các đăng ký thường ảnh hưởng đến việc chứng minh tác giả hoặc chủ sở hữu bản quyền. Luật Bản quyền bảo hộ tác phẩm của công dân Trung Quốc, những người nước ngoài được hưởng bảo hộ theo các công ước đa phương hoặc hiệp định song phương mà Trung Quốc là thành viên. Chủ sở hữu bản quyền có thể yêu cầu Cục Quản lý bản quyền nhà nước hoặc địa phương giải quyết việc xâm phạm. Cơ quan này

được phép ban hành lệnh dừng hoặc chấm dứt hành vi vi phạm. Cũng theo quy định của Luật Bản quyền, cơ quan quản lý bản quyền có thể xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm phạm bản quyền nghiêm trọng. Các bên không đồng ý với quyết định xử phạt hành chính có thể khởi kiện ra Tòa án trong vòng 3 tháng kể từ khi có quyết định xử phạt bằng văn bản. Tòa án sẽ kiểm tra và sẽ ra phán quyết liên quan đến tính hợp pháp của quyết định xử phạt hành chính, Tòa án có thể chấp nhận, bác bỏ hoặc sửa đổi quyết định xử phạt. Nếu một bên không thực hiện khởi kiện hoặc cũng không thực hiện các quyết định trong thời hạn 3 tháng kể trên, cơ quan quản lý bản quyền có thể đề nghị Tòa án để thực thi. Trong thực tế, những trường hợp này rất hiếm, bởi vì nhìn chung, các cơ quan quản lý bản quyền làm rất tốt việc thực thi và các chứng cứ vi phạm được cơ quan nắm giữ rất đầy đủ.

Trong những năm trước, việc thực thi quyền tác giả (đối với hàng hóa trong lãnh thổ) theo các thủ tục của Cục Quản lý bản quyền nhà nước có ưu điểm là xử lý nhanh và ít chi phí, tuy nhiên, tương tự như các cơ quan hành chính khác, Cục Quản lý bản quyền nhà nước và các cơ quan quản lý bản quyền ở địa phương không có quyền xác định thiệt hại (chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền xác định thiệt hại của nguyên đơn), bởi vậy nếu nguyên đơn muốn được

bồi thường thì biện pháp thực thi hành chính sẽ không phải là lựa chọn tốt. Biện pháp này chỉ phù hợp khi nguyên đơn muốn dừng hành vi xâm phạm ngay lập tức.

Một cơ quan hành chính quan trọng khác là Hải quan Trung Quốc, sau khi Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được ban hành tháng 5/1994, Hải quan Trung Quốc được quyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hàng hóa xuất, nhập khẩu, bao gồm sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền. Chủ sở hữu bản quyền có thể thông báo các quyền của mình đến cơ quan hải quan có thẩm quyền. Trong thời gian gần đây, Hải quan Trung Quốc đã thực thi pháp luật và kiểm tra việc xuất nhập khẩu hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tùy thuộc vào quy định pháp luật, khi chủ thể quyền yêu cầu Hải quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Hải quan sẽ đưa tất cả các dữ liệu vào hệ thống máy tính, những thông tin này sẽ được các cơ quan hải quan trên toàn quốc sử dụng để thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Trung Quốc. Theo thống kê năm 1997, Hải quan Trung Quốc đã tiếp nhận 492 trường hợp, đã điều tra và khám phá 175 trường hợp, bao gồm 76 trường hợp vi phạm bản quyền, xử phạt tới 19.938.311 Nhân dân tệ (tương đương 2.345.683 đô la Mỹ)²⁹.

²⁹<http://www.chinalawblog.org/law-topics/intellectual-property/120-china-copy-write-protection-rules-and-regulations-insight/>

b) Thực thi pháp luật về quyền tác giả bằng biện pháp tư pháp

Quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm bản quyền) là vấn đề mang tính kỹ thuật và chuyên sâu. Năm 1996, Tòa án tối cao Trung Quốc đã thiết lập Tòa xét xử quyền sở hữu trí tuệ nhằm tăng cường việc hướng dẫn và giám sát việc xét xử vụ án quyền sở hữu trí tuệ trên toàn quốc. Các Tòa án cấp cao ở Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tô, Hải Nam, Tứ Xuyên, Trùng Khánh và Tòa án trung cấp ở các thành phố thủ phủ của các tỉnh và các khu kinh tế đặc biệt đã liên tiếp thiết lập các phòng xét xử về sở hữu trí tuệ như một yêu cầu cấp thiết. Trong Tòa sở hữu trí tuệ của Tòa án tối cao hiện nay có 5 Thẩm phán và các trợ lý. Các Tòa án khác thiết lập các tổ, bộ phận về sở hữu trí tuệ trong phòng kinh tế hoặc dân sự. Những Tòa/bộ phận chuyên trách này giúp tổng kết các kinh nghiệm và nâng cao năng lực việc xử lý vụ việc về sở hữu trí tuệ.

Trong các biện pháp tư pháp nhằm thực thi quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bản quyền nói riêng trước tiên phải kể đến việc khởi tố hình sự.

Theo Quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc về xử lý hình sự các trường hợp xâm phạm bản quyền, từ ngày 01/01/1995, các Tòa án Trung Quốc đã bắt đầu xử lý

hình sự đối với hành vi xâm phạm bản quyền. Ngày 14/3/1997, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII của Trung Quốc đã thông qua Luật Hình sự và trong đó tội phạm về sở hữu trí tuệ được quy định thành một phần riêng.

Theo Luật Hình sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao³⁰, có hai trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự về xâm phạm bản quyền, một là tội xâm phạm bản quyền (xâm phạm trực tiếp như sao chép tác phẩm không được phép), hai là kinh doanh các bản sao chép xâm phạm bản quyền (xâm phạm gián tiếp). Cũng theo Luật Hình sự và hướng dẫn của Tòa án thì “bất cứ ai phạm tội xâm phạm bản quyền thì sẽ bị phạt tù không quá bảy năm hoặc bị tạm giam hình sự và bị phạt tiền” và “bất cứ ai phạm tội kinh doanh các bản sao chép xâm phạm bản quyền thì sẽ bị phạt tù không quá năm năm hoặc bị tạm giam hình sự và bị phạt tiền”.

Hình phạt cũng áp dụng đối với các doanh nghiệp hoặc tổ chức vi phạm, bất kỳ doanh nghiệp hoặc tổ chức nào phạm tội sẽ bị phạt tiền, cá nhân trực tiếp phụ trách và những người khác chịu trách nhiệm tổ chức trực tiếp sẽ bị xử phạt theo quy định của luật.

³⁰ Interpretation by the Supreme People's Court and the Supreme People Procuratorate concerning Several issues on the Specific Application of Law for Handling Criminal Infringement Cases upon Intellectual Property Rights, effective as of 5 April 2007.

Tiếp theo, khởi kiện dân sự là một trong hai biện pháp tư pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Theo các nguyên tắc chung của Bộ luật Dân sự Trung Quốc, bất kỳ người nào thực hiện hành vi xâm phạm bản quyền thì sẽ bị Tòa án xử lý theo thủ tục tố tụng dân sự, Tòa án ban hành lệnh buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, thực hiện việc xin lỗi công khai hoặc bồi thường thiệt hại. Người xâm phạm phải bồi thường cho bên bị xâm phạm bằng tổng thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, bao gồm những lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phí điều tra và phí thuê luật sư.

Ngoài trách nhiệm dân sự ở trên, chủ thể thực hiện các hành vi xâm phạm được quy định tại Điều 46 Luật Bản quyền Trung Quốc có thể bị tịch thu thu nhập bất hợp pháp hoặc phạt tiền.

Số tiền thiệt hại được quyết định trên cơ sở thu nhập bất hợp pháp của bên xâm phạm và thiệt hại thực tế của bên bị xâm phạm. Ngoài thiệt hại về kinh tế, thiệt hại về tinh thần cũng có thể được bồi thường. Trong thủ tục tố tụng dân sự, các Tòa án theo yêu cầu của các bên có quyền áp dụng các biện pháp bảo quản chứng cứ và tài sản. Trong trường hợp khẩn cấp để xử lý quyền dân sự của các bên liên quan, Tòa án có thể thực hiện phán quyết sơ bộ như lệnh bắt buộc trước khi có quyết định cuối cùng về vụ việc.

Qua tìm hiểu pháp luật về quyền tác giả và thực tiễn thi hành tại một số nước trong khu vực có thể đưa ra một số kết luận như sau:

- Các nước đều có hệ thống pháp luật về quyền tác giả tương đối đầy đủ, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- Các nước đã vận dụng linh hoạt các quy định mở của các điều ước quốc tế để quy định các hình thức thực thi trong hệ thống pháp luật về quyền tác giả của nước mình.

- Việc xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, các thủ tục thực thi pháp luật về quyền tác giả rất đa dạng và khác nhau ở mỗi nước. Thái Lan xây dựng Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ trong khi Trung Quốc lại chú trọng các biện pháp hành chính và trao thẩm quyền rất lớn cho cơ quan quản lý bản quyền ở trung ương và địa phương.

- Sự thay đổi trong hệ thống pháp luật về quyền tác giả của các nước khá nhanh nhằm bắt kịp đà phát triển của khoa học và công nghệ.

Qua đó, chúng ta nhận thấy với điều kiện phát triển riêng của mình, khi mà hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng của Việt Nam còn hạn chế về kinh nghiệm trong lập pháp cũng như

xét xử, càng đòi hỏi những định hướng đúng đắn đúc kết từ kinh nghiệm các quốc gia có điều kiện và hoàn cảnh phát triển tương tự sao cho phù hợp với hoàn cảnh hội nhập của đất nước ngày nay.

7.3. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước về quyền tác giả đối với Việt Nam

Qua nghiên cứu pháp luật về quản lý nhà nước về quyền tác giả của hai quốc gia lân cận, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng ở Việt Nam.

Trước hết là kinh nghiệm đối với Việt Nam từ việc quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Thái Lan. Mặc dù theo một số nhận định, vẫn còn những vấn đề trong bảo hộ bản quyền tại Thái Lan như quan điểm cho rằng Thái Lan là nước chậm phản ứng với nạn ăn cắp bản quyền trên Internet, hay Thái Lan thiếu hệ thống thông tin về ngăn ngừa vi phạm bản quyền tạo sự liên kết giữa các cơ quan thực thi như Cảnh sát, Hải quan, Cục điều tra đặc biệt (DSI), Văn phòng Chương lý và Tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế (IP&ITC)... Nhưng kinh nghiệm của Thái Lan trong việc thành lập Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ và các quy tắc tổ tụng của hệ thống Tòa án này là rất đáng để Việt Nam tham khảo. Vì thế, kinh nghiệm đối với Việt Nam để nâng cao hiệu quả thực thi, thúc đẩy hệ

thống sở hữu trí tuệ quốc gia phát triển là cần sớm nghiên cứu và triển khai áp dụng hệ thống Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ phù hợp với điều kiện hiện tại của Việt Nam, đặc biệt là hệ thống các Thẩm phán chuyên trách được đào tạo bài bản kết hợp với cơ chế linh hoạt cho phép sự tham gia, hỗ trợ tối đa của các chuyên gia trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ bên ngoài hệ thống Tòa án; thủ tục tố tụng linh hoạt, cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi thụ lý vụ án, cũng như thẩm quyền đặc biệt của Tòa án này trong việc quy định các quy tắc thu thập và kiểm tra chứng cứ... Ngoài ra, rút kinh nghiệm từ hạn chế trong việc phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng thực thi sở hữu trí tuệ ở Thái Lan, chúng ta phải xây dựng cơ chế kết nối nhằm chia sẻ phân tích thông tin, tình hình xâm phạm bản quyền trong nước và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các cơ quan thực thi như Cục bản quyền tác giả, Ủy ban nhân dân các cấp, Hải quan, Quản lý thị trường, Thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch...

Một số kinh nghiệm quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Trung Quốc: Việt Nam và Trung Quốc có các biện pháp thực thi quyền tác giả tương đối giống nhau, trong đó đặc biệt chú trọng biện pháp hành chính. Biện pháp này phát huy tác dụng đối với các vi phạm ít nghiêm trọng, chứng cứ rõ ràng vì nó đòi hỏi ít chi phí và thời gian xử lý nhanh. Tuy nhiên, biện pháp này lại không mang lại nhiều lợi ích cho chủ thể quyền

bị xâm phạm vì các cơ quan hành chính không thể quyết định việc bồi thường thiệt hại cho họ đồng thời các quyết định hành chính của các cơ quan này cũng có thể bị khởi kiện ra Tòa theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Khi xử lý hàng hóa xâm phạm bản quyền bị tịch thu, các hình thức mà Trung Quốc áp dụng thường là:

- Đưa vào sử dụng cho mục đích nhân đạo (53,5%);
- Bán cho chủ thể quyền (0,65%);
- Bán đấu giá sau khi loại bỏ yếu tố vi phạm (0,87%);
- Cơ quan chức năng tiến hành tiêu hủy hàng vi phạm (44,9%).

Việt Nam có thể dựa vào năng lực, cơ sở vật chất của các cơ quan thực thi và chính sách sở hữu trí tuệ theo từng thời kỳ mà lựa chọn các hình thức trên cho phù hợp.

Ngoài ra, đối với các biện pháp tư pháp, đặc biệt là khởi tố hình sự, pháp luật Trung Quốc đã quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân, cho nên các doanh nghiệp hoặc tổ chức vi phạm cũng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự, bị phạt tiền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hình sự, các cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp của tổ chức cũng sẽ bị xử phạt theo quy định của luật. Quy định này có tính răn đe rất lớn, nhất là đối với các hành

vi vi phạm quyền tác giả với quy mô thương mại của các tập đoàn và doanh nghiệp.

Như vậy, trong Chương này, các tác giả đã trình bày tổng quan về quyền tác giả và quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có một hệ thống các quy định về bảo hộ quyền tác giả tương đối đầy đủ cả về nội dung và hình thức, tương thích với các điều ước quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan mà Việt Nam là thành viên. Những yêu cầu mới về hợp tác kinh tế quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài và trình độ phát triển của công nghệ đặt quản lý nhà nước về quyền tác giả trước một thử thách mới. Trong các nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả thì khâu then chốt chính là chính sách về quyền tác giả và ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về quyền tác giả. Tuy nhiên, là một vấn đề mới, phức tạp và thay đổi nhanh chóng, pháp luật về quyền tác giả và quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả cần phải tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhằm phát huy vai trò điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực này. Kinh nghiệm nước ngoài, cụ thể là của các nước lân cận như Thái Lan và Trung Quốc có thể giúp cho Việt Nam có những sự tham khảo hữu ích trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với quyền tác giả.

CHƯƠNG II

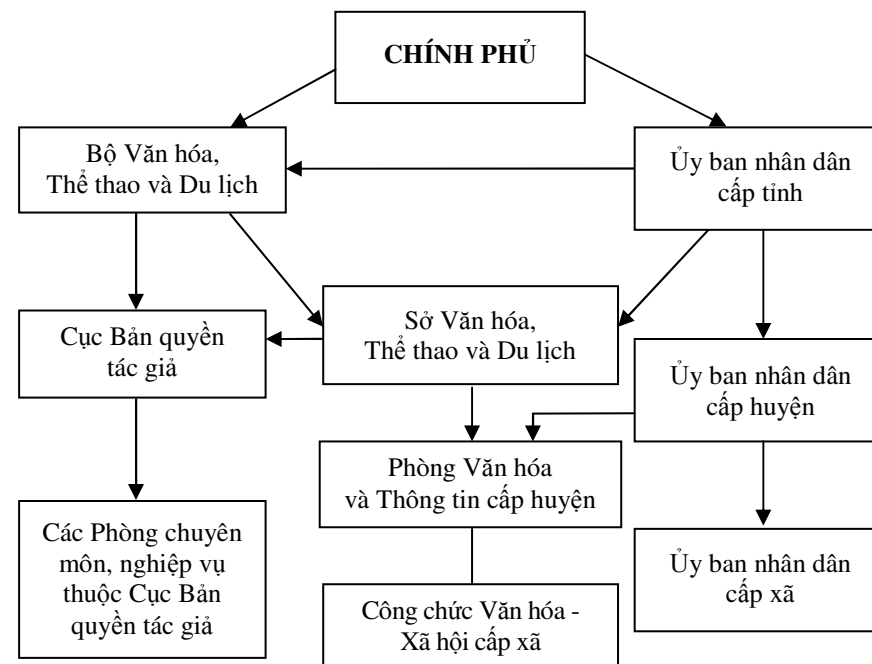
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Ở VIỆT NAM

1. Địa vị pháp lý và hệ thống quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Địa vị pháp lý của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan là tổng hợp những quyền và nghĩa vụ của các cơ quan trong hệ thống quản lý nhà nước đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan ở trung ương và địa phương. Địa vị pháp lý của các cơ quan này thể hiện ở vai trò, vị trí, quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan, và địa vị đó còn được thể hiện trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền đã được pháp luật quy định. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam được chia thành hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa

phương được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc chung thống nhất về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và trong lĩnh vực về quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng.

Dưới đây là sơ đồ hệ thống quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam theo Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.



Hình số 1: Hệ thống quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.

1.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 94 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội*”. Theo quy định tại Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, trong đó có quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (khoản 2 Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chủ trương, chính sách pháp luật chung về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, tổng hợp thông tin chung về quyền tác giả, quyền liên quan, thực hiện các dự án chung về quyền tác giả, quyền liên quan, thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Chính phủ; chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 6 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP).

Trong các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền riêng về lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan phải kể đến vai trò của Cục Bản quyền tác giả. Cục Bản quyền tác giả, tiền thân là Hãng Bảo hộ quyền tác giả Việt Nam, là cơ quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên phạm vi cả nước theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 100/2006/NĐ-CP và Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2011/NĐ-CP).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bản quyền tác giả được quy định tại Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Theo đó, tổ chức bộ máy của Cục Bản quyền tác giả gồm: Cục trưởng, các Phó Cục trưởng, 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Văn phòng Cục; Phòng Quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; Phòng Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế; Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh; Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Đà Nẵng.

Để thực thi các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành về giám định sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan, Cục Bản quyền tác giả đang xây dựng đề án để trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trước đòi hỏi của thực tế các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan, cần phải tổ chức giám định để xem xét, kết luận, giải quyết khách quan các vụ việc theo quy định của pháp luật thì việc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập trung tâm giám định về quyền tác giả, quyền liên quan là rất cần thiết. Công tác giám định sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan hiện đang là yêu cầu đòi hỏi cấp thiết của các cơ quan giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan, đặc biệt là việc trung tâm giám định của Tòa án nhân dân.

Mặt khác, để thực hiện nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo quy định tại Điều IV khoản 2 Phụ lục Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, thì các quốc gia là thành viên của Công ước cần phải thành lập “Trung tâm Thông tin quốc gia về quyền tác giả và quyền liên quan” của quốc gia mình; nhưng đến thời điểm hiện nay, Việt Nam vẫn chưa thành lập trung tâm này. Như vậy, Việt Nam hiện chưa thực hiện nghĩa vụ chỉ định “Trung tâm Thông tin quốc gia về quyền tác giả và quyền liên quan” theo các

điều ước quốc tế nêu trên mà Việt Nam đã là thành viên để thông báo cho Tổng giám đốc WIPO.

Trong giai đoạn hiện nay, khối lượng công việc của Cục Bản quyền tác giả ngày càng nhiều do đòi hỏi của thực tiễn phát triển sự nghiệp bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta và hội nhập quốc tế, Cục Bản quyền tác giả đã kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Bộ Nội vụ tăng cường biên chế cho Cục nhưng chưa có kết quả. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Cục Bản quyền tác giả thời kỳ mới, Việt Nam đã là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ngoài việc cần tăng thêm biên chế công chức cho Cục, cần phải bổ sung cán bộ lãnh đạo Cục Bản quyền tác giả. Với số lượng 03 cán bộ lãnh đạo Cục như hiện nay thì chưa đáp ứng được yêu cầu chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại quốc gia và hội nhập quốc tế.

1.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương về quyền tác giả, quyền liên quan

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại địa phương theo thẩm quyền (khoản 4 Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ), trong đó có quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh. Theo phân cấp của Thủ tướng Chính phủ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan (khoản 2 Điều 7 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP).

Theo tinh thần các quy định nêu trên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn cấp xã.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06/6/2008 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ.

Theo đó, cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập thống nhất gồm:

- Phòng Nghiệp vụ văn hoá;
- Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình;
- Phòng Nghiệp vụ thể dục thể thao;
- Phòng Nghiệp vụ du lịch;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Thanh tra;
- Văn phòng.

Ngoài ra, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào đặc điểm, khối lượng công việc thực tế ở địa phương, có thể thành lập một số phòng đặc thù theo lĩnh vực, trong đó có thể thành lập Phòng Quản lý quyền tác giả, quyền liên quan. Theo hướng dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV nêu trên thì: “*Việc thành lập các phòng chuyên môn nghiệp vụ phải bảo đảm nguyên tắc bao quát đầy đủ các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chức năng, nhiệm vụ của từng phòng phải rõ ràng, không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của phòng và tổ chức khác thuộc Sở; bảo đảm đơn giản về thủ tục hành chính và thuận lợi trong việc giải quyết các đề nghị của tổ chức và công dân*”. Tuy vậy, hiện chưa có Sở Văn

hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố nào kiến nghị thành lập riêng phòng này để tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương, mà Sở chỉ bố trí một chuyên viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm (đa số là kiêm nhiệm) thuộc “Phòng nghiệp vụ văn hóa” làm công tác này.

Đây là một vấn đề cần đặt ra đối với các nhà quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung, quản lý quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng. Việc đòi hỏi cần phải thành lập riêng Phòng chuyên môn nêu trên trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước tình hình hiện nay là sự cần thiết khách quan và là yêu cầu cấp bách, để có đội ngũ cán bộ tham mưu cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thúc đẩy việc tăng cường và nâng cao năng lực hoạt động quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, đặc biệt khi Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), phải thực hiện các cam kết của WTO, trong đó có nghĩa vụ thực thi sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan tại quốc gia và quốc tế.

Qua khảo sát tại một số địa phương, hiện trạng đội ngũ cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở địa phương hiện nay, chủ yếu là cán bộ

kiêm nhiệm, “Đội ngũ cán bộ Chánh, Phó Giám đốc các Sở Văn hóa - Thông tin, tình trạng “chuyển ngang” cũng khá lớn. Trình độ không đồng đều, số hoạt động lâu năm, có kinh nghiệm thì tuổi đã cao. Lớp cán bộ trẻ có nhiệt tình, trách nhiệm nhưng kiến thức quản lý, kỹ năng điều hành ở một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp còn hạn chế¹”.

Ở thời điểm năm 2004 khi nước ta gia nhập Công ước Berne, Cục Bản quyền tác giả đã có Công văn đề nghị các Sở Văn hóa - Thông tin phân công cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý quyền tác giả, quyền liên quan nhưng kết quả chỉ có 35/64 tỉnh, thành có phân công cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác này. Đến nay, công tác quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan đối với đa số cán bộ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là công việc vẫn còn mới mẻ.

Tháng 11 năm 2011, Nhóm nghiên cứu Đề tài B2011.06.06 của Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế quốc dân về tình hình hoạt động quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan tại 03 tỉnh, thành gồm: thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình

¹ Nhận định của ông Vũ Hòa, nguyên Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý Văn hóa - Thông tin trước đây, nay là Trường Cán bộ quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hiện trạng đội ngũ cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước của Ngành Văn hóa - Thông tin tại Hội nghị về công tác đào tạo cán bộ của Ngành năm 2003. Với thực trạng đội ngũ cán bộ như hiện nay, sau hơn 10 năm, nhận định này giờ vẫn còn nguyên giá trị.

Dương và thành phố Đà Nẵng. Qua khảo sát thấy rằng: tại thành phố Hồ Chí Minh có bố trí 01 Phó Giám đốc Sở phụ trách và 01 cán bộ thuộc Phòng Nghiệp vụ theo dõi công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn thành phố, nhân lực còn rất hạn chế về số lượng. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố để ban hành quyết định riêng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân huyện (quận), xã (phường) về công tác quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Cán bộ của Sở chủ yếu là làm kiêm nhiệm công tác nói trên, tại Sở chưa có bộ phận riêng chuyên nghiệp, tuy nhiên hoạt động thanh kiểm tra trên địa bàn đã có nhiều cố gắng và đạt được kết quả đáng trân trọng. Còn tỉnh Bình Dương là một trong số 5 tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo phân cấp của Thủ tướng Chính phủ, nhưng lại chưa phân công cán bộ chuyên trách theo dõi về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn. Trong Báo cáo tổng kết năm 2011 của Sở về phần đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan còn rất mờ nhạt. Qua làm việc với đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng, hoạt động quản

lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan cũng giống như thành phố Hồ Chí Minh.

Qua khảo sát tại một số tỉnh, thành phố có thể khái quát về hiện trạng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan như sau:

- Đa số Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố chưa làm tốt công tác tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành văn bản quản lý trên địa bàn tỉnh như việc đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sớm ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Điều này dẫn đến việc chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để các cơ quan nêu trên có trách nhiệm hơn đối với hoạt động quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương.

- Các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng còn thiếu thường xuyên, liên tục và chưa triệt để, nên trên thị trường ở nhiều địa phương vẫn còn văn hóa phạm vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan mà

không bị xử lý, nhất là tệ nạn in đĩa lậu, sách lậu, chương trình máy tính lậu có chiều hướng ngày càng gia tăng.

- Số cán bộ làm công tác chuyên nghiệp về văn hóa ở Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện đã rất ít, do vậy số cán bộ làm công tác chuyên nghiệp về công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan càng hiếm. Về nguyên tắc: “Biên chế hành chính của Phòng Văn hóa và Thông tin do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trong tổng biên chế hành chính của huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao”. Qua khảo sát tại một số tỉnh, thành phố thấy rằng: Số lượng biên chế của Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện thường là từ 5 đến 7 người, tại một số tỉnh do nhận thức được tầm quan trọng của công tác văn hóa, thông tin trong đời sống xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã quan tâm tăng cường thêm từ 3 đến 5 người làm việc tại Phòng này theo chế độ hợp đồng lao động.

Nhìn lại thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thấy “đầu vào” được bổ sung từ nhiều nguồn: Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Giáo dục, Y tế, thậm chí cả Thủy lợi, Công nghiệp... Qua khảo sát, một số tỉnh có gần 70% số cán bộ Trưởng, Phó phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện là từ các ngành khác chuyển qua. Một số nơi còn chuyển sang ngành Văn hóa và

Thông tin cả những cán bộ khó bố trí, hoặc đang chờ công tác. Qua đó có thể thấy rằng: cán bộ chuyên nghiệp về công tác văn hóa đã rất ít, thì số cán bộ chuyên nghiệp về công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện lại càng ít hơn.

- Hiện nay, hơn mười vạn xã, phường ở nước ta đã có một công chức được hưởng lương từ ngân sách nhà nước để làm công tác chuyên trách về văn hóa. Tuy nhiên, hiện số cán bộ chuyên trách làm công tác văn hóa tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường hầu hết đều không có nghiệp vụ chuyên sâu về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, công tác quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn xã, phường chưa được quan tâm chú trọng, việc quản lý ở lĩnh vực này chủ yếu vẫn trông chờ ở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

Tóm lại, quá trình hình thành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta từ trung ương đến địa phương đã diễn ra trong bối cảnh luôn có biến động về tổ chức bộ máy và cán bộ, việc thay đổi cơ cấu tổ chức diễn ra liên tục trong những năm qua.

Sự biến động về địa giới hành chính cũng có tác động và ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước về quyền tác giả,

quyền liên quan, bởi lẽ sự biến động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước nói chung và sự biến động của cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng ở trung ương và địa phương, không chỉ liên quan đến phạm vi hoạt động quản lý nhà nước mà nó còn liên quan đến khâu tổ chức bộ máy và việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức ở lĩnh vực này, nhất là ở các địa phương cần phải có thời gian khá dài mới ổn định và đi vào hoạt động theo yêu cầu của nhiệm vụ mới.

2. Hệ thống tổ chức quản lý tập thể về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Trong những năm qua, ở Việt Nam đã hình thành được hệ thống tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan với mô hình tổ chức chưa có tiền lệ, gồm 4 tổ chức: Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) thành lập năm 2002, Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV) thành lập năm 2003, Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam (VLCC) thành lập năm 2004, Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO) thành lập năm 2010. Trong đó VCPMC, VLCC là pháp nhân thuộc Hội Nhạc sỹ Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam hoạt động theo điều lệ đã được các hội này phê duyệt; RIAV, VIETRRO là những hiệp hội độc lập, hoạt động theo điều lệ được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Hiện nay các tổ chức quản lý tập thể đã thực hiện các hoạt động từ việc ký hợp đồng ủy thác quyền, xây dựng biểu giá tiền nhuận bút, thù lao, cấp phép sử dụng, thu và phân phối tiền nhuận bút, thù lao cho hội viên. Hệ thống hỗ trợ thực thi này đang trong quá trình phấn đấu để hoạt động chuyên trách và chuyên nghiệp.

Các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có vai trò quan trọng trong việc thay mặt tác giả quản lý các nguồn thu nhằm hỗ trợ hoạt động sáng tạo của tác giả, giúp họ có thời gian, vật chất đầu tư cho lao động tư duy. Chính vì thế, các tổ chức quản lý tập thể là những tổ chức đang từng bước hỗ trợ, thúc đẩy thực thi bảo vệ quyền tác giả bước đầu có kết quả nhất định, góp phần thực hiện có hiệu quả sự ủy thác của các tác giả.

2.1. Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam

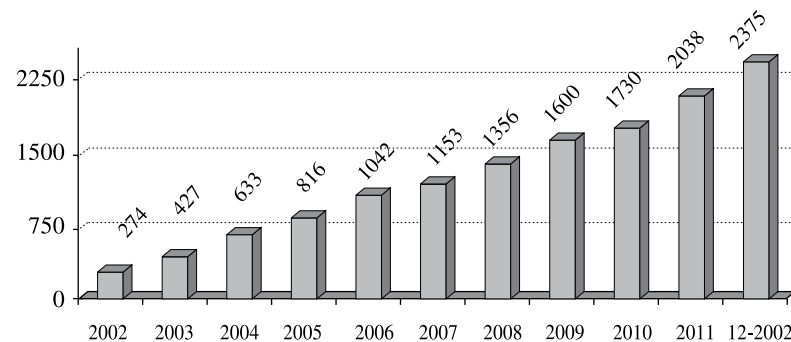
Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) được thành lập theo Quyết định số 19/2002/QĐ-NS ngày 19/4/2002 của Tổng Thư ký Hội Nhạc sỹ Việt Nam, thực hiện quản lý tập thể đối với các quyền của các nhà soạn nhạc và soạn lời theo uỷ quyền, hiện đã ký hợp đồng ủy thác quyền với trên 3000 tác giả âm nhạc trong nước, đang quản lý, lưu trữ hàng trăm ngàn tác phẩm âm nhạc của các nhạc sỹ Việt Nam. Việc lưu trữ này được thực hiện theo đúng tiêu

chuẩn quốc tế để có thể truy xuất, trao đổi với các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả khác trên toàn thế giới.

Tính đến ngày 30/9/2011, VCPMC đã thu được gần 100 tỷ đồng tiền bản quyền sử dụng tác phẩm âm nhạc trong các lĩnh vực như: xuất bản sách, băng, đĩa nhạc, phát thanh, truyền hình, siêu thị, hàng không, nhạc trên internet, nhạc chuông, nhạc chờ, biểu diễn ca nhạc... Số tiền mà VCPMC thu được có sự tăng trưởng nhảy vọt qua các năm. Theo báo cáo của VCPMC: năm 2002 thu 78 triệu đồng; năm 2003 thu 197 triệu đồng; năm 2004 thu 1 tỷ 116 triệu đồng; năm 2005 thu 2 tỷ 019 triệu đồng; năm 2006 thu 3 tỷ 332 triệu đồng; năm 2007 thu 9 tỷ 369 triệu đồng; năm 2008 thu 15 tỷ 168 triệu đồng; năm 2009 thu 23 tỷ 330 triệu đồng; năm 2010 thu 32 tỷ 561 triệu đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2011, VCPMC cũng đã thu được gần 13 tỷ đồng. Hoạt động phân phối tiền nhuận bút, thù lao đã được VCPMC thực hiện và từng bước đảm bảo tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế. VCPMC đang tiến hành phân phối với tần suất 4 lần/năm, và hiện đã phân phối được 95% số tiền nhuận bút, thù lao thu được. Tỷ lệ hành chính phí bình quân mà VCPMC giữ lại là 19%. Một số nhạc sỹ đã nhận tiền nhuận bút tại VCPMC hàng năm lên tới gần 300 triệu đồng. Năm 2011, VCPMC đã hoàn thành các báo cáo kiểm toán năm 2010, báo cáo tài chính

và thực hiện đầy đủ các chế độ thuế theo quy định của Bộ Tài chính”².

Số nhạc sỹ, tác giả tin tưởng và ký hợp đồng ủy thác cho VCPMC ngày càng tăng lên nhanh chóng. Đến tháng 12 năm 2012, số tác giả ủy thác cho VCPMC là 2.375 tác giả. Cụ thể số lượng thành viên tăng qua các năm thể hiện trong biểu đồ sau:



Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động giai đoạn 2002 - 2012, VCPMC

Tháng 7 năm 2009, VCPMC đã là thành viên chính thức của Liên minh quốc tế các Hiệp hội những nhà soạn nhạc và lời thế giới (CISAC). Đồng thời, cho đến năm 2013, VCPMC đã ký hợp đồng với gần 50 tổ chức bảo vệ quyền tác giả âm nhạc tương ứng trên thế giới có phạm vi điều chỉnh trên 138 quốc gia và vùng lãnh thổ. Với những cam kết ràng buộc này, VCPMC cũng đang là tổ chức đại diện quyền tác giả duy nhất

² Phạm Thanh Tùng, tldd, tr. 74.

tại Việt Nam có quyền đại diện, bảo vệ lợi ích của gần 3 triệu tác giả âm nhạc và lời trên thế giới đối với quyền biểu diễn tác phẩm và/hoặc quyền sao chép tác phẩm.

Về công tác thu tiền bản quyền sử dụng tác phẩm âm nhạc, từ khi thành lập đến nay, VCPMC đã triển khai đàm phán, cấp phép và thu tiền bản quyền sử dụng tác phẩm âm nhạc ở hầu hết các lĩnh vực mà luật pháp đã quy định. Số tiền thu được hàng năm cho các nhạc sỹ, tác giả thành viên có xu hướng tăng cao, tổng cộng 10 năm khoảng 175 tỷ đồng với thống kê cụ thể như sau:

NĂM	SỐ TIỀN BẢN QUYỀN (VNĐ)	NĂM	SỐ TIỀN BẢN QUYỀN (VNĐ)
2002	78.411.500	2008	15.168.245.014
2003	197.573.678	2009	23.330.796.177
2004	1.116.775.479	2010	32.561.577.360
2005	2.019.339.873	2011	41.101.481.754
2006	3.332.476.604	2012	Xấp xỉ 47 tỷ đồng
2007	9.369.401.683		

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động giai đoạn 2002 - 2012, VCPMC.

Về công tác phân phối (chi trả) tiền bản quyền sử dụng tác phẩm âm nhạc, từ năm 2002 đến năm 2011, VCPMC đã phân phối 82.024.194.066 đồng, đạt được 81% số lượng phải phân phối sau khi đã trừ chi phí hoạt động.

Tính đến hết ngày 30/9/2012, VCPMC đã thực hiện 3 kỳ phân phối cho thành viên trong nước và quốc tế với tổng số tiền phân phối là: 27.454.846.484 đồng. Kỳ 4 đã chi trả vào ngày 24/01/2013, số tiền phải phân phối khoảng 10 tỷ đồng. Tổng cộng số tiền phân phối trong năm 2012 khoảng gần 38 tỷ đồng, sau khi trừ hành chính phí năm 2012. Tổng số tiền phân phối trong 10 năm là 120 tỷ đồng, đạt xấp xỉ 86% số tiền phải phân phối sau khi đã trừ đi hành chính phí. Việc phân phối (chi trả) được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau như: chi trả trực tiếp tại 02 văn phòng của VCPMC, chuyển khoản, chuyển tiền qua bưu điện, cử người đến tận nhà chi trả... Số tiền phân phối cho các tác giả quốc tế được thực hiện thông qua các tổ chức đại diện của họ (số tiền này chiếm từ 15 - 20% của tổng số tiền phân phối trong các năm của VCPMC)³.

2.2. Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam

Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam (VLCC) được thành lập theo Quyết định số 80/QĐ-TCHV ngày

³ Phạm Thanh Tùng, tldd.

25/8/2004 của Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, thực hiện quản lý tập thể đối với các quyền của các tác giả văn học theo uỷ quyền. Tính đến nay đã có khoảng 900 tác giả là nhà thơ, nhà văn ký uỷ thác quyền cho VLCC và khoảng 2.350 người có hoạt động văn học đã ký tham gia thành viên của VLCC. Ngày 17/3/2009, VLCC được công nhận là thành viên liên kết của Liên hiệp quốc tế các tổ chức quyền sao chép (IFRRO).

VLCC đang quản lý trên 11.000 tác phẩm văn học, trong đó có khoảng 630 tác phẩm đã được số hóa. VLCC đang nỗ lực số hóa các tác phẩm còn lại để cập nhật vốn tác phẩm của các thành viên, từ đó có thể truy xuất, trao đổi với các tổ chức quốc tế tương ứng, hướng tới mục tiêu khai thác có hiệu quả giá trị kinh tế đối với các tác phẩm đã uỷ thác và xây dựng thành công Ngân hàng điện tử tác phẩm văn học Việt Nam.

Tính đến ngày 31/12/2010, VLCC đã thu được trên 2 tỷ đồng tiền sử dụng tác phẩm văn học trong các lĩnh vực như xuất bản, làm tác phẩm phái sinh, sử dụng tác phẩm trên mạng viễn thông, internet. Trong 2 năm đầu thành lập (năm 2004 và năm 2005), VLCC chưa tiến hành hoạt động cấp phép và thu tiền nhuận bút, thù lao; từ năm 2006 đến năm 2008 thu được 774 triệu đồng; năm 2009 thu được 946 triệu đồng; năm 2010

thu được 302 triệu đồng. VLCC đã tiến hành phân phối được 1 tỷ 610 triệu đồng cho các thành viên và thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo định kỳ, thực hiện đầy đủ các chế độ thuế theo quy định của Bộ Tài chính⁴.

2.3. Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam

Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV) được thành lập theo Quyết định số 31/2003/QĐ-BNV ngày 16/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, thực hiện quản lý tập thể đối với các quyền của các nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình theo uỷ quyền. Cho đến ngày 31/12/2010, RIAV có 56 thành viên, trong đó có 46 thành viên đã ký hợp đồng uỷ thác cho Hiệp hội quản lý, thu tiền từ việc khai thác, sử dụng các bản ghi âm, ghi hình của mình. Tính đến 31/12/2010, RIAV đã thu được trên 23 tỷ đồng tiền sử dụng bản ghi âm, ghi hình trong các lĩnh vực như mạng truyền thông, website, nhạc chuông, nhạc chờ trên cơ sở mức khoán phí sử dụng hoặc theo tỷ lệ doanh thu khai thác bản ghi âm, ghi hình. RIAV tiến hành phân phối tiền nhuận bút, thù lao thu được với tần suất 4 lần/năm và thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo định kỳ, thực hiện đầy đủ các chế độ thuế theo quy định của Bộ Tài chính⁵.

⁴ Phạm Thanh Tùng, t.lđd, tr. 77.

⁵ Phạm Thanh Tùng, t.lđd, tr. 76.

2.4. Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam

Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam (VIETRRO) được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-BNV ngày 29/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ với chức năng chính là thực hiện quản lý tập thể đối với quyền sao chép tác phẩm dưới hình thức sao chụp và sử dụng số, sau khi tác phẩm đã được xuất bản dưới hình thức ấn phẩm hoặc số hóa.

Tính đến thời điểm 30/6/2013, VIETRRO đã có 2.839 ủy thác quyền cá nhân; 142 tổ chức tham gia với tư cách hội viên của VIETRRO hoặc đại diện tập thể ủy thác quyền sao chép dưới hình thức sao chụp và sử dụng số cho VIETRRO; đã ký hợp tác song phương với 6 quốc gia và vùng lãnh thổ: Nhật Bản, Úc, Nga, Hàn Quốc, Hồng Kông và Na Uy. Chỉ tính riêng đến 31/12/2012, Hiệp hội VIETRRO đã đại diện hợp pháp cho gần 20.000 tác giả, với 23.570 tác phẩm bao gồm chủ sở hữu quyền trong nước và nước ngoài. Với mục tiêu sau khoảng ba năm kể từ khi chính thức hoạt động, có thể thu được tiền thù lao từ một số người sử dụng, để bắt đầu phân phối cho người nắm giữ quyền. Tính đến quý I năm 2013, VIETRRO đã ký hợp đồng cấp phép sử dụng trên mạng viễn thông VIETEL, đã thu được số tiền là 369 triệu đồng. Hiện VIETRRO đang tiến hành đàm phán để cấp phép sử dụng trong môi trường số với Tập đoàn Viễn

thông FPT và Công ty VACS thuộc Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT). Đồng thời, VIETRRO cũng đang thực hiện mọi nỗ lực đẩy mạnh tiến độ hoàn thiện Đề án thu tiền đền bù từ việc sao chép tác phẩm dưới hình thức sao chụp để chuẩn bị hoạt động cấp phép sao chụp⁶.

2.5. Một số tồn tại của hệ thống tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện nay

Theo đánh giá của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Đề án “Tăng cường năng lực quản lý, thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của các Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan”, thì các tổ chức này đã từng bước được hình thành và đi vào hoạt động thu được những kết quả ban đầu đáng khích lệ, tạo niềm tin cho các hội viên ủy thác quyền, được dư luận xã hội hoan nghênh, nhất là hoạt động phát triển hội viên, một số tổ chức đã có thành công nhất định trong việc thu tiền bản quyền để phân phối cho các chủ thể quyền theo thỏa thuận. Các tổ chức đã có trang web riêng, xây dựng phần mềm quản lý hệ thống, cơ sở dữ liệu tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan. Các đối tượng quyền liên quan trợ giúp tốt cho hoạt động cấp phép, thu và phân phối tiền bản quyền; đa

⁶ Báo cáo kết quả hoạt động năm 2012 và chương trình kế hoạch hoạt động năm 2013; Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2013 của Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam.

số các tổ chức nói trên đã có quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức quản lý tập thể tương ứng trong khu vực và trên thế giới, để khai thác hỗ trợ kỹ thuật và ký kết hợp tác, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu quyền, các chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Tuy nhiên, hệ thống tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta còn bộc lộ một số tồn tại như sau:

- Hệ thống nêu trên chưa phát triển đầy đủ, chưa đủ mạnh, còn thiếu chuyên nghiệp, nhất là hoạt động cấp phép, biểu giá, căn cứ xây dựng biểu giá, quy trình thu và phân phối tiền bản quyền đang còn gặp nhiều khó khăn do chưa có quy định chi tiết của pháp luật để áp dụng thống nhất giữa các tổ chức⁷. Một số lĩnh vực chưa triển khai được như “chưa có tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả để thay mặt các chủ sở hữu quyền quản lý việc khai thác, sử dụng ở một số loại hình như quyền của người biểu diễn, quyền của tác giả đối với tác phẩm nhiếp ảnh, kiến trúc, tạo hình... Một số ban vận động thành lập tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả như Hiệp hội Bản quyền Việt Nam, Hiệp hội Nghệ thuật thị giác... đã nộp hồ sơ nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền

⁷ Phạm Thanh Tùng, tldđ, tr. 64, “VCPMC thì tiến hành phân phối hàng quý, tỷ lệ phần trăm giữ lại cho chi phí hành chính trung bình là 19%; RIAV thì phân phối hàng năm, tỷ lệ phần trăm giữ lại cho chi phí hành chính trung bình là 15%; VLCC phân phối hàng năm, tỷ lệ phần trăm giữ lại cho chi phí hành chính trung bình là 17%”.

cho phép thành lập. Mặt khác, lĩnh vực và phạm vi quản lý quyền của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả hiện còn chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật, ví dụ, Điều lệ của RIAV hiện nay quy định cả nhiệm vụ quản lý quyền tác giả, quyền của người biểu diễn, Điều lệ của VIETRRO quy định nhiệm vụ quản lý quyền sao chép đối với các loại hình tác phẩm, quy định việc thu tiền trong các trường học; Điều lệ của VLCC mới được sửa đổi đã mở rộng phạm vi hoạt động của tổ chức này, vì ngoài việc quản lý quyền tác giả đối với tác phẩm văn học còn quản lý quyền tác giả đối với cả tác phẩm nghệ thuật, khoa học...⁸.

- Hoạt động quản lý của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan và nội dung chủ yếu được quyết định tại đại hội của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan chưa phản ánh được đặc thù “tập thể” của các tổ chức này. Các vấn đề quan trọng cần phải quyết định tại đại hội các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan như quyết định biểu giá tiền nhuận bút, thù lao, tỷ lệ giữ lại tiền nhuận bút, thù lao thu được cho chi phí hành chính... lại chưa được quy định dẫn đến hoạt động các tổ chức này chủ yếu thông qua vai trò của Ban lãnh đạo tổ chức.

⁸ Phạm Thanh Tùng, tldđ, tr. 74.

- Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức quản lý tập thể hay giữa các tổ chức quản lý tập thể với người sử dụng tác phẩm khi giải quyết các tranh chấp xảy ra trong quá trình hoạt động chưa đầy đủ.

- Các quy định hiện hành về chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan tại Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ, Nghị định số 109/2011/NĐ-CP ngày 02/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan chưa đầy đủ⁹.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế nói trên của các tổ chức quản lý tập thể một phần do vấn đề về quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan là một lĩnh vực mới, phức tạp đối với Việt Nam, cho nên trong một thời gian ngắn chúng ta khó có thể hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực này. Ngoài ra, hầu hết các tổ chức quản lý tập thể còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, một số tổ chức chưa có chương trình máy tính quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, để đáp ứng yêu cầu hoạt động cấp phép, thu và phân phối tiền bản

⁹ Xem thêm Phạm Thanh Tùng, t.lđd, tr. 69.

(Ngày 16/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan thay thế Nghị định số 47/2009/NĐ-CP và Nghị định số 109/2011/NĐ-CP).

quyền. Một số cán bộ còn làm việc kiêm nhiệm, thiếu chuyên sâu nên khả năng điều hành hoạt động đối với đơn vị mình còn hạn chế, kém hiệu quả. Trình độ và chất lượng hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách chưa đáp ứng nhu cầu quản lý hoạt động này nhất là hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa triệt để.

3. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Trong những năm qua, các hoạt động thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta đã thu được những kết quả nhất định, thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và công tác xét xử tại Toà án. Tuy nhiên, công tác này đang đứng trước những khó khăn, bất cập do sự yếu kém cả về nhân lực, vật lực và trí lực của các cơ quan thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan có chiều hướng diễn biến phức tạp và ngày càng gia tăng của các đối tượng thực thi pháp luật về quyền tác giả, đã gây thiệt hại không nhỏ cho các chủ thể quyền. Nạn sao, chép lậu, nhập lậu, lưu hành và kinh doanh các sản phẩm vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan vẫn tiếp tục diễn ra, nhưng chưa có giải pháp để ngăn chặn triệt để; việc xây dựng cơ chế, chính sách cho công tác này chậm được đổi mới.

3.1. Hình thức và đối tượng bị xâm hại về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006, Luật này được sửa đổi, bổ sung năm 2009, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2010 và đang từng bước phát huy hiệu lực trong cuộc sống; các hoạt động thực thi, tự bảo vệ quyền đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đã được tăng cường, nhiều vụ, việc đã được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm vẫn diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực.

Hiện tại, hiệu quả thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta vẫn chưa đạt được như mong muốn, tình trạng vi phạm ở lĩnh vực này vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, Trong hoạt động sáng tạo và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan hiện đang tồn tại các hình thức xâm hại quyền của các chủ thể quyền của chính những đối tượng thực thi pháp luật về quyền tác giả như sau¹⁰:

3.1.1. Các tác giả xâm hại quyền của nhau

Các hình thức xâm hại quyền bao gồm sử dụng tác phẩm không có sự thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền

¹⁰ Xem Báo cáo số 64/BC-BVHTTDL ngày 13/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

tác giả để sáng tạo tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm của người khác rồi đứng tên mình trên tác phẩm; trích dẫn tác phẩm của người khác trong tác phẩm của mình mà không dẫn chiếu nguồn gốc xuất xứ. Hành vi xâm hại này xảy ra ở nhiều loại hình tác phẩm như văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, trò chơi trí tuệ, chương trình máy tính, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giảng dạy, công trình khoa học, từ điển, thuật ngữ, luận văn của sinh viên, nghiên cứu sinh... Cùng với nhóm hành vi này là việc dịch nguyên văn, hoặc lược dịch tác phẩm của nước ngoài để đứng tên tác giả. Hành vi này có thể được thực hiện với động cơ vụ lợi về chính trị, khoa học và nghệ thuật, kể cả kinh tế.

3.1.2. Các bên khai thác, sử dụng xâm phạm bản quyền của nhau

Hành vi sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan không xin phép, sử dụng ngoài phạm vi, giới hạn đã thỏa thuận và làm thay đổi sự toàn vẹn của tác phẩm là hành vi xâm phạm quyền của các nhà sử dụng; các tổ chức, cá nhân sử dụng bất hợp pháp quyền của tổ chức, cá nhân khác đã có bản quyền. Hình thức xâm hại dạng này diễn ra trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhiệm vụ phổ biến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình,

chương trình phát sóng... Đó là hành vi xâm hại quyền lợi hợp pháp của bên đã thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, để phát sóng đồng thời hay tái phát sóng chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác đã có bản quyền như phát sóng các giải bóng đá, phim truyện, chương trình ca múa nhạc, thi hoa hậu; in lậu sách của nhà xuất bản đã thực hiện nghĩa vụ đàm phán, ký kết hợp đồng mua bản quyền xuất bản, kể cả bản quyền dịch sang tiếng Việt để xuất bản. Bản chất của các vụ xâm hại này đa phần là vụ lợi về kinh tế, làm ảnh hưởng đến đầu tư và hội nhập.

Đối tượng bị xâm hại đối với trường hợp này là các quyền của chủ thể quyền đã được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ, cụ thể:

- Đối với tác giả, là việc xâm hại các quyền nhân thân (quyền đặt tên tác phẩm, đứng tên trên tác phẩm, được nêu tên khi tác phẩm được sử dụng, công bố tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm...) và các quyền độc quyền về tài sản (quyền làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm, sao chép, phân phối, truyền đạt tác phẩm...).

- Đối với tổ chức phát sóng thì đối tượng bị xâm hại là các quyền phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng của

mình; phân phối đến công chúng chương trình phát sóng của mình; định hình chương trình phát sóng của mình; sao chép bản định hình chương trình phát sóng của mình.

- Đối với người biểu diễn thì đối tượng bị xâm hại là quyền nhân thân (quyền được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn; bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn) và các quyền độc quyền tài sản (quyền định hình cuộc biểu diễn trực tiếp của mình trên bản ghi âm, ghi hình; sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình; phát sóng hoặc truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn của mình chưa được định hình mà công chúng có thể tiếp cận được, trừ trường hợp cuộc biểu diễn đó nhằm mục đích phát sóng; phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao cuộc biểu diễn của mình thông qua hình thức bán, cho thuê hoặc phân phối bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được).

- Đối với nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình thì đối tượng bị xâm hại là quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình của mình; nhập khẩu, phân phối đến công chúng

bản gốc và bản sao bản ghi âm, ghi hình thông qua hình thức bán, cho thuê hoặc phân phối bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được.

Tình trạng vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ ngày càng có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại không nhỏ cho các chủ thể quyền, ảnh hưởng xấu đến sự nỗ lực đầu tư sáng tạo của tổ chức, cá nhân, làm ảnh hưởng đến hình ảnh của quốc gia. Chính vì vậy việc triển khai áp dụng có hiệu quả các biện pháp thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan là một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay.

3.2. Phương thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Các phương thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan là một trong những nội dung cơ bản của sự bảo hộ bằng pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Theo đó, phương thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan là việc pháp luật quy định cơ chế bảo vệ khi có những hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Theo pháp luật hiện hành, có các phương thức bảo vệ quyền tác giả ở Việt Nam là tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan; bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan thông qua các cơ quan quản lý nhà nước; và bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan thông qua các cơ quan tư pháp.

3.2.1. Tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

Với ý nghĩa là chủ sở hữu trong các quan hệ dân sự, tổ chức, cá nhân có quyền tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình. Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

Theo pháp luật sở hữu trí tuệ, tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan là việc chủ thể quyền *áp dụng biện pháp công nghệ* nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Theo đó, các chủ thể quyền đưa các thông tin quản lý quyền gắn với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; đưa thông tin quản lý quyền xuất hiện cùng với việc truyền đạt tác phẩm tới công chúng nhằm xác định tác phẩm, tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu quyền, thông tin về thời hạn, điều kiện sử dụng tác phẩm và mọi số liệu hoặc mã, ký hiệu thể hiện thông tin đó để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan. Đồng thời các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ các thông tin quản lý quyền, ngăn chặn các hành vi tiếp cận tác phẩm, khai thác bất hợp pháp quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật¹¹.

¹¹ Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

Các biện pháp công nghệ bao gồm: Đưa các thông tin chỉ dẫn về căn cứ phát sinh, Văn bằng bảo hộ, chủ sở hữu, phạm vi, thời hạn bảo hộ và các thông tin khác về quyền sở hữu trí tuệ lên sản phẩm, phương tiện dịch vụ, bản gốc và bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm thông báo rằng sản phẩm là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ và khuyến cáo người khác không được xâm phạm; sử dụng phương tiện hoặc biện pháp kỹ thuật nhằm đánh dấu, nhận biết, phân biệt, bảo vệ sản phẩm được bảo hộ¹².

Ngoài ra, việc yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện bằng cách thông báo bằng văn bản cho người xâm phạm. Trong văn bản thông báo phải có các thông tin chỉ dẫn về căn cứ phát sinh, Văn bằng bảo hộ, phạm vi, thời hạn bảo hộ và phải ấn định một thời hạn hợp lý để người xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm.

Trong thực tế, các chủ thể quyền tác giả đã nhận thức được và chủ động áp dụng các biện pháp bảo vệ và tự bảo vệ mình trước các hành vi xâm phạm. Việc các chủ thể nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan tại Cục Bản quyền tác giả có xu thế tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2011, Cục Bản quyền tác giả

¹² Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP.

đã cấp 12.458 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận quyền liên quan, chiếm trên 37% tổng số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đã cấp từ năm 1986 đến 31/12/2011¹³. Toàn bộ dữ liệu đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan từ năm 1986 đến nay đã được điện tử hóa với những nội dung tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền đã đăng ký được hiển thị trên trang website Quyền tác giả Việt Nam (www.cov.gov.vn).

Đến ngày 31/12/2012, Cục đã thụ lý và cấp 4.148 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận quyền liên quan, tăng 4,66% so với cùng kỳ năm 2011. Bên cạnh đó, Cục đã thụ lý và giải quyết dứt điểm được 11 vụ khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan, chuyển hồ sơ 01 vụ về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết theo thẩm quyền¹⁴.

Trong năm 2013, Cục Bản quyền tác giả đã cấp 4.928 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, trong đó có 4.914 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, chiếm 99,72% (tăng 18,84% so với cùng kỳ năm trước) và 14 Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, chiếm 0,28% (tăng 7,69% so với cùng kỳ năm trước). So với cùng kỳ năm 2012,

¹³ Kỳ yếu Hội nghị tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, tr. 20.

¹⁴ Cục Bản quyền tác giả, Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, kết quả thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2007-2012), Chương trình công tác năm 2013, ngày 02/01/2013, tr. 3.

tổng số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp tăng 18,80%.

Trong năm qua, số lượng tác phẩm mỹ thuật ứng dụng được đăng ký vẫn chiếm số lượng nhiều nhất với 1.613 Giấy chứng nhận, chiếm 32,73% tổng số Giấy chứng nhận đã cấp; tiếp theo là tác phẩm viết với 1.269 Giấy chứng nhận (chiếm 25,75 so với tổng số); tác phẩm âm nhạc với 1.031 Giấy chứng nhận (chiếm 20,92% so với tổng số); chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu với 451 Giấy chứng nhận (chiếm 9,15% so với tổng số). Loại hình tác phẩm tạo hình được cấp Giấy chứng nhận trong năm qua tăng đáng kể so với năm 2012 với 417 Giấy chứng nhận đã được cấp (so với năm 2012 là 153 Giấy chứng nhận).

Tính đến hết ngày 31/12/2013, Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, xem xét hồ sơ và chuyển Cục Bản quyền tác giả cấp 2.570 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, chiếm 52,15% tổng số Giấy chứng nhận được cấp (tăng 29,73% so với cùng kỳ năm trước). Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Đà Nẵng đã tiếp nhận, chuyển hồ sơ để cấp 159 Giấy chứng nhận, chiếm 3,23% tổng số Giấy chứng nhận được cấp và tăng 70,97% so với cùng kỳ năm trước¹⁵.

¹⁵ Nguồn: www.cov.gov.vn, cập nhật ngày 06/01/2014 (Phòng Đăng ký Quyền tác giả, quyền liên quan - Cục Bản quyền tác giả).

Biện pháp gắn tem bản quyền, tem chống giả được sử dụng nhiều đối với sách, băng đĩa ghi âm, ghi hình... và trên thực tế biện pháp này đã tạo cơ sở quan trọng cho Thanh tra Bộ và Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các địa phương tiến hành thanh tra, đấu tranh với việc xuất bản, in lậu, sao chép và sử dụng trái phép băng đĩa. Số băng đĩa không có tem, nhãn hợp lệ, số sách, văn hóa phẩm in lậu bị tịch thu, tiêu hủy là một trong những nội dung chủ yếu trong báo cáo hàng năm của các cơ quan thanh tra ngành, liên ngành và địa phương về văn hóa, thể thao và du lịch, quản lý thị trường. Tuy nhiên, việc in ấn, quản lý các loại tem bản quyền, tem chống giả đang đặt ra những thách thức, khó khăn cho việc sử dụng.

Quan hệ giữa chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan với tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, có liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan như xuất bản, in, phát hành sách, các nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, các tổ chức phát sóng, các nhà hát, đoàn nghệ thuật, các đơn vị biểu diễn, các vũ trường, khách sạn, nhà hàng kinh doanh có sử dụng băng đĩa trong hoạt động... là quan hệ dân sự và được ghi nhận bằng hợp đồng dân sự, ký kết bằng văn bản. Nội dung hợp đồng ghi rõ phạm vi, mức độ sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan, mức và phương thức trả nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật

chất khác. Trong thực tế, phần lớn trường hợp sử dụng tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật có hợp đồng hợp pháp. Người sử dụng các tác phẩm chủ động và tự giác giao kết hợp đồng và thực hiện theo hợp đồng. Tuy nhiên, số vụ việc sử dụng quyền không có hợp đồng cũng còn rất nhiều, thể hiện cụ thể như sách in lậu, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, các tổ chức phát sóng, các nhà hát, đoàn nghệ thuật, các đơn vị biểu diễn không xin phép và trả thù lao cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan. Trong việc cấp giấy phép biểu diễn, sản xuất băng đĩa, phát sóng đều có quy định về cam kết của người sử dụng đối với việc thực hiện quyền tác giả, quyền liên quan. Tuy nhiên, đây là nghĩa vụ dân sự được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, nên cơ quan nhà nước cấp các giấy phép không thể đặt vấn đề này thành một điều kiện có tính chất bắt buộc.

Các tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả cũng có thể ủy quyền cho các Tổ chức quản lý tập thể hoặc Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan. Trong số các Tổ chức đại diện tập thể, Tổ chức tư vấn, dịch vụ đang có tại Việt Nam, hoạt động có hiệu quả, đáng kể nhất là Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC). Còn lại, các trung tâm khác vẫn gặp nhiều khó khăn. Hoạt động chủ yếu của các trung tâm là thực hiện việc quản lý

quyền tác giả, quyền liên quan; đàm phán cấp phép, thu và phân chia tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác từ việc cho phép khai thác các quyền được uỷ quyền. Việc làm nhiều nhất của các Tổ chức tư vấn là tư vấn những vấn đề có liên quan đến quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, đại diện cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan tiến hành thủ tục nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo uỷ quyền. Việc tham gia vào giải quyết tranh chấp, tiến hành các hoạt động bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan khi bị xâm hại còn rất hạn chế.

Chủ thể quyền tác giả có thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan có thể tự mình thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại trung ương và địa phương. Cục Bản quyền tác giả hàng năm đã trực tiếp tham gia giải quyết khoảng từ 15 đến 20 vụ việc có đơn thư khiếu nại về quyền tác giả, góp phần thực hiện quyền tự bảo vệ của các chủ thể quyền. Rõ ràng là, việc các tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả chủ động đăng ký bản quyền và áp dụng các biện pháp dán tem, nhãn đã tạo điều kiện thuận lợi cho

việc giải quyết những khiếu nại, tố cáo của Cục Bản quyền tác giả. Những biện pháp này cần phải được thực hiện đối với tất cả các tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả trong việc bảo vệ quyền tác giả.

Ngoài tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả, pháp luật cũng quy định, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật. Cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan để hình thành được thế trận cả xã hội tham gia bảo vệ quyền tác giả. Người tiêu dùng không chỉ nhận thức được việc sử dụng các sản phẩm vi phạm quyền tác giả là tiếp tay cho kẻ vi phạm, tác hại của việc sử dụng sản phẩm vi phạm mà còn cần kiên quyết tẩy chay, không tiêu dùng những sản phẩm này, tích cực tham gia vào việc tố cáo, đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền tác giả.

3.2.2. Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan thông qua các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước

Để phát hiện và xử lý những vi phạm quyền tác giả,

hoạt động thường xuyên và chủ yếu của các cơ quan nhà nước là thành lập các đoàn tiến hành các cuộc kiểm tra, thanh tra. Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan công an chuyên ngành như Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, an ninh văn hóa. Tại địa phương, Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể độc lập hoặc chủ trì, phối hợp với Chi cục quản lý thị trường, công an tỉnh (PA83) thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành. Nội dung các cuộc kiểm tra là những hoạt động sản xuất, kinh doanh các loại đĩa CD, VCD, DVD, việc sử dụng các loại đĩa này tại các cơ sở kinh doanh, khách sạn, vũ trường, nhà hàng... Từ khiếu nại, tố cáo của các chủ thể quyền tác giả, các cơ quan nhà nước tham gia kiểm tra và xử lý hoạt động xuất bản các xuất bản phẩm, nhất là lĩnh vực in và phát hành sách. Biện pháp xử lý chủ yếu là xử phạt vi phạm hành chính và phạt tiền là hình thức xử phạt chính, thường xuyên được áp dụng. Băng đĩa và sách in lậu bị tịch thu và tiêu hủy. Biện pháp đình chỉ hoạt động kinh doanh chỉ được áp dụng đối với một số ít cơ sở vi phạm có địa điểm cố định và chuyên kinh doanh văn hóa phẩm như mua, bán, cho thuê băng đĩa... Tại các địa phương, việc xử lý hành chính tập trung vào những sản phẩm không có tem, nhãn hợp lệ thường gọi là hàng hoá sao chép lậu. Còn đối với những sản

phẩm giả tem, nhãn, những hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ thì việc xử lý gặp khó khăn vì với quy định của pháp luật hiện hành, không rõ cơ quan nhà nước nào có trách nhiệm trung cầu giám định, cần có nhiều thời gian và chi phí cho việc giám định.

Cũng theo Báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: “Năm 2009, lực lượng Thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 14.429 lượt cơ sở kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, trong đó phát hiện 3.013 cơ sở vi phạm. Đã xử phạt cảnh cáo 188 cơ sở, giữ giấy phép 188 cơ sở, đình chỉ hoạt động 143 cơ sở. Thu giữ 649.324 băng đĩa các loại và 3.885 bản sách. Tổng số tiền xử phạt hành chính là 11.500.510.000 đồng (trong đó số tiền xử phạt vi phạm băng đĩa không dán tem nhãn chiếm một nửa tổng số tiền trên). Trong hai năm 2010 - 2011, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thành lập các đoàn thanh tra tiến hành thanh tra đột xuất 119 doanh nghiệp (trong đó có doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp tư nhân) tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng, các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Long

An... với tổng số máy tính kiểm tra 4.660 chiếc, phát hiện nhiều phần mềm được sao chép sử dụng bất hợp pháp như Windows XP, Windows 7, Windows Server, Autocad, Adobe Photoshop, MTD 2002... Đoàn thanh tra đã yêu cầu các doanh nghiệp tháo gỡ toàn bộ các phần mềm vi phạm bản quyền, mua để sử dụng bản quyền phần mềm máy tính hợp pháp. Đến nay, theo tổng hợp các hợp đồng mua bản quyền phần mềm của 2/3 doanh nghiệp gửi về Thanh tra Bộ với tổng trị giá mua bản quyền phần mềm khoảng 2.281.683 USD, góp phần từng bước giảm tỷ lệ vi phạm bản quyền tại Việt Nam xuống mức trung bình trong khu vực”.

Đối với những vi phạm đang trở nên bức xúc như sách in lậu, in sao băng đĩa trái phép, “đạo văn”, “đạo nhạc”, mức xử phạt tiền còn thấp so với lợi nhuận thu được do vi phạm nên chưa có tác dụng răn đe. Những vụ in lậu sách với số lượng rất lớn, thời gian vi phạm kéo dài nhưng cũng chỉ dừng lại ở xử lý hành chính. Việc năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh áp dụng mức phạt cao nhất với số tiền là 500 triệu đồng, tiêu hủy 38.764 bản sách của một công ty phát hành sách tại địa phương về hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả có thể coi là điển hình, duy nhất của mức độ xử lý hành chính nặng nhất đối với những vi phạm quyền tác giả. Cùng với sự phát triển của công nghệ mạng, kỹ

thuật số, những vi phạm bản quyền tác giả trên internet cũng có chiều hướng gia tăng. Hiện tượng các tổ chức, cá nhân có hành vi “đạo ảnh”, vi phạm bản quyền của Thông tấn xã Việt Nam, “đạo tin, bài” giữa các báo mạng, đài địa phương cắt xén chương trình, chèn quảng cáo của mình khi tiếp phát sóng của Đài truyền hình Việt Nam, sử dụng trái phép giáo trình, tài liệu học tập trên mạng internet... diễn ra khá thường xuyên, thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng nhưng việc xử lý vấn đề tác quyền và khắc phục tình trạng vi phạm bản quyền của các cơ quan có thẩm quyền còn lúng túng.

Biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ áp dụng đối với những hàng hóa có tính chất thương mại, được xuất khẩu, nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan, khi có đơn yêu cầu, nhằm phát hiện và xử lý hành chính đối với hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Trên thực tế, việc kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ được thực hiện thông qua hai biện pháp¹⁶:

i) Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đây là biện pháp

¹⁶ Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ.

được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm cho việc có thể bị xử phạt hành chính.

ii) Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đây là biện pháp được tiến hành theo đề nghị của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền trực tiếp hoặc thông qua người đại diện nộp đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc có đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Người yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ có các nghĩa vụ sau đây:

- Chứng minh mình là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ bằng các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp đầy đủ thông tin để xác định hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

- Nộp đơn cho cơ quan hải quan và nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Bồi thường thiệt hại và thanh toán các chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp kiểm soát trong trường hợp hàng hoá bị kiểm soát không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, người yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan phải *nộp khoản bảo đảm* bằng một trong các hình thức sau đây:

- Khoản tiền bằng 20% giá trị lô hàng cần áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc tối thiểu hai mươi triệu đồng nếu không thể xác định được giá trị lô hàng đó.

- Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác.

Trong thời hạn *hai mươi ngày*, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc trong thời hạn hai mươi tư giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đơn, nếu người nộp đơn đã thực hiện nghĩa

vụ theo quy định. Trong trường hợp từ chối, cơ quan hải quan phải trả lời bằng văn bản cho người nộp đơn yêu cầu và nêu rõ lý do.

Trong trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có đề nghị kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì khi phát hiện lô hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho người đó. Trong thời hạn *ba ngày làm việc* kể từ ngày được thông báo, nếu người đề nghị không yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng bị phát hiện và cơ quan hải quan không quyết định xem xét việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng. Tuy nhiên trong thực tế biện pháp này cũng thường gây nhiều khó khăn cho các chủ thể quyền do những phức tạp về thủ tục để thực hiện yêu cầu nộp tiền bảo đảm tạm dừng thủ tục hải quan.

3.2.3. Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan thông qua cơ quan tư pháp

Khi cần thiết áp dụng biện pháp dân sự, chủ thể quyền tác giả thực hiện khởi kiện ra Tòa án với ý nghĩa là vụ án dân sự. Những tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan có thể khởi kiện ra Tòa án thông thường là những trường hợp chủ thể

quyền hợp pháp khởi kiện tổ chức, cá nhân đã có hành vi được quy định là hành vi xâm phạm quyền tác giả, xâm phạm quyền liên quan. Ngoài ra còn có những tranh chấp về hợp đồng dân sự như hợp đồng sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất...

Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân đã quy định cụ thể những tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan có thể khởi kiện ra Tòa án.

Các tranh chấp cụ thể về quyền tác giả có thể được nhận dạng như sau:

- Tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, tác phẩm phái sinh;
- Tranh chấp giữa các đồng tác giả về phân chia quyền đồng tác giả;
- Tranh chấp giữa cá nhân và tổ chức về chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm;

- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với tác giả về tiền nhuận bút, thù lao cho tác giả sáng tạo tác phẩm trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng;

- Tranh chấp về thực hiện quyền nhân thân hoặc quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;

- Tranh chấp về quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu giữa người cung cấp tài chính và các điều kiện vật chất có tính chất quyết định cho việc xây dựng, phát triển chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu với người thiết kế, xây dựng chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu;

- Tranh chấp về quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu giữa người đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu với người tham gia sáng tạo và người sản xuất ra tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hoặc tranh chấp giữa họ với nhau về tiền nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất khác;

- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao, vì lý do việc sử dụng làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm;

- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao vì lý do người sử dụng không trả tiền nhuận bút, thù lao hoặc làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả;

- Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả hoặc tranh chấp về hợp đồng dịch vụ bản quyền tác giả;

- Tranh chấp phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả;

- Tranh chấp về thừa kế, kế thừa quyền tài sản và quyền nhân thân theo quy định của pháp luật;

- Tranh chấp khác về quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Các tranh chấp cụ thể về quyền liên quan là:

- Tranh chấp giữa chủ đầu tư với người biểu diễn về quyền nhân thân và quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn; tranh chấp giữa người biểu diễn với người khai thác sử dụng các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn về tiền thù lao;

- Tranh chấp giữa nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình với người thực hiện các quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi

hình về quyền lợi vật chất khi bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất được phân phối đến công chúng;

- Tranh chấp giữa tổ chức phát sóng với người sử dụng các quyền của tổ chức phát sóng về quyền lợi vật chất khi chương trình phát sóng của tổ chức đó được ghi âm, ghi hình, phân phối đến công chúng;

- Tranh chấp giữa người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng với người sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao vì lý do việc sử dụng làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Tranh chấp giữa tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng với người sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao, vì lý do người sử dụng không phải trả tiền nhuận bút, thù lao hoặc làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Tranh chấp về quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng (tranh chấp ai là chủ sở hữu đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đó...);

- Tranh chấp phát sinh do hành vi xâm phạm quyền liên quan;

- Tranh chấp về thừa kế, kế thừa quyền liên quan;

- Tranh chấp khác về quyền liên quan theo quy định của pháp luật.

Toà án có thể áp dụng các biện pháp sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:

i) Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;

ii) Buộc xin lỗi, cải chính công khai;

iii) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;

iv) Buộc bồi thường thiệt hại;

v) Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Buộc bồi thường thiệt hại có thể là hình thức trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ dân sự (trách nhiệm theo hợp đồng) áp dụng Điều 307 Bộ luật Dân sự hoặc là hình thức trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự. Khi có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì nguyên đơn phải chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại.

Thiệt hại thực tế đã xảy ra do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bao gồm:

- Thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại;

- Thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

Mức độ thiệt hại được xác định trên cơ sở các tổn thất thực tế mà chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải chịu do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra.

Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại có sự phân biệt

đối với thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo một trong các căn cứ sau đây:

- Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất;

- Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;

- Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ nêu trên thì mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng *không quá năm trăm triệu đồng*.

Đối với thiệt hại về tinh thần, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường trong giới hạn từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại.

Ngoài khoản bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu Tòa án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu

trí tuệ phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư. Tuy nhiên trên thực tế, vấn đề xác định mức bồi thường thiệt hại rất khó khăn nhất là đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả nếu yêu cầu phải tính toán một cách chính xác các thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành dựa trên nguyên tắc bồi thường chính xác, đầy đủ. Theo tinh thần của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS), thì việc bồi thường thiệt hại không bắt buộc phải tính toán chính xác trong trường hợp xâm phạm quyền tác giả mà Tòa án hoàn toàn có thể ấn định một khoản tiền bồi thường theo từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, vấn đề chứng minh thiệt hại là nghĩa vụ của nguyên đơn cũng gặp phải những trở ngại đáng kể khi bị đơn có thể đã xóa hết chứng cứ, dấu vết hoặc trường hợp bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt tại phiên tòa xét xử khiến “gánh nặng” chứng minh lỗi, chứng minh thiệt hại của nguyên đơn càng khó khăn hơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá, các biện pháp khẩn cấp tạm thời thường được sử dụng là: thu giữ; kê biên; niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; cấm chuyển dịch quyền sở hữu.

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có *quyền yêu cầu* Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các trường hợp sau đây¹⁷:

- Đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;

- Hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời.

Toà án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, trước khi nghe ý kiến của bên bị áp dụng biện pháp đó.

Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có *nghĩa vụ chứng minh quyền yêu cầu* của mình bằng các tài liệu, chứng cứ tương tự như đối với việc nguyên đơn chứng minh là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại gây ra cho người bị áp dụng biện pháp đó trong trường hợp người đó không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ này, người yêu cầu áp dụng biện pháp

¹⁷ Điều 206 Luật Sở hữu trí tuệ.

khẩn cấp tạm thời phải nộp *khoản bảo đảm* bằng một trong các hình thức sau đây:

- Khoản tiền bằng 20% giá trị hàng hoá cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc tối thiểu hai mươi triệu đồng nếu không thể xác định được giá trị hàng hóa đó;

- Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác.

Toà án ra ngay *quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời* đã được áp dụng khi có một trong các trường hợp sau đây¹⁸:

- Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị huỷ bỏ;

- Người phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nộp tài sản hoặc có người khác thực hiện biện pháp bảo đảm thi hành nghĩa vụ đối với bên có yêu cầu;

- Nghĩa vụ dân sự của bên có nghĩa vụ chấm dứt theo quy định của Bộ luật Dân sự;

- Người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chứng minh được việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ xác đáng.

¹⁸ Điều 209 Luật Sở hữu trí tuệ.

Trong trường hợp hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án phải xem xét để trả lại cho người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khoản bảo đảm. Trong trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không có căn cứ xác đáng và gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Tòa án buộc người yêu cầu phải bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được áp dụng sau khi một bên khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án. Điều này làm chậm trễ và mất ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời, bị đơn hoàn toàn có thể tẩu tán tài sản hoặc đối phó với các biện pháp này, cho nên trong thực tế biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa phát huy được hiệu quả.

Trong thực tiễn, rất ít vụ vi phạm bản quyền tác giả được đưa ra giải quyết tại Tòa án. Nguyên nhân có thể từ hai phía. Người khởi kiện gặp nhiều khó khăn để hoàn thành hồ sơ với những quy định của pháp luật hiện hành, tốn kém về thời gian, tiền bạc, trong khi những dịch vụ cho việc này như giám định, tổ chức đại diện tập thể, tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

Tòa án Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm xét xử trong lĩnh vực này. Các Thẩm phán thường có tâm lý ngại khi phải

thụ lý, giải quyết những tranh chấp về quyền tác giả do việc xem xét, điều tra, thu thập chứng cứ để xác minh sự thật là rất phức tạp.

Chủ thể quyền cũng có thể khởi kiện để đưa tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan ra giải quyết bằng phương thức trọng tài. Trong trường hợp này, quá trình giải quyết tranh chấp áp dụng theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. Việc xử lý vi phạm quyền tác giả bằng các biện pháp hình sự thực hiện theo Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Bộ luật Hình sự đã quy định tại Điều 170a: Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Căn cứ vào khung hình phạt quy định tại Điều 170a Bộ luật Hình sự, Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan thuộc loại *tội phạm ít nghiêm trọng*. Khác với phần lớn tội phạm hình sự khác mà việc khởi tố vụ án thuộc quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan là loại tội phạm chỉ được khởi tố khi *có yêu cầu của người bị hại*.

Tuy nhiên, trường hợp người nào cố ý thực hiện một trong các hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan quy định tại Điều 28 hoặc Điều 35 của Luật Sở hữu trí tuệ mà không có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 170a của Bộ luật Hình sự, nhưng có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điều luật khác của Bộ luật Hình sự thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng quy định tại điều luật đó của Bộ luật Hình sự, chẳng hạn như Tội buôn lậu (Điều 153), Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156), Tội kinh doanh trái phép (Điều 159), Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet (Điều 226). Như vậy, về mặt hình sự, những hành vi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan không chỉ xử lý theo tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan mà còn có thể xử lý theo nhiều tội danh khác trong Bộ luật Hình sự.

Để có thể bị truy cứu hình sự, hành vi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan phải thuộc trường hợp bị coi là gây hậu quả nghiêm trọng và có đủ các yếu tố khác cấu thành tội phạm. Theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29/02/2008 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu

trí tuệ, hành vi bị coi là gây hậu quả nghiêm trọng nếu một người đã cố ý thực hiện một trong các hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan quy định tại Điều 28 hoặc Điều 35 của Luật Sở hữu trí tuệ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Với quy mô và mục đích thương mại;

- Gây thiệt hại vật chất cho chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan từ 50.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng (bao gồm thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan và thiệt hại mà chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan phải chi phí cho việc khắc phục hậu quả do hành vi xâm phạm gây ra);

- Hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng.

Hiện nay, chưa có văn bản cụ thể thống nhất xác định khái niệm quy mô thương mại và xác định mức độ gây thiệt hại vật chất cho chủ thể quyền. Cơ quan điều tra phải xác định cụ thể mức độ gây thiệt hại vật chất cho chủ thể quyền và đây là việc làm khó, cần nhiều thời gian, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau.

Việc xác định giá trị hàng hóa vi phạm và xử lý vật chứng thực hiện như đối với trường hợp chủ thể quyền đưa yêu cầu

đến các cơ quan nhà nước khác, được quy định trong các điều từ Điều 28 đến Điều 32 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2010/NĐ-CP). Tuy nhiên trong thực tiễn, xác định giá trị hàng hóa vi phạm cũng như xử lý hàng hóa vi phạm là những việc làm khó khăn, thường không có sự thống nhất giữa các cơ quan liên quan, càng phức tạp hơn trong trường hợp phải thành lập Hội đồng xác định giá trị hàng hoá xâm phạm.

Tiêu chí hậu quả nghiêm trọng để truy cứu trách nhiệm hình sự cho các tội danh khác nhau có nội dung và mức độ khác nhau. Những kết luận về hậu quả nghiêm trọng áp dụng cho tội danh Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan không thể áp dụng cho Tội sản xuất, buôn bán hàng giả hoặc Tội kinh doanh trái phép. Để truy cứu trách nhiệm hình sự cho mỗi tội danh, các cơ quan tố tụng cần phải xác định và kết luận về vấn đề hậu quả nghiêm trọng cụ thể.

Xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan là xâm phạm một khách thể có ý nghĩa quan trọng, rất cần sự bảo hộ thích đáng của pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm khắc bằng những chế tài hình sự, nhất là đối với những vụ vi phạm lớn.

Những khó khăn, phức tạp trong công tác điều tra, truy tố và xét xử đối với một vụ vi phạm quyền tác giả như đã

nêu trên chính là nguyên nhân dẫn đến thực tiễn những năm qua, có những vụ vi phạm lớn, cả về số lượng hàng vi phạm cũng như hậu quả nhưng chưa có vụ nào bị xử lý về hình sự, kể cả những vụ in và phát hành sách lậu với số lượng vật chứng vi phạm hàng trăm ngàn cuốn, diễn ra nhiều năm, thu lợi rất lớn nhưng chỉ bị xử lý hành chính và thường vẫn tái phạm. Trong khi các Tòa án địa phương chưa có nhiều kinh nghiệm để truy cứu *Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan*, đã có xu hướng đối với những vụ vi phạm với số lượng lớn về in, sao chép và phát hành lậu sách, các tác phẩm, băng đĩa ghi âm, ghi hình... đã được xác định về *Tội sản xuất, buôn bán hàng giả*.

3.3. Các cơ quan thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Hệ thống cơ quan thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam theo Điều 200 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm: Tòa án nhân dân, Thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý thị trường, Công an (Cảnh sát kinh tế, Cảnh sát biển), Bộ đội biên phòng, Ủy ban nhân dân các cấp. Hiện nay, ở các tỉnh, thành phố có Đội kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội vẫn duy trì hoạt động để

tiến hành xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và kinh doanh các sản phẩm văn hoá.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan gồm: Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cảnh sát kinh tế, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường, Hải quan, Bộ đội biên phòng. Tình trạng này có thể dẫn đến sự chồng chéo, dễ nảy sinh tâm lý đùn đẩy, trông chờ nhau trong quá trình xử lý vụ việc, đã có những vụ việc phức tạp dẫn đến sự “xung đột thẩm quyền”, nhất là có sự giao thoa giữa các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp) với đối tượng của quyền tác giả (các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng). Tuy cơ chế bảo hộ cho từng đối tượng nêu trên có sự độc lập, hoặc tiêu chí giữa việc giám định quyền tác giả, quyền liên quan với việc giám định các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp có khác nhau, nhưng trên thực tế các cơ quan chức năng còn gặp khó khăn khi giải quyết các vụ việc trong trường hợp nêu trên.

Bên cạnh đó, cán bộ các cơ quan đảm bảo thực thi và các Tòa án còn ít được đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuy nhiên, việc tập huấn cho các đối tượng liên quan chưa

đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi của lực lượng thực thi. Nhiều vụ việc, cơ quan thực thi bị động và phải trông chờ ý kiến chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước. Mặt khác đối với các vụ tranh chấp quyền ở lĩnh vực này, đòi hỏi phải thành lập Hội đồng giám định để kết luận vụ việc theo quy định của pháp luật.

Như vậy, về hệ thống thực thi, năng lực còn hạn chế, hiệu quả hoạt động thấp, do phân tán, sự hợp tác giữa các lực lượng thực thi chưa chặt chẽ, có một số biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Vì vậy, hiệu lực và hiệu quả thực thi quyền tác giả, quyền liên quan chưa đạt được như mong muốn, và chưa đáp ứng được với yêu cầu của hội nhập quốc tế.

3.4. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam

Trong những năm qua, các hoạt động thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta đã có nhiều cố gắng và thu được kết quả nhất định. Tuy nhiên, tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện vẫn có dấu hiệu phổ biến. Đặc biệt có những vụ phức tạp, cần phải đưa ra Tòa án để xét xử theo quy định của pháp luật.

Thực tế là hành vi xâm hại quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực từ xuất bản, báo chí, âm nhạc, nghệ

thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, phát thanh, truyền hình, nghệ thuật tạo hình, chương trình máy tính đến ghi âm, ghi hình... Trong đó nổi cộm là lĩnh vực xuất bản, âm nhạc, sản xuất bản ghi âm, ghi hình, chương trình máy tính, phát sóng vệ tinh và môi trường kỹ thuật số. Tình trạng nêu trên đã diễn ra trong nhiều năm nhưng chưa có giải pháp khắc phục triệt để. Ngay trong môi trường giáo dục (như nhiều trường đại học và cao đẳng...), nhận thức về vấn đề này còn rất hạn chế.

3.4.1. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong lĩnh vực âm nhạc

Tình trạng xâm phạm quyền của các chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan cũng diễn ra như khái quát tình hình đã nêu trên về hình thức xâm hại và đối tượng bị xâm hại, việc đặt lời Việt cho tác phẩm của nước ngoài còn trong thời hạn bảo hộ, việc sử dụng toàn bộ tác phẩm của tác giả nước ngoài, đặt lời Việt rồi đứng tên mình là tác giả, sử dụng thơ của người khác để phổ nhạc mà không có thỏa thuận với tác giả thơ là hành vi vi phạm quyền làm tác phẩm phái sinh, hành vi này thường là các nhạc sỹ xâm hại quyền của nhau. Ngoài ra, việc sử dụng tác phẩm âm nhạc đã công bố trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tại nhà hàng, khách sạn, quán karaoke, vũ trường, viễn thông, truyền thông, du lịch, giao thông vận tải, nhiều chủ kinh doanh không thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả tiền sử dụng bản quyền theo

quy định của pháp luật, khiến cho giới sáng tạo âm nhạc bất bình, nhiều tác giả đã ký đơn gửi kiến nghị lên các cơ quan trung ương và người có thẩm quyền.

Theo một báo cáo của VCPMC gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2009¹⁹, có 41/64 Đài phát thanh và truyền hình đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền âm nhạc. Đài truyền hình kỹ thuật số (VTC) hiện chưa ký hợp đồng và chưa trả tiền sử dụng âm nhạc phát trên đài. Các công ty truyền hình cáp chưa trả tiền bản quyền âm nhạc. Nhiều đơn vị tổ chức biểu diễn, chương trình biểu diễn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc. Đa số các trang web, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, trong đó có tác phẩm âm nhạc không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chủ thể quyền. Các công ty điện thoại di động sử dụng âm nhạc không trả tiền. Một số sách xuất bản về âm nhạc của một số nhà xuất bản không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

¹⁹ Ngày 05/02/2009, Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) đã có Công văn số 95/2009/QTG gửi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả phân ánh về tình trạng nhiều tổ chức, cá nhân chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền tác giả âm nhạc trong các hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông và trong các hoạt động kinh doanh du lịch, đồng thời kiến nghị một số điều đối với các cơ quan quản lý nhà nước nhằm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

Đài truyền hình Việt Nam (VTV) là đơn vị đầu tiên trong lĩnh vực phát sóng đã ký hợp đồng trả tiền bản quyền âm nhạc từ năm 2002. Năm 2008, Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) đề nghị trả tiền với mức cao hơn. VTV đã nâng mức trả tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc, nhưng không thanh toán qua VCPMC như những năm trước đây. Kể từ khi có bản kiến nghị của các nhạc sỹ, VTV đã đưa ra thông báo trả tiền trực tiếp cho các nhạc sỹ. Đến nay VTV và các Đài khu vực chưa ký hợp đồng sử dụng tác phẩm âm nhạc với VCPMC.

Đài tiếng nói Việt Nam (VOV) mới trả tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc công bố lần đầu. Đối với việc sử dụng lại tác phẩm âm nhạc, sau nhiều lần VCPMC làm việc, đã có được thoả thuận trả tiền trong năm 2009. Đài truyền hình kỹ thuật số (VTC) hiện chưa ký hợp đồng và chưa trả tiền sử dụng âm nhạc phát trên đài, VCPMC đã gặp gỡ VTC nhưng vẫn chưa có kết quả tích cực.

Tính đến hết năm 2013 còn khá nhiều Công ty truyền hình cáp hoạt động ở trên 60 tỉnh, thành phố chưa trả tiền bản quyền âm nhạc, trừ một số chương trình xã hội hoá trên kênh YAN TV, YEAH1 TV của truyền hình cáp SCTV và chương trình Music 4me trên kênh VCTV4 của truyền hình cáp Việt Nam; có 65 đoàn ca múa nhạc chuyên nghiệp đã trả tiền đối với tác phẩm đặt hàng công bố lần

đầu, nhưng chưa thanh toán tiền sử dụng lại tác phẩm. Năm 2009 mới có 11/65 đoàn ca múa nhạc chuyên nghiệp phía Bắc ký hợp đồng sử dụng tác phẩm âm nhạc (trong tổng số 125 đoàn nghệ thuật thuộc trung ương, địa phương và quân đội). Nhiều đơn vị, tổ chức biểu diễn, chương trình biểu diễn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc²⁰.

Năm 2008, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hà Nội đã cấp phép 493 cuộc biểu diễn²¹, nhưng không có tổ chức biểu diễn nào trả tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc. Một số nhà xuất bản không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả âm nhạc đối với một số sách đã được xuất bản. Trong dịch vụ karaoke, tại Hà Nội đã thu tiền sử dụng âm nhạc ở 106 cơ sở thuộc 5/28 quận, huyện, còn các cơ sở hoạt động dịch vụ karaoke tại các quận, huyện khác của Hà Nội và các tỉnh khác chưa trả tiền sử dụng âm nhạc (cả nước có khoảng 5.000 cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke).

Các báo điện tử, và hầu hết các website sử dụng lại tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, trong đó có tác phẩm âm nhạc không thực hiện nghĩa vụ

²⁰ Nguồn: <http://www.cinet.gov.vn>, *Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn*.

²¹ Nguồn: www.cov.gov.vn: *Phản ánh của Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam...* (truy cập ngày 05/3/2009).

trả tiền cho chủ thể quyền, trong đó có các chủ sở hữu quyền tác giả âm nhạc.

Đến năm 2013, nước ta có khoảng 150 website sử dụng âm nhạc nhưng chưa có hợp đồng sử dụng tác phẩm và thanh toán tiền bản quyền. Mới có trên 40 Công ty truyền thông cung cấp các dịch vụ nhạc chuông, nhạc chờ được VCPMC cấp phép sử dụng. Các website không chỉ sử dụng tác phẩm trong nước không có bản quyền, mà còn sử dụng nhiều tác phẩm âm nhạc nước ngoài không có bản quyền. Hiệp hội Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI) đã nhiều lần gửi văn bản khuyến cáo tới các website này. IFPI đã gửi Cục Bản quyền tác giả đề nghị có biện pháp xử lý một số website đang vi phạm nghiêm trọng quyền đối với rất nhiều bản ghi âm của 4 hãng ghi âm lớn (EMI music, Sony music, Universal music, Warner music) vì IFPI đã gửi rất nhiều lượt văn bản nhưng các website này vẫn không chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật. Một số công ty khác sau nhiều năm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý, đã phải trả 350.000 USD cho Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam (RIAV) sau khi có kết luận của Thanh tra Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Trong hoạt động khách sạn, nhà hàng: tính đến năm 2013 mới có 40/1.500 khách sạn trong cả nước ký hợp đồng sử dụng tác phẩm âm nhạc. Trên 90% các siêu thị lớn đã có hợp đồng

với VCPMC về sử dụng và trả tiền trong hoạt động kinh doanh, thương mại của mình. Hầu hết các hoạt động kinh doanh, dịch vụ thương mại khác chưa trả tiền sử dụng âm nhạc.

3.4.2. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong lĩnh vực xuất bản

Có thể cho rằng, các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan đã tạo lập môi trường tự do, bình đẳng cho các hoạt động sáng tạo, bảo vệ lợi ích hợp pháp của những người sáng tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, lợi ích của bên sử dụng và lợi ích của công chúng hưởng thụ; đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa cho các hoạt động văn hóa thông tin, nâng cao hiệu quả chính trị, kinh tế, xã hội, chống thương mại hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật và khoa học. Tại Việt Nam, xuất bản cũng được coi là “bà đỡ” của các tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình khoa học công bố dưới hình thức xuất bản phẩm²².

Với vai trò đặc biệt quan trọng trên, các quy định pháp luật về quyền tác giả đã tạo hành lang pháp lý cho quan hệ quyền tác giả giữa nhà sáng tạo và nhà sử dụng tác phẩm trong hoạt động xuất bản. Quan hệ giữa một bên là người

²² Vũ Mạnh Chu, *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật xuất bản theo định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền*, NXB. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 16.

có các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm với một bên là người có các nghĩa vụ khi khai thác, sử dụng tác phẩm, là quan hệ cơ bản, xuyên suốt quá trình hoạt động xuất bản. Phần lớn các tác giả của các đầu sách xuất bản mỗi năm (có từ trên 10.000 đến 18.000 đầu sách xuất bản mỗi năm từ 1996 đến nay) đều có sự thỏa thuận trước của các nhà xuất bản với các hình thức và mức độ khác nhau.

Các quyền đặt tên, quyền đứng tên tác giả trên xuất bản phẩm của các tác giả đã được các nhà xuất bản tôn trọng. Nghĩa vụ tôn trọng đối với quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả, nhìn chung đã được các nhà xuất bản thực hiện. Với nhiều lần ban hành chế độ nhuận bút, Nhà nước đã đảm bảo quyền lợi vật chất cho tác giả có tác phẩm được sử dụng. Chính sách này đã được thi hành tương đối nghiêm chỉnh trong hoạt động xuất bản, góp phần khuyến khích các tiềm năng sáng tạo.

Ngoài việc thực hiện chế độ nhuận bút, một số nhà xuất bản còn có các giải thưởng kèm theo quyền lợi vật chất đối với những tác phẩm đã xuất bản có giá trị, được bạn đọc hoan nghênh. Một số Bộ, Ngành, địa phương, Hội văn học nghệ thuật, nhà xuất bản còn tổ chức các cuộc thi sáng tác có trao giải thưởng; mở trại sáng tác mời các văn

nghệ sỹ tham dự, với việc đảm bảo các điều kiện vật chất và tinh thần thuận lợi cho sự tập trung để hình thành tác phẩm. Đã có những việc làm thể hiện sự trân trọng đối với các tác giả có tên tuổi trong văn đàn, có đóng góp lớn lao cho sự nghiệp văn chương nước nhà, như việc tổ chức xuất bản các tuyển tập, toàn tập nhân dịp kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của tác giả. Tổ chức việc thắp hương tưởng niệm nhân ngày sinh, ngày giỗ, mà “lễ vật” là các tác phẩm của tác giả đã được xuất bản. Trong nhiều năm nay, hàng năm cơ quan có thẩm quyền đã tổ chức trao giải thưởng sách hay, sách đẹp cho các tổ chức, nhà xuất bản và các tác giả đã có đóng góp sáng tạo trong việc thể hiện nội dung, trình bày, minh họa sách...

Những hoạt động trên của các nhà xuất bản, của ngành xuất bản, các Bộ, Ban, Ngành, của các Hội Văn học Nghệ thuật ngoài ý nghĩa của việc chấp hành các quy định pháp luật về quyền tác giả, còn thể hiện thái độ trân trọng đối với giới sáng tạo. Nó góp phần động viên, khuyến khích phong trào sáng tác, đầu tư cho những sáng tạo văn học, nghệ thuật và khoa học có giá trị, phục vụ xã hội và bạn đọc. Đồng thời, cũng là hoạt động tạo nguồn cho đầu vào của hoạt động xuất bản.

Bên cạnh Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành, để điều chỉnh quan hệ pháp luật trong lĩnh vực

xuất bản, Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 được ban hành ngày 20/11/2012 thay thế Luật Xuất bản số 30/2004/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 12/2008/QH12. Ngoài ra, nhằm kịp thời điều chỉnh một loại hình xuất bản mới gắn liền với sự ra đời và phát triển của internet, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản, trong đó có quy định cụ thể những vấn đề về xuất bản phẩm điện tử.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực xuất bản còn tồn tại một số vấn đề trong công tác bảo hộ quyền tác giả. Dưới đây là một số dạng vi phạm chính:

- Tình trạng “xào xáo”, sao chép từ tài liệu, sách báo của nhau để thể hiện trong tác phẩm đã diễn ra trong nhiều năm nay ở chính giới làm công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tuyển chọn. Hành vi xâm hại quyền tác giả loại này thường thể hiện trong các loại hình sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giảng dạy, sách tham khảo, đọc thêm, công trình nghiên cứu, từ điển, thuật ngữ, và loại sách tra cứu khác. Cùng nhóm với hành vi này là việc dịch tài liệu nước ngoài đưa vào tác phẩm với một số sửa chữa, thay đổi và được coi như là nội dung tác phẩm do chính mình sáng tạo nên. Thậm chí có trường hợp dịch y nguyên tác phẩm gốc,

hoặc lược dịch để đứng tên tác giả nhưng không xin phép. Hành vi này được thể hiện trên một loại sách biên soạn có nội dung liên quan đến kỹ thuật, công nghệ mới như tin học, máy tính, các phương tiện và thiết bị nghe nhìn, viễn thông, hoặc các tài liệu hướng dẫn học tập...

- Không ít các trường hợp nhà xuất bản đã sửa chữa, thay đổi nội dung, hình thức tác phẩm khi xuất bản mà không được sự đồng ý của tác giả. Những việc làm này đã vi phạm nghiêm trọng quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả được pháp luật bảo hộ. Việc thực hiện nhiệm vụ biên tập của Biên tập viên trong nhà xuất bản, và việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả phải đồng nhất trong quá trình làm việc của Biên tập viên. Tuy nhiên, chỉ những cử chỉ tùy tiện, tự động, đơn phương sửa chữa, thêm bớt, cắt xén tác phẩm mới coi là vi phạm.

Khác với vi phạm trên là vi phạm giữa những người cùng có quyền tác giả, vi phạm này thuộc loại vi phạm của bên sử dụng tác phẩm là nhà xuất bản với người có quyền là các tác giả, trong việc bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm. Tồn tại này phát sinh trong nội bộ cơ quan xuất bản, vì vậy phải được coi là sai phạm trong quan hệ quyền tác giả.

- Trong hoạt động xuất bản, các tác giả còn bị xâm hại quyền cho phép khai thác, sử dụng tác phẩm. Có thể nói hầu

hết những tác phẩm do tư nhân liên kết, liên doanh xuất bản bị in quá số lượng so với quyết định xuất bản của nhà xuất bản. Những xuất bản phẩm có giá trị, hợp thị hiếu, “ăn khách” đều ít nhiều bị in nổi bản, in lậu ngoài sự kiểm soát của nhà xuất bản, của tác giả. Số sách liên kết xuất bản chiếm từ 30% đến 90% tổng số sách xuất bản tùy theo từng nhà xuất bản. Như vậy, có thể dự đoán quyền được hưởng nhuận bút của các tác giả cũng bị ảnh hưởng do thiếu sự minh bạch khi các nhà xuất bản liên kết với tư nhân trong hoạt động xuất bản. Không chỉ các tác giả mà bản thân nhà xuất bản là tổ chức đầu tư tài chính cũng bị thiệt hại do hành vi in lậu, in trái phép gây ra.

3.4.3. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình

Các hãng sản xuất chương trình băng, đĩa với tư cách là nhà tổ chức đầu tư tài chính, là chủ sở hữu các chương trình ghi âm do mình sản xuất ra. Với vai trò đó, các hãng đã vật hóa các sáng tạo âm nhạc của nhạc sỹ, lao động biểu diễn của ca sỹ, nhạc công, đạo diễn chương trình thành các sản phẩm băng, đĩa phục vụ công chúng. Hoạt động đó đã góp phần lưu giữ, bảo tồn và phát triển âm nhạc truyền thống, giao lưu giữa các nền âm nhạc trên thế giới. Thông qua hoạt động của mình, các hãng đã tạo cơ hội cho các ca sỹ thành

đạt trên lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, khuyến khích các nhạc sỹ sáng tạo ra nhiều tác phẩm âm nhạc có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao phục vụ công chúng.

Trước yêu cầu của công chúng yêu âm nhạc, với sự phát triển và ứng dụng nhanh các tiến bộ của công nghiệp ghi âm, lực lượng sản xuất băng, đĩa đã phát triển lên tới hàng chục đơn vị. Hàng năm xây dựng trên 150 chương trình, sản xuất từ 1 triệu đến gần 2 triệu đĩa CD và VCD các loại. Sài Gòn Audio là đơn vị đầu tiên đã đầu tư dây chuyền sản xuất đĩa CD, với công suất 3 triệu đĩa/năm. Cùng với một số công ty sản xuất phần mềm, Sài Gòn Audio đã góp phần quan trọng trong việc phổ cập âm nhạc bằng các loại sản phẩm mới, hiện đại ở Việt Nam đó là các đĩa CD, VCD, CD-ROM, các đài phát thanh, truyền hình trong cả nước cũng đã thực hiện rất nhiều chương trình ghi âm để phát sóng.

Để tổ chức các chương trình băng đĩa, nhìn chung các hãng sản xuất đã tôn trọng quyền của nhạc sỹ, bằng việc xin phép, ghi tên tác giả trên sản phẩm băng đĩa, thanh toán tiền nhuận bút. Các ca sỹ, nhạc công, đạo diễn tham gia xây dựng chương trình băng đĩa đã được các hãng đảm bảo quyền lợi về tinh thần và vật chất. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hãng được duy trì trong cơ chế kinh tế thị trường. Một số hãng kinh doanh phát triển, đã mở rộng sản xuất, có lợi nhuận, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, không ít các trường hợp sử dụng tác phẩm không xin phép nhạc sỹ, nghệ sỹ. Một số trường hợp tùy tiện thay lời, đổi nhạc vi phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm. Tình trạng làm các bản sao vượt số lượng đã thỏa thuận với nhạc sỹ, nghệ sỹ, không thanh toán tiền bản quyền cũng đã diễn ra.

Các hãng sản xuất băng, đĩa cũng đã trở thành nạn nhân của các hành vi vi phạm quyền hợp pháp của mình. Nạn in sang lậu đang diễn ra tràn lan đối với các chương trình băng, đĩa có chất lượng, phù hợp với thị hiếu của công chúng. Tình trạng trích ghép từ nhiều chương trình của các hãng khác nhau thành chương trình mới để phát hành là hành vi chiếm đoạt toàn bộ đầu tư của các hãng. Việc in nhân bản từ nước ngoài, nhập khẩu trái phép qua biên giới các loại băng, đĩa để bán phá giá tại thị trường Việt Nam, đã gây tổn thất lớn cho các nhà sản xuất. Tình trạng báo động này đã dẫn đến có nhiều đơn thư kiến nghị của tập thể một số các hãng sản xuất trong nước trong thời gian qua gửi tới các cơ quan có thẩm quyền đề nghị có biện pháp ngăn chặn. Đồng thời, một số hãng cũng đã chủ động áp dụng các biện pháp để tự bảo vệ mình như việc dán tem, ghi ký hiệu sản phẩm, phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm...

3.4.4. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình máy tính

Tuy là một lĩnh vực mới, nhưng ở Việt Nam hiện đã có trên 300 công ty hoạt động về công nghệ thông tin, trong đó phần lớn là các công ty sản xuất chương trình máy tính. Đội ngũ những người sáng tạo chương trình máy tính của Việt Nam còn trẻ, có nhiều tiềm năng, nhiều người đã đạt giải cao tại các cuộc thi trong nước và quốc tế. Các chương trình máy tính được sáng tạo, đã góp phần thỏa mãn nhu cầu đa dạng và phong phú của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân, bởi tính năng hiện đại của nó.

Về cơ bản, việc đảm bảo các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu đã được thực hiện đối với hầu hết các chương trình máy tính thiết kế theo đơn đặt hàng. Nhiều cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đã mua các chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu phục vụ yêu cầu của mình. Tuy nhiên, đối với nhiều chương trình máy tính, công tác bảo hộ quyền tác giả đang là vấn đề bức xúc đối với các nhà quản lý, đặc biệt là các công ty sản xuất. Tình trạng “xào xáo” chương trình máy tính của người khác để đứng tên tác giả đã diễn ra không ít. Nhiều chương trình máy tính của các công ty trong nước đầu tư xây dựng, khi đưa ra thị trường đều bị mất bản

quyền bởi các hành vi sao chép bất hợp pháp. Việc sao chép không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng, mà đặc biệt nghiêm trọng khi hành vi được thực hiện bởi các thương nhân. Đây là thực trạng của nhiều năm qua. Việc nhập khẩu bất hợp pháp các chương trình trò chơi trí tuệ, chương trình máy tính dành cho các doanh nghiệp, đã làm cho thị trường chương trình máy tính trong nước trở nên phức tạp hơn. Việc sao chép trở thành vi phạm nghiêm trọng, điển hình là việc sao chép khi các chương trình máy tính thuộc sở hữu của các công ty lớn. Thực trạng trên đây đã gây thiệt hại cho các chủ đầu tư sản xuất chương trình máy tính vốn là lĩnh vực còn non trẻ của Việt Nam. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý xuất nhập khẩu phần mềm qua mạng Internet đang là mối quan tâm của hàng trăm doanh nghiệp phần mềm Việt Nam.

3.4.5. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số

“Cuộc cách mạng kỹ thuật số cũng như sự ra đời của Internet - được coi như “chiếc máy photocopy lớn nhất thế giới” đã có tác động mạnh mẽ đến mọi khía cạnh của xã hội, từ các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội cho đến đời sống, đặt ra những thách thức lớn lao trong vấn đề bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Sự ra đời của mạng Internet đã làm thay đổi cách thức và phương

tiện thể hiện tác phẩm, thay đổi cách thức lưu trữ tác phẩm, làm thay đổi cách thức hưởng thụ tác phẩm của công chúng, xóa nhòa đi đặc tính “giới hạn về phạm vi lãnh thổ” của quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng”²³.

Thực tiễn ghi nhận các trường hợp vi phạm quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số điển hình như trong lĩnh vực báo chí điện tử. “Chúng ta có thể thấy tình trạng đăng tải lại các tin bài của nhau là rất phổ biến, nhất là đối với tin bài của sáu tờ báo điện tử lớn, thông dụng ở Việt Nam, gồm: Tuổi Trẻ, Thanh Niên, VnExpress, VietnamNet, Dân Trí, 24h... qua khảo sát, kết quả là báo Tuổi trẻ điện tử bị đăng lại nhiều nhất, tiếp đến là Thanh niên và VnExpress đã chỉ ra một thực tế đáng buồn là “tất cả các báo điện tử hiện nay đều ít nhiều đã vi phạm bản quyền “lẫn nhau”. Trước thực tế này một số các tờ báo điện tử gồm: Lao Động, Sài Gòn Giải Phóng, Thanh Niên, Tiền Phong, Tuổi Trẻ ngày 30/10/2007 vừa qua đã ký kết bản thoả thuận chung về trao đổi và bảo vệ bản quyền tác phẩm báo chí”²⁴.

Trong lĩnh vực sách điện tử, hàng loạt thư viện trực tuyến như *Sahara.com.vn*, *Vnthuquan.net*, *Songhuong.com.vn*,

²³ Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tldd, tr. 67.

²⁴ Quán Tuấn An, tldd, tr. 85.

Dactrung.net, E-book.com.vn... đang vi phạm tác quyền của hàng ngàn tác giả đương đại trong và ngoài nước. *Sahara.com.vn* chỉ là một trong nhiều trang thông tin điện tử khác đăng tải rất nhiều sách điện tử và tác phẩm âm nhạc. Trang tin này đã đăng tải lên tới 300 sách văn học và trên 8.500 tác phẩm âm nhạc mà không có sự cho phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan. Ngày 26/10/2007, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, chủ sở hữu bản dịch tiếng Việt của xuất bản phẩm *Thiên thần và ác quỷ* (tác giả Dan Brown) đã gửi thư yêu cầu Công ty Tân Trí Tuần - chủ sở hữu website *Sahara.com.vn* (được quảng cáo là “siêu thị sách trực tuyến lớn nhất Việt Nam”!) trong vòng 5 ngày phải rút khỏi Thư viện online xuất bản phẩm nói trên. Ngày 01/11/2007, Tân Trí Tuần đã gỡ bỏ 4 tựa sách khỏi thư viện trực tuyến, nhưng còn rất nhiều tựa sách khác, kể cả sách của Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin vẫn được tiếp tục đăng tải trên thư viện trực tuyến²⁵. Từ năm 2004, Công ty Google đã vi phạm các quy định về bản quyền trong việc tiến hành chuyển sang định dạng kỹ thuật số các cuốn sách của nhiều quốc gia. Trong đó, hơn 4.400 cuốn sách của các tác giả Việt Nam do các nhà xuất bản Việt Nam phát hành đã được Google chuyển sang định dạng kỹ thuật số và hàng chục ngàn cuốn sách khác đang trong giai đoạn chuẩn bị chuyển sang định

²⁵ Hàng ngàn tác giả bị xâm hại bản quyền trên mạng, Lan Ngọc, thanhnienonline: <http://www.thanhnien.com.vn/news1/2007/Pages/200746/215964.aspx>.

dạng kỹ thuật số²⁶. Gần đây là vụ tác giả Lê Kiều Như có động thái kiện Apple về việc hãng này bày bán mà không xin phép một tác phẩm của mình trên quầy ứng dụng trực tuyến của itunes dành cho iPhone, iPod touch, Ipad...²⁷.

Tình trạng vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan đã diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực, rất nhiều đối tượng đã thực hiện hành vi vi phạm trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông tại Việt Nam. Tuy vậy, Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19/6/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông chưa thực sự là vũ khí hữu hiệu để quy trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL²⁸ chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, bởi vì vẫn

²⁶ Quân Tuấn An, tldd, tr. 88.

²⁷ <http://www.tienphong.vn/giai-tri/638123/Apple-hua-go-bo-Soi-xich-Le-Kieu-Nhu-yan-quyet-kien-tpol.html>

²⁸ Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, như sau:

“3. Gỡ bỏ và xóa nội dung thông tin số vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan, cắt, ngừng và tạm ngừng đường truyền Internet, đường truyền viễn thông khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật...”

đề liên quan đến vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ là thuộc về lĩnh vực dân sự, chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền phán xét ai đúng, ai sai và có vi phạm về bản quyền hay không? Việc kết luận hành vi vi phạm cũng cần phải có căn cứ hợp pháp xác minh.

Việc cung cấp và sử dụng dịch vụ giữa nhà cung cấp và khách hàng là do hai bên thỏa thuận thể hiện qua hợp đồng. Như vậy, việc cắt hay ngưng dịch vụ thì phải dựa trên hợp đồng và có những căn cứ chứng minh cụ thể thì mới phù hợp và có tính ràng buộc giữa các bên. Ngoài ra, nếu cơ quan thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền yêu cầu cắt hay ngưng dịch vụ khi cho là có vi phạm thì sẽ gây ra những khó khăn nhất định cho người làm công tác thực thi, cho cả những đối tượng bị xâm phạm. Trường hợp khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra để rồi gỡ bỏ, xóa nội dung thông tin số vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan, cắt hay tạm ngưng... thì đã quá muộn, thông tin vi phạm đã lan tràn với tốc độ nhanh, đồng thời tạo ra tâm lý không yên tâm cho các chủ sở hữu quyền bị vi phạm. Có ý kiến cho rằng quy định như khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch nói trên đã làm các chủ sở hữu quyền đang bị vi phạm sẽ mất quyền yêu cầu bên vi phạm chấm dứt vi phạm. Nếu như chủ sở hữu quyền phát hiện ra vi phạm, họ phải gửi yêu cầu bằng văn bản đến cơ quan thanh tra hoặc cơ quan có thẩm

quyền của nhà nước (ví dụ như Cục Bản quyền tác giả), trong văn bản đó phải chứng minh được quyền sở hữu của họ. Ngay sau đó, cơ quan thanh tra sẽ kiểm tra và yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian gỡ những thông tin vi phạm. Như vậy là cơ quan thanh tra cũng chỉ có vai trò ngăn ngừa hành vi vi phạm²⁹.

3.4.6. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam

Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học đã được ban hành. Thực chất đây là một quy định, một chính sách mẫu mà cơ quan quản lý giáo dục ban hành để hướng dẫn các học viện, trường đại học, trường cao đẳng, viện nghiên cứu khoa học... thực hiện tốt hơn việc quản lý tài sản trí tuệ trong cơ sở giáo dục. Mục tiêu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ là khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính cơ sở giáo dục. Trên cơ sở pháp lý này,

²⁹ Nhóm nghiên cứu đề tài B2011.06.06: Trao đổi với Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 12/7/2013.

các trường đại học, cao đẳng quy định cụ thể hơn về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho phù hợp với tình hình thực tế trong cơ sở giáo dục. Tháng 11 năm 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội thảo tập huấn về công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo trường, lãnh đạo phòng khoa học và công nghệ và đặc biệt cho nhóm cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học với mục đích nhằm tăng cường kiến thức về pháp luật sở hữu trí tuệ, trao đổi kinh nghiệm về tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, hoạt động bảo hộ và chuyển giao các kết quả nghiên cứu của một số trường đại học trong và ngoài nước cho đội ngũ cán bộ này. Qua đó nhận thấy tầm quan trọng cũng như sự quan tâm đặc biệt của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, trên thực tế khi truy cập vào trang web của một số trường đại học, cao đẳng thì những vấn đề về quản lý tài sản trí tuệ nói chung, về quyền tác giả nói riêng còn bỏ trống, hoặc có đề cập đến nhưng còn đang cập nhật nội dung, tất cả những nội dung như chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về ai, tác giả có những quyền gì, sinh viên sử dụng và khai thác tác phẩm như thế nào là hợp lý... chưa được đề cập đến.

Quản lý hiệu quả quyền tác giả bao giờ cũng là tiền đề quan trọng cho hoạt động khai thác thương mại trên thực tế loại tài sản trí tuệ này. Tuy nhiên một thực trạng chung là các trường đại học, cao đẳng hiện đang thiếu những quy định chi tiết cụ thể về chính sách pháp luật về quyền tác giả. Trường đại học, cao đẳng nào cũng có những quy định nội bộ rất đầy đủ về quy chế thu chi nội bộ, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban hoặc cơ chế sử dụng cơ sở vật chất của trường... nhưng quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ thì lại chưa được chú trọng ban hành. Hầu hết các trường chưa đề cập đến những chính sách khuyến khích sáng tạo mang tầm chiến lược mà chỉ dừng ở việc cụ thể hóa những khuyến nghị tại Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT. Dẫn đến thực trạng là các nhóm tác giả nghiên cứu khoa học sau khi ký hợp đồng và hoàn thành, các sách, giáo trình sau khi thẩm định và đưa vào sử dụng, khai thác thì việc xác định các vấn đề liên quan đến quyền tác giả giữa trường và tác giả chưa rõ³⁰. Có trường hợp một số giảng viên sau khi ký hợp đồng viết bài giảng, giáo trình cho trường nơi mình làm việc lại sử dụng nội dung đã xuất bản đó, cải biên đi rồi lại đứng tên tác giả cho một giáo trình khác trong lĩnh vực tương tự nhưng do nhà xuất bản

³⁰ TS. Lê Văn Hưng, TS. Hồ Việt Tiến, *Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh với việc quản lý, khai thác và thực hiện nghĩa vụ khi sử dụng tài sản trí tuệ*, Kỷ yếu Hội thảo Thực thi Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường đại học, Cục Bản quyền tác giả tổ chức tại Đà Nẵng, tháng 7 năm 2011.

khác phát hành. Việc mời giảng viên kiêm giảng, thỉnh giảng giữa các trường là rất phổ biến. Các trường mời giảng thường yêu cầu giảng viên được mời phải nộp bài giảng để thẩm tra nội dung và sau khi kết thúc hợp đồng với giảng viên này, trường thường có xu hướng chuyển giao tập bài giảng này cho giảng viên cơ hữu của mình dựa vào đó tiếp tục giảng dạy, đảm nhiệm môn học mà không cần mời giảng viên kiêm giảng nữa. Rõ ràng ở đây có sự vi phạm nghiêm trọng quyền cho phép sử dụng quyền tác giả của trường đại học nơi giảng viên kiêm giảng này công tác. Việc quản lý quyền tác giả lỏng lẻo tại các trường đại học, cao đẳng dẫn đến việc “rò rỉ” các tài sản trí tuệ, đặc biệt là đối với các trường đầu ngành với đội ngũ giảng viên có thâm niên giảng dạy lâu năm, sở hữu khối lượng lớn các tài sản trí tuệ từ giáo trình, bài giảng đến các chương trình đào tạo.

Trước tình trạng này, việc tổ chức một bộ phận chuyên trách để theo dõi, tư vấn và hướng dẫn bảo đảm quyền lợi cho các tác giả cũng như chủ sở hữu quyền tác giả là rất cần thiết. Hầu như tại các trường đại học, cao đẳng không có quy định về chính sách quản lý tài sản trí tuệ nói chung và về quyền tác giả nói riêng thì cũng không tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ. Với các trường đại học, cao đẳng đã ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ thì cách thức tổ chức bộ phận

chuyên trách này cũng rất đa dạng. Căn cứ nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, bộ phận chuyên trách này có thể được tổ chức độc lập, trực thuộc Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc trực thuộc Phòng khoa học công nghệ³¹. Ở Đại học Huế, Ban khoa học công nghệ (có một Trưởng ban phụ trách) là đầu mối trong hệ thống quản lý sở hữu trí tuệ trong Đại học Huế, ở các trường thành viên, khoa trực thuộc có Tổ quản lý sở hữu trí tuệ thuộc Phòng khoa học công nghệ hoặc một chuyên viên phụ trách (nếu chưa có điều kiện thành lập tổ)³². Đại học Nha Trang cũng quy định bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ là Tổ sở hữu trí tuệ trực thuộc Phòng khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế³³. Đại học Bách khoa giao trách nhiệm quản lý sản phẩm và tài sản trí tuệ tại trường cho Phòng khoa học - công nghệ³⁴. Đại học Cần Thơ thì phân công trách nhiệm này cho

³¹ Điều 5 Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

³² TS. Đoàn Đức Lương, ThS. Hồ Nhân Ái, *Đại học Huế với việc quản lý, khai thác và thực hiện nghĩa vụ khi sử dụng tài sản trí tuệ*, Kỷ yếu Hội thảo Thực thi Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường đại học, Cục Bản quyền tác giả tổ chức tại Đà Nẵng, tháng 7 năm 2011.

³³ Xem: Quyết định số 556/QĐ-ĐHNT-KHCN-HTQT ngày 26/5/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.

³⁴ Xem: Quyết định số 150/QĐ-ĐHBK-KHCN ngày 30/5/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa.

Phòng quản lý khoa học và đào tạo sau đại học³⁵. Còn Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lại giao cho các Quản trị viên sở hữu trí tuệ là các cá nhân được Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh công bố trong danh sách quản trị viên về sở hữu trí tuệ của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh hàng năm, chịu trách nhiệm quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của đơn vị (các trường, khoa và trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ trực thuộc) mà cá nhân đang công tác³⁶. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của bộ phận này là tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch, quy chế quản lý về sở hữu trí tuệ của đơn vị; tổ chức ghi nhận, khai báo và quản lý tài sản trí tuệ của đơn vị; thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ; giám sát thực thi quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Bộ phận này bước đầu đã có những hoạt động thiết thực hỗ trợ các nhà khoa học triển khai các hoạt động với vai trò là cầu nối giữa tác giả, nhà trường với những cá nhân, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong đó có quyền tác giả như tìm kiếm đơn vị tài trợ phát hành, xuất bản. Tất nhiên việc nộp đơn để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả không phải là thủ tục bắt buộc để hưởng

³⁵ Xem: Quyết định số 425 ngày 05/12/1999 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ.

³⁶ Điều 10 và khoản 5 Điều 3 Quyết định số 201/QĐ-ĐHQG-KHCN ngày 04/3/2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

quyền tác giả theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên để tránh trường hợp tác phẩm bị chiếm đoạt trái phép, mất thời gian, công sức, chi phí để chứng minh ai là tác giả, chủ sở hữu tác phẩm hay nói theo cách của Điều 10 Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là “*đăng ký để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh*” thì việc đăng ký quyền tác giả này là việc nên làm, nhất là thủ tục đăng ký quyền tác giả tương đối đơn giản và không yêu cầu thẩm định về mặt nội dung. Dưới đây là số liệu đăng ký quyền tác giả một số đối tượng đặc trưng quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng:

Năm	Loại hình tác phẩm	Số Giấy chứng nhận bản quyền đã cấp	Số tác phẩm	% so với tổng số
2006	Bài giảng, bài phát biểu	10	10	0.32%
	Công trình khoa học	4	4	0.13%
2007	Bài giảng, bài phát biểu	11	11	0.34%
	Công trình khoa học	0	0	0%
2008	Bài giảng, bài phát biểu	0	0	0%
	Công trình khoa học	0	0	0%

Năm	Loại hình tác phẩm	Số Giấy chứng nhận bản quyền đã cấp	Số tác phẩm	% so với tổng số
2009	Bài giảng, bài phát biểu	5	5	0.11%
	Công trình khoa học	0	0	0%
2010	Bài giảng, bài phát biểu	1	1	0.027%
	Công trình khoa học	0	0	0%

(Theo tổng hợp số liệu đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan kèm theo Báo cáo tổng kết trong 5 năm đến 2010 của Cục Bản quyền tác giả).

Điều dễ nhận thấy là số lượng các đối tượng quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng được đăng ký bảo hộ còn quá ít. Có nhiều nguyên nhân giải thích cho hiện tượng này như nhận thức của các nhà khoa học đối với ý nghĩa, giá trị thực tiễn và những yêu cầu về trình tự, thủ tục đăng ký quyền tác giả chưa đầy đủ, tâm lý e ngại thủ tục hành chính, sợ mất thời gian đi lại, hoàn thiện hồ sơ. Nhưng nguyên nhân chính có lẽ lại đến từ việc tổ chức kém hiệu quả của bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các trường đại học, cao đẳng. Hầu như bộ phận này, như đã nêu ở trên, đều không được tổ chức độc lập mà trực thuộc Phòng quản lý khoa học, trong khi nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Phòng khoa học

công nghệ là tìm kiếm, xúc tiến, tiếp nhận, khai thác các nhóm tác giả khoa học và công nghệ các cấp, các dự án thuộc ngân sách nhà nước; quản lý hệ thống đề tài, dự án, các hoạt động có liên quan đến khoa học và công nghệ cũng như theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đề tài, dự án đó. Thậm chí Phòng khoa học công nghệ chưa có một chuyên viên chuyên trách về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ mà chủ yếu là kiêm nhiệm. Chính vì chủ yếu chỉ tập trung vào việc quản lý các dự án nên hoạt động quản lý quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có việc hỗ trợ đăng ký quyền tác giả chỉ là mối quan tâm thứ yếu của Phòng khoa học và công nghệ, đó là chưa kể đến việc xúc tiến thương mại, tiếp thị nhằm tìm kiếm đối tác tiềm năng để khai thác, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học của các trường đại học, cao đẳng thì quả thực là “quá sức” của phòng này.

Bên cạnh đó, có những cơ sở giáo dục bước đầu đã nhận thức và có những động thái rất tốt trong việc quản lý tài sản trí tuệ của mình điển hình là Khoa Luật, Đại học Huế. Khoa đã lập danh mục tài sản trí tuệ bao gồm các chương trình, dự án, nhóm tác giả khoa học công nghệ các cấp và đánh giá khả năng chuyển giao và thương mại hóa cũng như các đối tác tiềm năng cần hướng tới và tải công khai trên website của mình. Đây thực sự là cách làm hay và thể hiện sự quan tâm của tập thể lãnh đạo và giảng viên của

Khoa Luật, Đại học Huế đối với việc quản lý những tác phẩm của mình.

Tình trạng quản lý các đối tượng quyền tác giả hiện nay tại các trường đại học, cao đẳng rõ ràng còn thiếu chặt chẽ. Các nhà khoa học là tác giả của nhóm tác giả nghiên cứu khoa học, giáo trình... mà không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả lại có những ứng xử như thể là chủ sở hữu của quyền tác giả mà các trường đại học, cao đẳng không biết và không được hưởng lợi ích gì và ngược lại, đôi lúc các trường lại thân nhiên khai thác các tác phẩm được bảo hộ của giảng viên, sinh viên mà không hề cân nhắc đến quyền lợi của họ.

Có thể nói một trong những vấn nạn hiện nay trong nhiều trường đại học, cao đẳng là việc sao chép khá tùy tiện các tác phẩm được bảo hộ theo pháp luật về quyền tác giả. Việc sao chép công trình khoa học, tài liệu nghiên cứu, luận văn... diễn ra không chỉ trong giới sinh viên mà kể cả một số giảng viên khiến môi trường đại học trở thành nơi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan rất phức tạp, khó kiểm soát. Những hành vi vi phạm phổ biến là trích dẫn không nêu rõ nguồn của sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, thậm chí việc nghiên cứu khoa học chỉ đơn thuần là cớp nhặt từ nhiều nguồn khác nhau. Nhóm tác giả khóa luận

tốt nghiệp hàng năm lặp đi lặp lại nên khóa sau sao chép của khóa trước, hệ đào tạo này sao chép của hệ đào tạo kia, việc quản lý nội dung đó là rất khó khăn và chỉ trông đợi vào sự phát hiện của người hướng dẫn. Để hạn chế nạn sao chép này, nhiều cơ sở đào tạo đã ràng buộc trách nhiệm của người hướng với dẫn với tính “trong sạch” của những công trình nghiên cứu này. Nếu cơ quan thanh tra của trường phát hiện các khóa luận, luận văn do giảng viên hướng dẫn có tỷ lệ phần trăm trùng lặp nào đó với bất kỳ tài liệu nào trong kho dữ liệu của trường thì giảng viên cũng phải chịu kỷ luật cùng sinh viên đó. Quy định này vô hình chung đặt thêm một gánh nặng nữa lên người hướng dẫn, bởi với điều kiện khoa học công nghệ như hiện nay nếu sinh viên không có tính trung thực, đạo đức nghiên cứu khoa học thì rất khó kiểm soát việc này. Thêm vào đó phải kể đến sự tiếp tay đắc lực của hệ thống dày đặc các cửa hàng kinh doanh photocopy trước công các trường đại học. Bất kỳ tài liệu nào sinh viên có thể cần, từ bản photocopy đến bản mềm giáo trình, sách tham khảo, đề thi các năm, khóa luận... đều được các cửa hàng này đáp ứng với giá cả phải chăng mà không cần quan tâm đến việc vi phạm quyền tác giả hay không, miễn là khách hàng đưa ra số lượng, giá cả và thời gian lấy. Thậm chí, những giáo trình vừa mới được nhà trường phát hành, giảng viên lên lớp trong giờ học đầu tiên,

chưa kịp giới thiệu với sinh viên tài liệu môn học thì đã thấy giáo trình in lậu được tiếp thị tận nơi cho sinh viên, tất nhiên với giá rẻ hơn rất nhiều so với giáo trình chính thống mà bản thân giảng viên cùng nhà trường “chăm chút” xuất bản³⁷. Theo quy định tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ thì không những hành vi sao chép, bán tác phẩm sao chép lậu bị coi là xâm phạm, mà kể cả hành vi mua, tiêu thụ những sản phẩm đó bất kể là để sử dụng hay để bán, tặng cho, cũng bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả, nhưng đa số sinh viên của nhiều trường đại học, cao đẳng vẫn chưa nhận thức được điều này.

Vai trò của các thư viện trong các trường đại học, cao đẳng rất quan trọng trong việc cung cấp các bản sao tài liệu đến người sử dụng cũng như quản lý việc truyền tệp tin, việc truy cập và khai thác thông tin trên mạng internet. Tuy nhiên, nguồn tài liệu trong thư viện còn nghèo nàn với số lượng đầu sách ít ỏi, thiếu sự liên kết chia sẻ dữ liệu giữa các trường trong và ngoài nước nên chưa thu hút được sinh viên sử dụng nguồn tài liệu hợp pháp này.

Những tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả thường được khai thác chủ yếu dưới hình thức hợp đồng sử dụng tác phẩm. Theo đó, các trường đại học, cao đẳng với tư cách

³⁷ Xem thêm: *Sở hữu trí tuệ trong trường Đại học: “Hồn nhiên” vi phạm*, <http://daidoanket.vn> (truy cập ngày 14/10/2011).

là chủ sở hữu quyền tác giả ký hợp đồng với các nhà xuất bản để in ấn, phát hành các giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo và phân chia cho tác giả một tỷ lệ lợi ích nhất định. Mức nhuận bút trả cho tác giả hiện nay cộng thêm mức thù lao nhận được sau mỗi lần tái bản, số tiền này so với thời gian lao động trí óc được tính bằng năm thì quả thật quá “ít ỏi”, chưa kể việc tính toán tiền nhuận bút căn cứ theo số lượng phát hành phụ thuộc vào nhà xuất bản, tác giả không thể kiểm soát được chính xác số lượng này. Đó là đối với các tác giả trong nước, còn với tác giả nước ngoài thì thậm chí có trường đại học còn dịch giáo trình của họ sang tiếng Việt và đứng tên chủ biên mà không hề liên hệ xin phép tác quyền³⁸.

Mức thù lao hay nói cách khác kinh phí mà trường trả cho các tác giả để sử dụng tác phẩm hiện nay được quy định tại mỗi trường khác nhau nhưng nhìn chung vẫn còn quá thấp, chưa có tác dụng khuyến khích các nhà khoa học. Bản thân các nhà khoa học cũng không tính đến phương án khai thác thương mại các công trình nghiên cứu khoa học của mình mà đơn thuần chỉ coi đó như một “đứa con tinh thần” và nhà trường cũng chưa có sự đầu tư, khai thác khía cạnh thương mại của những đối tượng tiềm năng này.

³⁸ Xem: *Vô tư “xào” sách*, Báo điện tử Tuổi trẻ online: www.tuoitre/tin/giao-duc/20100517/vo-tu-xao-sach/378960.html.

4. Thực tiễn giải quyết tranh chấp, vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan giai đoạn từ năm 2004 đến nay

4.1. Xử lý hành chính các vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan

Các quy định xử phạt hành chính về quyền tác giả và quyền liên quan đã được ban hành trong Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06/6/2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa - thông tin. Tuy nhiên, các quy định này chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đối với việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực liên quan. Ngày 13/5/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2009/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định này là các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan trên lãnh thổ Việt Nam; quy định về hình thức phạt tiền, tùy tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm, mức phạt tiền có thể lên tới 500 triệu đồng.

Ngày 02/12/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan với nhiều hướng dẫn chi tiết đối với các thủ tục tạm giữ vi phạm hành chính, định giá hàng hóa vi phạm hành chính và

xác định chế tài đối với các trường hợp không xác định được giá trị của hàng hóa vi phạm đối với một số hành vi nhất định.

Ngày 16/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2013 và thay thế Nghị định số 47/2009/NĐ-CP và Nghị định số 109/2011/NĐ-CP. Nghị định gồm 4 Chương với 43 điều, kế thừa về cơ bản các nội dung đã được quy định tại các Nghị định nói trên; sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm; điều chỉnh mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả để phù hợp với thực tiễn và các quy định mới của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trước ngày 01/7/2013 (ngày Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực) mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Thực tiễn cho thấy, hầu hết các vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan chủ yếu đã và sẽ được xử lý bằng con đường hành chính. Theo quy định của pháp luật hiện hành, hầu hết các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đều có thể xử lý bằng biện pháp hành chính. Điều này đã dẫn đến tình trạng “hành chính hoá” các quan hệ dân sự. Một số

trường hợp xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tùy thuộc lĩnh vực dân sự, cần được giải quyết theo thủ tục dân sự tại Tòa án nhưng lại được xử lý bằng biện pháp hành chính cho đơn giản và đỡ tốn kém. Tuy nhiên, tổ tụng tư pháp tại Tòa án vẫn là một kênh riêng để giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam.

4.2. Giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan tại Tòa án: tóm tắt một số vụ việc điển hình³⁹

(i) Vụ nguyên đơn Phạm Thị Hà, nhà báo công tác tại Thời báo kinh tế Việt Nam khởi kiện bị đơn là Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin

Vào quý IV năm 2004, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin liên kết với nhà sách Hương Thủy của Công ty văn hóa Phương Bắc đã xuất bản cuốn sách “Doanh nhân thành đạt và bài học kinh nghiệm thương trường” có sử dụng 8 bài viết của tác giả Phạm Thị Hà đã đăng tải trên chuyên mục “Doanh nhân thế giới” của Thời báo kinh tế Việt Nam từ đầu năm 2003 đến 2004 mà không được phép của tác giả. Các bài viết của tác giả Phạm Thị Hà trong xuất bản phẩm nêu trên còn bị thay đổi nhan đề, đảo các đoạn văn trong bài viết; cắt bớt một

³⁹ Trần Văn Nam, Tham luận tại Hội thảo quốc tế về Việt Nam học ICVN lần thứ IV từ ngày 26-28/11/2012 tại Hà Nội; Tiểu ban số 7: Pháp luật Việt Nam trong thời đại pháp quyền vì mục tiêu phát triển bền vững.

số câu trong bài viết... Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2005/DSST ngày 26/6/2005, và Bản án dân sự phúc thẩm số 237/2006/DSPT ngày 17/11/2006 đều đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu kiện vi phạm quyền tác giả của nguyên đơn, buộc bị đơn phải công khai xin lỗi tác giả Phạm Thị Hà trong 03 số báo liên tiếp của Báo Nhân dân; không được tái bản cuốn sách “Doanh nhân thành đạt và bài học kinh nghiệm thương trường” nếu không được sự đồng ý của tác giả.

(ii) Vụ ông Nguyễn Quảng Tuân kiện ông Đào Thái Tôn vi phạm quyền tác giả do đã trích dẫn mà không được phép nguyên văn 4 bài viết của tác giả vào tác phẩm “Văn bản Truyện Kiều - Nghiên cứu và thảo luận”

Tại Bản án số 68/2006/DSST ngày 26/12/2006, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận yêu cầu khởi kiện xâm phạm quyền tác giả của ông Nguyễn Quảng Tuân đối với ông Đào Thái Tôn, tuyên buộc ông Đào Thái Tôn phải tổ chức xin lỗi ông Nguyễn Quảng Tuân ở nơi ông Tuân đang cư trú; buộc ông Tôn phải thanh toán tiền nhuận bút cho ông Tuân số tiền là 1.040.400 đồng; buộc ông Tôn phải bồi thường về vật chất và tinh thần cho ông Tuân số tiền là 25.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản ông Tôn phải thanh toán và bồi thường cho ông Tuân số tiền là 26.040.400 đồng.

(iii) Vụ Công ty cổ phần Phần mềm Hà Nội (Hanoi Software JSC) khởi kiện Công ty cổ phần thương mại Số (Digital Trade)

Ngày 17/01/2007, Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ kiện vi phạm bản quyền phần mềm giữa nguyên đơn - Công ty cổ phần Phần mềm Hà Nội (Hanoi Software JSC) và bị đơn - Công ty cổ phần thương mại Số (Digital Trade). Đây là vụ giải quyết bản quyền phần mềm thứ hai ở Việt Nam bằng con đường Tòa án.

Công ty Hanoi Software JSC từ năm 2003, được cho là đã nghiên cứu và phát triển ra một phần mềm quản trị website và đặt tên là WEB++. Từ tháng 9/2006, công ty đã phát hiện Digital Trade đã giới thiệu, kinh doanh sản phẩm I-Web có các tính năng giống hệt sản phẩm WEB++ mà Hanoi Software JSC kinh doanh từ 03 năm qua. Hanoi Software đã nhanh chóng xác minh và có được các bằng chứng chứng tỏ Digital Trade vi phạm quyền tác giả sản phẩm WEB++ thông qua một nhân viên cũ của Hanoi Software là Hoàng Tùng đang công tác tại công ty Digital Trade. Hanoi Software đã thuê Luật sư hỗ trợ xử lý vụ việc, bảo vệ quyền lợi chính đáng.

Ngày 24/10/2006, Digital Trade đã thừa nhận sản phẩm I-Web là WEB++ do chính nhân viên cũ của Hanoi Software

đem về sử dụng và phát triển, thừa nhận bằng văn bản đó là hành vi sử dụng bất hợp pháp, hủy bỏ các mã nguồn WEB++ đang có, cam kết dừng việc kinh doanh sản phẩm này và đền bù thiệt hại vật chất. Như vậy, I-Web chỉ là tên của sản phẩm WEB++ bị đổi một cách trái phép. Công ty Hanoi Software cũng tạo điều kiện để Digital Trade thay thế hoặc dỡ bỏ sản phẩm trái phép đã bán trong vòng 03 tháng. Tuy nhiên, Digital Trade vẫn tiếp tục kinh doanh trái phép mặc dù đã được tạo điều kiện xử lý tranh chấp hợp lý. Ngày 25/12/2006, Công ty Hanoi Software JSC đã chính thức gửi đơn kiện Công ty Digital Trade ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

(iv) Vụ nguyên đơn - Công ty CP Làng mộc Văn Hà, trụ sở tại thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam khởi kiện bị đơn là Công ty CP tư vấn đầu tư & xây dựng Tường Phát, trụ sở tại số 92 Trần Xuân Lê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tháng 3/2011, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng liên hệ với Công ty CP Làng mộc Văn Hà để lập hồ sơ thiết kế - dự toán công trình “Nhà ăn bằng gỗ - Sân vườn khu nhà ăn - Hồ nước - Hòn non bộ”. Công ty CP Làng mộc Văn Hà lập và hoàn thiện toàn bộ hồ sơ thi công (hồ sơ thiết kế - kiến trúc) và đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Ban Doanh

trại Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng để xét duyệt giao thầu.

Bị đơn - Công ty CP tư vấn đầu tư & xây dựng Tường Phát được yêu cầu phải chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc do đã sử dụng nguyên mẫu bản vẽ thiết kế - kiến trúc mà Công ty CP Làng mộc Văn Hà đã giao, là bản vẽ thiết kế khu nhà rường Việt Nam, Nhà ngũ gian tứ hạ đã được Cục Bản quyền tác giả cấp bản quyền, phải tháo dỡ các hạng mục công trình Nhà vọng nguyệt lục giác, Cổng tam quan cổ lầu, Nhà ngũ gian tứ hạ đã và đang thi công tại Doanh trại Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng tại số 38 Trần Phú, thành phố Đà Nẵng.

Tháng 9/2011, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tiến hành phiên hòa giải giữa các bên liên quan, nhưng không thành. Tòa án đã quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giám định đối với các bản vẽ thiết kế liên quan. Tuy nhiên, bản giám định gửi kèm Công văn số 22/CV-LHH ngày 29/3/2012 của Ban tư vấn, phản biện và giám định xã hội thuộc Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật thành phố Đà Nẵng với kết quả chung chung, không có phần kết luận, chưa trở thành căn cứ vững chắc để nguyên đơn có thể “thắng” bị đơn trong vụ kiện hy hữu này. Ngày 9/7/2013, Tòa án nhân dân, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Bản án số 03/2013/KDTM-ST buộc Bị đơn phải chấm dứt

hành vi sao chép tác phẩm kiến trúc để thiết kế và thi công công trình xây dựng mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm kiến trúc đã được bảo hộ của nguyên đơn. Tuy nhiên, Bản án lại không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ công trình xây dựng khu nhà ăn tại Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng theo hướng sửa đổi các chi tiết, thay đổi kiến trúc tổng thể. Như vậy, mặc dù nguyên đơn thắng kiện, nhưng tác phẩm kiến trúc vi phạm tác quyền thì lại vẫn hiện hữu. Kết quả này cũng đồng nghĩa với việc phần lớn mục đích khởi kiện của nguyên đơn chưa đạt được.

(v) Vụ nguyên đơn - Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt (First News) khởi kiện bị đơn - Công ty TNHH Hội Việt Úc do trung tâm Anh ngữ của bị đơn có hành vi sao chép sách, đĩa CD các giáo trình TOEIC, TOEFL iBT mà nguyên đơn nắm giữ bản quyền tại Việt Nam để bán trái phép cho các học viên

Tháng 10/2011, First News yêu cầu Bộ Công an và Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành khám xét và xử phạt các đối tượng nêu trên. Tháng 12/2011, Bộ Công an kết hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành khám xét các trung tâm ngoại ngữ thuộc Công ty TNHH Hội Việt Úc và một số cơ sở khác, tịch thu hàng loạt sách vi phạm bản quyền.

Ngày 21/2/2012 tại Hội Nhà báo Việt Nam, Công ty Trí Việt đã lên tiếng về việc các trường ngoại ngữ vi phạm bản

quyền các tựa sách (600 TOEIC essential For The TOEIC Test, TOEIC Analyst, Stater TOEIC, Target TOEIC, Very Easy TOEIC, Building Skills for the TOEFL Ibt, Developing Skills for the TOEFL Ibt, Mastering Skills for the TOEFL Ibt) và khởi kiện nếu các trường cố tình tái phạm. Tháng 3 năm 2012, sau khi thu thập đầy đủ chứng cứ vi phạm bản quyền của 10 trường ngoại ngữ, Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt cùng Văn phòng Luật sư Người nghèo khởi kiện Công ty TNHH Hội Việt Úc (Trung tâm Anh ngữ Quốc tế Úc châu và Trường Anh văn Hội Việt Úc) ra Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Sau ba lần hòa giải trước Tòa án kéo dài trong 3 tháng, tại buổi họp báo 14/6/2012 do Công ty Trí Việt tổ chức, Công ty TNHH Hội Việt Úc, Trường Quốc Tế Úc châu đã thừa nhận hành vi vi phạm, chấp nhận bồi thường với mức phạt 380 triệu và ký kết hợp đồng sẽ mua sách của Công ty Trí Việt⁴⁰.

4.3. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Theo Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội

⁴⁰ <http://www.phapluatvn.vn/>: *Vi phạm bản quyền, người sai phạm quay lại giúp đỡ người bị “ăn cắp”*.

phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có một số điều quy định về các tội phạm có liên quan.

Theo quy định tại Điều 170a Bộ luật Hình sự về Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan thì người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm: i) Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình; ii) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ bốn trăm triệu đồng đến một tỷ đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm: i) Có tổ chức; ii) Phạm tội nhiều lần. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

5. Đánh giá một cách có hệ thống về quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan

Trong quá trình hoạt động quản lý và thực thi, công tác bảo

hộ quyền tác giả, quyền liên quan đã được định hình, nhưng chưa được hoàn thiện, cụ thể hoá phù hợp với từng lĩnh vực chuyên ngành. Một số quy định thiếu sự thống nhất, gây khó khăn cho việc quản lý, điều hành và hoạt động thực thi, đang là thách thức phải vượt qua. Công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan còn nhiều bất cập, hạn chế và hiệu quả mang lại chưa cao.

5.1. Những hạn chế của việc thực thi quyền tác giả, quyền liên quan

- Phần lớn các tỉnh, thành phố chưa ban hành văn bản quy định thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Chính phủ tại Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, Nghị định số 85/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra tuy có tăng cường nhưng chưa đủ sức ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đã triển khai nhiều hoạt động, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phổ cập pháp luật sở hữu trí tuệ trong cộng đồng, kể cả trong các Bộ, Ngành quản lý và thực thi.

- Ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm của một bộ

phận không nhỏ các tổ chức, cá nhân khi sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong đó có một số cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.

Nhận rõ tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 04/2007/CT-TTg ngày 22/02/2007 về việc tăng cường bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính, và Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg ngày 31/12/2008 về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, để chỉ đạo và giao trách nhiệm cụ thể cho các Bộ, Ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với công tác quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trước tình hình mới, nhằm thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi ở lĩnh vực này, đáp ứng yêu cầu bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở trong nước và hội nhập quốc tế.

Theo Báo cáo số 181/BC-BVHTTDL ngày 14/9/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng kết thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thì những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng nêu trên là:

- Nhận thức không đúng và đầy đủ về vai trò của sở hữu trí tuệ; có tư tưởng bảo thủ, duy ý chí, nhân danh nhiệm vụ để xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và quan tâm tới lợi ích riêng.

- Về hiểu biết, đối với công chúng nói chung, người có quyền và nghĩa vụ nói riêng mới ở giai đoạn đầu của quá trình phổ cập, vì vậy hiểu biết không đầy đủ, thiếu hệ thống, chưa tiếp cận đến các vấn đề phức tạp của quyền tác giả, quyền liên quan, giải thích sai lệch pháp luật.

- Về ý thức chấp hành, thói quen tự tiện sử dụng tài sản trí tuệ của người khác mà không có sự thỏa thuận vẫn còn tồn tại, đặc biệt là thái độ cố tình vi phạm, thách thức pháp luật và vi phạm đạo đức kinh doanh.

- Về pháp luật, các quy định xử phạt vi phạm hành chính đã hành chính hóa các quan hệ dân sự trong lĩnh vực này; hiện chưa có quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet và viễn thông.

- Về việc tự bảo vệ quyền, các chủ thể quyền chưa có thói quen áp dụng các biện pháp mà pháp luật không cấm để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình; còn trông chờ vào nhà nước; tổ chức quản lý tập thể mới, chưa đủ và đang trong quá trình phấn đấu để hoạt động chuyên nghiệp, công khai, minh bạch.

- Về hệ thống thực thi, năng lực còn hạn chế, phân tán, hiệu quả hoạt động thấp, chưa hợp tác chặt chẽ giữa các lực lượng, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

5.2. Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu của việc thực thi quyền tác giả, quyền liên quan

Công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta đã được thực thi trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên, việc thi hành vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cơ chế quản lý và thực thi đang tồn tại một số bất cập, phương thức tổ chức và năng lực của các cơ quan có thẩm quyền còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm quản lý. Đến nay, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta vẫn còn là vấn đề mới mẻ, sự hiểu biết của toàn xã hội còn thấp.

Những tồn tại trên là hệ quả của những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về nguyên nhân khách quan, trước hết do hoàn cảnh kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, đa số người tiêu dùng có thu nhập thấp, chủ yếu là sản xuất, buôn bán kinh doanh nhỏ lẻ, cùng với tập quán văn hóa của người Việt Nam thường coi sở hữu cộng đồng cao hơn sở hữu cá nhân, đối với sản phẩm trí tuệ, quyền tinh thần quan trọng hơn độc quyền kinh tế và văn hóa, “phép vua thua lệ làng”, lệ được tôn trọng hơn luật làm ảnh hưởng không nhỏ đến các ứng xử của người dân đối với các vấn đề về quyền tác giả, quyền liên quan. Các điều kiện kỹ thuật và công nghệ trang bị cho hệ thống các cơ quan thực thi còn lạc hậu, chưa có cơ sở dữ liệu lưu trữ và kết nối thông tin xác định đối tượng bảo hộ và đối tượng

xâm phạm. Kinh phí ngân sách dành cho lực lượng thực thi còn quá hạn hẹp, chưa kể hệ thống pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ được quy định phân tán tại nhiều văn bản, thiếu tính hệ thống, tình trạng cát cứ trong xây dựng, ban hành và thi hành văn bản pháp luật của các ngành khác nhau liên quan đến thực thi quyền tác giả, quyền liên quan nên rất khó cho các cơ quan thực thi trong việc áp dụng pháp luật và hơn hết là các quy định pháp luật hiện hành chưa thực sự giải quyết được triệt để những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực thi quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng ở trong nước.

Về các nguyên nhân chủ quan, trước hết phải kể đến là năng lực cán bộ nhất là cán bộ thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, họ chưa được trang bị đủ kiến thức cơ bản và cần thiết về quyền tác giả, quyền liên quan, trong quá trình giải quyết vụ việc vẫn còn thiếu các kỹ năng thực hành xử lý, ngoài ra đội ngũ cán bộ thực thi còn hay bị thay đổi, điều chuyển công tác. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng chưa chú ý đúng mức việc đào tạo và trọng dụng cán bộ được giao nhiệm vụ thực thi pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan. Hệ thống tổ chức bộ máy thực thi pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả,

quyền liên quan nói riêng quá phức tạp, tổ chức thành nhiều đầu mối thụ lý vụ việc theo các kênh thủ tục khác nhau dẫn đến đan chéo về thẩm quyền xử lý cả chiều dọc và chiều ngang, cơ chế phối hợp trong xử lý vụ việc của các cơ quan chưa rõ ràng dẫn đến đùn đẩy trách nhiệm. Đặc biệt, do tính chất song trùng trực thuộc của các cơ quan thực thi ở địa phương (trực thuộc cơ quan cấp trên về chuyên môn và chính quyền địa phương về tổ chức và nhân sự) nên hoạt động của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ở địa phương bị hạn chế rất nhiều. Nhận thức của công chúng và doanh nghiệp đối với các quy định pháp luật và tầm quan trọng của công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong tình hình mới, đặc biệt là những người có quyền và nghĩa vụ liên quan chưa cao, cho rằng thực thi quyền tác giả, quyền liên quan chưa phải vấn đề quan trọng so với những vấn đề khác cấp thiết hơn. Bản thân cán bộ quản lý cũng nhận thức chưa đầy đủ về vấn đề này. Họ vẫn còn cho rằng thực thi quyền tác giả, quyền liên quan khó và không đem lại lợi ích trực tiếp cho cộng đồng, và việc phải thực thi là xuất phát từ nhu cầu hội nhập hơn là từ nhu cầu nội tại trong nước, trong một số trường hợp việc thực thi sẽ gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp trong nước nên có tâm lý “lo sợ” giữa tăng cường thực thi và giải quyết các vấn đề an sinh, xã hội.

Có thể nói, về cơ bản, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đã tạo một hành lang pháp lý an toàn và có những tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, làm cơ sở thuận lợi cho các hoạt động quản lý nhà nước cũng như giúp các cơ quan thực thi quyền tác giả giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả trong thực tiễn. Hoạt động thực thi quyền tác giả trong các lĩnh vực của đời sống xã hội như xuất bản, âm nhạc, sản xuất bản ghi âm, ghi hình... đã có những chuyển biến rõ rệt. Các chủ thể quyền tác giả chủ động bảo vệ quyền lợi của mình cùng với sự hình thành và hoạt động bước đầu có hiệu quả của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả. Hệ thống các cơ quan thực thi quyền tác giả được thành lập từ trung ương đến địa phương và đã phát huy tốt vai trò quản lý nhà nước về thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả. Tuy nhiên, trong thực tế, thực trạng vi phạm quyền tác giả vẫn diễn ra phổ biến với nhiều hình thức và mức độ nghiêm trọng khác nhau trong hầu hết các lĩnh vực từ sao chép băng đĩa lậu, sách báo, phim ảnh, sử dụng chương trình máy tính không có bản quyền... gây thiệt hại đáng kể cho các chủ thể quyền, ảnh hưởng tiêu cực đến chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Vì vậy rất cần thiết phải có những giải pháp đề xuất để giải quyết triệt để cho vấn đề này mà trước hết là giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

NHẪM TĂNG CƯỜNG THỰC THI PHÁP LUẬT

VỀ QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM

1. Những hạn chế trong quản lý nhà nước về quyền tác giả và nguyên nhân

1.1. Hạn chế từ phía các chủ thể liên quan đến thiết lập, sử dụng và bảo vệ quyền tác giả

Việt Nam hiện đã có hệ thống pháp luật đồng bộ, điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội đối với hoạt động sáng tạo và bảo hộ các tài sản trí tuệ do công dân sáng tạo ra, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay, có thể thấy, các tác giả, các chủ thể quyền chưa thực sự quan tâm đến việc bảo vệ quyền của mình. Các thiết chế hỗ trợ thực thi quyền tác giả chưa thật sự vào cuộc. Nhiều tổ chức hiệp hội chưa nhận thức được sự cần thiết phải đứng ra bảo vệ quyền lợi của các thành viên, ý thức chấp hành pháp luật của phần lớn nhân dân trong xã hội chưa cao. Các cơ quan nhà nước

có thẩm quyền chưa quan tâm đúng mức đến việc bảo hộ quyền tác giả. Việc xử lý các hành vi vi phạm của các cơ quan, tổ chức chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đồng bộ, thiếu kinh nghiệm và chưa đủ mạnh về chuyên môn cũng như các phương tiện cần thiết để có khả năng xử lý các vi phạm một cách hữu hiệu. Vai trò của các cơ quan thực thi pháp luật chưa được phát huy một cách có hiệu quả. Những tồn tại trên có nguyên nhân chính là do: cơ chế bảo đảm thực thi chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế; phương thức tổ chức các hoạt động và sự phối hợp của các thiết chế trong hệ thống bảo đảm thực thi chưa thực sự hiệu quả; sự hiểu biết và ý thức pháp luật của cộng đồng xã hội đối với vấn đề bảo hộ quyền tác giả còn nhiều hạn chế; bản thân các chủ thể hưởng quyền tác giả chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

1.2. Một số quy định pháp luật về quyền tác giả chưa được cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật

Hầu hết các quan hệ xã hội về quyền tác giả đã được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật, cơ bản phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, tạo tiền đề cho hoạt động hội nhập. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục trong hoạt động lập pháp. Thực tiễn mở cửa và hội nhập quốc tế cho

thấy, bên cạnh những thành công thì chúng ta cũng gặp không ít những khó khăn, vướng mắc do hệ thống pháp luật chưa đầy đủ như: thiếu quy định về sản xuất và nhập khẩu đĩa quang, chưa quy định về quyền bán lại bản gốc tác phẩm mỹ thuật, bản thảo viết tay. Ngoài ra, các quy định hiện hành trong Luật Sở hữu trí tuệ về tổ chức quản lý tập thể mới chỉ mang tính nguyên tắc, chưa đủ khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức quản lý tập thể hoạt động. Bên cạnh đó, giới hạn quyền tác giả cũng là một vấn đề cần phải xem xét để đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các chủ thể quyền, người khai thác sử dụng và công chúng hưởng thụ. Nếu không quy định rõ phạm vi của việc “sử dụng” thì sẽ dẫn đến mâu thuẫn với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Giới hạn quyền tác giả trong hoạt động thư viện, cơ quan lưu trữ, trong các trường học, viện nghiên cứu là những quy định còn mang tính nguyên tắc, chưa quy định cụ thể, dẫn đến khó khăn trong thực hiện pháp luật. Phụ lục Công ước Berne có các quy định về hạn chế quyền dịch và quyền sao chép dành cho các nước đang phát triển, tuy nhiên pháp luật Việt Nam cũng chưa có những quy định cụ thể về vấn đề này.

1.3. Hạn chế từ phía các cơ quan quản lý nhà nước

Hiện nay nước ta vẫn chưa xây dựng được chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển lĩnh vực quyền tác giả.

Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển lĩnh vực quyền tác giả có ý nghĩa quan trọng mang tính quyết định đối với sự thành công của việc thực hiện nhiều hoạt động khác. Tuy nhiên, cho đến nay, các cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả ở Việt Nam vẫn chưa thực hiện được việc này. Tình trạng đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động bảo hộ quyền tác giả của nước ta, được thể hiện rõ qua các bất cập đã được nêu về hệ thống văn bản pháp luật về quyền tác giả hiện hành; năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quyền tác giả; thi hành pháp luật về quyền tác giả; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền tác giả; hoạt động hỗ trợ nhằm huy động sự tham gia của toàn xã hội vào hoạt động bảo hộ quyền tác giả.

2. Một số đề xuất nhằm tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền tác giả

2.1. Cần tiếp tục ban hành và hoàn thiện các văn bản dưới luật

- Ban hành Nghị định về quản lý đĩa quang, nhằm lập lại trật tự, kỷ cương ở lĩnh vực này.

- Ban hành Nghị định về quản lý tập thể quyền sở hữu trí tuệ.

- Ban hành Thông tư quy định khung nhuận bút, thù lao khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố để phát sóng hoặc kinh doanh thương mại.

- Hoàn thiện hơn nữa hệ thống thông tin, dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan phục vụ có hiệu quả việc tra cứu, khai thác các quyền tài sản trí tuệ, xử lý tranh chấp.

2.2. Sửa đổi một số quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, phần về quyền tác giả

- Đối tượng bảo hộ của quyền tác giả: Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành quy định tại khoản 1 Điều 3 đối tượng của quyền tác giả là các tác phẩm. Tuy nhiên, theo tinh thần của Công ước Berne, đối tượng bảo hộ của quyền tác giả chính là các quyền của tác giả đối với tác phẩm, tác phẩm được bảo hộ chỉ là khách thể quyền tác giả.

- Cần sửa đổi khái niệm bản sao tác phẩm. Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2011/NĐ-CP) quy định: “*Bản sao tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Bản sao chụp tác phẩm cũng là bản sao tác phẩm*”. Như vậy, có thể hiểu rằng bản sao một phần tác phẩm cũng được coi là bản sao tác phẩm, một câu hỏi được đặt ra, tại sao bản sao một phần tác phẩm mà lại được coi là bản sao tác phẩm? Khoản 7 Điều 4 Nghị định số

100/2006/NĐ-CP cũng quy định: “*Bản sao bản ghi âm, ghi hình là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ bản ghi âm, ghi hình*”. Quy định như trên dẫn đến sự hiểu lầm và làm cho việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ trở nên khó khăn, vì cơ quan thực thi khó có thể ra một phán quyết đối với trường hợp sao chép một phần tác phẩm bị xử lý như trường hợp sao chép toàn bộ tác phẩm. Mặc nhiên quy định này bị vô hiệu trong thực tế. Do vậy, không thể coi bản sao một phần tác phẩm là bản sao tác phẩm được, bởi lẽ, nếu quan niệm như vậy thì phần trích dẫn tác phẩm cũng bị coi là bản sao tác phẩm. Cho nên, chỉ có bản sao toàn bộ tác phẩm mới là bản sao tác phẩm.

- Sửa đổi quy định về trích dẫn tác phẩm: Xuất phát từ thực tế có sự khác biệt giữa trích dẫn và sao chép tác phẩm, có thể coi sử dụng tác phẩm bao gồm 2 hành vi: trích dẫn và sao chép. Do đó nên sửa Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng sử dụng hợp lý hơn các thuật ngữ nêu trên.

- Kiến nghị sửa đổi thuật ngữ “tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả” thành “tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả” tại Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ. Đại diện tập thể quyền tác giả chỉ là một hình thức đơn giản của quản lý tập thể quyền tác giả. Ngoài ra, cần xây dựng một cơ chế giám sát của Nhà nước đối với quy định về biểu giá, phương

thức phân phối tiền nhuận bút, thù lao của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả. Các quy định về quản lý, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các thành viên tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả cần tăng cường theo hướng phát huy tính tập thể, nhất là đối với các quyền lợi về kinh tế của các thành viên.

- Các quy định về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian mới chỉ dừng lại ở phạm vi bảo hộ các đối tượng liên quan đến văn hóa, nghệ thuật truyền thống. Trong khi đó, các tri thức truyền thống khác như kiến thức y học cổ truyền, bí quyết chế biến thực phẩm... rất cần được bảo hộ bởi pháp luật về quyền tác giả.

2.3. Khắc phục những bất cập khác của pháp luật hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan

- Về thuật ngữ “tác giả” và “đồng tác giả”: Cần quy định rõ thêm khái niệm đồng tác giả theo hướng đồng tác giả là hai cá nhân cùng thỏa thuận, hợp tác trực tiếp sáng tạo nên tác phẩm mà sự đóng góp của họ được kết hợp thành các phần không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau trong một tổng thể hoàn chỉnh.

Tham khảo quy định về tác phẩm đồng tác giả trong Luật Quyền tác giả của Hoa Kỳ: “Tác phẩm đồng tác giả là tác phẩm được sáng tạo bởi hai hoặc nhiều tác giả với chủ ý là sự

đóng góp của họ được kết hợp thành các phần không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau trong một tổng thể hoàn chỉnh”, trong đó nhất thiết các đồng tác giả phải chú ý cùng sáng tạo nên một tác phẩm chung.

- Quyền nhân thân: nên sửa đổi quyền nhân thân không thể chuyển giao tại khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng như điểm d khoản 1 Điều 738 Bộ Luật Dân sự năm 2005 đã quy định.

- Quyền công bố tác phẩm nên được chuyển sang nhóm quyền tài sản. Để phù hợp với quy định của Công ước Berne, không nên quy định tách quyền công bố tác phẩm là quyền nhân thân, mà nên quy định nó thuộc nhóm quyền tài sản.

- Bổ sung thêm - “Droit de suite” được hiểu là quyền được hưởng lợi ích vật chất trong các lần chuyển nhượng tiếp theo (không được thực hiện bởi tác giả). Đây là một điểm rất tiên bộ của Công ước Berne, tuy nhiên, pháp luật Việt Nam về quyền tác giả, quyền liên quan chưa quy định vấn đề này. Do đó, để phù hợp với Công ước Berne, rất nên đưa quy định này vào pháp luật Việt Nam về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Quyền tác giả đối với chương trình máy tính: Nên tách chương trình máy tính thành đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ.

Đây là vấn đề phức tạp, ngay cả các văn bản quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ cũng quy định chương trình máy tính được bảo hộ như một tác phẩm văn học, nhưng xét thấy có nhiều xung đột, có những xung đột vi phạm nguyên tắc tối thiểu trong việc bảo hộ quyền tác giả, có thể dẫn đến kìm hãm sự phát triển của khoa học và công nghệ, vô hiệu hóa lĩnh vực thực thi quyền sở hữu trí tuệ (trong đó có thực thi quyền tác giả). Nên coi chương trình máy tính là đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ, bởi vì bảo hộ quyền tác giả cho chương trình máy tính hay cấp bằng sáng chế (patent) cho nó đều bộc lộ những bất cập. Khi coi chương trình máy tính là đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ thì phải có quy định riêng để bảo hộ nó, quy định này không phải là bản sao các quy định của pháp luật về quyền tác giả và pháp luật về sáng chế, nhưng nó phải loại bỏ được những bất hợp lý như đã phân tích trong cuốn sách, trong đó nên có những quy định đáp ứng các điểm sau:

+ Chương trình máy tính có thể được xem như một đối tượng độc lập được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Thực tế cho thấy, do sự phát triển của khoa học và công nghệ, nên những năm gần đây mới xuất hiện thêm các đối tượng mới của quyền sở hữu trí tuệ như chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn... Bởi vậy, chương trình máy tính được xuất hiện như một đối tượng mới của quyền sở hữu trí tuệ cũng là điều bình thường.

+ Không kéo dài thời hạn bảo hộ quyền tài sản đối với chương trình máy tính là suốt cuộc đời tác giả và được chấm dứt vào năm thứ 50 khi tác giả (hoặc đồng tác giả cuối cùng qua đời) như quy định hiện hành. Quy định này có thể kéo lùi sự phát triển của công nghiệp phần mềm. Bởi vậy rất cần sự phân loại chương trình máy tính để quy định thời hạn bảo hộ quyền tài sản đối với mỗi loại chương trình máy tính cho thích hợp. Tác giả đề xuất, thời hạn bảo hộ đối với chương trình máy tính lớn, các hệ điều hành là 10 năm (có thể gia hạn bảo hộ 1 lần), thời hạn bảo hộ đối với các chương trình máy tính còn lại là 5 năm (có thể gia hạn bảo hộ 1 lần). Sau thời hạn trên, chương trình máy tính thuộc tài sản chung của nhân loại, mọi người có thể sử dụng và nâng cấp chương trình máy tính đó. Rất có thể “vòng đời” của một chương trình máy tính nào đó kết thúc sớm hơn thời hạn được bảo hộ, nhưng pháp luật cũng khó có thể điều chỉnh chi tiết đến từng đối tượng cụ thể được, cũng như thời hạn bảo hộ cho sáng chế là 20 năm, nhưng có nhiều công nghệ được bảo hộ là sáng chế đã bị “tiêu vong” sớm hơn 20 năm.

+ Sửa đổi khoản 10 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về sao chép, pháp luật nên cho phép người sử dụng chương trình máy tính được quyền lưu giữ bản sao chương trình máy tính để phòng sự cố kỹ thuật của máy tính. Đề xuất này nên

được coi là hiển nhiên, vì trên thế giới có nhiều nước đã ban hành quy định này. Ví dụ Điều 26g Luật Quyền tác giả của Thụy Điển quy định: “Bất kỳ người nào có quyền sử dụng chương trình máy tính thì được quyền làm bản sao dự phòng của chương trình đó, nếu điều này là cần thiết cho mục đích sử dụng chương trình”.

+ Cho phép chủ sở hữu hoặc người sử dụng chương trình máy tính được quyền cải tiến, nâng cấp chương trình máy tính (mà không bị coi là xâm phạm quyền nhân thân của những người lập trình trước) và được công nhận là chủ sở hữu của phần nâng cấp đó. Nếu trong trường hợp phần nâng cấp chỉ có thể hoạt động được khi phải sử dụng chương trình máy tính gốc thì cần quy định thêm chủ sở hữu chương trình máy tính gốc phải cho phép người nâng cấp sử dụng chương trình máy tính gốc (có thu phí).

- Định hướng hoàn thiện lâu dài: ban hành Luật Quyền tác giả.

Hiện tại, trên thế giới có hai xu hướng ban hành pháp luật về quyền tác giả: *một là*, đặt quyền tác giả trong Luật Sở hữu trí tuệ; *hai là* ban hành Luật quy định độc lập về quyền tác giả.

Việt Nam hiện đang theo xu hướng thứ nhất, các quy định về quyền tác giả được đặt trong quy định chung về sở hữu trí

tuệ. Cộng hòa Pháp cũng theo xu hướng này, nhưng không ban hành Luật Sở hữu trí tuệ mà ban hành ở quy mô lớn hơn (Bộ luật Sở hữu trí tuệ).

Theo xu hướng thứ hai, một số quốc gia ban hành đạo luật riêng về quyền tác giả, có thể kể đến như Hoa Kỳ ban hành Bộ luật số 17 về quyền tác giả (*Copyright Title 17 of the United States Code*); Trung Quốc ban hành Luật Bản quyền Trung Quốc (*Copyright Law of the People's Republic of China*)...

Việc cần thiết phải ban hành một đạo luật riêng về quyền tác giả xuất phát từ một số đặc điểm sau:

+ Mặc dù quyền tác giả thuộc nhóm quyền sở hữu trí tuệ, nhưng quyền tác giả có đặc điểm riêng nổi bật, đó là quyền nhân thân mà các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ không có (tác giả sáng chế cũng có quyền nhân thân, nhưng quyền nhân thân này không bao gồm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của sáng chế);

+ Quyền tác giả gắn với cá nhân con người cụ thể, mang đặc trưng riêng biệt của tác giả;

+ Các quyền liên quan chủ yếu phát sinh trên cơ sở quyền tác giả;

+ Việc quản lý quyền tác giả mang các đặc trưng khác biệt với việc quản lý các đối tượng còn lại của quyền sở hữu

trí tuệ, do đó phát sinh thuật ngữ “*Quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan*”.

+ Trong xu hướng phát triển chuyên sâu của từng lĩnh vực thuộc khoa học quản lý, việc tách biệt các đối tượng quản lý có những đặc điểm khác nhau là cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý.

Vì những lẽ trên đây, rất cần thiết phải ban hành Luật Quyền tác giả.

3. Tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta

Mục tiêu tổng quát của các giải pháp tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta là nhằm đảm bảo cho hệ thống cơ quan quản lý nhà nước và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan từ trung ương đến địa phương trở thành một hệ thống đồng bộ, hợp lý, chuyên nghiệp, đủ năng lực để đáp ứng với yêu cầu bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại quốc gia và hội nhập quốc tế, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và thực thi, đẩy lùi, tiến tới ngăn chặn được tệ nạn xâm hại quyền tác giả, quyền liên quan của các chủ thể quyền (các sản phẩm sao chép lậu, mạo danh, hoặc hàng hóa sao chép, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong các lĩnh

vực sản xuất, lưu hành, kinh doanh, xuất nhập khẩu các tài sản trí tuệ).

3.1. Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở địa phương

Công việc cụ thể cần làm là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hoặc hoàn thiện quy định riêng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công tác quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn quản lý.

3.2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cả bộ máy quản lý, thực thi, từ hệ thống quản lý hành chính, đến hệ thống tư pháp, hệ thống hỗ trợ thực thi thuộc các cấp, các ngành, thông qua việc tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và tri thức về quyền tác giả, quyền liên quan.

Xây dựng kế hoạch củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta từ trung ương đến địa phương. Sắp xếp, bố trí cán bộ

chuyên nghiệp về công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại các cơ quan quản lý, thực thi nhằm giải quyết căn bản tình trạng thiếu nhân lực ở lĩnh vực này, kể cả đối với các doanh nghiệp. Đảm bảo trong bộ máy quản lý, thực thi tại các địa phương phải có cán bộ chuyên trách, đủ năng lực để thực hiện được chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Công việc cụ thể:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã phải bố trí, phân công cán bộ chuyên trách công tác văn hóa, thông tin, trong đó có cán bộ chuyên trách về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo đúng tiêu chuẩn chức danh nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan bằng các hình thức: đào tạo lại, mở lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng quản lý và thực thi, đặc biệt là lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; công chức Văn hóa - Xã hội của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tăng cường cán bộ nghiệp vụ về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan cho các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức làm công tác Văn hóa - Xã hội của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đặc biệt chú trọng tăng cường số lượng cán bộ làm công tác thanh tra của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bởi vì qua khảo sát tại đa số các tỉnh, thành phố, lực lượng thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn quá mỏng (khoảng từ 5 đến 7 Thanh tra viên), không đủ sức thi hành công vụ trên địa bàn trải rộng.

- Triển khai thành lập “Trung tâm Giám định sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan” là đơn vị sự nghiệp có thu, phục vụ cho công tác thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

- Triển khai thành lập “Trung tâm Thông tin Quyền tác giả” của quốc gia theo quy định của Công ước Berne.

- Xây dựng các đơn vị (tổ, đội) chuyên trách về quyền tác giả, quyền liên quan ở các cơ quan thực thi hành chính cấp tỉnh.

3.3. Sắp xếp lại và tăng cường năng lực của các cơ quan bảo đảm thực thi

Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan bảo đảm thực thi phải rõ ràng, không chồng chéo. Các cơ quan bảo đảm

thực thi phải có đủ năng lực, tổ chức, cán bộ am hiểu chuyên môn, nắm vững các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, chủ động thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Công việc cụ thể:

- Phân công lại nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan thực thi theo hướng tập trung, giảm bớt đầu mối, thiết lập một cửa tiếp nhận yêu cầu áp dụng chế tài hành chính trong nội địa.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực thi:

+ Rà soát, lập danh sách cán bộ quản lý và thực thi thuộc tất cả các cơ quan quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

+ Tiếp tục mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn về quyền tác giả, quyền liên quan cho các cán bộ quản lý, thực thi của tất cả các cơ quan quản lý, thực thi ở các cấp với mục tiêu: tất cả các cán bộ quản lý và thực thi đều phải được bồi dưỡng qua lớp tập huấn này.

+ Từng bước tổ chức bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu về công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan cho các cán bộ quản lý và thực thi ở cơ quan trung ương, cơ quan cấp tỉnh và các cán bộ chuyên trách công tác này.

- Thiết lập hệ thống thông tin chuyên đề về hoạt động

quản lý nhà nước và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan với trách nhiệm: thường xuyên duy trì mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý và thực thi ở trung ương với nhau theo yêu cầu nội dung đã được ký kết giữa các Bộ, Ngành về Chương trình Hành động về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ⁷³. Cung cấp, trao đổi các thông tin về hoạt động quản lý, thực thi và kinh nghiệm trong việc áp dụng các biện pháp quản lý, thực thi, thực hiện các chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm. Theo dõi, thống kê, tổng hợp về tình hình bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên phạm vi cả nước.

4. Tăng cường hiệu quả việc giải quyết tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006 và đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và xâm phạm quyền tác giả vẫn có chiều hướng gia tăng, một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là pháp luật về sở hữu trí tuệ vẫn còn nhiều điểm bất cập⁷⁴.

⁷³ Chương trình Hành động số 168/CTHĐ/VHTT-KHCN-NN&PTNT-TC-TM-CA về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình Hành động số 2198/CTHĐ/BKHCN-BVHTTDL-BNNPTNT-BTC-BCA-BTTTT-TANDTC-VKSNDTC về phòng chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn II (2012 - 2015).

⁷⁴ Xem thêm: Tạp chí Luật học, số 7, 2010.

Theo số liệu của Tòa án nhân dân tối cao, kể từ khi Luật Sở hữu trí tuệ có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2006) thì tình hình giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án cũng không có sự tăng lên một cách đáng kể. Từ ngày 01/7/2006 cho đến ngày 22/6/2009, toàn Ngành Tòa án chỉ thụ lý được 108 vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (trong đó chiếm đa số là tranh chấp về quyền tác giả với 90 vụ; tranh chấp về hợp đồng sử dụng tác phẩm chiếm 5 vụ; còn lại là các vấn đề khác). Nếu chỉ tính riêng đối với Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội thì từ ngày 01/7/2006 đến năm 2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mới chỉ thụ lý giải quyết có 7 vụ án, nhưng thực chất chỉ là 5 vụ án, vì có 2 vụ án phải xử phúc thẩm lần thứ hai.

Có thể nhận thấy một số nguyên nhân chủ yếu dẫn tới số lượng vụ việc được xét xử còn hạn chế, đó là:

- Bản thân hệ thống Tòa án với năng lực xét xử và thực thi về quyền tác giả còn ở mức độ. Kinh nghiệm xét xử và kiến thức chuyên môn về quyền tác giả của các Thẩm phán còn chưa đáp ứng được yêu cầu, khiến cho một số bản án của Tòa án chưa đảm bảo chất lượng như kỳ vọng. Có nhiều trường hợp Tòa án phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do cần chờ kết quả trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và các cơ quan chuyên môn.

- Thủ tục xét xử tại Tòa án còn rườm rà và kéo dài, gây tốn kém về thời gian, tiền bạc và công sức của người theo đuổi vụ kiện. Điều này cũng gây ra tâm lý của người dân e ngại không muốn khởi kiện các vụ tranh chấp, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án.

- Một số quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ chưa cụ thể, rõ ràng, khiến cho các Thẩm phán gặp khó khăn, lúng túng khi xét xử, chẳng hạn như chưa có quy định cụ thể hướng dẫn về cách tính mức bồi thường thiệt hại trong các vụ xâm phạm, tranh chấp về sở hữu trí tuệ...

Để hướng tới việc Tòa án thực sự trở thành kênh giải quyết “thuyết phục”, “ưa chuộng” đối với các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan, một số đề xuất bước đầu cần được các cấp có thẩm quyền lưu ý như sau:

- Sớm thiết lập cơ quan đầu mối phối hợp trong phòng chống, xử lý có hiệu quả các hành vi xâm phạm tác quyền, trong đó Cục Bản quyền tác giả và Ngành Tòa án giữ vai trò phối hợp quan trọng. Tăng cường quyền hạn của cơ quan thanh tra chuyên ngành trong xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả.

- Lập kế hoạch rà soát và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán theo hướng chuyên sâu về sở hữu trí tuệ. Hiện nay, đa số cán bộ, Thẩm phán

của các Tòa án còn thiếu kiến thức có hệ thống về sở hữu trí tuệ, số cán bộ, Thẩm phán được đào tạo về sở hữu trí tuệ còn hạn chế. Do vậy, cần chú trọng xây dựng các mục tiêu và chương trình đào tạo có hệ thống để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán ở các Tòa án hiện nay.

- Xác định tài sản quyền tác giả và quyền liên quan là loại tài sản đặc thù, khác biệt với các tài sản sở hữu công nghiệp của sở hữu trí tuệ, trong đó đặc biệt khác về cơ chế xác lập, thực thi bảo hộ....

5. Nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về quyền tác giả

Năng lực của cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả. Vì vậy, để hoạt động quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả đạt hiệu quả cao, cần phải nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả. Phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật nói chung và pháp luật về quyền tác giả nói riêng, kiến thức chung về các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học cho

các cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả.

Để làm được điều này, cần phải thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng giai đoạn về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả trong các cơ quan, tổ chức; đầu tư thích đáng nguồn ngân sách của Nhà nước cho công tác đào tạo đội ngũ công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả.

- Các cơ quan, tổ chức tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần để các cán bộ của mình tự rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ trong hoạt động của mình.

- Từng bước tiêu chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả. Trong đó mạnh dạn sử dụng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, được đào tạo chính quy, từng bước đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá năng lực của cán bộ, công chức để có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và nâng cao trình độ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả dưới nhiều hình thức khác nhau như phối hợp đào tạo, cử cán bộ, sinh viên nghiên cứu, học tập tại các nước có hệ thống đào tạo pháp luật ở trình độ cao. Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia các khoá tập huấn, khảo sát tại các quốc gia có nền công nghiệp bản quyền phát triển. Đồng thời lựa chọn những cán bộ có khả năng phát triển để đào tạo, nâng cao trình độ trong dài hạn.

6. Nâng cao hiểu biết của xã hội đối với lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan

Nâng cao hiểu biết của xã hội đối với lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan với mục đích làm cho toàn xã hội nhận thức được ý nghĩa và vai trò của hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và từng bước xây dựng văn hóa tôn trọng quyền tác giả, lên án các hành vi xâm hại quyền tác giả, quyền liên quan. Đưa các hoạt động quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trở thành mối quan tâm thường xuyên của mỗi cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cơ quan quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan các cấp; các nhà khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phải tôn trọng quyền của

các chủ thể quyền, nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ pháp lý đối với các chủ thể quyền khi khai thác lợi ích tài sản trí tuệ của người khác.

Công việc cụ thể:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến các thông tin và tri thức về sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng, chú trọng việc tuyên truyền trên báo chí, phát thanh, truyền hình làm cho việc thực thi pháp luật quyền tác giả trở thành quen thuộc đối với mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội. Việc nâng cao nhận thức của xã hội về lĩnh vực này phải được coi là một giải pháp quan trọng và cấp bách hiện nay. Tuy nhiên, đây là việc lâu dài và phải tiến hành thường xuyên, liên tục với một số nhiệm vụ:

+ Xây dựng mối quan hệ công tác thường xuyên giữa các cơ quan quản lý và thực thi với các cơ quan thông tin, báo chí; tổ chức xây dựng chương trình dài hạn tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan cho các đối tượng liên quan.

+ Tổ chức mở lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cơ bản về quyền tác giả, quyền liên quan cho các Biên tập viên, phóng viên của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình.

+ Tiến hành thường xuyên các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến chương trình đã được tập huấn.

- Tổ chức việc đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho hoạt động nghiệp vụ về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan:

+ Xây dựng một số chương trình chuẩn để đào tạo các đối tượng khác nhau (các cán bộ, chuyên viên chuyên trách quản lý về quyền tác giả, quyền liên quan của các cơ quan quản lý, các cán bộ thực thi, người quản lý doanh nghiệp).

+ Đưa Luật Sở hữu trí tuệ trở thành môn học trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, thành lập chuyên khoa về sở hữu trí tuệ tại các trường đại học, cao đẳng. Đặc biệt là các trường đại học luật, kinh tế, thương mại, ngoại thương, ngoại giao, khoa học xã hội và nhân văn, và các trường đại học, cao đẳng văn hóa, nghệ thuật ở trung ương và địa phương.

+ Mở các khóa bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ ở các địa phương, các doanh nghiệp theo chương trình kế hoạch hàng năm.

+ Tổ chức tuyển chọn, cử người đi học ở nước ngoài, đào tạo chuyên gia về sở hữu trí tuệ, phục vụ sự nghiệp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng ở Việt Nam.

+ Tổ chức công tác nghiên cứu, lý luận khoa học về sở hữu trí tuệ cho tất cả các trung tâm nghiên cứu.

- Tăng cường cơ chế hoạt động giao việc nghiên cứu theo chuyên đề phục vụ cho các mặt hoạt động quản lý nhà nước và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trở thành thói quen thường trực của mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia quan hệ pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Thực hiện phản biện xã hội đối với các hoạt động quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học.

LỜI KẾT

Mục tiêu của hoạt động quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả là thiết lập một hệ thống cơ quan quản lý, thực thi đủ năng lực để làm tốt công tác bảo vệ quyền tác giả, đáp ứng yêu cầu bảo hộ tại quốc gia và hội nhập quốc tế. Vì vậy, cách làm phù hợp nhất hiện nay là tăng cường vai trò, vị trí của hệ thống quản lý nhà nước, thực thi từ trung ương đến địa phương, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của giới sáng tạo văn học, nghệ thuật và khoa học, và vì lợi ích của toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, là cơ sở để nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước, đồng thời thể hiện uy tín của quốc gia trên trường quốc tế.

Hiệu quả thực thi quyền tác giả, quyền liên quan được quy định bởi chất lượng của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan biểu hiện qua hành vi thường xuyên của nhiều chủ thể, đặc biệt là hành vi tuân thủ pháp luật của mọi cá nhân, tổ chức

khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm. Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan cũng được thể hiện thông qua hoạt động quản lý nhà nước và cơ chế xử lý vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ. Vai trò quan trọng của việc phát triển hoạt động thực thi quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng và phát triển kinh tế tri thức nói chung thể hiện trên các mặt sau đây:

- *Thứ nhất:* Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan là phương pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;

- *Thứ hai:* Thực thi quyền tác giả, quyền liên quan sẽ góp phần nâng cao trình độ dân trí và văn minh xã hội;

- *Thứ ba:* Nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả, quyền liên quan là nhân tố xuyên suốt, quyết định việc đảm bảo trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của nước ta hiện nay và trong thời đại kinh tế tri thức nói chung.

Nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện nay nằm trong quá trình hội nhập quốc tế. Để làm được điều này, chúng ta phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp trong đó cần chú trọng những phương hướng và giải pháp cơ bản nêu trên. Cụ thể, cần tổ chức triển khai thực

hiện các giải pháp như: bố trí cán bộ chuyên nghiệp, chuyên trách, đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; tăng cường tổ chức bộ máy quản lý, thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; xử lý triệt để, nghiêm minh, kịp thời các vi phạm pháp luật.

Khi đề xuất các giải pháp tăng cường và hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, thực thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trong giai đoạn hiện nay, cần phải làm chuyển biến nhận thức của cán bộ, công chức từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là đối với hệ thống quản lý, thực thi nêu trên, và ngay trong chính bản thân của giới hoạt động sáng tạo, các nhà khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ và của công chúng. Cần có trang thiết bị đủ điều kiện cho hệ thống quản lý, thực thi làm tròn được nhiệm vụ của mình, bởi lẽ có tăng cường và hoàn thiện được tổ chức bộ máy, cán bộ chuyên trách về bảo hộ quyền tác giả thì mới tổ chức triển khai được các hoạt động quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trên phạm vi cả nước, khi có một hệ thống đồng bộ các giải pháp, biện pháp và phải tiến hành một cách thường xuyên liên tục và triệt để.

Để nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan theo phương hướng mục tiêu nêu trên, ngoài việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nói trên nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhiệm vụ chiến lược đến năm 2020, các nội dung sau cần được quan tâm:

1. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, Ngành phối hợp xây dựng chiến lược về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển tại quốc gia và hội nhập.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời đúng pháp luật các đơn vị có hành vi vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Cần sớm thành lập Tòa án chuyên trách xét xử các vụ án liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức và cá nhân có quyền theo quy định của pháp luật có thể nộp đơn tại Tòa án để yêu cầu giải quyết.

4. Cần sớm thành lập Trung tâm giám định sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Nghiên cứu thành lập cơ quan quản lý thị trường văn hóa như một số nước đã triển khai có hiệu quả.

6. Cần mạnh dạn áp dụng biện pháp xử lý hình sự đối với các vụ việc khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm xâm phạm về quyền tác giả, quyền liên quan để khởi tố, truy tố và xét xử nhằm giáo dục và răn đe các hành vi xâm phạm quyền tác giả.

PHỤ LỤC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2008/CT-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan

Trong những năm qua, hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hoạt động nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật có những tiến bộ quan trọng. Quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể từng bước được bảo hộ. Một số bộ, ngành, địa phương đã có chương trình triển khai thi hành cụ thể, có hiệu quả. Nhiều cá nhân và tổ chức có quyền đã áp dụng các biện pháp để tự bảo vệ quyền của mình. Các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đã được hình thành, bước đầu có các hoạt động tích cực, đáng khích lệ.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm bản quyền diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực với các hình thức và mức độ khác nhau, nhất là trong lĩnh vực âm nhạc, văn học, chương trình máy tính, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, kỹ thuật số... Tình trạng này gây thiệt hại và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động

sáng tạo, môi trường đầu tư, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nguyên nhân của tình trạng nói trên chủ yếu là do nhận thức, hiểu biết, đặc biệt là ý thức chấp hành pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan của nhiều tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng còn nhiều hạn chế và chưa nghiêm túc; hệ thống thực thi quyền tác giả, quyền liên quan của các cấp chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu bảo hộ theo quy định pháp luật.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả các quy định pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt và áp dụng các biện pháp cụ thể để bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của các chủ thể quyền thuộc thẩm quyền quản lý.

Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong bộ, ngành, địa phương. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên, đột xuất các đơn vị

trực thuộc trong việc thực thi pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật;

b) Giao nhiệm vụ cho một đơn vị phù hợp thực hiện nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị thuộc quyền quản lý thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo thẩm quyền;

c) Tạo điều kiện, hỗ trợ các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện quyền do pháp luật quy định, đặc biệt là hoạt động cấp phép, thu và phân phối tiền sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; giám sát hoạt động của các tổ chức này theo thẩm quyền;

d) Khẩn trương ban hành văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Theo thẩm quyền, chủ động và tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại bộ, ngành, địa

phương mình, đặc biệt là hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức thực thi, kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Tổ chức tổng kiểm tra việc thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên quan trên phạm vi cả nước trong quý I năm 2009, đề xuất các biện pháp cần thiết để thực thi pháp luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2009. Tập trung vào các lĩnh vực có nhiều vi phạm, gây thiệt hại nghiêm trọng cho các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư có liên quan. Phối hợp với ngành tòa án, kiểm sát và các cơ quan tố tụng khác trong hoạt động điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Tăng cường nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện và các điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan thuộc Bộ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt làm công tác quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trên phạm vi cả nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; xuất bản sách, tạp chí chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan;

e) Chỉ đạo hệ thống khách sạn, các khu vui chơi giải trí nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng;

g) Chỉ đạo Hội Nhạc sỹ Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam xây dựng Đề án “Tăng cường năng lực quản lý, thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan” theo từng lĩnh vực chuyên ngành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời và hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể khác.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan bố trí ngân sách nhà nước, hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách thực hiện việc mua bản quyền trong các cơ quan, đơn vị hưởng ngân sách;

b) Chỉ đạo lực lượng hải quan áp dụng các biện pháp

ngăn chặn hàng hóa xuất, nhập khẩu vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; tập trung kiểm tra xử lý các chương trình máy tính, chương trình ghi âm, ghi hình xuất, nhập khẩu bất hợp pháp.

4. Bộ Công Thương chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân lưu thông hàng hóa trên thị trường nội địa vi phạm quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Hướng dẫn và kiểm tra các cơ sở hoạt động kinh doanh thương mại, nhà hàng, siêu thị, cửa hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền theo thỏa thuận khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng văn bản quy định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông và các dịch vụ trung gian khác liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin tuân thủ các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Chỉ đạo, hướng dẫn và

kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện nghĩa vụ xin phép, trả tiền sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và các nghĩa vụ pháp lý liên quan khác;

c) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền pháp luật và hoạt động thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Bộ Công an chỉ đạo áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi xâm phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất, nhập khẩu, tàng trữ, lưu thông hàng hóa và dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan.

7. Bộ Quốc phòng chỉ đạo lực lượng Bộ đội biên phòng thường xuyên tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng hóa vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan qua biên giới.

Lực lượng Bộ đội biên phòng phối hợp với hải quan cửa khẩu ngăn chặn có hiệu quả hàng hóa xuất, nhập khẩu vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

8. Bộ Ngoại giao chỉ đạo và hướng dẫn các Cơ quan đại

diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài thu thập thông tin về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, đề hỗ trợ và tư vấn cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân Việt Nam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về quyền tác giả, quyền liên quan được khai thác sử dụng ở nước ngoài; làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Việt Nam.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh việc giảng dạy về quyền tác giả, quyền liên quan trong chương trình giáo dục đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

10. Các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ pháp lý đối với tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng khi khai thác các quyền của họ;

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; mở chuyên mục giới thiệu pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về quyền tác giả, quyền liên quan.

11. Các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước phải gương mẫu thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

12. Các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải phân đầu để hoạt động chuyên nghiệp, có đủ cán bộ chuyên trách hiểu biết pháp luật, đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; thực hiện việc thu và phân phối tiền bản quyền công khai, minh bạch.

13. Theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

14. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả và những vướng mắc trong quá trình thực hiện, kiến nghị biện pháp xử lý. Quý I năm 2010 tổng kết một năm thực hiện Chỉ thị này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

15. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**
(Đã ký)

Nguyễn Thiện Nhân

BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 158/BC-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2014

BÁO CÁO

Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan¹

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Trong những năm qua, hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hoạt động nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật có những tiến bộ quan trọng. Quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể từng bước được bảo hộ. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan vẫn còn diễn ra ở nhiều lĩnh vực với các hình thức và mức độ khác nhau, làm ảnh hưởng đến hoạt động sáng tạo, môi trường đầu tư, phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội và tiến trình hội nhập của đất nước.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế

¹ Nguồn: www.thuvienphapluat.vn

về quyền tác giả, quyền liên quan, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg ngày 31/12/2008 về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

Báo cáo này trình bày khái quát về tình hình thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, việc thi hành Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ và các cam kết quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan, trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các Bộ, ngành, địa phương; đề xuất các nhiệm vụ và các kiến nghị để triển khai Chỉ thị trong thời gian tới.

Phần I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH CHỈ THỊ VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

I. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THI HÀNH CHỈ THỊ:

- Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tiến hành triển khai và ban hành văn bản theo thẩm quyền để chỉ đạo việc thực hiện trong Bộ, ngành và địa phương mình.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan của Chính phủ thực hiện thẩm quyền quản lý nhà nước về quyền tác giả,

quyền liên quan, đã ban hành Kế hoạch số 1896/BVHTTDL-BQTG ngày 17/6/2009 triển khai thực hiện Chỉ thị và Kế hoạch số 352/KH-BVHTTDL ngày 18/02/2009 tổ chức tổng thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên quan trên phạm vi cả nước.

Bộ Ngoại giao đã giao Cục Lãnh sự gửi công điện chuyển toàn văn Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nhanh chóng triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ giao, quán triệt nội dung Chỉ thị cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác ngoại giao văn hóa và cán bộ lãnh sự; tìm hiểu và báo cáo về nước hệ thống các quy định pháp luật và hệ thống cơ quan bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của nước ngoài; trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền và các công ty luật, luật sư của nước sở tại về vấn đề quyền tác giả, đề nghị phối hợp bảo hộ quyền tác giả của các tổ chức, cá nhân Việt Nam. Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã bước đầu đề cập vấn đề quyền tác giả với Bộ Ngoại giao và cơ quan phụ trách văn hóa của các nước sở tại, đặc biệt trong các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa song phương.

Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo và giao Cục

Tuyên huấn soạn thảo văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong toàn quân triển khai thực hiện Chỉ thị, coi đây là nhiệm vụ chính trị của các đơn vị, nhất là các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ. Việc quán triệt nội dung Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg được đưa vào hội nghị công tác tuyên huấn toàn quân, hội nghị báo cáo viên toàn quân 6 tháng, 1 năm, tại hội nghị giao ban báo chí hàng tháng, hàng quý, tại các chương trình tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Một số Bộ, ngành khác như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của mình khi tham gia ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, các hoạt động báo chí, xuất bản và thực hiện các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu phải tuân thủ các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Tại các địa phương, như Bình Thuận, Hưng Yên, Phú Yên, Chủ tịch tỉnh đã ký ban hành văn bản giao trách nhiệm cho các sở, ban, ngành triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Hà Nam,

Hung Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Phú Yên, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Trà Vinh, Lạng Sơn, An Giang, Cao Bằng, Bắc Ninh, Ninh Bình, Tiền Giang, Quảng Ninh v.v... đã ban hành kế hoạch triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai thi hành Chỉ thị đối với lãnh đạo các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại 3 khu vực (khu vực phía Bắc tổ chức tại Hà Nội, khu vực phía Nam tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, khu vực miền Trung tổ chức tại tỉnh Thừa Thiên - Huế). Sau hội nghị do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, các địa phương đã tổ chức hội nghị để quán triệt và truyền đạt nội dung Chỉ thị, giới thiệu các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan cho các đối tượng quản lý, thực thi và các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. Nhiều Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản chỉ đạo và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh tài sản trí tuệ như các nhà hàng karaoke, website hoặc sử dụng tài sản trí tuệ trong hoạt động thương mại như nhà hàng, khách sạn, vũ trường, quán bar, khu du lịch, siêu thị v.v... thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi khai thác, sử dụng tác phẩm âm nhạc.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Cục Bản quyền tác giả tổ chức tập huấn trong thời gian 4 ngày về các quy định pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế song phương, đa phương về quyền tác giả, quyền liên quan cho các đối tượng là lãnh đạo các sở, phòng, ban của các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các nhà hát, các đoàn nghệ thuật, cơ quan tòa án và các hội văn học nghệ thuật. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng giao Trường Cán bộ quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào chương trình các lớp bồi dưỡng cán bộ văn hóa nội dung pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Có nhiều hoạt động thúc đẩy công tác bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính. Cục Bản quyền tác giả đã phối hợp với Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh Phần mềm doanh nghiệp (BSA) và Hiệp hội Phần mềm Việt Nam ký kết bản ghi nhớ hợp tác thực thi bảo hộ chương trình máy tính. Các chương trình tuyên truyền, tư vấn tại các doanh nghiệp, giới thiệu Luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ chương trình máy tính cho các trường đại học tại khu vực phía Nam và miền Trung; Hội thảo về quản trị doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, kiểm kê tài sản chương trình máy tính tại các doanh nghiệp. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức tự bảo vệ quyền và thực hiện nghĩa vụ khi khai thác và sử dụng chương trình máy tính.

Cục Bản quyền tác giả và Hiệp hội Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI) đã phối hợp tổ chức buổi tiếp xúc giữa một số công ty sản xuất âm nhạc lớn trên thế giới là thành viên của IFPI (Sony Music Hong Kong, Universal Music Thailand, Warner Music Thailand) và các đối tác Việt Nam, tìm hiểu thông tin và trao đổi về việc sử dụng sản phẩm nước ngoài tại Việt Nam.

Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng phối hợp với Hiệp hội Điện ảnh Hoa Kỳ, Hiệp hội Công nghiệp ghi âm quốc tế, Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam tổ chức các khóa đào tạo cán bộ thực thi xác minh, thu thập chứng cứ, xác định hành vi xâm phạm quyền đối với tác phẩm điện ảnh trên Internet. Thanh tra Bộ phối hợp với các chủ sở hữu gửi hàng nghìn khuyến cáo tới các doanh nghiệp sử dụng máy tính, các đơn vị tổ chức sự kiện, các Đoàn nghệ thuật và các Đài Phát thanh và Truyền hình chấp hành các quy định pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ dân sự cho các chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam là tổ chức quản lý tập thể đã chủ động và tích cực phối hợp với Cục Bản quyền tác giả, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, Bình Thuận, Cà Mau, Hưng Yên, Long An, Thái Nguyên,

Thừa Thiên - Huế, Nghệ An, Hải Phòng, Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hòa Bình, Quảng Bình, Hà Nam, Đồng Nai, Khánh Hòa v.v... để triển khai việc thực hiện quyền tác giả trong lĩnh vực âm nhạc.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật được tăng cường nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của các đối tượng có quyền và nghĩa vụ liên quan nói riêng và công chúng nói chung. Các cơ quan báo chí đã đóng vai trò quan trọng trong việc thông tin các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức và chủ thể quyền, phát hiện và đưa thông tin về các vụ vi phạm pháp luật, các tranh chấp quyền và hoạt động xử lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đấu tranh với các biểu hiện sai trái, đặc biệt là các hành vi xâm hại quyền của các chủ thể. Một số cơ quan báo chí đã mở các chuyên mục giải đáp pháp luật sở hữu trí tuệ.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền pháp luật và hoạt động thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Thông tấn xã Việt Nam đã chỉ đạo các đơn vị thông tin trong ngành tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, với nội dung phong phú, đa dạng, đề cập đến nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp độ; cập

nhật kịp thời những vấn đề dư luận quan tâm, đảm bảo tính chính xác và định hướng.

Đài Truyền hình Việt Nam đã có nhiều chương trình, trong đó có diễn đàn Văn học nghệ thuật tuyên truyền về việc xây dựng chính sách, pháp luật và công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và thực hiện đề án triển khai thi hành Luật Sở hữu trí tuệ với tổng chi ngân sách được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt là 2,5 tỷ đồng. Cần Thơ cũng đã lập đề án về triển khai thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

Thành phố Hà Nội thường xuyên tổ chức nhiều đợt tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan; yêu cầu các đơn vị, tổ chức, cá nhân khi xin phép tổ chức hoạt động biểu diễn phải cam kết thực hiện nghĩa vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

Các Nhà xuất bản Giáo dục, Thế giới, Văn hóa - Thông tin và Cục Bản quyền tác giả đã tổ chức xuất bản một số sách nghiên cứu, tổng kết thực thi, giới thiệu pháp luật và các văn bản pháp luật Việt Nam cũng như các điều ước quốc tế song phương, đa phương, phát hành tới các cơ quan lãnh đạo, quản lý và thực thi và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng. Bộ phim “Trí tuệ Việt Nam - thông điệp từ những di sản” nhằm

tuyên truyền, giáo dục về việc bảo hộ di sản văn hóa dân gian theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đã sản xuất được 7 tập, bao gồm các tập có nội dung tư liệu liên quan đến điêu khắc, kiến trúc, gốm sứ, nghệ thuật Chèo, hát Xẩm, văn hóa phồn thực và văn hóa rượu. Cục Bản quyền tác giả và Nhà xuất bản Phương Đông đã hợp tác xuất bản Bộ truyện tranh về bản quyền (5 tập) với sự hỗ trợ kinh phí của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận để phát hành miễn phí 50.000 bản cho học sinh từ lớp 3 trở lên; tổ chức dịch, xuất bản và phổ biến 3 cuốn sách của WIPO về quyền tác giả, quyền liên quan nhằm nâng cao nhận thức về quyền tác giả, quyền liên quan cho các đối tượng, nhất là học sinh, sinh viên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao đề tài nghiên cứu cấp Bộ và tổ chức nghiệm thu công trình liên quan đến chương trình tài liệu giảng dạy ở cấp đại học và cao đẳng cho bốn lĩnh vực bao gồm khoa học giáo dục, khoa học công nghệ nông - lâm - ngư và y dược. Một số trường đại học luật đã lập các tổ Bộ môn về sở hữu trí tuệ, giao sinh viên, nghiên cứu sinh nghiên cứu luận văn, luận án về hoàn thiện pháp luật, thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, góp phần tổng kết thực tiễn, đề xuất chính sách về sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến và tuyên truyền rộng rãi trong sinh viên, giảng viên các trường Đại học, cao đẳng về quyền tác giả, quyền liên quan.

Website Quyền tác giả Việt Nam (www.cov.gov.vn) là kênh thông tin quan trọng và hữu ích đã chuyển tải toàn bộ dữ liệu về hệ thống pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế song phương và đa phương bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức bộ máy quản lý và thực thi của Việt Nam, các tổ chức quốc tế liên quan, cũng như các thông tin hoạt động về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam và quốc tế. Dữ liệu đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan từ năm 1986 đến nay đã được điện tử hóa và truyền trên mạng để thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền đã đăng ký nhằm hỗ trợ thông tin cho hoạt động của các cơ quan thực thi, cũng như công dân khi cần tra cứu tác giả và tác phẩm đã đăng ký.

Tóm lại, để triển khai thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg, có trên 100 hội nghị, lớp tập huấn, hội thảo đã được các cơ quan từ trung ương đến địa phương tổ chức, với trên 10.000 lượt người tham dự. Một số hội thảo quốc tế, khu vực, hội thảo quốc gia do WIPO, IFPI, CISAC và một số quốc gia phối hợp với Việt Nam tổ chức để trao đổi thông tin về các vấn đề mới liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật, kinh nghiệm thực thi giữa các quốc gia.

Thực hiện Quyết định số 1425/QĐ-BVHTTDL ngày 12/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

ngày 22/5/2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội nghị trực tuyến tại 3 đầu cầu Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh để tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg. Có hơn 200 đại biểu đã tham dự Hội nghị, bao gồm đại diện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan quản lý và thực thi về quyền tác giả, quyền liên quan, các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; các hội văn học, nghệ thuật và khoa học và các cơ quan thông tấn, báo chí.

Về cơ bản, Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện, triển khai các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, góp phần thực thi pháp luật, từng bước thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. Một số địa phương đã triển khai sâu rộng tới các đối tượng có quyền và nghĩa vụ liên quan, đặc biệt là các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

Tuy nhiên, việc triển khai chưa đạt yêu cầu “quyết liệt” như tinh thần Chỉ thị, vì vậy kết quả chưa thực sự đồng đều giữa các địa phương, Bộ, ngành. Một số Bộ, ngành chưa kiên quyết chỉ đạo các tổ chức trực thuộc sử dụng quyền tác

giả, quyền liên quan thực hiện nghĩa vụ pháp lý. Nhiều Bộ, ngành, một số địa phương chưa thực hiện chỉ đạo báo cáo định kỳ, hàng năm về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là nhận thức của các Bộ, ngành, địa phương chưa đầy đủ về vai trò của sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng; trách nhiệm chưa được đề cao đúng mức như tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

1. Về việc hoàn thiện pháp luật

Thực hiện chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội, với sự phối hợp của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và một số Bộ, ngành liên quan và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì đã được tổ chức nghiên cứu, xây dựng. Tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ với việc sửa đổi 33 điều, đáp ứng yêu cầu hội nhập và thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại quốc gia. Tại kỳ họp này, Quốc hội cũng đã

thông qua Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung, trong đó đã sửa đổi Điều 131 về tội phạm quyền tác giả thành Điều 170a về tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan với nội dung phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định hướng dẫn và quy định cụ thể đối với các điều khoản được sửa đổi tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó có Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 21/9/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan, Nghị định số 109/2011/NĐ-CP ngày 02/12/2011, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan, Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Ngày 16/10/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan. Nghị định này đã cụ thể hóa các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và kế thừa, hoàn thiện, khắc phục những vấn đề còn tồn tại, hạn chế của Nghị định số 47/2009/NĐ-CP và Nghị định số 109/2011/NĐ-CP, là căn cứ

pháp lý quan trọng để thanh tra và các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam, từ đó phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13/12/2012 về hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, Thông tư số 04/2013/TT-BVHTTDL ngày 03/5/2013 quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, lập và công bố danh sách giám định viên, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp và thành lập hội đồng giám định trong lĩnh vực văn hóa v.v...

Ngoài ra, các Bộ, ngành khác cũng đã ban hành các văn bản có chứa đựng các quy định về quyền tác giả, quyền liên quan:

Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi

trường mạng Internet và mạng viễn thông. Bên cạnh đó, các quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đã được Bộ Thông tin và Truyền thông chú trọng đưa vào trong nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật do Bộ chủ trì xây dựng và ban hành, cụ thể: Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền, trong đó có nội dung quy định đảm bảo quyền sở hữu kênh chương trình truyền hình phát sóng trên hệ thống truyền hình trả tiền; Thông tư số 19/2009/TT-BTTTT về việc liên kết trong hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, trong đó có quy định về thực thi quyền tác giả, quyền liên quan; Nghị định số 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trong đó có các quy định yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ Internet phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Nhiều Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông như Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT, Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT hướng dẫn triển khai Nghị định số 97/2008/NĐ-CP đều có quy định rõ ràng, cụ thể hơn về thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động thông tin điện tử trên Internet; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (thay thế Nghị định số 97/2008/NĐ-CP) cũng có

các quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đối với thông tin trên mạng.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 44/2011/TT-BTC hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan, quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả, quyền liên quan.

Bộ Nội vụ đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ của Bộ, trong đó có quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đối với các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Bộ cũng đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, báo chí, xuất bản và các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu phải tuân thủ các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Bộ Nội vụ cũng đã tham mưu, đưa nội dung về nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu lưu trữ tại Điều 29 khoản 2 điểm a của Luật Lưu trữ năm 2012.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định các chế tài xử phạt vi phạm về quyền tác giả khi làm luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ tại Quy chế đào tạo thạc sỹ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 và Quy chế đào

tạo tiến sỹ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

Thực hiện phân cấp của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch các tỉnh: Bình Dương, Bắc Kạn, Nghệ An, Hậu Giang, Sơn La đã ký ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Đánh giá khái quát về việc thực thi các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan

2.1. Về hoạt động khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan

Các quan hệ quyền tác giả và quyền liên quan là quan hệ dân sự, tài sản trí tuệ về lĩnh vực này do công dân sáng tạo, vì vậy luật pháp đã trao quyền tự bảo vệ quyền cho những người sáng tạo và sở hữu nó. Hoạt động tự bảo vệ quyền đã có những chuyển biến tích cực. Nhiều chủ thể đã áp dụng các biện pháp mà pháp luật không cấm để tự bảo vệ quyền của mình, kể cả biện pháp công nghệ. Ý thức được quyền sở hữu, một số chủ thể đã thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và trung ương, khởi kiện tại tòa để yêu cầu được bảo vệ tài sản bị xâm hại. Nhiều chủ thể đã nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan tại Cục

Bản quyền tác giả (Tổng số lượng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đã cấp từ năm 2008 đến 2013 là 26.347 Giấy chứng nhận).

Đối với một số lĩnh vực tài sản trí tuệ, khả năng tự quản lý, khai thác của cá nhân tỏ ra không hiệu quả, vì vậy, hệ thống đại diện quyền tác giả, quyền liên quan với 4 tổ chức đã được ra đời để thực hiện việc đàm phán cấp phép sử dụng, thu tiền và phân phối tiền cho các chủ thể đã ủy thác. Các tổ chức này đã có nhân sự chuyên trách, đang hướng tới hoạt động chuyên nghiệp, công khai, minh bạch. Một số tổ chức hoạt động có hiệu quả, tạo niềm tin cho các văn nghệ sỹ, trí thức, ủy thác quyền.

Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) đã tổ chức nhiều hoạt động triển khai thực hiện Chỉ thị tại các tỉnh, thành, đã thu trên 200 tỷ đồng tiền sử dụng tác phẩm âm nhạc để phân phối cho các chủ thể ủy thác quyền cho Trung tâm. Năm 2008, VCPMC có 1.356 Hội viên, thu được trên 16 tỷ đồng, đến năm 2013 thì VCPMC đã có 2.787 Hội viên, thu được trên 58 tỷ đồng tiền bản quyền. Tuy nhiên, hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan khác của Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn. Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng Đề án nhằm tăng cường năng lực quản

lý, thực thi của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan giai đoạn 2012 - 2015, hiện Đề án đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện.

Thực hiện Kế hoạch số 364/KH-BVHTTDL ngày 30/01/2013 và Quyết định số 1669/QĐ-BVHTTDL ngày 06/5/2013, Đoàn kiểm tra liên ngành gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ đã tiến hành kiểm tra, rà soát hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan. Hiện nay, Đoàn công tác đang xây dựng báo cáo khảo sát, trong đó sẽ đưa ra kiến nghị để nâng cao năng lực của các tổ chức này trong thời gian tới.

Tôn trọng quyền của tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng, các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng lần đầu về cơ bản đã thực hiện nghĩa vụ xin phép, thanh toán nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất cho chủ sở hữu. Nghĩa vụ này được thực hiện ở hầu hết các hình thức sử dụng từ báo chí, xuất bản, sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, tạo hình, kiến trúc, đến phát thanh, truyền hình v.v... Việc sử dụng tác phẩm thuộc quyền tác giả, ở lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, sử dụng kịch bản để dàn dựng tác phẩm sân khấu, xây dựng tác phẩm điện ảnh đã thực hiện khá tốt về nghĩa vụ thỏa thuận và trả tiền sử dụng cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Ngoài phần hỗ trợ từ mua bản quyền của Chính phủ, rất nhiều cơ quan nhà nước đã mua máy tính kèm theo phần mềm có bản quyền. Hệ điều hành mở đã được các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

2.2. Về hoạt động thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan

Năm 2009, lực lượng Thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 14.429 lượt cơ sở kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, trong đó phát hiện 3.013 cơ sở vi phạm. Đã xử phạt cảnh cáo 188 cơ sở, giữ giấy phép 37 cơ sở, đình chỉ hoạt động 143 cơ sở. Thu giữ 649.324 băng đĩa các loại và 3.885 bản sách. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 11.500.510.000 đồng (trong đó số tiền xử phạt vi phạm băng đĩa không dán tem nhãn chiếm một nửa tổng số tiền trên).

Trong hai năm 2010 - 2011, Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thành lập các đoàn thanh tra tiến hành thanh tra đột xuất 119 doanh nghiệp (trong đó có doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp tư nhân) tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng,

các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Long An... với tổng số máy tính kiểm tra 4.660 chiếc, phát hiện nhiều phần mềm được sao chép sử dụng bất hợp pháp như Windows XP, Windows 7, Windows Server, Autocad, Adobe Photoshop, MTD 2002 v.v... Đoàn thanh tra đã yêu cầu các doanh nghiệp tháo gỡ toàn bộ các phần mềm vi phạm bản quyền, mua để sử dụng bản quyền phần mềm máy tính hợp pháp. Đến 31/12/2011, theo tổng hợp các hợp đồng mua bản quyền phần mềm của 2/3 doanh nghiệp gửi về Thanh tra Bộ với tổng giá trị mua bản quyền phần mềm trên 2 triệu USD, góp phần từng bước giảm tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm tại Việt Nam. Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 227.000.000 đồng đối với các Công ty có các website lưu trữ, cung cấp và phổ biến đến công chúng một số lượng lớn các bản ghi âm không được sự đồng ý của thành viên Hiệp hội Công nghiệp ghi âm quốc tế (IFPI).

Năm 2012, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thành lập các Đoàn thanh tra kiểm tra 87 doanh nghiệp việc chấp hành các quy định pháp luật về quyền tác giả đối với phần mềm máy tính, kiểm tra 3.842 máy tính, phát hiện các doanh nghiệp sử dụng phần mềm máy tính mà không được phép của chủ sở hữu, xử phạt vi phạm hành chính 1.580.000.000 đồng. Các doanh nghiệp được kiểm tra đã khắc

phục hậu quả, ký hợp đồng mua bản quyền phần mềm máy tính với chủ sở hữu, tổng số tiền là 1.775.831 USD.

Năm 2013, Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tiến hành thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về phần mềm máy tính tại 94 doanh nghiệp, kiểm tra 5.759 máy tính, số tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan là 2.033.000.000 đồng. Thanh tra Bộ đã kịp thời giải quyết đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền của các sở hữu quyền hoặc thông qua các tổ chức như Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam, Hiệp hội Điện ảnh Hoa Kỳ và Liên minh phần mềm doanh nghiệp; tổ chức Hội thảo “Chống vi phạm bản quyền trên Internet” và gửi hàng nghìn khuyến cáo tới các doanh nghiệp sử dụng máy tính, các đơn vị tổ chức sự kiện, các Đoàn nghệ thuật chấp hành Luật Sở hữu trí tuệ. Thẩm định 64 bản phối khí bản ghi âm tác phẩm âm nhạc, xác minh và yêu cầu 03 website tháo gỡ hàng nghìn bộ phim vi phạm bản quyền của 06 hãng phim lớn của Mỹ.

Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp nhận 60 đơn thư khiếu nại có liên quan đến tranh chấp quyền tác giả liên quan đến 142 đầu sách của 25 nhà xuất bản. Trong lĩnh vực truyền hình, đã xử lý một số vụ việc vi phạm về bản quyền truyền hình; trực tiếp làm việc hoặc có công văn nhắc

nhờ yêu cầu loại bỏ các yếu tố vi phạm bản quyền tại một số website.

Ở các địa phương, Thanh tra Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với lực lượng chuyên ngành xử lý các cơ sở sản xuất, phát hành các loại đĩa CD, VCD, DVD. Các vụ điển hình như: Thanh tra Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương thu giữ 20.600 các loại đĩa đang trên đường vận chuyển đi tiêu thụ; Thanh tra Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Hà Nội thu 123.000 đĩa tại một số cửa hàng cho thuê băng đĩa; Đoàn kiểm tra liên ngành văn hoá xã hội thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm tra hành chính nhà số 588 Trần Hưng Đạo phát hiện kho đĩa lậu hơn 100.000 đĩa, kiểm tra 4 cơ sở tại khu chợ điện tử Nhật Tảo thu giữ 125 bao tải đĩa không rõ nguồn gốc, không dán tem.

Về quản lý thị trường, Bộ Công thương đã chỉ đạo các Chi cục Quản lý thị trường tập trung nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật liên quan; quản lý chặt chẽ địa bàn, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin, nắm tình hình và có phương án tổ chức kiểm tra kịp thời khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm. Trong 5 năm qua, Chi Cục quản lý thị trường các tỉnh, thành phố đã xử lý trên 1.100 vụ vi phạm, xử phạt hành chính gần 03 tỷ đồng.

2.3. Về hợp tác quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan

Việt Nam đang từng bước thực hiện các cam kết quốc tế, tiếp tục đàm phán ký kết các Hiệp định có nội dung về sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả, quyền liên quan. Hiện nay, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan: Công ước Berne 1971 bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Công ước Rome 1961 bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng; Công ước Geneve bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ; Công ước Brussels 1974 liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh; Hiệp định TRIPS 1994 về những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.

Các điều ước quốc tế song phương và đa phương về quyền tác giả, quyền liên quan đã ký kết và các cam kết khi tham gia WTO tiếp tục được thực hiện để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam, cũng như từng bước thực hiện nghĩa vụ pháp lý với các nước thành viên. Quan hệ quốc tế được mở rộng thông qua giao dịch về việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng với tổ chức, pháp nhân các quốc gia tham gia đã hình thành và có hiệu quả, vì vậy, công chúng vẫn tiếp tục được thưởng thức các giá trị văn học nghệ thuật và khoa học của

các nước trên thế giới, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam đã ký hợp đồng hợp tác song phương với 42 tổ chức quản lý tập thể tương ứng trên thế giới, từ đó có quan hệ với các tổ chức tương ứng của 134 quốc gia, vùng lãnh thổ để bảo vệ quyền lợi của các nhạc sỹ.

Việt Nam tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), các tổ chức quốc tế và một số quốc gia trong hoạt động lập pháp, kinh nghiệm thực thi và đào tạo nguồn nhân lực. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc WIPO đã đến Việt Nam, làm việc với các vị Lãnh đạo cao cấp của Nhà nước nhằm thúc đẩy các hoạt động phát triển sở hữu trí tuệ cũng như cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực này. Hàng năm, WIPO đã mời Việt Nam tham dự nhiều Hội thảo quốc tế, Lớp tập huấn về quyền tác giả, quyền liên quan, các Hội nghị của Ủy ban thường trực về quyền tác giả, quyền liên quan của WIPO; các phiên họp của Đại hội đồng WIPO; Việt Nam cũng đã được WIPO lựa chọn tổ chức một số Hội nghị khu vực về quyền tác giả, quyền liên quan, như: Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương về quyền tác giả, quyền liên quan trong lĩnh vực công nghệ thông tin năm 2009, Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương về chính sách và chiến lược quyền tác giả, quyền liên quan năm 2012.

Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã có các cuộc tiếp xúc và làm việc với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc WIPO để bàn về hợp tác giữa WIPO và Việt Nam trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan. Với các hoạt động tích cực của mình, Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban thường trực về quyền tác giả và quyền liên quan của WIPO 2 nhiệm kỳ liên tiếp là 2011 - 2013 và 2013 - 2015.

Đồng thời với các hoạt động trên, chúng ta tiếp tục tham gia đàm phán các hiệp định song phương và đa phương về đầu tư, thương mại, dịch vụ, trong đó có các nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng, bao gồm Hiệp định khung về thương mại với Hoa Kỳ, Hiệp định với Liên bang Nga về bảo hộ quyền sử dụng thông tin và bí mật quân sự, Bản ghi nhớ hợp tác về sở hữu trí tuệ ASEAN - Trung Quốc. Trong năm 2009, Việt Nam và Nhật Bản đã ký Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện. Hiện chúng ta đang đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do với Khối thị trường chung châu Âu (EFTA), Hiệp định thương mại tự do với Liên minh Hải quan Nga, Belarus, Kazakhstan (VCUFTA) và sẽ tiếp tục tham gia đàm phán Hiệp định với các quốc gia khác, trong đó có cam kết quốc tế về sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng.

Việt Nam cũng đã chủ động và tích cực hợp tác quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan với các quốc gia khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Na Uy...

Các thành tựu có được nêu trên là đáng trân trọng, là kết quả của hoạt động lập pháp, thực thi và chính sách hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, kết quả thực thi vẫn chưa như mong muốn, tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều lĩnh vực từ báo chí, xuất bản, điện ảnh, sân khấu, nhiếp ảnh, âm nhạc, tạo hình, phát thanh, truyền hình, kiến trúc đến chương trình máy tính, trong đó có những vụ việc nghiêm trọng đặc biệt là tình trạng vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số và Internet, bởi những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Nhận thức chưa đúng và đầy đủ về vai trò của sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng. Hiểu biết của công chúng nói chung, người có quyền và nghĩa vụ nói riêng chưa đầy đủ, thiếu hệ thống, chưa tiếp cận đến các vấn đề phức tạp của quyền tác giả, quyền liên quan.

- Thiếu ý thức chấp hành các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; vẫn còn thói quen sử dụng tài sản trí tuệ mà không trả tiền bản quyền, đặc biệt xuất hiện thái độ cố tình vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh.

- Các chủ thể quyền chưa chủ động áp dụng các biện pháp theo các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình; hệ thống tổ chức đại diện tập thể còn mới, chưa đầy đủ, đang trong quá trình phấn đấu để hoạt động chuyên nghiệp, công khai, minh bạch.

- Về hệ thống thực thi, nhân lực còn thiếu, phân tán, hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa hợp tác tốt giữa các lực lượng.

- Việc khai thác, sử dụng tác phẩm trong môi trường kỹ thuật số đang đặt ra nhiều thách thức về mặt pháp lý cũng như việc thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong giai đoạn hiện nay.

Tại Hội nghị trực tuyến tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg, các đại biểu cũng đã đề xuất nhiều giải pháp để tiếp tục thúc đẩy hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan có bước phát triển mới tại quốc gia và hội nhập quốc tế. Theo đó, để công tác quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan có bước tiến mới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, đề ra các chính sách phù hợp, hướng tới mục tiêu tạo ra nhiều các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học có giá trị, phục vụ công cuộc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước;

nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; phải “thực hiện chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và “hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam” theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Hai là, tổ chức thực hiện các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo đúng luật pháp, nhằm bảo đảm cân bằng lợi ích giữa người sáng tạo, nhà sử dụng và công chúng hưởng thụ. Với sự đầu tư và lao động sáng tạo, công dân có quyền được hưởng lợi từ tài sản trí tuệ do mình sáng tạo ra. Mọi tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ của tổ chức và cá nhân khác đều phải xin phép, trả tiền nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực thi pháp luật, các công việc liên quan đến tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải được tăng cường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của công chúng nói chung, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan nói

riêng. Phải “nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội” theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Ba là, xây dựng một nền công nghiệp văn hóa phát triển, đủ sức cạnh tranh, trong đó xuất bản, báo chí, sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, cùng các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin v.v... là những ngành nghề cần tập trung đầu tư, cần có sự đánh giá đầy đủ về vai trò của công tác bảo hộ quyền tác giả đối với sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, để có thể hoạch định chính sách phù hợp cho tương lai.

Bốn là, tăng cường sự hợp tác, thi hành có hiệu quả các điều ước quốc tế đa phương và song phương về quyền tác giả, quyền liên quan đang có hiệu lực tại Việt Nam. Chúng ta phải bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam, đảm bảo cho công chúng được thưởng thức các giá trị văn học nghệ thuật và khoa học tiên tiến của các nước trên thế giới, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Mặt khác, chúng ta cũng phải từng bước thực hiện nghĩa vụ pháp lý với các

nước, mở rộng quan hệ quốc tế thông qua các giao dịch về việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng với tổ chức, pháp nhân các quốc gia khác trên thế giới.

Năm là, các cơ quan có thẩm quyền từ trung ương đến địa phương phải tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền tác giả trên Internet, trong môi trường kỹ thuật số, ở lĩnh vực xuất bản, đối với chương trình máy tính, bản ghi âm, ghi hình và việc thu phát tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá. Tình trạng các loại hình từ tác phẩm viết, điêu khắc, hội họa, sân khấu, âm nhạc, chương trình phát thanh, truyền hình đến trò chơi trí tuệ, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng... đang được truyền phát trên Internet bất hợp pháp, ở rất nhiều địa chỉ tên miền khác nhau, phải được kiểm tra và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các cơ quan bảo vệ pháp luật cần lựa chọn một số vụ việc xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tác giả, quyền liên quan để đưa ra xét xử như vụ án trọng điểm, nhằm giáo dục và răn đe.

Để các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có thể hoàn thành nhiệm vụ quản lý và thực thi, các Bộ, ngành, địa phương cần quan tâm đến việc bổ sung và đào tạo nhân lực quản lý và

thực thi quyền tác giả, quyền liên quan cũng như các trang thiết bị và các điều kiện vật chất liên quan khác. Phải “củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ trung ương đến địa phương” theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Phần II

NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHỈ THỊ TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Để tiếp tục thúc đẩy hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan có bước phát triển mới tại quốc gia và hội nhập quốc tế, các tổ chức và cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg và Chỉ thị số 04/2007/CT-TTg, cụ thể:

1.1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật và 5 công việc thuộc trách nhiệm được quy định tại khoản 1 Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg.

1.2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo ngoài việc thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg, còn phải thực hiện các trách nhiệm cụ thể ghi tại các khoản liên quan tại Chỉ thị này.

1.3. Các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương, ngoài việc gương mẫu thực hiện nghĩa vụ pháp lý đối với các chủ thể quyền tác giả, chủ thể quyền liên quan khi khai thác sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, cần tích cực tuyên truyền giáo dục pháp luật, phản ánh hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

1.4. Các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước phải gương mẫu thực hiện nghĩa vụ pháp lý với các chủ thể quyền khi sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan; lập dự toán ngân sách sử dụng tài sản trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Mặt khác, phải chủ động áp dụng các biện pháp, kể cả các biện pháp công nghệ mà pháp luật không cấm để bảo vệ tài sản trí tuệ của mình.

1.5. Các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải nghiêm túc thực hiện điều lệ đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt; hoạt động phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong việc thu và phân phối tiền sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng cho hội viên ủy thác quyền.

2. Qua thực tế thi hành Luật Sở hữu trí tuệ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị:

2.1. Văn phòng Chính phủ cần có văn bản yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương ban hành quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân quận (huyện) và Ủy ban nhân dân xã (phường) theo phân cấp của Thủ tướng Chính phủ, quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006.

2.2. Các cơ quan thực thi cần tăng cường nhân lực, vật lực, đẩy mạnh hơn nữa việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm kịp thời. Các cơ quan bảo vệ pháp luật có thể lựa chọn các trường hợp xâm phạm nghiêm trọng quyền tác giả, quyền liên quan để đưa ra xét xử như vụ án trọng điểm nhằm giáo dục và răn đe.

2.3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung về quyền tác giả, quyền

liên quan tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

2.4. Các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về việc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 15 tháng 12 hàng năm để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Hồ Anh Tuấn

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ^(*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả

1. Người nộp tờ khai đăng ký

Họ và tên/Tên tổ chức.....

Là: (1).....

Sinh ngày tháng năm

Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: tại:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày ... tháng ... năm ... tại:

^(*) Nguồn: www.cov.gov.vn

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Fax: Email:

Nộp đơn Đăng ký quyền tác giả cho: (2).....

2. Tác phẩm đăng ký

Tên tác phẩm:.....

.....

.....

Loại hình: (3).....

Ngày hoàn thành tác phẩm:.....

Công bố/chưa công bố: (4)..... ngày ... tháng ... năm ...

Hình thức công bố: (5).....

Nơi công bố: Tỉnh/Thành phố Nước

Nội dung chính của tác phẩm: (6):.....

.....

.....

3. Tác giả (7)

Họ và tên tác giả: Nữ/Nam

Bút danh:.....
Sinh ngày ... tháng ... năm ... tại:.....
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: tại:
Quốc tịch:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại: Fax: Email:

4. Chủ sở hữu quyền tác giả (8)

Họ và tên/Tên tổ chức.....
.....
Sinh ngàytháng năm
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: tại:
Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....
Cấp ngày ... tháng ... năm ... tại:
Quốc tịch:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại: Fax: Email:

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền: (9).....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người nộp tờ khai (10)

Hướng dẫn ghi thông tin trên Tờ khai đăng ký quyền tác giả:

- (1) Ghi rõ người nộp tờ khai là tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, hoặc người thừa kế, hoặc người được uỷ quyền.
- (2) Ghi rõ nộp hồ sơ cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.
- (3) Ghi rõ tác phẩm thuộc loại hình nào quy định tại Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ.
- (4) Nếu tác phẩm đã công bố thì ghi rõ ngày tháng năm công bố; nếu tác phẩm chưa công bố thì ghi “chưa công bố”.
- (5) Ghi rõ hình thức phát hành bản sao tác phẩm như xuất bản, ghi âm, ghi hình...
- (6) Tóm tắt nội dung chính của tác phẩm.
- (7) Khai đầy đủ các thông tin về tác giả, các đồng tác giả

(Tên gọi chính thức, bút danh, bí danh (nếu có), địa chỉ, điện thoại, email).

(8) Khai đầy đủ thông tin về chủ sở hữu, các đồng chủ sở hữu quyền tác giả (Tên gọi chính thức, tên gọi tắt (nếu có), địa chỉ, điện thoại, email).

(9) Ghi rõ là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc cá nhân hoặc tổ chức giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả; hoặc hợp đồng chuyển giao quyền tác giả hoặc người thừa kế.

(10) Ghi rõ họ, tên, chức danh, ký tên và đóng dấu.

**MẪU HỢP ĐỒNG
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ^(*)**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tại:

Chúng tôi gồm:

Bên chuyển nhượng (Bên A):

Họ và tên/Tên tổ chức:

*(Trong trường hợp có đồng chủ sở hữu thì phải kèm theo
thỏa thuận uỷ quyền bằng văn bản thể hiện ý chí chung của
tất cả các đồng chủ sở hữu cho người đại diện ký hợp đồng)*

Là:.....

.....

^(*) Nguồn: www.cov.gov.vn.

(Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; người thừa kế quyền tác giả; người đại diện cho các đồng chủ sở hữu, người đại diện cho các đồng thừa kế).

Sinh ngày tháng năm

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày ... tháng ... năm ... tại:

(Đối với tổ chức)

Số CMND/Hộ chiếu:

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Fax: Email:

Là chủ sở hữu quyền tác giả đối với (các) tác phẩm:

Bên nhận chuyển nhượng (Bên B):

Họ và tên/Tên tổ chức:

Là:.....

Sinh ngày ... tháng ... năm ...

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày ... tháng ... năm ... tại:

(Đối với tổ chức)

Số CMND/Hộ chiếu:

Cấp ngày:tháng.....năm tại:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Fax: Email:

Hai bên cùng thoả thuận và ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A đồng ý chuyển nhượng quyền:
thuộc quyền sở hữu của mình cho bên B đối với tác phẩm dưới đây:

(Ghi cụ thể tên quyền thoả thuận chuyển nhượng trong số các quyền quy định tại khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ)

Tên tác phẩm:

.....

.....

Loại hình :.....

Tác giả:.....

Đã công bố/chưa công bố :.....

(Nếu tác phẩm đã công bố thì ghi rõ ngày, tháng, năm, hình thức, nơi công bố)

Điều 2. Bên A có trách nhiệm chuyển bản sao tác phẩm cho bên B quản lý và khai thác các quyền tác giả đã được chuyển nhượng ghi tại Điều 1 Hợp đồng này.

Thời gian chuyển bản sao tác phẩm:

(Các bên có thể ấn định thời hạn hoặc thời điểm chuyển bản sao tác phẩm)

Địa điểm chuyển bản sao tác phẩm:

Điều 3. Bên B khai thác sử dụng các quyền được chuyển nhượng ghi tại Điều 1 Hợp đồng này phải tôn trọng các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Bên B phải thanh toán tiền nhận chuyển nhượng các quyền ghi tại Điều 1 Hợp đồng này cho bên A theo phương thức sau:

(Giá chuyển nhượng, hình thức, cách thức thanh toán; thời gian, địa điểm thanh toán...)

Điều 5. Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực Bên A không

được chuyển nhượng, sử dụng, cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng các quyền đã chuyển nhượng ghi tại Điều 1 Hợp đồng này.

Điều 6. Các bên có nghĩa vụ thực hiện các cam kết tại Hợp đồng này. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên kia.

(Các bên có thể thoả thuận về việc bồi thường theo tỉ lệ % trên giá trị hợp đồng hoặc một khoản tiền nhất định)

Điều 7. Tất cả những tranh chấp về hợp đồng được giải quyết thông qua thoả thuận trực tiếp giữa hai bên. Nếu thoả thuận không đạt kết quả, một trong hai bên có thể nộp đơn yêu cầu Trọng tài hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

(Các bên có thể thoả thuận lựa chọn Tòa án thuộc quốc gia liên quan)

Điều 8. Hợp đồng này có hiệu lực:

(Các bên có thể thoả thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là ngày ký hợp đồng hoặc khoảng thời gian xác định sau ngày ký hợp đồng hoặc một ngày cụ thể)

Hợp đồng này được lập thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ bản.

(Các bên có thể thoả thuận về ngôn ngữ, số bản của hợp đồng ký kết)

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tùy theo từng trường hợp, hai bên vận dụng và có thể thoả thuận để thêm hoặc bớt nội dung của hợp đồng nhưng không được trái với các quy định của pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

1. Quản Tuấn An, *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn cao học, Đại học Luật Hà Nội, 2009.

2. Vũ Mạnh Chu, *Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống hỗ trợ thực thi quyền tác giả ở Việt Nam*, nhóm tác giả nhánh Nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp quốc gia, QGTĐ.03.05: “*Hoàn thiện cơ chế thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*”, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.

3. Vũ Mạnh Chu, *Hoàn thiện pháp luật và bộ máy quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan*, nhóm tác giả nhánh, nhóm tác giả nghiên cứu cấp nhà nước về Quyền đối với các tài sản mới của Ban Đảng Đoàn của Quốc hội, 2009.

4. Vũ Mạnh Chu, *Sáng tạo văn học nghệ thuật và quyền tác giả ở Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

5. Vũ Mạnh Chu, *Quản lý nhà nước đối với hoạt động của hệ thống quản lý tập thể quyền tác giả*, Tạp chí Âm nhạc và Thời đại, số quý 4/2003.

6. Trần Khánh Chương, *Bản quyền tác giả trong lĩnh vực mỹ thuật ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, đăng tại trang <http://www.vietnamfineart.com.vn>.

7. Trần Văn Hải, *Phân cấp quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Phân cấp quản lý và cải cách hành chính - Kinh nghiệm quốc tế và những gợi ý với Việt Nam, Hà Nội, 2007.

8. Trần Văn Hải, *Một số phân tích về tình trạng xâm phạm và tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 31 - 7/2008.

9. Trần Văn Hải, *Những bất cập trong quy định của pháp luật SHTT Việt Nam hiện hành về quyền tác giả và đề xuất hoàn thiện*, Nhóm tác giả nghiên cứu khoa học Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế do Đại học Luật Hà Nội tiến hành.

10. Trần Văn Hải, *Những nội dung cơ bản về quyền tác giả, quyền liên quan và vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xây dựng

chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục do Đại học Huế tổ chức, 2009.

11. Trần Văn Hải, *Chương trình máy tính nên được bảo hộ là đối tượng nào của quyền SHTT*, Tạp chí Hoạt động khoa học, Bộ Khoa học và Công nghệ, số 597, tháng 2/2009.

12. Bùi Nguyên Hùng, *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện nay*, nhóm tác giả nghiên cứu cấp nhà nước về Quyền đối với các tài sản mới của Ban Đảng Đoàn của Quốc hội, 2009.

13. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà, *Giáo trình Quản lý học*, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2013.

14. Tô Văn Long, *Tăng cường pháp chế trong công tác bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn tốt nghiệp lớp cao cấp chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2005.

15. Đoàn Đức Lương (Chủ biên), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2012.

16. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật

về quyền tác giả ở Việt Nam”, mã số B2011.06.06; năm thực hiện 2011 - 2012. Nhóm nghiên cứu: PGS.TS. Trần Văn Nam (Chủ nhiệm đề tài) và các đồng nghiệp.

17. Trần Văn Nam, *Về khai thác khía cạnh thương mại của quyền tác giả thông qua các tổ chức quản lý tập thể tại Việt Nam*, Tạp chí kinh tế và phát triển, số 147, tháng 9/2009.

18. Trần Văn Nam, *Góp vốn bằng tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Nhịp cầu tri thức, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật [ISSN 1859-2457], số 11/2009.

19. Trần Văn Nam, *Thực trạng khai thác khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ trong các trường đại học ở Việt Nam và một số đề xuất bước đầu*, Kỷ yếu Hội thảo tập huấn công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học, 2009, trang 154 - 163.

20. Trần Văn Nam, *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, (Chương 6): Vị trí, vai trò và cơ chế hoạt động của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trong hệ thống thương mại đa phương, MUTRAP II* (Bộ Công thương), NXB. Lao động - Xã hội, 2007.

21. Nguyễn Huy Ngát, Nguyễn Bích Ngọc, Nguyễn Bình, Nguyễn Thị Chính, *Bình luận về quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam*, NXB. Tư pháp, năm 2005.

22. Phạm Kim Oanh, *Quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan tại Việt Nam*, Luận văn cao học, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2009.

23. Phạm Hồng Quát, *Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng cơ chế bồi thường thiệt hại đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Nhóm tác giả nghiên cứu cấp cơ sở, Cục Sở hữu trí tuệ, 2007.

24. Nguyễn Như Quỳnh, *Thực thi quyền tác giả*; Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, số 5&6, 2005.

25. Nguyễn Như Quỳnh, *Sự tương thích giữa các quy định pháp luật hiện hành về quyền tác giả của Việt Nam và các Công ước quốc tế*, Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, số 5&6, 2005.

26. Phùng Trung Tập, *Các yếu tố của quyền sở hữu trí tuệ*, Sách chuyên khảo, NXB. Tư pháp, 2004.

27. Kiều Thị Thanh, *Một số vấn đề về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự Việt Nam*, Luận văn cao học, Đại học Luật Hà Nội, 1999.

28. Hoàng Minh Thái, *Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn cao học, Đại học Luật Hà Nội, 2001.

29. Nguyễn Anh Tú, *Một số vấn đề về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xuất bản*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số đặc san, tháng 06/2009.

30. Nguyễn Anh Tú, Đoàn Thị Thu Hà, *Quản lý nhà nước bằng công cụ pháp luật về thực thi quyền tác giả tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số đặc san, tháng 08/2011.

31. Điều Ngọc Tuấn, *Khái quát về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao, số 5/2004, tr. 4 - 15.

32. Đỗ Sơn Tuấn, *Bảo hộ quyền của nhà sản xuất bản ghi âm theo quy định của các điều ước quốc tế đa phương và pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hà Nội, 2010.

33. Phạm Thanh Tùng, *Hoàn thiện pháp luật về quản lý tập thể quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn cao học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2011.

34. Nguyễn Thị Tuyết, *Chia sẻ dữ liệu trong môi trường Internet và vấn đề liên quan đến quyền tác giả*, Tạp chí Luật học, Đại học Luật Hà Nội, số 1/2010, tr. 51 - 57.

35. Vũ Thị Hải Yến, *Kiến nghị sửa đổi các quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự*, Tạp chí Luật học, Đại học Luật Hà Nội, số đặc san tháng 11/2003, tr. 83 - 89.

II. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG NƯỚC NGOÀI

1. Alan Latman, Robert A. Gorman, Jane C. Ginsburg, *Copyright for the nineties: cases and materials*; 3rd ed. Charlottesville, Michie Co., c1989 . - xxii, 857 p.

2. Keith E. Maskus, *Intellectual Property Rights in the global economy*, Washington D.C. Institute of International Economics, (paper) 2000.

3. Dreyfus và Kwall, *Intellectual Property: Cases and Materials on Trademark, Copyright and Patent Law, 2nd Edition*. Published by Foundation Press 2004.

4. Cornish và Llewelyn, *Intellectual Property: patent, copyright, trademarks and allied rights*, Thomson-Sweet and Maxwell.

5. Mihály Ficsor, *The Law of Copyright and the Internet: The 1996 WIPO Treaties, their Interpretation and Implementation*, Oxford University Press, 2002.

6. Mihály Ficsor; *Collective Management of Copyright and Related Rights* (Quản lý tập thể Quyền tác giả, quyền liên quan), WIPO publication, 2003.

7. Tran Van Nam, *Vietnam 'TRIPS' on WTO rules: Strict protection of IP rights disadvantages developing world*, Vietnam Law & Legal Forum, 12/2007.

7. Tran Van Nam, *IPRs Treatment in regional trade agreement with particular references to ASEAN*; Kỷ yếu khóa sau đại học Luật Sở hữu trí tuệ, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO); số xuất bản 790 E, ISBN 92 805 1467-9.

8. Tran Van Nam, *Collective Management of Copyright and Related Rights in Vietnam - the Case of VCPMC*, Vietnam Law & Legal Forum, Vol. 19 - N0 227, July 2013.

9. Paul L.C. Torremans, *Copyright and human rights: Freedom of expression, intellectual property, privacy - The Hague* ; New York: Kluwer Law International, c. 2004. - vii, 181p. ; 25 cm - Information law series; Vol. 14.

10. Siva Vaidhyanathan, *Copyrights and Copywrongs: The Rise of Intellectual Property and How it threatens creativity*, NYU Press, 2003.

11. Michel Vivant, Jean Michel Bruguière, *Copyrights* (Quyền tác giả), Dalloz, 2009.

12. Lei Sun, Li Zhao, Xin Tong và W. Clock Carey, *The legal environment for copyright Protection and Trust management in China*.

13. State Administration of Radio, Film and Television (SARFT) and the Ministry of Information Industry of the People's Republic of China, *Provisions on the Administration*

of Internet Audio and Video Programming Services issued on December 20, 2007, effective January 31, 2008.

14. Julie E. Cohen et al, *Copyright in a Global Information Economy: Case and Statutory Supplement* (eds. 2008), ISBN-13: 978-0-7355-6369-8.

15. Glenn A. Woroch. *The economics of intellectual property protection for software: the proper role for copyright*, Published by Department of Economics, University of California - Berkeley, 1994.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN TÁC GIẢ	7
1. Khái quát chung về quyền tác giả và pháp luật về quyền tác giả	7
<i>1.1. Khái niệm quyền tác giả, quyền liên quan</i>	7
<i>1.2. Khái quát quá trình hình thành chế định quyền tác giả trên thế giới</i>	10
<i>1.3. Lịch sử phát triển pháp luật về quyền tác giả tại Việt Nam</i>	14
2. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền tác giả	20
<i>2.1. Tác phẩm</i>	20
<i>2.2. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ</i>	28
	393

<i>2.3. Các đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả</i>	38
<i>2.4. Chủ thể quyền tác giả</i>	40
<i>2.5. Nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả</i>	53
<i>2.6. Nội dung quyền tác giả</i>	56
<i>2.7. Các ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả</i>	69
<i>2.8. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả</i>	78
3. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền liên quan	81
<i>3.1. Bảo hộ quyền liên quan theo các quy định hiện hành</i>	81
<i>3.2. Nội dung bảo hộ và giới hạn quyền liên quan</i>	84
4. Quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan	97
5. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan	111
6. Quản lý nhà nước về quyền tác giả	117
<i>6.1. Khái niệm chung về quản lý nhà nước</i>	117
<i>6.2. Quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả</i>	120
<i>6.3. Nội dung của quản lý nhà nước bằng pháp luật về quyền tác giả</i>	122

7. Kinh nghiệm của một số quốc gia về quản lý nhà nước về quyền tác giả	128
<i>7.1. Quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Thái Lan</i>	128
<i>7.2. Quản lý nhà nước về quyền tác giả tại Trung Quốc</i>	152
<i>7.3. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước về quyền tác giả đối với Việt Nam</i>	173
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Ở VIỆT NAM	177
1. Địa vị pháp lý và hệ thống quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam	177
<i>1.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về quyền tác giả, quyền liên quan</i>	179
<i>1.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương về quyền tác giả, quyền liên quan</i>	182
2. Hệ thống tổ chức quản lý tập thể về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam	191
<i>2.1. Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam</i>	192
	395

<i>2.2. Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam</i>	196
<i>2.3. Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam</i>	198
<i>2.4. Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam</i>	199
<i>2.5. Một số tồn tại của hệ thống tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta hiện nay</i>	200
3. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam	204
<i>3.1. Hình thức và đối tượng bị xâm hại về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam</i>	205
<i>3.2. Phương thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam</i>	209
<i>3.3. Các cơ quan thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam</i>	240
<i>3.4. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam</i>	242
4. Thực tiễn giải quyết tranh chấp, vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan giai đoạn từ năm 2004 đến nay	275
<i>4.1. Xử lý hành chính các vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan</i>	275
	396

4.2. Giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan tại Tòa án: tóm tắt một số vụ việc điển hình	277
4.3. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan	283
5. Đánh giá một cách có hệ thống về quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan	284
5.1. Những hạn chế của việc thực thi quyền tác giả, quyền liên quan	285
5.2. Nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu của việc thực thi quyền tác giả, quyền liên quan	288
CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM	292
1. Những hạn chế trong quản lý nhà nước về quyền tác giả và nguyên nhân	292
1.1. Hạn chế từ phía các chủ thể liên quan đến thiết lập, sử dụng và bảo vệ quyền tác giả	292
1.2. Một số quy định pháp luật về quyền tác giả chưa được cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật	293
	397

1.3. Hạn chế từ phía các cơ quan quản lý nhà nước	294
2. Một số đề xuất nhằm tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền tác giả	295
2.1. Cần tiếp tục ban hành và hoàn thiện các văn bản dưới luật	295
2.2. Sửa đổi một số quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, phần về quyền tác giả	296
2.3. Khắc phục những bất cập khác của pháp luật hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan	298
3. Tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý, thực thi quyền tác giả, quyền liên quan ở nước ta	304
3.1. Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở địa phương	305
3.2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan	305
3.3. Sắp xếp lại và tăng cường năng lực của các cơ quan bảo đảm thực thi	307
	398

4. Tăng cường hiệu quả việc giải quyết tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan	309
5. Nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về quyền tác giả	312
6. Nâng cao hiểu biết của xã hội đối với lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan	314
PHỤ LỤC	323
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	383